

Thành là đạo của trời. Trung là đạo của người.

# chính văn

TỜ BÁO CỦA NHỮNG SUY TƯ VĨ XÚC ĐỘNG TRẺ

CHỦ NHIỆM KIỂM CHỮ BÚT: NGUYỄN MẠNH CÔN



số 3

THƯ QUÁN BẢN THẢO

TỜ BÁO CỦA NHỮNG SUY TƯ VÀ XÚC ĐỘNG TRẺ

# chính văn

CHỦ NHIỆM KIÊM CHỦ BƯT : NGUYỄN MẠNH CÔN

QUẢN LÝ : ĐỖ THỊ HẢI

QUẢN TRỊ VIÊN : NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

TRỊ SỰ : 133 VÕ TÁNH - SAIGON - ĐIỆN THOẠI : 25.644

TÒA SOẠN : 215B | 34 CHI LĂNG - PHÚ NHUẬN

## MỤC LỤC

HỒ SƠ ĐẦY ĐỦ VỀ VỤ

### TỐI CAO PHÁP VIỆN

XÉT XỬ

## Điều 10 Khoản 7 Luật 9/71

|                                                    |                 |    |
|----------------------------------------------------|-----------------|----|
| Lá thư Chủ nhiệm                                   | Nguyễn Mạnh Côn | 5  |
| Thi hành sứ mạng                                   | Lê Hương        | 20 |
| Sầu bạch nhận                                      | Nguyễn Đạt      | 26 |
| Vai trò lãnh đạo của đảng<br>trên mặt trận văn hóa | Đặng Thái Mai   | 28 |
| Người ngồi trong đêm tối                           | Dương Kiên      | 45 |
| Nghĩ trong tháng : Khung cảnh sống                 | Hà Dương Bưu    | 51 |
| Vùng đất tối                                       | Vũ Văn Khanh    | 55 |
| Mùa thu thương nhớ                                 | Cao Tiêu        | 86 |
| Nghĩ trong tháng : Nạn ăn cắp trí thông minh       | Lê Hương        | 70 |
| Điện toán học                                      | Nguyễn Tử Đóa   | 73 |

Số 3, tháng 8-1971 100đ



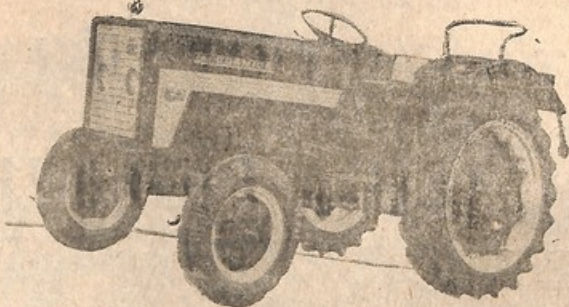


INTERNATIONAL  
HARVESTER

# Máy cày Mc Cormick INTERNATIONAL

Kiểu 724D, 72 Mã Lực

- Trang bị sẵn vỏ gai móc hiệu Goodrich 18-4/15x30
- Đặc dụng cho các vùng ruộng ngập nước sinh lầy
- Máy hiện đã có sẵn, có thể giao ngay.
- Đặc biệt có thể giao tận nơi cho khách hàng tại các địa phương trên toàn quốc.
- Ưu tiên và giảm giá đặc biệt cho các dự án tự túc tại các Xã ấp trên toàn quốc, cùng các chương trình nông mục của Quân Đội.



- ★ Hiện có sẵn để giao cho khách hàng. 100 máy 724D với giá mới 910.186.000
- ★ Lấy vỏ gai móc trả thêm 95.000đ
- ★ Khách hàng quen thuộc cần đặt mua ngay vì năm 1961, không nhập cảng thêm.
- ★ Bằng lòng cho đặt mua trước và sẽ giao máy vào đầu mùa tháng 10-11-1971 với điều kiện dễ dàng.

- ★ Mọi chi tiết xin liên lạc : AMTRACO. Đại lý độc quyền International Harvester tại Việt Nam. 504 Trịnh Minh Thế Saigon Đ.T. 91.545-93.396.

## ĐẠI LÝ TẠI MIỀN TÂY.

- ★ THỜI HÙNG : 8-10 Đại lộ Tự Do Long Xuyên.
- ★ QUÁCH HẢI : 51-51A Thái Lập Thành Sóc Trăng.
- ★ KIM THANH : 91 Nguyễn An Ninh Cần Thơ.
- ★ ĐẠI LÝ MIỀN TRUNG :
- ★ HUƠNG GIANG Công Ty 34 Duy Tân, Huế
- ★ VIỆT NGŨ : Số 6, Quốc lộ 1, Nha Trang.

## bức thư chủ nhiệm

1.— Tuy không phải số đặc biệt, kỳ báo này cũng dành đến một nửa số trang để in tài liệu của Tối cao Pháp viện về vụ xử điều 10 khoản 7, luật 9/71 — bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống. Đáng tài liệu này, chúng tôi không có ý định bênh vực 4 công dân đứng kiện, cũng không có ý định bênh vực quan điểm của Tối cao Pháp viện. Thật ra, trong một vấn đề quan trọng đã được đưa ra công khai như đạo luật bầu cử 9/71, quốc hội và chính phủ (nếu thật chính phủ có chi phối quốc hội) người chủ trương và người chống đối đều có lý lẽ của họ, mà sự phân tích đi quá sâu vào chi tiết, nhất là chi tiết chuyên môn, chỉ có thể làm cho người ngoài cuộc thêm rối trí.

Tuy nhiên, chúng tôi lại có ý định khác, nhằm mục đích khác, trong khi đem in toàn bộ tập hồ sơ—trừ một vài văn kiện không quan trọng. Ý định ấy là công hiến cho bạn đọc đầy đủ tài liệu để có thể biết công việc đã diễn tiến ra sao, khi một vấn đề lớn được đưa xử tại Tối cao Pháp viện. Bạn đọc, nếu có tinh thần tỉnh táo và sáng suốt, có thể theo dõi những lập luận có giá trị của hai phe, bên cạnh những lập luận hầu như cổ ý đánh lạc hướng đối phương. Sau cùng, qua một vài tài liệu có giá trị đặc biệt—nhất là bản nhận định của ông thẩm phán hồi hưu Lý Bình Huê—bạn đọc có thể thấy phương pháp suy luận và cách thức nắm vững vấn đề của nhân vật đương cuộc.

2.— Thư hai là khi tờ báo này đến tay bạn đọc thì ngày bầu cử Hạ Nghị viện cũng sắp tới. Tôi muốn nhân dịp này nói lên nguyện vọng được thấy đồng bào, nhất là giới trí thức, tham dự cuộc bỏ phiếu với một tỷ lệ cao. Tôi biết điều này dễ được bạn đọc hiểu như một sự ủng hộ chính quyền đương thời mà một số người cho là đang tiến tới độc tài. Nhưng sự thật không phải thế: một chính quyền thật sự độc tài chỉ muốn dân chúng ít chú ý đến những cuộc bầu cử cùng những cơ sở dân cử, trước hết để dễ làm việc, sau đó để dễ gian lận, nếu cần.

Sự gian lận tôi sợ rằng ngay bây giờ đã có rồi. Vì không đến tận nơi, tôi không dám tin hẳn những lời đồn đại về những vụ bỏ phiếu quấy dân tại các địa phương, nhưng riêng ở đó thành tôi đã thấy, ngay giữa các phố lớn, đã có sự kiện các bà các cô không mấy người được phát thẻ cử tri—ví dụ ở đường Phạm Ngũ Lão, bà chủ nhiệm báo Mãn Anh và cô con gái không có thẻ—và người ta sợ rằng các chị em trong đoàn nhân dân Tự vệ sẽ được huy động đi bỏ phiếu cho những ứng cử viên được chỉ định. Trong trường hợp này, cũng như những trường hợp khác, chỉ có sự tự ý bỏ phiếu, một cách có chọn lựa, của một số lớn công dân lâu nay không chịu đến phòng phiếu, là hóa giải được những gian lận, nếu có.



Và lại, điều mà chúng ta phải thành thật xác nhận là giới trí thức nước ta, bảo thủ lập trường không kém gì giới trí thức mọi nước khác. và cũng thật là rất lười, nên thường không theo kịp thời thế. Nhất là về hoạt động. Nên mới có tình trạng đọc báo và phê bình, bàn luận, thì hết sức hăng hái, nhưng đến lúc phải tham dự vào thực tại thì ngại ngùng, tìm đủ mọi cớ để né tránh.

Từ đó mới có tình trạng quốc hội bị phê phán là bất lực, dân biểu bị tố cáo làm chợ đen, đi buôn lậu, mà mấy năm mới có một kỳ bầu lại Hạ viện hay Thượng viện, thì trí thức không có những lựa chọn có tính chất quyết định và gương mẫu cho đại chúng noi theo, mà ngược lại, tìm mọi cách chứng tỏ cho bạn hữu biết mình không đi bỏ phiếu — làm như không đi bỏ phiếu là một cách chống độc tài hữu hiệu.

Sự sai lầm của các bạn cùng cảnh ngộ, tôi đã có vài triệu chứng dễ có thể hy vọng năm nay sẽ không tái diễn nữa. Đó là sự ửng cừ dờn dấp của những người có thể gọi là có sản nghiệp lớn, đồng thời cũng có danh tiếng không nhỏ. Đó là sự có mặt của một kỳ một nhiều bạn trẻ hơn lên — nếu có những phân tử hippy hay xoi thịt trong giới trẻ, thì cũng có những phân tử có nhiệt tâm hăng hái như Nguyễn trọng Nho, Nguyễn hữu Chung (đơn vị 1. Sài-gòn). Sau hết, đó là sự chú ý của nhiều giới làm nghề nghiệp tự do, y đường dần, có hiệu lực, thì tất nhiên giới trí thức phải tỏ ra sẵn sàng đến tình thế một cách cụ thể.

Xin bạn đọc dừng nghĩ quá xa mà cho rằng tôi muốn có nhiều nhà tri thức đi bỏ phiếu để bỏ cho tôi. Vì thật ra, tôi là người viết văn có lập trường rõ rệt, nên có một phần không nhỏ của giới trí thức không đồng ý với tôi và chắc hẳn dù có đến phòng phiếu cũng không bỏ cho tôi. Hơn nữa, cứ hơn thiện cảm mà bạn đọc dành cho tôi; còn số lượng dân biểu tuy có thể lớn thật, nếu so sánh với lương bổng của các công bộc khác, nhưng trong lúc này hơn trăm ngàn đồng không phải là khó kiếm đối với người làm báo, viết sách. Vì thế, đối với tôi, sự dắc cừ cho phép tôi cố gắng hoàn thành hai điều tâm nguyện mà tôi đã nói đến trong số báo trước; còn nếu thất cừ, quả thật tôi sẽ không mất mát gì, kể ra tiền bạc, vì ngoài số tiền in do Nhà Nước đài thọ, tôi không có tiền riêng ra làm bất cứ công việc vận động nào khác.

xXx

Tôi xin tạm biệt bạn ở đây. Với một tin vui : bạn đồng nghiệp Chu Tử vừa gửi cho tôi hai chục ngàn đồng để trả nhuận bút cho một bài viết trong báo Đời. Như thế là kỷ lục của báo Chính Văn bị phá hời xa, và đồng thời cũng làm cho một ứng cử viên, giữa mùa bầu cử, được lĩnh tiền của nhà báo. Đó phải chăng là một hiện tượng báo trước một tương lai kỳ lạ ? !

NGUYỄN MẠNH CÓN

HỒ SƠ ĐẦY ĐỦ VỀ VỤ

# TỐI CAO PHÁP VIỆN

XÉT XỬ

## Điều 10 Khoản 7 Luật 9/71

BẦU TỒNG THỐNG VÀ PHÓ TỒNG THỐNG

### KHÔNG VI HIẾN

- ☆ Nguyên văn đơn kiện và biện minh trạng của quý ông  
NGUYỄN TRẦN, CAO THỂ DUNG TRẦN CÔNG QUỐC...
- ☆ Nguyên văn các bản kết luận, thuyết trình của Viện Chương  
lý, Ban Bảo Hiến (TCPV) và của Phụ tá ĐB về Luật pháp  
tại Phủ Tổng Thống.
- ☆ Nguyên văn các bản án của Tối Cao Pháp Viện.
- ☆ Nguyên văn ý kiến khác biệt của Thâm phán TCPV Trần  
Minh Tiết.
- ☆ Ý kiến của mấy luật gia danh tiếng : Gs Nguyễn văn Bông,  
Gs Nguyễn quang Quýnh, ông Lý Bình Huê, (bên vực điều 10  
khoản 7), các Luật sư Lê văn Định, Thái thị Như Ngọc (chống  
điều 10 khoản 7):
- ☆ Nhận xét chung, của Chủ bút báo CHÍNH VĂN.



**LỜI TÒA SOAN.**— Trong lịch sử luật học Việt Nam và thế giới, có lẽ chưa bao giờ có một khoản nhỏ trong một điều, của một đạo luật, đã và còn sẽ gây nhiều ảnh hưởng trầm trọng đến đời sống của một dân tộc mà được dân, Phó Tổng thống V.N.C.H.

Lẽ tất nhiên hoàn cảnh rất đặc biệt đã tạo nên trạng thái giao động, xốn xang đó của dư luận. Như lời một dân biểu đã nhắc đến lời tuyên bố (?) của Thiệu tướng Nguyễn Cao Kỳ, năm 1967, và sau đó, một trong những công dân khi ông Kỳ mạnh thì muốn có điều kiện (ông Nguyễn Trán) đi đến kết luận rằng ngược lại khi ông Thiệu đã mạnh thì lẽ tất nhiên sẽ tìm cách làm khó ông Kỳ— điều đáng chú ý là nếu đạo luật 009/71 được ban hành sớm mấy tháng, thì chắc chắn nó sẽ không gặp phản ứng quá mạnh như hiện nay.

Hiện nay, trong khi chúng tôi viết ti dòng này, đơn ứng cử của Phó Tổng ứng cử viên trong kỳ niệm yết thứ nhất—vì không được ghi trong danh sách Tin tức cho biết ông đang đấu tranh với T.C.P.V. về một vài điểm thuộc thủ tục niệm yết danh sách và xét đơn của ứng cử viên. Kết quả chưa biết ra sao, nhưng nếu thất bại, tất nhiên ông Kỳ sẽ dùng đến những biện pháp phản ứng khác. Có người nói đến đảo chính, có người nói đến ném bom dinh Độc Lập, vì sự đoàn Thủy đoàn Lục chiến do Trung tướng Lê Nguyên Khang nắm quyền tư lệnh; và Sư đoàn 1 Không quân, thứ nhất là căn cứ Tân Sơn Nhất, do Đại tá Phan Phụng Tiên, một người bạn cố tri và tri kỷ của Phó Tổng thống Kỳ nắm quyền tư lệnh.

Không ai có thể nói trước sự gì sẽ xảy ra. Rất có thể một trong hai người mạnh như sợi tơ, họ lại hóa với nhau vì sự chia rẽ thì Cộng sản hưởng lợi, thời gian rối loạn, sẽ gây lại được phản lẫn nhau, và Cộng sản lợi dụng một vì tương lai mà đồng bào ta chú ý đến điều 10 khoản 7.

Và cũng chính để bạn đọc có đầy đủ dữ kiện để phán xét, đồng thời cũng nguyên văn, tập hồ sơ đầy đủ về vụ kiện và xét xử của Tối Cao Pháp Viện, sau khi thực hiện những sửa đổi sau đây:

- 1— Sắp xếp lại thứ tự các văn kiện, để bạn đọc dễ theo dõi hơn.
- 2— Bỏ những danh xưng (đầy đủ) của cơ quan, bản kê khai tài liệu được xử dụng, danh sách (giống nhau) quý vị thẩm phán ký tên dưới các bản án v.v. vì không cần thiết.

★

Các văn kiện in ronéo, đóng thành 1 tập, được sắp xếp như sau :

- 1.— Dẫn nhập
- 2.— Các bản án xử các ông Trần, Quốc, Dung, Thọ
- 3.— Đơn kiện của ông Trần, biện minh trạng của ông Trần
- 4.— Đơn kiện của ông Quốc
- 5.— Đơn kiện của ông Dung
- 6.— Đơn kiện của ông Thọ
- 7.— Bản kết luận của Viện Chương lý bên cạnh T.C.P.V.
- 8.— Văn thư của Chủ tịch Thượng Nghị viện Nguyễn văn Huyền
- 9.— Tờ kháng biện của Hành pháp, do ông Dương đức Thụy, Phủ tá Đặc biệt về Luật pháp tại Phủ Tổng thống ký
- 10.— Bản thuyết trình của Ban Bảo Hiến T.C.P.V
- 11.— Ý kiến của Giáo sư Nguyễn văn Bổng
- 12.— Ý kiến của Giáo sư Nguyễn quang Quỳnh
- 13.— Ý kiến của ông Lý Bình Huê
- 14.— Ý kiến của Luật sư Lê văn Định
- 15.— Ý kiến của nữ Luật sư Thái thị Như Ngọc.

Cách xếp đặt tài liệu trên đây có thể phù hợp với vị trí của cơ quan đương sự — lẽ tất nhiên các bản án phải được in lên trước hết — nhưng lại khó cho bạn đọc (nhất là bạn đọc không quen đọc loại hồ sơ phức tạp, có nhiều tài liệu chống đối nhau) theo dõi và có một ý niệm tổng quát sáng tỏ về nội vụ. Vì dụ biện minh trạng của ông Trần chỉ được viết sau khi ông Trần được thông báo bản kết luận của Viện Chương lý, và bản kháng biện của Hành pháp, nhưng bản biện minh của ông Trần được in lên trên, thành thử đọc giả đọc những lý luận kháng đối của ông sẽ không hiểu vì sao có sự kháng đối ấy.

Vì thế, chúng tôi đã mạo muội sắp xếp lại làm 5 phần

- 1.— Phần đơn kiện của 3 ông Trần, Dung, Quốc—đơn của ông Thọ không có gì đáng ghi nhận
- 2.— Phần tranh luận, gồm kết luận của Viện Chương lý, kháng biện của Hành pháp, biện minh của ông Trần (chống 2 văn kiện trên) và bản thuyết trình của ban Bảo Hiến, coi như tài liệu kết thúc cuộc tranh luận.
- 3.— Phần bản án, có kèm theo bản « ý kiến khác biệt » của Thẩm phán T.C.P.V Trần Minh Tiết. Sở dĩ tài liệu này được xếp cùng với các



bản án — mà không được xếp cùng với các tài liệu chống đối điều 16 khoản 7 — vì, với tư cách hội viên trong Đại hội đồng T.C.P.V, ông Tiết có quyền đòi cho ý kiến của ông được ghi theo liên bản án.

4. — Phần chống đối

5. — Phần bình vực.

Trong 5 phần trên đây, chúng tôi bỏ lại không in : thứ nhất là văn thư của Chủ tịch Nguyễn văn Huyền (không có ý kiến chỉ về vụ kiện), thứ hai là đơn kiện của ông Lương văn Thọ (bị bác) vì vẫn chương lăm cầm, không tỏ ra có sự hiểu biết nào về pháp luật.

Sau 5 phần chính, sẽ có một phần phụ, nội dung là ý kiến của ban Nguyễn Mạnh Côn về vụ kiện, với tư cách công dân thường, rồi với tư cách nhà

## DẪN NHẬP

Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 qui định thể thức đầu của TÔNG THỐNG và PHÓ TÔNG THỐNG VNCH, nơi điều 10 khoản 7, đặt điều kiện ứng-cử-viên phải được sự giới thiệu hoặc của 40 Nghị Sĩ, Dân biểu hoặc của 100 Nghị viên các Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh, Thị Xã các giới. Cuộc tranh luận diễn ra trên nhiều bình diện : pháp lý, chính trị và một đôi khi cả về luân lý nữa !

Bốn công dân Nguyễn Trán, Trần công Quốc, Cao thế Dung và Lương văn Thọ đã vô đơn chánh tố xin Tối Cao Pháp Viện tuyên phán điều khoản nói trên là vi hiến.

Trong phiên xử công khai về việc bảo hiến ngày 8 tháng 7 và 15 tháng 7 năm 1971. Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện đã bác đơn khởi tố của tất cả 4 công dân nói trên và tuyên phán điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 hợp hiến.

Cơ quan kiểm hiến hùn quyền đã chính thức tại quyết.

Hồ sơ vụ án đã khép lại.

Nhưng cuộc tranh luận vẫn còn, và sẽ còn tiếp diễn. Dư luận chống đối hay tán thành pháp lý. Dầu sao những nhiệt tình chánh trị đối nghịch rồi ra sẽ mau chóng qua đi. Còn lại là vấn đề giá trị pháp lý của các phán quyết trong khung cảnh của nền luật học quốc gia này.

Và đây mới thật là điều quan trọng.

Đề công luận — nhất là công luận trong giới tuất gia — có đủ dữ kiện phê phán vụ án kiểm hiến quan trọng này. Tối Cao Pháp Viện hân hạnh công bố nơi đây nguyên văn các phán quyết, bản ý kiến khác biệt, cùng tất cả các văn kiện tiền biên trong bất lục hồ sơ, hầu đóng góp phần nào vào công cuộc phát huy nền luật học nước nhà. /—

Sai-Gon, ngày 15 tháng 7 năm 1971

## I. - CÁC ĐƠN KIẾN

### ĐƠN KHỜİ TỔ của Ông NGUYỄN TRẦN (24-6)

Thưa Ông CHỦ-TỊCH

và Quý Vị THẦM-PHÁN,

Tôi ký tên dưới đây là NGUYỄN-TRẦN, công dân Việt-Nam, cư trú tại số 19/21 đường Nguyễn Hữu Cánh, Quận 1, Saigon sinh ngày 01/6/1911 tại La-Qua, Quảng-Nam, căn cước số 02033274 cấp tại Quận 1 Saigon ngày 12-9-1969.

Trần trọng thỉnh cầu Quý Viện thẩm xét như sau :

Khoản 7 điều 10 của đạo luật số 009/71 ngày 23-6-71 quy định rằng ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống «tối thiểu phải được sự giới thiệu hoặc của 40 Nghị-Sĩ, Dân-Biểu, hoặc của 100 Nghị-viên các Hội-Đồng Đô-Thành, Tỉnh, Thị-Xã».

Khoản 7 điều 10 ấy đã vi-phạm điều 2 khoản 2, điều 13 khoản 2 Hiến-Pháp 1-4-67 về quyền bầu-cử và ứng-cử của công-dân và những điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 và 70 Hiến-Pháp 1-4-67 về thẩm-quyền của Quốc-Hội và các cơ-quan quyết-nghị địa-phương.

#### 1.- VI-PHẠM ĐIỀU 2 KHOẢN 2 HIẾN PHÁP 1-4-67.

Khi buộc ứng-cử-viên phải có sự giới-thiệu của tối thiểu 40 Nghị-Sĩ, Dân-Biểu hoặc của 100 nghị-viên Hội-Đồng Đô Thị Tỉnh, khoản 7 điều 10 của đạo-luật 009/71 ngày 23-6-71 đã tước quyền ứng-cử của những công-dân tài đức nhưng thiếu phương tiện và không liên hệ mật thiết với các vị Nghị-Sĩ, Dân-Biểu và Nghị-viên. Như vậy khoản 7 điều 10 đạo-luật số 009/71 ngày 23-6-1971 đã vi phạm nguyên tắc bình-dẳng giữa công dân quy định trong điều 2 khoản 2 Hiến-Pháp 1-4-67.

#### 2.- VI PHẠM ĐIỀU 13 KHOẢN 2 HIẾN PHÁP 1-4-67.

Bầu-cử là quyền căn bản của công-dân một nước dân chủ. Quyền này chỉ có thể giới hạn bởi lý do trật tự công cộng, chứ không bởi một lý do nào khác.

Điều kiện buộc ứng-cử-viên phải được tối thiểu 40 Nghị-Sĩ, Dân-Biểu hoặc 100 nghị-viên Hội-Đồng Đô Thị Tỉnh giới thiệu làm một giới hạn không có tính cách trật-tự công cộng, mà chỉ là một giới hạn nhằm hạn chế quyền bầu cử của công-dân, vì buộc công-dân phải lựa chọn một liên-danh trong số những liên-danh đã được đơn phương lựa chọn trước bởi các vị Nghị-Sĩ, Dân-Biểu và Nghị-viên Hội-Đồng Đô Thị Tỉnh.

#### 3.- VI PHẠM CÁC ĐIỀU 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 HIẾN PHÁP 1-4-67.

Theo nguyên tắc dân chủ, những vị dân-cử (Nghị-Sĩ, Dân-Biểu) là những người thụ-ủy của nhân-dân và chỉ hành-xử những quyền hành do nhân-dân ủy-nhiệm mà thôi.

tối cao pháp viện



Trong trường hợp qui vị Nghị-Sĩ, Dân-biểu, thẩm quyền đã được quy-định rất rõ ràng trong những điều từ 39 đến 49 Hiến-Pháp 1-4-67, trong đó không có một điều khoản nào cho phép Nghị-Sĩ, Dân-Biểu có quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống để sự giới thiệu trở thành một điều kiện tiên quyết cho sự ứng cử và bầu cử của người chủ-ủy là nhân-dân.

#### 4.— VI PHẠM ĐIỀU 70 HIẾN PHÁP 1-4-67.

Chiếu theo điều 70 Hiến Pháp 1-4-67, các Hội-Đồng Đô-Thành, Tỉnh và Thị-Xã chỉ có nhiệm-vụ « điều hành nền hành chánh địa phương » và không được một điều khoản nào của Hiến Pháp 1-4-67 quy định có thẩm quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống, để sự giới thiệu ấy trở thành một điều kiện hạn chế quyền ứng cử và bầu cử của nhân dân trên bình diện quốc gia.

#### 5. — KHOẢN 7 ĐIỀU 10 ĐẠO LUẬT 009/71 NGÀY 23-6-71 KHÔNG HỢP-LÝ.

Khoản 7 điều 10 đạo luật số 009/71 ngày 23-6-71 có thể đưa tới tình trạng độc quyền ứng cử, vì qui vị Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị viên Hội Đồng Đô Thị Tỉnh rất có thể chỉ giới thiệu một liên danh ứng cử viên duy nhất, mở đường cho một chế độ độc tài nguy hiểm. Trong trường hợp này, không một công dân nào khác, muốn ứng cử, có thể hội đủ điều kiện cần thiết.

#### 6.— KHOẢN 7 ĐIỀU 10 ĐẠO-LUẬT 009/71 NGÀY 23-6-71 CÒN VI PHẠM TÍNH THẦN RỘNG RÃI CỦA HIẾN PHÁP 1-4-67 VỀ ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ TỔNG THỐNG VÀ PHÓ TỔNG THỐNG.

Nguyên dự-thảo Hiến-pháp có dự liệu trong điều 52 về điều-kiện ứng-cử Tổng-Thống Phó Tổng Thống một khoản 5 để buộc ứng-cử-viên Tổng-Thống, Phó Tổng Thống phải được sự giới thiệu của 10 Dân-biểu, Nghị-Sĩ hoặc của một chánh đảng. Nhưng trong phiên họp ngày 18-2-1967, với 69 phiếu, Quốc-Hội Lập-Hiến đã biểu-quyết bãi bỏ khoản ấy với lý-cớ công việc ứng-cử. Như vậy các nhà lập-pháp không có quyền rập buộc một điều-kiện mà chính các nhà lập-hiến đã bác bỏ.

#### 7.- KHOẢN 7 ĐIỀU 10 ĐẠO-LUẬT 009/71 NGÀY 23-6-1971 XÂM PHẠM ĐẾN QUYỀN LỢI CÁ NHÂN CỦA TÔI

Ngoài nghĩa-vụ công dân của tôi phải bảo vệ Hiến-Pháp như quy-định trong điều 26 Hiến-pháp 1-4-67, tôi còn bị khoản 7 điều 10 đạo-luật số 009/71 ngày 23-6-71 xâm-phạm đến quyền lợi cá-nhân của tôi vì lẽ :

a) tôi là một công dân có đủ tư-cách ứng-cử Tổng-Thống, Phó Tổng-Thống, và có thể ứng-cử, nhưng không đủ phương-tiện để được sự giới thiệu của 40 Nghị-sĩ, Dân-biểu hoặc 100 Nghị-viên các Hội-Đồng Đô-Thành, Tỉnh và Thị-xã.

b) tôi còn là một cử-tri có quyền bầu cho liên-danh ứng-cử-viên nào tôi nhận thấy là

xứng đáng, nhưng tôi sẽ không thể sử dụng quyền ấy của tôi nếu chỉ có một số liên-danh ứng cử viên nào đó được đơn-phương lựa chọn trước.

#### VÌ NHỮNG LẺ TRÊN,

Tôi trân trọng thỉnh cầu Ông CHỦ TỊCH và Quý vị THẨM PHÁN xuất phát đòi Quốc-Gia Việt-Nam và tôi đến trước Quý Viện để xử :

1- Tuyên phán khoản 7 điều 10 đạo-luật số 009/71 ngày 23-6-1971 là vi hiến với hậu quả luật định.

2- Dạy Quốc-Gia Việt-Nam phải chịu án phí,

Trân trọng,

Ký tên: NGUYỄN-TRẦN

### ĐƠN KHỎI TỔ của Ông TRẦN CÔNG QUỐC (24-6)

Kính thưa Ông Chủ Tịch,

Thưa Quý Vị Thẩm Phán,

Nguyên trình ký tên dưới đây :

TRẦN CÔNG QUỐC 32 tuổi, căn cước số 00996495 cấp tại Q. 1 Saigon ngày 09.6.69 cư ngụ tại số 169 Phan Thanh Giản Saigon.

Tuyên định cư trú tại số 169 đường Phan Thanh Giản nói trên.

Trân trọng kính trình Ông Chủ Tịch và Quý Vị Thẩm Phán,

Nguyên trình là cử tri trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ 1971 - 1975 sắp tới.

Chiếu điều 52 khoản 1 Hiến Pháp 1967, nguyên trình với tư cách và quyền hạn cử tri có quyền bầu cử trực tiếp ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống mà nguyên trình lựa chọn.

Quyền lợi của nguyên trình đã bị hạn chế rất nhiều khi khoản 7 điều 10 Luật số 009/71 ngày 23.6.1971 chỉ dành cho nguyên trình quyền lựa chọn sau sự lựa chọn của hoặc 40 (bốn mươi, Dân Biểu, Nghị Sĩ hoặc một trăm (100) Nghị viên Hội Đồng, Đô, Tỉnh, Thị.

Thật vậy,

Chiếu Hiến Pháp 1.4.1967, điều 53, các công dân Việt Nam hội đủ điều kiện :

— Có Việt tịch từ khi mới sanh và liên tục cư ngụ trên lãnh-thổ Việt-Nam ít nhất mười năm (10) tính đến ngày bầu cử...

## Cáo Lỗi:

— Vì lý do cần đăng hết tài liệu về bản án điều 10 khoản 7, nên tất cả các bài thường xuyên phải gác lại 1 kỳ. Xin bạn đọc thông cảm.



- Dù ba mươi lăm (35) tuổi tính đến ngày bầu cử ;
- Được hưởng các quyền công dân ;
- Ở trong tình trạng hợp lệ quân-dịch ;
- Hội đủ những điều kiện khác dự liệu trong đạo luật bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống ;
- Được quyền ứng cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa ;
- Tuy nhiên Luật số 009/71 ngày 23.6.1971 ấn-dịnh thể thức bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, nhiệm kỳ 1971-1975, khoản 7 điều 10 lại ghi :  
Khoản 7 điều 10 ! Tối thiểu phải được sự giới-thiệu hoặc của bốn mươi (40) Nghị-Sĩ, Dân-Biểu hoặc của một trăm (100) Nghị-viên các Hội-Đồng Đô Thành, Tỉnh, Thị xã.....  
Điều qui định của khoản 7 điều 10 Luật số 009/71 ngày 23.6.71 kể trên hoàn toàn vi hiến.  
Nguyên trình xin viện dẫn những chứng cứ sau :

**1.— KHOẢN 7 ĐIỀU 10 VI-HIỆN VI VI-PHẠM ĐIỀU 52 KHOẢN 1 HIẾN-PHÁP 1967.**

Thực vậy khoản 1 điều 52 Hiến pháp viết rõ ràng : Tổng Thống và Phó Tổng Thống cũng đứng chung 1 liên danh, được cử tri toàn quốc bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín.

Nay điều khoản Luật 009/71 viện dẫn bắt buộc các liên danh ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải có sự giới thiệu của hoặc bốn mươi (40) Nghị Sĩ, Dân Biểu, hoặc một trăm (100) Nghị viên Đô Tỉnh Thị, điều khoản này hiển nhiên bắt các ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải qua một vòng lựa chọn tiền khởi mà cử tri đoàn là các Nghị Sĩ, Dân Biểu hoặc các Nghị viên hội đồng Đô Tỉnh Thị.

Cử tri toàn quốc không thể trực tiếp bầu Tổng Thống và Phó Tổng Thống, họ phải bầu 1 trong những liên danh đã được Nghị Sĩ, Dân Biểu hoặc Nghị viên các Hội Đồng Đô Tỉnh Thị bầu trước.

Mức đầu luật chỉ dùng từ ngữ « giới thiệu » xong thế nào là giới thiệu nếu chẳng phải là một sự lựa chọn, một sự bầu cử về nội dung.

Điều khoản viện dẫn đã thu hẹp quyền lựa chọn của cử tri, đồng thời cũng hạn chế quyền ứng cử của công dân mà điều 13 khoản 2 Hiến-Pháp đã minh định là quyền đó được xữ dụng «..... trên căn bản bình đẳng.....».

Nguyên trình xin viện dẫn thêm đề biện minh cho lập luận này của nguyên trình, một đoạn trong thông điệp số 3/LĐQG ngày 26.5.1967 của Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia gọi Ông Chủ-Tịch Quốc-Hội Lập-Hiến 1967, trích dẫn y nguyên văn :

« .... Quyền bầu cử là một quyền chính trị. Giới-hạn của quyền này là trật tự công cộng, ngoài ra không có giới hạn nào khác. Điều : khoản 7 (trong Luật bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống 1967, tương tự như điều 10 khoản 7 trong Luật bầu cử Tổng-Thống và Phó

Tổng-Thống 1971) bản văn dự luật đã..... đặt ra một giới hạn không có tính cách tự trị tự công cộng, đã hạn chế quyền bầu cử của người công dân, vì bỏ buộc người công-dân phải lựa chọn một liên danh trong số các liên-danh đã được lựa chọn đơn phương từ trước bởi các Ủy đại-diện dân cử rồi.....» (bút lục số 1).

## 2.— KHOẢN 7 ĐIỀU 10 VI HIẾN VI PHẠM ĐẾN TÍNH THẦN HIẾN PHÁP VÀ Ý CHÍ NHÀ LẬP HIẾN 1967.

Thật vậy, Hiến-Pháp 1967 mở một kỷ nguyên dân-chủ rộng rãi cho Quốc-gia. Cảnh cửa công quyền rộng mở cho mọi công dân được sự tin-nhiệm của quần chúng. Ngay trong lời mở đầu của Hiến-Pháp 1967, Quốc-Hội Lập-Hiến đã nhấn mạnh đến «..... một chính thể Cộng Hòa của dân do dân, và vì dân, nhằm mục đích đoàn kết dân tộc thống nhất lãnh thổ, bảo đảm độc lập tự do dân chủ trong công bằng, bác ái.....»

Tính thần dân chủ của một chính thể của Dân do Dân và vì Dân không còn mây may nào với khoản 7 điều 10 luật số 009/71.

Ý chí của nhà Lập hiến 1967 vô cùng rõ rệt. Không thể nói rằng điều 53 Hiến pháp đã dành cho một Đạo luật dự liệu những điều kiện cho các ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống ngoài các điều kiện liệt kê tại điều 53, để kết luận khoản 7 điều 10 chỉ là một điều kiện luật định hiểu theo nghĩa của điều 53 khoản 5 Hiến pháp.

Thật vậy, khi thảo luận về điều 53 Hiến pháp Quốc Hội Lập Hiến đã bàn cãi sôi nổi về khoản 5 điều 52 dự thảo Hiến pháp, (điều 52 sau khi chung quyết trở thành điều 53 hiện tại).

Điều 52 khoản 5 đó ghi như sau :

«Có quyền ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống những công dân hội đủ các điều kiện sau đây :

... 5/ được sự giới thiệu của mười (10) Dân biểu hay Nghị Sĩ hoặc của một Chính Đảng.

Sau khi bàn cãi, sáu mươi chín (69) trong số 101 Dân Biểu Lập Hiến hiện diện bác bỏ khoản 5 này. (Kính xin coi biên bản của Quốc hội Lập Hiến số 070, QHLH/BB ngày 18-2-1967 (bút lục số 2).

Tất nhiên ý chí của nhà Lập Hiến đã quá rõ rệt.

Như vậy không thể nói rằng điều 53 Hiến pháp, mặc dầu không đề cập tới việc giới thiệu như một điều kiện ứng cử, xong đã dành cho Đạo luật bổ túc điều kiện của điều 53 này để kết luận khoản 7 điều 10 luật số 009/71 ngày 23-6-71 không vi hiến.

Các nhà Lập hiến đã nêu khuôn giới thiệu của Nghị sĩ, Dân biểu hay chính đảng như một trong các điều kiện ứng cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống, sau đó lại chính các nhà Lập Hiến minh thị bác bỏ khoản này; vậy phải nói rằng ý chí của nhà Lập Hiến 1967 là nhất định không chấp thuận việc giới thiệu.

Đó cũng là tính thần của Hiến Pháp 1967.



Nguyên trình nghĩ rằng trong việc giải thích luật pháp và Hiến pháp nếu có điểm nghi ngờ vì tối nghĩa hoặc vì thiếu sót. Tòa án phải tìm hiểu ý chí của nhà Lập Hiến (Lorsque la loi est obscure, son texte peut être sujet à discussion. Dans ce cas, il juge devra chercher quelle a été la volonté du législateur. Il se référera utilement à l'exposé des motifs et aux travaux préparatoires (Cons. d'Et. 7 Juill. 1911, Omer decujis. Res Cons. d'Et. p. 811; 18 Févr. 1927, Comité Central des armateurs de France, ibid. p. 233, 21 janv. 1935 Bochat, ibid p. 39).

Lời mở đầu bản Hiến pháp 1967 và biên bản Quốc Hội Lập Hiến 1967 (số đã dẫn) đã nói lên tinh thần Hiến pháp 1967 và ý chí của nhà Lập Hiến 1967.

Nguyên trình cũng xin viện dẫn đề lưu ý Quý Vị Chủ Tịch và Thăm Phán Tối Cao đoạn 2 và 3 phần 1 trong Thông Điệp số 3/LĐQG/TĐ ngày 26-5-1967 của Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia 1967 gửi Chủ Tịch Quốc Hội Lập Hiến 1967 :

#### ĐOẠN 2 (nguyên văn)

« ... điều 10 khoản 7 bản văn dự luật 1967 cũng tương tự như điều khoản trong Luật 1971 đi ngược lại nguyên tắc dân chủ.

« Chiều nguyên tắc chủ quyền thuộc về toàn dân đã qui định trong điều 1 Hiến pháp ngày 1-4-1967 vì đại diện dân cử chỉ thay thế cho người công dân thi hành một nhiệm vụ nhất định, trong một thời gian nhất định.

« Với tư cách người thụ ủy, vị đại diện không thể phản bội lại quyền lợi của người công dân đã cử ủy.

« Điều kiện qui định tại điều 10 khoản 7 bản văn dự luật bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống đã đi ngược lại quyền lợi của người công dân vì hạn chế quyền bầu cử và quyền ứng cử ... »

#### ĐOẠN 3 (nguyên văn)

— Điều 10 khoản 7 bản văn dự luật không hợp lý.

« ... Điều 10 khoản 7 có thể đưa đến tình trạng độc quyền ứng-cử vì rất có thể xảy ra trường-hợp hầu hết các vị đại-diện dân cử chỉ giới-thiệu cho một liên-danh ứng-cử-viên.

« Như vậy, người công-dân khác muốn ứng cử khó hội đủ điều-kiện cần biết... » (bút lục số 1 đã dẫn)

Thưa Ông CHỦ-TỊCH,

Thưa Quý Vị THĂM-PHÁN,

Các lý-do viện dẫn của Chủ Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia 1967, tức Trung-Tướng NGUYỄN-VĂN THIỆU tức đương kim Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa 1971, nói lên mạnh mẽ hơn các lý-do nào hết, tinh-cách vi-hiến, thiếu dân-chủ và không hợp-lý của điều 10 khoản 7 dự-luật bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống 1967 mà nội-dung không khác với điều 10 khoản 7 luật bầu-cử Tổng Thống và Phó Tổng-Thống vừa được ban-hành.

Nguyên trình, với dấu óc giản-dị đơn-sơ, cũng thấy rằng không lẽ năm 1967 điều-khoản dự luật đó vi hiến, thiếu dân chủ, không hợp-lý thì nay cũng điều-khoản tương-tự lại hợp-hiến, dân-chủ và hợp-lý.

Bởi vậy nguyên trình,

Chiếu điều 52 khoản 1 và điều 53 Hiến-Pháp 1967;

Chiếu điều 63 luật số 007/68 ngày 3-9-1968;

Chiếu sự thiệt hại đến quyền lựa chọn trực tiếp của cử-tri trong đó có nguyên-trình

Nguyên trình có lợi ích đề:

Thỉnh cầu Tối-Cao Pháp-Viện:

Phán quyết theo thủ tục khẩn cấp, khoản 7 điều 10 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 ấn định thể thức bầu-cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhiệm-kỳ 1971 - 1975 là vi hiến.

Với mọi sự dè dặt

và như vậy là công-lý.

Nay kính khởi tở.



## ĐƠN KIẾN của Ông CAO THỂ DUNG (23-7) do Luật sư Nguyễn nguyên Hùng thay mặt

Thưa Ông CHỦ TỊCH,

Thưa Quý Vị THẨM PHÁN,

Nguyên đơn là CAO THỂ DUNG, sanh năm 1933 tại Vinh Yên, Bắc Phần, cư ngụ tại số 223, đường Nguyễn Tri Phương (Chợ lớn). Có Luật sư Nguyễn Nguyên Hùng, Luật sư Tòa Thượng Thẩm Saigon, văn phòng đặt tại số 81, đường Gia Long, Saigon thay mặt.

Trân trọng kính trình Ông Chủ tịch và Quý Vị:

Ngày 23-06-1971, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã ban hành luật số 09/71, quy định những điều kiện và thể thức bầu cử và ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa nhiệm kỳ 1971-1975. Trong luật này có điều 10 khoản 7 buộc rằng: Các ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống « phải được sự giới thiệu của ít nhất 40 Dân Biểu, Nghị Sĩ, hay 100 Nghị Viên Hội Đồng Tỉnh và Thị Xã ».

Nguyên đơn quan niệm rằng điều 10 khoản 7, Nghị định nói trên đã vi phạm trầm trọng vào điều 2 đoạn 2 và điều 13 đoạn 2, Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 01-04-1967.

Thực vậy, điều 2 đoạn 2 và điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa 01-04-1967 đã minh thị công nhận sự bình đẳng giữa các công dân trong việc hành xử quyền công dân, đặc biệt là quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng.



Điều 2 khoản 2 Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ghi rõ :

« Quốc Gia chủ trương sự bình đẳng giữa các công dân, không phân biệt nam nữ tôn giáo, sắc tộc, đảng phái ».

Và điều 13 khoản 2 :

« Mọi công dân có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia bầu cử trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định ».

Mặt khác, nguyên đơn cũng xin phép Ông Chủ Tịch và Quý Vị đề được nhắc lại là : vào năm 1967, các Dân Biểu Quốc Hội Lập Hiến khi soạn thảo Hiến Pháp, đã minh định bác bỏ quan điểm của Ủy Ban soạn thảo Hiến pháp về việc buộc phải có sự giới thiệu của đại diện dân cử trong việc ứng cử Tổng Thống (biên bản số 070/ QHLH/BB, phiên họp Quốc Hội Lập Hiến ngày 18-2-1967).

Cũng vào năm 1967 khi dự luật quy định thể thức và điều kiện ứng cử Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, có ghi điều kiện buộc phải có sự giới thiệu của đại diện dân cử đã được Quốc Hội chung quyết, thì vào lúc đó, Trung Tướng Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, đã yêu cầu Quốc Hội phúc nghị điều 10 khoản 7 vì lý do vi phạm điều 2 khoản 2 và điều 13 khoản 2 Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa, sau đó Quốc Hội lưu nhiệm đã bác bỏ điều 10 khoản 7 của Dự Luật 1967.

Như vậy rõ ràng là trong tinh thần các nhà lập hiến Việt Nam Cộng Hòa năm 1967 điều kiện ứng cử viên Tổng Thống phải có sự giới thiệu của đại diện dân cử đã minh thị bác bỏ, cũng như luật 1967 quy định thể thức bầu cử Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa nhiệm kỳ 1967—1971 đã minh thị loại bỏ điều kiện này, bởi vì có như vậy mới bảo đảm được sự bình đẳng của tất cả các công dân trong việc hành xử công quyền.

Thế nhưng, điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã quy định phải có sự giới thiệu của đại diện dân cử mới ứng cử Tổng Thống, quả thật đã vi phạm thô bạo Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ngày 1-4-1967.

Là một công dân Việt Nam, nguyên đơn thấy rằng điều 10 khoản 7 đã tước đoạt quyền bầu cử và ứng cử của mình nên nguyên đơn có lý do và lợi ích để thỉnh cầu Quý Viện tuyên phán điều luật trên bất hợp hiến.

Bởi vậy nguyên đơn trân trọng kính xin Ông Chủ Tịch Tối Cao Pháp Viện vui lòng chiếu điều 81 Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa xuất phát đời :

— Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa,

— Nguyên đơn Cao Thế Hùng, ngụ tại 223 đường Nguyễn Tri Phương Chợ Lớn.

Đến hầu Ông Chủ Tịch và Quý Vị trong một phiên Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện (Ban Bảo Hiến) gần như tại Phòng Khánh Tiết Tối Cao Pháp Viện, đường Gia Long Saigon do Ông Chủ Tịch chủ tọa, đề nghe xử :

(xem tiếp trang 79)

# CỬU LONG BẢO HIỂM CÔNG TY

*Mekong Insurance & Reinsurance Company*

Công - Ty Nặc - Danh với số vốn 25.000.000\$



Phục vụ tận tâm — bồi thường mau lẹ  
Dùng hòa quyền lợi của khách hàng và quyền lợi của  
Công ty để mang lại thịnh vượng chung cho toàn thể

*BẢO HIỂM MỌI NGÀNH :*

- vận tải — xe tự động
- hỏa hoạn — tai nạn

**TRỤ SỞ : 63-65 HÀM NGHI (Lầu 7), SAIGON**

Điện-thoại : 99.291, 20.481, 24.849



thi  
hành  
sứ  
mạng

truyện ngắn của LÊ HƯƠNG

Hắn đứng đĩnh đạc ra giữa đám đông, đỡ nón cúi đầu thấp xuống, méo miệng chào khán giả. Hắn cho rằng có làm như thế mới gây được bầu không khí vui tươi hầu giữ chân người xem được lâu hơn. Và quả thật có vài tiếng cười non nớt bật lên rồi tắt hẳn.

Mặt mũi hắn rõ rệt người Việt-Nam trăm phần trăm nhưng lối ăn mặc biến hắn thành một giống dân nào không ai biết được. Đầu hắn đội cái nón tròn như cái ống lơn, vành nhỏ màu đen và mốc mốc. Mặt hắn đeo đôi kính không có tròng, mũi hắn đeo nệm râu giả to bằng cục phèn gà khiến cái mõm nhỏ chột chu thẳng ra như mõm chuột. Hắn mặc áo sơ mi sọc đỏ, chất "nơ" xanh, ngoài bộ cái "sĩ lễ" hai màu xám, nâu và cái áo bành tô đen có hai đuôi dài, phía dưới là cái quần cao bồi ống nhỏ rất hợp với bộ giò ống điệu cao lênh-khênh cầm trong đôi giày bộ nhà binh, loại trơn mũi. Ngực hắn có đeo 4 cái huy chương loại bán trong hiệu tạp hóa. Dễ thường khắp thế giới chưa có một sắc dân nào điạ theo lối "liên hiệp" như hắn.

Tùng, tùng, tùng, xoàng!

Hai thằng oắt con đập trống, gõ chiêng không ngừng tay ngót nửa giờ mới qui tụ được một số trẻ con và vú em. Vài mẹ đàn bà đi chợ ghé lại xem hắn làm trò gì. Vài đồng bào ở thôn quê mới viếng túi-đó tỏ ý thích lối "hát thuật" không mất tiền kiên nhẫn đứng chờ, tay giữ khư khư túi áo. Đám ba thằng oắt con chuyên môn móc nhăm túi người khác thập tho, thập tho.

Hắn gio tay. Trống chiêng im bất. Bàn tay vừa đưa lên lại đề xuống gập bàn tay kia rồi xoa lia, trong lúc đó mỗi hé ra để lộ một đồng rỗng vàng. Hắn cười làm duyên mở màn lời tuyên bố.

Rằng:

...

— Thưa quý ông, quý bà, quý anh chị em, cô bác !

Hôm nay tôi xin mạn phép hiến quý ông, quý bà vài trò 'áo' thuật 'ma di' để quý anh chị em cô bác coi chơi cho vui. Tôi không phải là người bán thuốc Sơn đông đầu !

Tâm lý đấy ! Hân phải rào đón trước cho khán giả yên lòng đứng xem, chứ hân cũng khai sự thật trần trường thì có, ma nào thích nghe những lời quảng cáo đủ các thứ bệnh mà người nào cũng có đau hằng ngày.

Hân bán thuốc cao đơn hoàn tán y như các bậc tiền bối của hân là Chết đánh võ Tàu ở tỉnh Sơn-Đông qua Việt-Nam mãi rồi. Những môn thần dược, linh đơn của hân không phải do các tay y sĩ suốt đời tận tụy với nghề nghiệp, mà chính hân và vợ hân mình chế ra !

Người xem có vẻ tin lời hân vì hân không có hề hộp thuốc nào ở ngoài. Cạnh giàn nhạc, gồm cái trống cơm và miếng phèn la méo mó hân trưng bày toàn là khí cụ hát thuật như hộp có chân, khăn đen, ly nước, thùng cây, bao vải, và có một vài bình khí bằng gỗ như giáo, chia ba, kiếm, đao, đồng trụ.

Tùng, tùng, tùng, xoèng !

— Dạ thưa quý ông, quý bà anh chị em cô bác hôm nay tôi xin hiến một trò 'áo' thuật sai ông Tồ thấy Ba đi ăn cắp bánh cho quý ông, quý bà coi chơi ..... ề !

Trống, chiêng nổi lên. Hân lấy một cái ống lon không đưa, vòng quanh cho khán giả thấy, đoạn để xuống đất, cầm nắp đây lại. Lần này hân không cho ai xem trong đấy có đựng vật gì chẳng ! Hân cầm một hình nhon bằng gỗ to bằng cổ tay khoắc áo dài đỏ, mặt sơn rằn có râu xồm xoàm.

Hân đưa tay lên, âm nhạc dứt.

— Đây là ông Tồ Thấy Ba có tài ăn trộm rất hay. Bây giờ tôi sai ông đi vào tiệm lấy một hộp bánh, lát nữa tôi sẽ nhờ ông móc túi anh hai này cho cô bác xem chơi ... ề !

Có tiếng cười khoái trá nổi lên ! Hân thêm phần hào hứng. Mặt sáng long lanh, hân liếc bên góc sân tùm tùm cười rười rượi với một thiếu phụ mặt mày còn hơi lảng lảng nước. Hân làm bộ đọc thần chú bá láp một hồi, trình trọng để ông Tồ đứng cạnh hộp, cầm nắp ấn xuống một cái, dờ lên. Hộp không vừa rồi bây giờ có đây bánh ngọt thứ nhỏ bằng đầu ngón tay, y như của bà già ngồi bán ở góc đường.

Trống chiêng đập liên hồi. Hân nghiêng mặt nhìn về ngạc nhiên của khán giả. Một vài tiếng 'ồ', vài tiếng 'ơ' tay. Trẻ con cười vui thích.

Hân khéo lựa nơi trình diễn, một mảnh sân bỏ trống trước dãy phố lầu khá cao, bóng mát che hân rạp hát lộ thiên của hân. Người nào cũng có vẻ hài lòng được xem không tốn tiền. Nhiều người hiếu kỳ đang thả cả bơ ngoài phố cũng ghé lại, ghé nhìn vào. Máy thẳng móc túi thấy có thêm mồi, vận dụng đôi mắt nhiều hơn nữa.

Hân thấy 'Xn' được rồi nhưng không đem đồ nghề ra vội. Hân thả thêm mồi để câu cho chắc ý. Càng đóng càng tốt chứ sao ?



Tay hắn đưa lên. Trống chiêng ngưng lại.

— Đa thừa quý ông, quý bà, quý anh chị em cô bác. Cái này không có hay bằng trò nuốt lửa. Ờ ! Tôi sẽ nuốt lửa như ăn kẹo cho quý ông, quý bà coi chơi..... !

Tùng, tùng, tùng, xoàng !

Một thằng tiểu đồng chạy ra dẹp hộp bánh, le tay bốc bỏ vài cái vào mồm. Nó đem chai dầu lửa, một cây roi và ống quẹt để trên tấm vải trải dưới đất.

Hắn bỏ nón, cầm ve dầu đổ vào mồm ngậm một ít. Tiểu đồng quen thuộc, đốt roi đưa ông chủ. Hắn ngửa mặt lên trời, dùng đầu gối xuống, há họng, cầm roi ấn vào. Lửa cháy từ trong miệng, bay ngọn ra ngoài.

Khán giả vỗ tay, hoan hô ầm ầm.

Hắn ngậm miệng đứng thẳng người phun dầu vào đầu roi. Lửa phùng phùng cháy đánh vào một cái. Nhiều tiếng « ồ » phát ra tiếp theo tiếng « ăn kẹo ».

Người xem bu vào thêm đông, đẩy đám trẻ con ngồi lẫn vào trong vòng.

Hắn khoai chỉ khời hải một câu, sau khi khạc nhổ chất dầu còn trong miệng :

— Mấy em nhỏ ngồi đang ra, coi chừng tao đá một cái trật lất bây giờ.

Có người đứng bên tay phải của hắn cười khúc khích. Hắn vội liếc xem có phải thiếu phụ kia không. Hắn nở nụ cười duyên, đẩy đưa đôi mắt sau đôi gọng gương không có kính.

Trống chiêng đập liên hồi tăng thêm sự háng hái. Hắn thấy cần phải trở nghề chánh. Đã đến giờ rồi. Hắn khời mào trước cho có vẻ xôm tụ hơn là nơi thẳng toạc ra.

Hắn đưa tay. Im bặt :

— Đa thừa quý ông, quý bà, quý anh chị em cô bác cái trò này cũng không hay gì cho lắm. Lửa cháy trong miệng mà không phồng chưa tài bằng lửa cháy đầu mà không rụng tóc. Đây là một bí thuật của tôi khổ tâm tập luyện sau nhiều năm du học ở hải ngoại..... Ờ !

Khán giả giã mình nhún nhau. Có người le lưỡi, hít hà. Chờ một phút cho sự ngạc nhiên « thẩm nhuâm » vào trí mọi người, hắn mới nói tiếp :

— Đa thừa quý ông, quý bà, quý anh chị em cô bác ! Xin vui lòng định đãi lại một vài phút đồng hồ, tôi sẽ diễn trò đốt đầu. Trước khi diễn tôi mạn phép giới thiệu tôi thay mặt cho đoàn quảng cáo của nhà thuốc hiệu Sơn-Dương, chuyên môn bào chế môn thuốc bổ thận rất thần hiệu.....

Nhiều tiếng « ồ » cất lên. Vài người đang ngồi uể oải đứng dậy. Người đẹp của hắn trẻ môi lặc đầu.

Hắn thấy rõ lắm. Hắn biết rõ lắm. Nhà nghề mà lại. Lập tức hắn đổi chiến thuật :

— Tôi nói như thế chứ không phải để bán thuốc như hát sơn đông đầu. Mời quý ông, quý bà định đãi lại, tôi sẽ ca 6 câu vọng cổ thật mùi, mùi kịch liệt cho quý ông, quý bà nghe.

Thằng tiểu đồng đưa hân hai que gỗ. Hân đảo mắt nhìn quanh. Mấy người vừa đứng dậy ngồi trở lại. Hàng ngũ vẫn còn nguyên vẹn. Hân mừng thầm.

— Dạ thưa quý ông, quý bà, tôi có biệt tài vừa đàn vừa ca. Dạ đây là cây đàn « đồ-lông » của tôi sáng chế. Muốn cho nó kêu thanh phải thoa dầu vào cây cò !

Có tiếng cười.

Hân chu mỏ làm bộ hí mũi rồi phun tí nước miếng lên thanh gỗ, dùng khúc kia quẹt qua, quẹt lại.

— Đây là thứ đầu tốt nhất thế giới. Đổng là thứ thiệt là thiệt đơ.

Trẻ con cười rộ lên. Hân nheo mắt để một que lên vai một que kéo lên kéo xuống giữa que ấy, mồm phát ra một tràng dài :

— Eo, eo, ề, eo, eo, ề, eo....

Tiếng cười nhiều hơn. Khán giả tỏ vẻ vui thích lắm.

Mặt trời lên khá cao, ánh nắng gần liếm tới đám người xem hát không mất tiền. Trẻ con nhìn hân không chớp mắt, người lớn kiên nhẫn đứng xem vừa tùm tùm cười. Mấy thằng mót túi vẫn thấp thòm đi vòng quanh chưa giở trò gì được vì những nhân vật kia mắt nhìn nhà cả si không rời chứ hai tay vẫn khư khư giữ chặt túi quần, túi áo.

Thấy có vẻ « ăn » được, hân vội sụp nét mặt xuống như buồn rầu ghé góm lằm, tiếp tục đàn miêng, ề, ề, eo thêm vài câu, đoạn cất tiếng nói lời :

*«Hỡi ơi, thân trắng si ra giữa đêm khuya mưa gió, dưới ánh trăng mờ, mà đau đớn thay người đẹp không ra tận chốn vườn hoa ngỏ đôi lời tiễn biệt ...»*

Hân xoay hân thân mình về phía người thiếu phụ, giương đôi mắt đắm đuối nhìn nàng. Lẽ cố nhiên hân không còn miêng để đàn nên khán giả khỏi mệt tai nghe tiếng mèo kêu. Hân đoán chừng thiên hạ đang mê ly chờ hân «vô 6 câu» nên ngừng lại xoay qua mục tiêu chính:

— Dạ tôi xin mạn phép đình đải lại một vài phút giờ đồng hồ để giới thiệu môn thuốc thần hiệu của ông chủ tôi bảo chế. Dạ đó là thuốc «Thập bát ban bổ thận đại hoàn hườn».

Hân đảo mắt xem chừng có ai rút lui không, nhưng may cho hân lần này chưa có người nào thay đổi dáng điệu. Hân không dám ngừng miêng vội «hót» luôn :

— Dạ thưa thuốc này có cái tên dài như thế là vì ông chủ tôi mình chế bằng mười tám vị thuốc bổ nhất trần gian như sâm, lộc nhung, hải cẩu vân vân ... Dạ thứ thuốc này chuyên trị 18 chứng bệnh thận của đàn ông như mộng tinh, di tinh, lãnh tinh, loãng tinh, huyết tinh, ư, ư ...

Hân không biết đủ mười tám thứ và có lẽ chưa có vị Bắc sĩ nào tìm được nên ư, ư hai tiếng rồi nói nhanh thêm :

— Dạ đàn ông dùng thuốc này được, đàn bà dùng được. Hễ trong mình thấy ế ẩm mệt mỏi, đau lưng, chóng mặt, nhức đầu, uống một viên với nước trà thêm chút muối thì hết ngay.



Mắt hắn sáng ngời lên. tảo qua, đảo lại, «đùng» nhắm khấn giả phải quần đứng dậy chen ra ngoài vòng. Hắn vội đổi giọng :

— Dạ, đoàn quảng cáo chúng tôi có «sứ mạng» giới thiệu thuốc chứ không bán. Bà con nào muốn dùng xin mời vào tiệm của ông chủ tôi ở Chợ lớn đường Sua dứa số 35 nhà thuốc Sơn-Dương nhân hiệu con dê già.

Hắn quát to để giữ những người muốn bỏ đi lại :

— Bây giờ tôi xin hiến quý vị vài đường vò Tàu, mửa độc kiết, một môn võ sở trường của tôi lúc còn ở hải ngoại.

Trống chiêng nổi lên om tời. Hắn cười áo có hai đuôi cái dề trên thùng gỗ, lôi cái áo si-lê ngắn ngủn bỏ sát thân mình ống tre cắm trên hai ống sậy, mang cái ống lon đen ở trên.

Tên tiểu đồng đưa hắn thanh kiếm gỗ, lưỡi sơn trắng. Khán giả tỏ ý thích thú, đứng lại nhìn bằng đôi mắt đầy thiện cảm.

Hắn liếc nhanh người đến, im cười quơ một vòng tròn cây vũ khí giả. Tức thì hai tên tiểu yêu đánh trống và chiêng, rồi sang điệu trống múa lân : tùng tùng xoèng ! Xoèng, tùng tùng !

Hắn rung chân xuống tấn, háit tở rồi múa lia lịa. Không ai biết hắn « đi » bài gì chỉ thấy bộ tướng cá khêu của hầu này chơi chơi, chốc lại đâm dứ tới trước và hự một tiếng, chốc lại chém vút phía sau lưng và hự một tiếng.

Người dân bà đứng bên phải bụm miệng cười khúc khích. Trẻ con vỗ tay, cười vang. Người lớn cũng cười cái trò khá đặc biệt của hắn.

Ánh nắng đã bỏ vào đám khán giả phía ngoài. Vài ông lấy khăn tay để lên đầu. Vài ông đổi chỗ khác. Tổng số vẫn còn nguyên vẹn. Mấy thằng móc túi mê hát cải lương chui vào xem quên « hành nghề ».

Tùng tùng xoèng ! xoèng tùng tùng !

Hắn phát mệt, thở hồng hộc, liền ngừng tay buông kiếm, lại lấy cái ve nước tu một hơi. Hắn không bài tở nhảy ra như các tay võ sư nha nghề, nhưng không ai bắt bẻ hắn.

Thở dốc một hồi, hắn hoàn hồn, mỉm cười gượng gạo :

— Dạ thưa quý ông, quý bà, quý anh chị em, cô bác, mửa xong bài kiếm tôi sẽ múa đồng trụ như Lý-Ngươn-Bá cho quý ông, quý bà xem. Bây giờ tôi xin mạn phép giới thiệu được, học hành không thuộc bài kém trí nhớ. Giá bán trong tiệm bao nhiêu . . . ề !

Hắn hỏi rồi trả lời ngay :

— Trong tiệm bán một hộp 4 hoàn là 100 đồng ? Bà con nhớ kỹ nhân hiệu con dê già của nhà thuốc Sơn-dương số 35 đường Sua dứa Chợ lớn . . . ề !

Hắn vẩy tay ra hiệu, tên tiểu đồng dờ nấp thùng dầy ra giữa sân. Hắn cầm một hộp đưa lên :

— Trong tiệm bán 100 đồng ! Ở đây tôi làm quầy cáo bán 50 đồng thôi mà có tăng thêm một miếng thuốc dán tức, 1 ve dầu cù là ... ế ! Mại vô ! mại vô ! Hôm nay làm quầy cáo tôi chỉ bán 10 hộp thôi, không bán nhiều ế !

Hắn đi vòng quanh đưa hộp thuốc và miếng thuốc dán, ve dầu cù là xem có ai kêu lại không ?

Trống, chiêng nổi lên.

Hàng ngũ khán giả có vẻ lộn xộn, nhiều người rút lui. Có tiếng xì xào :

— Ổ có gì lạ đâu ! Hát Sơn Đồng 'An nam' mà !

— Ké nó ! Chờ xem ông ta đốt đầu không rụng tóc kia ! Mình không mua thì thôi chứ !

— Ổi hơi đầu mà chờ ! Chờ chắc đốt không cháy hay không ?

Hắn đi ba vòng không thấy ma nào ra đấ. lại chứng kiến cảnh rã giềnh hát, lèn đời ngạo chiến lược. Lập tức hắn bỏ thuốc vào thùng đẩy nắp lại. Tay hắn đưa lên. Âm nhạc im bặt. Hắn cười nham duyên, hét to lên :

— Xin quý ông, quý bà, quý anh chị em cô bác đình đài lại một phút giờ đồng hồ để xem tôi đốt đầu không cháy tóc !

Quả thật lời nói có hiệu nghiệm, vài người muốn bỏ đi, nán lại xem có vẻ háo hức lắm.

Hắn lấy ve dầu, cái tổ, cây rọi và ống quẹt để sắp hàng trước thùng thuốc. Hắn xoa tay nói :

— Đa thừa, trò 'áo' thuật này rất nguy hiểm, nếu không phải là tay cừ thì không thể nào diễn được. Tôi xin cất nghĩa trước như này : Đốt đầu ra cái trò này, ế ! Thăm đầu lên cho đầu rụng ế ! Viết một lá bùa đốt ra tro uống vào bụng ế ! Quẹt lửa châm lên ế ! Đầu cháy hết mà tóc không rụng ế !

Nhiều tiếng xì xào nổi lên.

Hắn liếc nhìn 'người đẹp' vừa gấp cái môi dưới trề ra lắc đầu vài lượt, thân mình xoay lại, lùi ra ngoài. Tinh thần hắn xuống nhiều lắm !

Mấy bác ở tỉnh hỏi nhau :

— Không biết ông bán gói thuốc dán và ve dầu cù là thứ này không bao nhiêu hén ?

Mấy thằng móc túi vẫn còn ngồi trao mắt nhìn hắn, quên hẳn 'sứ mạng' !

Hắn giả thích như thể chờ chưa vội thì hành bởi vì mục phiếu chánh của hắn đầu có phải là cái trò ấy. Hắn đổi giọng :

— Tôi xin mạn phép quý ông, quý bà giới thiệu môn thuốc 'Điều kinh bạch đới' của ông chủ nhà thuốc 'Sơn dương' mình chế công hiệu phi thường không thuốc nào bì kịp. Quý bà quý cô có kinh không đúng, tháng trễ, tháng sứt, sanh ra rang tức trước ngực, đau lòi sau lưng, đau bụng ngấm ngấm huyết trắng ra dầm dề...

Có tiếng cười khúc khích trong giới đực rựa. Giới phụ nữ nhún mắt xăm xăm và bỏ đi gần hết. Một bác ở tỉnh lắc đầu kéo nhau rút lui.

Giàn hát rã rời. Ánh nắng lên cao chiếu thẳng vào đầu hắn và đàn trẻ con ngồi xếp vòng quanh.

Tiếng hắn vẫn oang oang, mặc dù mồ hôi hắn tuôn ròng ròng xuống ngực áo.

LÊ HƯƠNG



## HOA HỒNG CỦA BẠCH

Đây chút dáng nội thành  
Trên dốc sau làn công  
Bày tiếc nhớ, hình dung

Một thuở đời hui quạnh  
Chân đi chẳng muốn ngừng  
Em mưa dầu nón lá  
Nắng lửa, guốc mong manh

Những sớm ngày ế ẩm  
Sương tẻ dại ngang đường  
Anh bên em buồn tui  
Lăn vai cầu sắt đen

Sớm nay thành phố Huế  
Mưa có dây sông Hương  
Mộng cũ đường thay đổi  
Vườn rộ mây nhánh bông

Sớm nay tôi khác lạ  
Ao quần băng phiến thơm  
Nhớ người e lệ quá  
Tay ấp đỏ hoa hồng

nguyên đạt  
Sầu bạch nhận

## NHẠN TRẮNG

Đêm nay trận mưa rơi  
Rụng trên nền tiếc nhớ  
Tôi hình dung dáng người  
Tận góc cùng xa lạ

Mưa rào rạt xung quanh  
Kêu đầy trên đất cũ  
Vang vọng tháng ngày qua  
Vang vọng những ước mơ

Tôi đốt thuốc trong đêm  
Hút tận cùng hơi thở  
Run rẩy như gần em  
Trong cánh tay hồi nọ

Ôi đôi thức trong đêm  
rong bóng tối hờn hờ  
Ôi không gian dừng dừng  
Đường xa nơi man thiên

Mưa đều đặn trăm chiều  
Mưa âm âm chất chứa  
Ôi những kẻ tôi yêu  
Như chút lửa, tàn tiêu

NGUYỄN ĐẠT,



## vai trò lãnh đạo của đảng trên mặt trận văn học ba mươi năm nay

**N**GÀY 6-1-1930, là ngày « Hội nghị hợp nhất » tất cả các tổ chức cộng sản ở Việt-Nam để đoàn kết mọi lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp vô sản Việt-Nam, Đảng Cộng sản Đông dương ngày trước, Đảng Lao động Việt Nam ngày nay.

1930—1960, ba mươi năm nay, trong cuộc đấu tranh trường kỳ của nhân dân chống chủ nghĩa đế quốc và bài trừ tàn tích của chủ nghĩa phong kiến, xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hiện độc lập thống nhất nước nhà, Đảng luôn luôn là ngọn đèn pha hướng dẫn cho cách mạng Việt Nam vượt mọi khó khăn để tiến lên không ngừng. Mọi thành tích đã ghi được trong lịch sử của nước nhà ba mươi năm qua đều là kết quả đấu tranh của dân tộc, của nhân dân dưới sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của Đảng đã khôn khéo áp dụng họ. thuyết Mác — Lê-nin vào hoàn cảnh Việt Nam.

Đó là sự thực hiện nhiên trên mặt trận chính trị, kinh tế.

Đó cũng là sự thực trên chiến tuyến văn hóa, trên chiến tuyến khoa học, tư tưởng, nghệ thuật và văn học.

Trong tình cảnh một dân tộc mất nước, trước ngày Cách mạng tháng Tám thành công, nếu như văn học có nhiệm vụ xứng đáng thì nhiệm vụ ấy chủ yếu phải là góp phần vào công cuộc giải phóng dân tộc. Đó là sứ mệnh của văn học đối với lịch sử. Đó cũng là điều kiện thiết thực để văn học có thể tiến hành cuộc cải tạo cho bản thân nó, và trở thành một nền văn học độc lập và tốt đẹp. Văn học phải phục vụ cách mạng thì mới có thể tự cải tạo được và cũng có tự cải tạo thì mới hoàn thành được nhiệm vụ lịch sử của nó.

Nhưng sứ mạng giải phóng dân tộc, sứ mạng giải phóng văn học mà lịch sử đề ra trong tình hình nước nhà lúc này, giai cấp tư sản Việt Nam đã không thể hoàn thành được.

Lịch sử cách mạng đã giành cho giai cấp vô sản cái trách nhiệm khó nhọc, vinh quang ấy.

nguyên văn đăng trong  
**NGHIÊN CỨU VĂN HỌC**

*Tạp san Nghiên cứu, Lý luận.*

*Phê bình, Giới thiệu văn học*

*(đặc san kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Đảng)*

*của Viện Văn Học*

*thuộc Ủy ban Khoa học Nhà nước*

*tác giả*

**ĐẶNG THÁI MAI**

**I**

Bước vào mấy năm 1925—1930, giai cấp tiểu tư sản Việt Nam, đặc biệt là những phần tử trí thức yêu nước, dưới ảnh hưởng của phong trào cách mạng trong nước và cách mạng thế giới, trong một thời gian, cũng đã hăng hái tham gia phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Phản ánh tình hình chính trị hồi đó, văn học của thời đại chưa có một lập trường giai cấp đúng đắn, nhưng nói chung vẫn có một nội dung tương đối lành mạnh. Bọn bồi bút của chủ nghĩa thực dân, trước phong trào yêu nước, chưa dám phơi bày bộ mặt thực của chúng một cách quá lộ liễu. Bên cạnh những nhà văn không « làm chính trị », các nhà xuất bản, các nhà báo có tâm huyết, vẫn có thể xuất bản một số tác phẩm của các nhà văn yêu nước lớp già, lớp trẻ. Ấy là thời kỳ hoạt động của các đảng phái cách mạng Thanh niên, Tân việt, Quốc dân đảng.

Nhưng từ năm 1930, thì tình hình đã khác hẳn.

Trước phong trào cách mạng vô sản vừa nổi lên, chủ nghĩa thực dân nhìn thấy tất cả mọi nguy cơ tri mạng đang đe dọa vận mạng của nó, và đã đem hết mọi thủ đoạn đã mưu ra đối phó với tình hình. Chính sách khủng bố của pháp luật thuộc địa và triều đình phong kiến đã có tác dụng khủng bố tinh thần đối với tầng lớp trí thức tiểu tư sản. Thêm vào đó, cuộc khủng hoảng kinh tế và nạn thất nghiệp trong mấy năm 1930 — 1935 lại càng làm cho họ lo lắng, sợ hãi. Trong lĩnh vực văn học, bọn thực dân đã hết sức xúi dục mọi phương tiện, từ nhà tù đến chế độ kiểm duyệt gắt gao, để bài trừ mọi tư tưởng tiến bộ, bất kỳ dưới hình thức nào. Bao nhiêu nhà văn và chiến sĩ cách mạng đã bị tàn sát hoặc đang rên rỉ trong các nhà tù. Bọn thống trị cố xây dựng nền văn hóa và văn học nô dịch để tranh giành ảnh hưởng với tư tưởng cách mạng. Ngoài lối văn tán tụng bọn thực dân thống trị và bọn phong kiến tay sai của chúng, bọn thống trị chỉ tỏ vẻ « khoan dung » đối với lối văn chương « không nói chính trị » hay là có tính thần « tự do chủ nghĩa » theo quan điểm cá nhân chủ nghĩa là cùng. Chúng biết chắc rằng : như « tự do chủ nghĩa » đó chỉ là cái bánh vẽ để lừa dối một lũ trẻ vô ý thức ; không có tự do thực sự của nhân dân về mặt chính trị, thì chủ nghĩa cá nhân cũng chỉ đi đến chỗ viển vông, tuyệt vọng. Giết ai thứ văn chương ấy ?

Văn học chân chính của dân tộc, của nhân dân, cố nhiên không phải là bị tiêu diệt hẳn. Nhưng nó đã phải đi vào bí mật. Trong một thời gian, văn học công khai, phần được công chúng độc giả tiểu tư sản thưởng thức hơn hết, chính là thứ văn thơ lãng mạn chỉ yêu chuộng hình thức, và nội dung thì tuy có xu hướng chống luận lý phong kiến nhưng vẫn đầy rẫy tinh thần cá nhân chủ nghĩa, theo nhãn sinh quan duy tâm tư sản. Quần chúng lao động còn chưa thoát nạn mù chữ. Văn học hợp pháp chỉ đi tìm công chúng độc giả của



nó trong tầng lớp tiểu tư sản đang hoang mang, giao động mà thôi.

Đến thời kỳ 1935—1939, dưới ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng vô sản, một số tác phẩm có ít nhiều ý nghĩa hiện thực đã bắt đầu xuất hiện. Nhưng phần đông các nhà văn vẫn sung sướng ăn nấp sau cái biểu ngữ « không làm chính trị » để lao đầu vào con đường « tự do chủ nghĩa » và ca ngợi tự do ái tính, tự do cá nhân và chủ nghĩa anh hùng viên vông. Tất cả cống hiến của văn chương thời này là những tìm tòi về kỹ thuật biểu hiện và những cố gắng để phân tích tâm lý của con người tiểu tư sản. Rồi đến ngày chiến tranh thế giới bùng nổ. Đế quốc Pháp bại trận (1940). Khi đó làng văn đã hoàn toàn vỡ mộng. Một số đã đi sâu vào chủ nghĩa cá nhân hơn nữa, vào huyền bí, vào chủ nghĩa hư vô... Và một số nữa thì say sưa với cái mà chính sách tuyên truyền của bọn phát-xít Nhật bản gọi là chủ nghĩa « Đại Đông Á ». Cho nên, trong mấy năm đó, khi chủ nghĩa cá nhân đã bước vào quãng đường bế tắc, thì trên đà phát triển mới của văn học công khai, chúng ta lại thấy nảy nở bên cạnh xu hướng siêu thoát, huyền bí, cả một luồng tư tưởng cực đoan, theo đà « chủng tộc chủ nghĩa ».

Tuy vậy, trên đà phân hóa của phong trào, vào khoảng vài ba năm trước khi đại chiến thế giới lần thứ hai kết thúc, một số nhà văn đã bắt đầu cảm thấy cần phải đi tìm con đường khác. Ấy cũng vì phong trào cách mạng dân tộc do Đảng lãnh đạo đã bắt đầu bành trướng và ảnh hưởng đến tâm trạng của giới trí thức.

Trong lĩnh vực văn học, quan điểm của Đảng là đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, trên lập trường đại chúng lao động mà giải quyết vấn đề lý luận văn học, chống chủ trương « nghệ thuật vì nghệ thuật » của

văn học phong kiến và văn học tư sản phản động.

\*

Ngày nay, đọc lại các văn kiện về chủ trương chính sách của Đảng mấy năm trước Cách mạng tháng Tám, ta thấy rằng : trong thời kỳ đầu, có mấy năm, mặt trận lý luận văn học dường như bị bỏ trống. Tình trạng đó không có gì là khó hiểu nếu ta nghĩ đến những điều kiện vô cùng gay go, — có những ngày hết sức bị kịch, — của đấu tranh cách mạng thời kỳ 1930-1945. Vấn đề sinh tử trong mấy năm đó, trước hết là lãnh đạo quần chúng tiến hành cuộc đấu tranh chính trị với một kẻ địch tàn bạo hết chỗ nói. Để duy trì phong trào, Đảng đã phải ném vào công tác chính trị tất cả các cán bộ có trình độ văn hóa cần thiết cho công tác tuyên truyền cổ động để giác ngộ quần chúng công nông. Trong hoàn cảnh quyết liệt hồi ấy, vận động văn học không thể xem như một công tác thượng khải. Một mặt nữa, trong tình thế của một chính đảng bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, chỉ có thể hoạt động trong bóng tối, thiếu hết những điều kiện vật chất tối thiểu, thì vận động văn học, kể cả mấy năm Đảng có thể hoạt động nửa bí mật, nửa công khai cũng vậy, vẫn luôn luôn bị ngăn cản, bóp chẹt. Dưới chế độ kiểm duyệt gay gắt của chính quyền thực dân, quan điểm văn học tiến bộ, nếu thỉnh thoảng có muốn bàn đến, thì cũng phải đưa ra một cách rất nhu mì khéo léo, mới có thể lên khuôn in trôi lọt. Ấy là chưa nói đến vấn đề tâm trạng của tầng lớp độc giả tiểu tư sản hồi đó. Đối với tư tưởng cách mạng, thái độ của số đông trong bọn họ là « kính nhi viễn chi ».

Sự thực thì trong thời kỳ này, công tác chính là truyền bá tư tưởng cách mạng vào quần chúng công nông. Từ ngày mới thành lập, Đảng luôn luôn chú trọng đặc biệt đến

vấn đề giác ngộ quần chúng. Nghị quyết của Hội nghị toàn thể Trung ương lần thứ nhất, tháng 10-1930, đã nêu công tác phổ biến mục đích chủ trương chính trị của Đảng vào đại chúng công nông làm một 'nhiệm vụ cần kíp':

*"...Đảng phải mở rộng việc tuyên truyền cổ động ra (báo, sách, truyền đơn, diễn thuyết, v.v...) Tài liệu huấn luyện phải viết cho rõ ràng dễ hiểu và in cho sạch sẽ."*

Và từ đó về sau, tất cả các nghị quyết và chỉ thị của Trung ương luôn luôn nhắc nhở các cấp bộ chú ý đến việc giáo dục quần chúng, đến nội dung, hình thức trong công tác tuyên truyền của Đảng, đến việc đào tạo cán bộ, và rút kinh nghiệm công tác để báo chí của Đảng có thể thỏa mãn nhu cầu đấu tranh chống mọi luồng tư tưởng phản động của bọn thực dân, bọn phong kiến, bọn cải lương cơ hội chủ nghĩa và bọn tờ-rốt-kit khiêu khích, phá hoại.

Trong tình hình một nước lạc hậu, khi 95% nhân dân còn mù chữ, vận động văn hóa phải 'làm từ đầu làm đến'. Trước hết là phải làm cho quần chúng biết đọc, biết viết. Cho nên ngay từ lúc phong trào cách mạng vừa mới bắt đầu nhóm lên vào khoảng 1930, các chi bộ địa phương đều đã ra sức cổ động nhân dân học chữ quốc ngữ để có tài đọc sách, đọc báo. Một mặt nữa đồng thời với việc cổ động học chính trị Đảng cũng đã gây được phong trào chống mê tín, hủ tục ở nông thôn. Nhờ đó, trong thời kỳ Xô-viết Nghệ Tĩnh, văn học cách mạng có tính chất bình dân đã nảy nở khá rộng. Mấy năm sau, văn học bình dân càng ngày càng phát triển. Yếu tố dân chủ đã rõ rệt trong thơ ca cách mạng của thời đại.

Bước vào thời kỳ Mặt trận Bình dân, khi Đảng có thể hoạt động công khai trong một phạm vi nhất định, thì do chủ trương của Đảng, công tác chống nạn mù chữ được xúc tiến thành hẳn một cuộc vận động phổ biến

với Hội truyền bá quốc ngữ. Phương tiện tiếp thu tư tưởng mới đó đã được giao lại cho quảng đại quần chúng.

Tuy vậy, trong lĩnh vực văn học, mặt trận lý luận cũng không phải là hoàn toàn bỏ ngõ cho địch. Trong mấy năm trước sau ngày thành lập Mặt trận dân chủ Đông dương, dưới ảnh hưởng của tư tưởng mác-xít, một số đảng viên đã bắt đầu mở cuộc bút chiến với quan điểm duy tâm về văn học. Hai cuộc tranh luận chung quanh vấn đề 'Duy vật và duy tâm' và vấn đề 'Nghệ thuật vị nhân sinh và nghệ thuật vị nghệ thuật' đã gây được ít nhiều đồng tình trong giới văn nghệ. Ít ra nó cũng đã ghi rõ cương vị của chủ nghĩa mác-xít ra trên mặt trận tư tưởng, văn học. Một mặt nữa, Đảng cũng đã quan tâm giới thiệu văn học tiến bộ của thế giới, Cơ quan tuyên truyền công khai của Đảng hồi đó đã bắt đầu giới thiệu cùng bạn đọc những tác phẩm văn nghệ tiến bộ văn học thế giới, nhất là văn học Liên xô. Do đó, văn học hiện thực và hiện thực xã hội chủ nghĩa đã được nhiều nhà văn và bạn đọc thanh niên chú trọng. Chính vì vậy mà văn học thời kỳ này đã có một nội dung tư tưởng khác hẳn thời kỳ trước. Một số tác phẩm đã có xu hướng hiện thực rõ rệt. Các nhà văn đã đặc biệt quan tâm đến đề tài xã hội. Cách giải quyết đề tài cũng đã có một phương hướng mới. Con người lao động đã có một địa vị, một khi sắc mới, một tư thế khác hẳn các tác phẩm thời kỳ trước, Văn thơ không phải chỉ ngồi than vãn về thể đạo nhân tâm, trước những điều bất công của xã hội, mà đã bộc lộ ý chí muốn sửa đổi cái xã hội bất công ấy. Thơ trữ tình cũng đã phát triển theo chiều hướng cách mạng. Đường lối đấu tranh của Đảng trên mặt trận văn học không những chỉ có ảnh hưởng đối với các nhà văn « đã có tên tuổi ». Nó còn bồi dưỡng được cả một thế hệ thanh niên. Trên cơ sở đã tiến bộ chung của thơ ca, thơ Tố Hữu

vai trò lãnh đạo của...



đã bắt đầu nêu một phương hướng mới và đã ghi được những thành công rực rỡ....

Nhưng với năm 1939, cục diện chính trị đã biến chuyển dữ dội. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Hoạt động cách mạng một lần nữa lại đi vào bí mật. Cho đến năm 1942, vì những điều kiện chủ quan, khách quan, vì phải tập trung tất cả lực lượng vào đấu tranh chính trị, vì chưa có cán bộ phụ trách với một nhận thức thấu triệt và toàn diện về mặt trận văn hóa, về đặc tính của văn học, cho nên vận động văn học về phần lý luận chỉ có thể tiến hành một cách gián đoạn. Phải chờ đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám năm 1943, thì bản *Đề cương văn hóa* có tác dụng chỉ đạo rõ rệt mới được công bố.

Bản *Đề cương văn hóa* 1943 là một văn kiện lịch sử đã đánh dấu một chuyển hướng rõ rệt về phương diện lãnh đạo văn hóa, và đồng thời đã nêu rõ một phương hướng cũng với những nguyên tắc thiết thực cho công cuộc xây dựng văn học cách mạng.

Bản đề cương được công bố giữa lúc một bầu không khí âm ảm đang bao phủ lên trên đời sống tinh thần của nước nhà. Trước những mâu thuẫn gắt gao, phức tạp đang cấu tâm về nhân sinh, nghệ thuật đều đã lâm vào cảnh phá sản. Bao nhiêu mộng mị của chủ nghĩa cá nhân cực đoan, từ chủ nghĩa anh hùng viễn vông cho đến chủ nghĩa anh hùng tham vọng hoặc tầm thường hoặc không tưởng như tự do luyện ái, tự do mơ « rượu, đàn bà, mộng và thơ » đều là bấy nhiêu chuyện hão. Không có lập trường chắc chắn, không liên hệ với cuộc đấu tranh của dân tộc, của nhân dân, không có một phương

châm sáng tác đúng đắn, « anh hùng ca » của thời đại chỉ xây dựng được những nhân vật đi mây về gió, hoặc múa may nhảy nhót theo bộ điệu của các vai lặc trong tiểu thuyết cổ, hoặc gàn dở, âm thầm, ngái ngủ giữa một cuộc đời biến động, rối reng, ghê lạnh, vô tình. Trong khi đó thì thơ ca trữ tình cũng đi tìm đường « thoát ly » trong mộng ảo huyền bí, để rút cục tự hủy hoại trong chủ nghĩa hư vô nếu không rơi tòm vào trong miệng hổ truy lạc của một lối sống dâm ô, trác táng.

Lớp văn nghệ sĩ trẻ tuổi đã nhìn thấy cơ ngơi phá sản của cả một thế hệ « dân anh » đang chờ đợi một ngọn đèn, một ánh sáng mới.

Giữa lúc ấy thì Đảng đã tới với họ chỉ cho họ một đường đi, một lối thoát.

Bản đề cương lịch sử 1943, sau lúc đã phân tích tinh chất của xã hội Việt nam dưới ách phát-xít Nhật — Pháp, sau lúc đã nêu rõ mối nguy cơ đang đe dọa đời sống tinh thần nước nhà, đã chỉ cho mọi người thấy con đường giải phóng đồng thời với viễn cảnh của văn hóa dân tộc sau khi được giải phóng :

« Văn hóa dân tộc Việt nam sẽ do cách mạng dân chủ thắng lợi mà được cởi mở, xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hóa tân dân chủ thế giới ».

Bản đề cương đã trình bày mấy điểm căn bản trong vấn đề cách mạng văn hóa theo quan điểm của Đảng : quan hệ mật thiết giữa cách mạng văn hóa và cách mạng chính trị ; sự cần thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ; con đường tương lai là con đường xã hội chủ nghĩa ; và giải phóng dân tộc là điều kiện cần thiết cho công cuộc giải phóng văn hóa.

Bản đề cương, lần đầu tiên, đã nêu lên ba nguyên tắc cơ bản của việc vận động văn hóa, văn học mới trong giai đoạn cách mạng

hỏi này : dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa. Lần đầu tiên, nguyên lý Mác — Lênin, tư tưởng Mao Trạch-dông về vấn đề xây dựng văn hóa dân chủ mới, được nêu thành nguyên tắc chỉ đạo trong chính sách văn hóa của Đảng. Và để bảo đảm sự thực hiện ba nguyên tắc cơ bản đó, Trung ương Đảng, một lần nữa, lại nhấn mạnh về sự cần thiết phải đấu tranh chống những xu hướng bảo thủ, chiết trung (A) lập dị, bí quan, thần bí ; chống chủ nghĩa duy tâm và chủ trương quá trốn, máy móc của bọn tờ-rốt-kit.

Phương hướng xây dựng văn học cách mạng đã đặc biệt được chú trọng. Đảng nhắc nhở các nhà văn hóa mác-xít trong nước rằng : những nhiệm vụ cần kíp trước mắt trong lĩnh vực văn học là cần phải đấu tranh chống những trào lưu văn nghệ lạc hậu để đảm bảo thắng lợi của chủ nghĩa hiện thực ; phải tiếp tục chống nạn mù chữ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, cố gắng làm cho tiếng nói của dân tộc được trong trẻo, chính xác, phong phú hơn, và tiến tới ổn định ngữ pháp tiếng Việt, cải cách chữ viết. Bản đề cương cũng bắt đầu nêu rõ sự cần thiết phải tổ chức các nhà văn để đấu tranh cho quyền lợi thiết thực của giới văn nghệ.

Chúng ta thấy rằng : bản Đề cương văn hóa 1943 đã bồi đắp một sự thiếu thốn lớn trong chương trình hành động của Đảng các giai đoạn trước. Tinh dân tộc chưa được chú trọng đúng mức mấy năm trước, từ nay, đã được nêu lên hàng đầu, đó là một điểm đặc biệt quan trọng. Khi giai cấp vô sản đã nhận nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thì tinh dân tộc đương nhiên phải là nguyên tắc căn bản của văn học cách mạng. Đảng cũng đã chỉ rõ tính chất đại chúng của nền văn học tương lai : nó không phải là độc quyền của một số ít mà là của giai cấp cần lao của nhân dân, như Lê nin đã có dịp nhắc đi nhắc lại (A). Một điểm

quan trọng nữa là tinh thần khoa học trong văn học cách mạng của Việt-nam : muốn phục vụ dân tộc, phục vụ đại chúng cho đắc lực thì không thể loay hoay mãi trong khuôn sáo chủ nghĩa duy tâm, đam mê với chủ nghĩa hình thức, mà phải phản đối tinh thần huyền bí và phải vạch rõ cho mọi người thấy bước đường thắng lợi tất nhiên của cách mạng dân tộc, của cách mạng nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa theo phương hướng chủ nghĩa dân chủ mới.

★

Với năm 1943, tình hình chiến sự trên thế giới cũng như vận động cách mạng trong nước đã bắt đầu biến chuyển mãnh liệt. Trận tuyến phe Trục ở châu Âu, cũng như ở Thái bình dương bắt đầu lệ về dưới thế. Ở trong nước, mâu thuẫn giữa bọn phát-xít Nhật với bọn thực dân Pháp mỗi ngày một gay gắt thêm. Đảng tích cực mở rộng mặt trận dân tộc chung quanh khối công nông liên minh và xây dựng lực lượng vũ trang để chuẩn bị khởi nghĩa. Dưới ảnh hưởng chính trị của Đảng, các cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân chống sự bóc lột, hà hiếp của bọn Pháp và Nhật lại càng ngày càng tiến triển. Sau đó, với những thắng lợi đầu tiên của các đội « Tuyên truyền giải phóng quân » từ căn cứ Việt Bắc, uy tín của Đảng, của Mặt trận Việt Minh đối với các giới văn hóa, văn học, cũng như đối với nhân dân, ngày càng lan rộng và đi sâu.

Chính nhờ đó mà văn học công khai trong một, hai năm trước cách mạng đã có một chuyển hướng mới. Lý luận văn học, dưới ảnh hưởng của bản Đề cương văn hóa, đã bắt đầu chú ý đến nguyên tắc sáng tác văn học mới. Trên báo chí, sách vở, đã có những bài nghị luận bàn đến tinh thần dân tộc, khoa học, đại chúng trong văn học. Lưới kéo kiêu duyệt của



bọn thực dân thống trị lệ cổ nhiên vẫn hết sức gay gắt. Cái mà bọn chúng e ngại nhất không phải là cái tinh thần « chủng tộc chủ nghĩa », cực hữu, hay cái tư tưởng duy vật mà chúng sợ hơn hết là tinh thần cách mạng dân tộc và dân chủ theo quan điểm khoa học Mác-Lê-nin trong cương lĩnh đấu tranh của Đảng trên mọi mặt trận. Trong lĩnh vực sáng tác, xu hướng hiện thực đã có những nét chắc chắn, bạo dạn. Hứng thú của quần chúng độc giả đã quay lưng hẳn với thứ văn học lãng mạn ủy mị, tiêu cực. Thơ văn cách mạng từ trong bốn vách tường của các nhà lao thực dân phong kiến cho đến bao nhiêu tờ báo bí mật của Đảng trong thời kỳ 1943-1945, đã có một cảnh tượng phồn vinh rõ rệt. Số lượng nhiều và chất lượng cũng đã được đề cao về cả hai phương diện nội dung và hình thức.

Đầu năm 1944, Trung ương Đảng đã có thể triệu tập một số văn nghệ sĩ có cảm tình với Đảng để thảo luận về ba cương lĩnh đề ra trong *Đề cương văn hóa 1943*. Hội Văn hóa cứu quốc được thành lập, và lợi dụng mọi cơ hội để tiến hành đấu tranh công khai trên mặt trận văn học theo đường lối chủ trương của Đảng.

Trong bầu không khí nồng nực, rộn rịp của tinh thần cách mạng, trước yêu cầu cấp bách phải chuẩn bị ráo riết về chính trị và quân sự lúc bấy giờ, sáng tác văn học chưa có dịp nghiên cứu sâu sắc và thử nghiệm đầy đủ ba nguyên tắc cơ bản đề ra trong *Đề cương*. Nhưng vận động văn học đã có một quan niệm chính xác, một phương hướng rõ rệt. Đảng đã chỉ rõ cho người sáng tác văn nghệ một lối thoát, đã giao phó cho văn học một nhiệm vụ xứng đáng : nhiệm vụ cải tạo xã hội. Đảng cũng đã nêu rõ những phương châm thiết thực để xây dựng một nền văn học dân tộc mới mẻ,

phong phú. Mọi người đều thấy rằng văn hóa văn học phải phục vụ chính trị, phục vụ cách mạng dân tộc. Tổ chức Văn hóa cứu quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng từ đó đã thành một lực lượng cách mạng trong hàng ngũ cứu quốc, làm nòng cốt cho vận động văn học sau này.

Đó là ý nghĩa lớn lao của bản *Đề cương văn hóa 1943* đối với vận động lãnh đạo văn học.

## II

Cách mạng tháng Tám là một kỳ tích lịch sử, mà ý chí quyết cường của nhân dân Việt nam đã thực hiện rất nhanh gọn, dưới sự lãnh đạo kiên quyết của Đảng.

Chỉ trong thời gian hai tuần lễ, cuộc tổng khởi nghĩa đã lật đổ chính quyền phản động và xây dựng chính thể dân chủ cộng hòa. Với sự thành lập chính quyền nhân dân, Đảng đã xây dựng điều kiện cơ bản cho công việc kiến thiết quốc gia về mọi mặt. Nhưng mười lăm năm nay, trước tham vọng điên rồ của bọn đế quốc, bọn thực dân phản động Pháp, rồi đến bọn tư bản hiếu chiến Mỹ cấu kết với một lũ Việt gian bán nước, dưới ngọn cờ yêu nước của Đảng, nhân dân toàn quốc đã đứng lên chống bọn xâm lăng. Giai đoạn chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi (1954). Nhưng sau đó cuộc chiến đấu lại tiếp tục để đánh tan âm mưu chia rẽ của đế quốc Mỹ và thực hiện thống nhất nước nhà. Theo phương châm đấu tranh của Đảng, trong thời gian năm năm vừa qua, nhân dân ta ở miền Bắc cùng với tất cả đồng bào tập kết đang cố gắng xây dựng miền Bắc vững mạnh để tranh thủ miền Nam và thực hiện thống nhất nước nhà.

Trong cuộc đấu tranh chung, mười lăm năm nay, văn nghệ sĩ của chúng ta từ Bắc chí Nam luôn luôn được sự giúp đỡ của Đảng để

« phần đầu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội » (1).

Đảng luôn luôn nhắc nhở các bạn công tác văn nghệ rằng : giá trị chân chính của văn học nghệ thuật là ở chỗ nó phục vụ nhân dân, phục vụ dân tộc, phục vụ chính nghĩa. Trong mấy năm kháng chiến cũng như trong giai đoạn đấu tranh ngày nay, Đảng đã không sao nhãng một dịp nào để xây dựng những điều kiện khách quan, chủ quan thuận tiện cho sự tiến bộ của tất cả cán bộ công tác văn hóa. Xuất phát từ nguyên tắc cơ bản là cuộc cách mạng văn hóa phải bắt đầu với công cuộc cải tạo tư tưởng, Đảng đã giúp đỡ anh chị em công tác văn nghệ học tập chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đi vào thực tế, thực tế đấu tranh quân sự và kinh tế trong thời gian kháng chiến và cải cách ruộng đất, thực tế đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà trong giai đoạn hiện nay. Trên lập trường của giai cấp công nhân, Đảng đã giúp đỡ anh chị em sáng tác văn nghệ thanh toán những ý kiến lạc hậu trong quan điểm văn học nghệ thuật, để có thể giải quyết thỏa đáng những vấn đề chuyên môn theo ba nguyên tắc dân tộc, khoa học và đại chúng. Đảng luôn luôn chú ý bồi dưỡng tư tưởng cán bộ văn nghệ để cho công trình sáng tác cũng như công trình nghiên cứu và xây dựng lý luận ngày càng phong phú, tiến bộ.

★

Từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946, chính quyền nhân dân vừa mới thành lập đã phải đối phó với một tình hình chính trị cực kỳ khó khăn. Cả một lũ chính khách cơ hội chủ nghĩa trước đây vẫn liên kết với bọn thực dân Pháp-bọn quân phiệt Nhật, hoặc bọn Tưởng Giới-Thạch, hồi này lại nhân dịp quân đội đồng minh đổ bộ lên đất nước chúng ta để vỗ ngực

chạy ra mưa may, nhảy nhót, tiến hành công tác phá rối, chia rẽ nhân dân, làm tối tăm cho đế quốc, để thực hiện dã tâm tranh quyền kiểm soát lợi cho cá nhân của chúng. Đời sống chính trị do đó đã trải qua những ngày tháng khá rối ren. Nhưng chính sách đại đoàn kết của Hồ Chủ tịch và của Đảng đã phá tan được mọi âm mưu của chúng, và thực hiện được sự nhất trí trong toàn dân từ Bắc chí Nam và do đó có thể chuẩn bị lực lượng để đối phó với cục diện khi bọn thực dân Pháp trở mặt và gây chiến tranh với nhân dân ta cuối năm 1946.

Đời sống văn nghệ trong thời gian đó cũng phản ánh cả một cảnh tượng lộn xộn, phức tạp.

Sau ngày độc lập, trước cao trào cách mạng và trong đà hào hứng của toàn dân, phần đông văn nghệ sĩ trẻ, từ giờ đầu đã hăng hái tham gia phong trào cứu quốc với tất cả nhiệt tình của lứa tuổi. Nhưng một số người vẫn do dự : họ phát ngợp trước ý niệm văn học cách mạng, văn học đại chúng, văn học phục vụ chính trị, phục vụ nhân dân. Tư tưởng nghệ thuật vị nghệ thuật vẫn bám sâu vào đầu óc khá nhiều văn nghệ sĩ có tên tuổi. Tuy vậy, thái độ dè dặt, thái độ bàng quan đó chưa phải là tình trạng nguy hiểm. Và lại rồi đây, trước sự phát triển của tình hình, phần lớn các nhà văn có lương tâm và có tinh thần dân tộc sẽ chuyển hướng và vui lòng đi theo đường lối của Đảng. Cái trở lực lớn trong thời gian này là bọn phản động tàn ác trong các tổ chức phản cách mạng, nhóm «Việt quốc» của Nguyễn Tường Tam, «Việt cách» của Nguyễn Hải Thần, bọn Duy dân, bọn Đại Việt, bọn tờ-rốt-kit, lợi dụng tình hình chưa ổn định của cách mạng, liên lạc với bọn thực dân Pháp hay bọn Tàu vàng Tưởng Giới-Thạch để phá rối. Bọn tờ-rốt-kit trong nhóm Hàn Thuyên đã đứng ngay

(1) Lời đồng chí Trường Chinh trong bài nói chuyện ở Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai.



ra từ chức cái mà chúng gọi là "Ủy ban văn hóa Bắc bộ". Chúng đã cấu kết với một lũ cơ hội chủ nghĩa lập hội, diễn thuyết, ra báo viết sách để phản tuyên truyền về chính trị, và đề đấu tranh cho tư tưởng phản cách mạng trên chiến tuyến văn học, nghệ thuật. Tất cả hoạt động của chúng đều nhằm mục đích giành quyền lãnh đạo với Đảng, làm cho văn nghệ sĩ tách rời hẳn quần chúng, quay lưng lại với nhân dân, với thực tế đấu tranh cách mạng.

Nhưng tất cả cố gắng của bọn phản động đã thất bại. Sự thắng lợi của Đảng trong vận động văn hóa lần này trước hết là do đường lối đấu tranh chính trị của Đảng với chính sách đại đoàn kết hết sức quang minh, chính đại. Về mặt văn hóa, dưới sự quan tâm của Hồ Chủ tịch, hai cuộc vận động lớn, công tác *chống nạn mù chữ* và phong trào *đời sống mới* đã được phát động trong phạm vi toàn quốc và đã ghi được những thành tích rõ rệt. Trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, một chủ trương có tác dụng trực tiếp mạnh mẽ về mặt chính đôn lập trường tư tưởng là việc tập hợp anh chị em văn nghệ sĩ vào hàng ngũ văn hóa cứu quốc. Hội nghị văn hóa cứu quốc họp đầu tháng 10-1946. Dựa vào lực lượng văn hóa cứu quốc, Đảng lại triệu tập Đại hội văn hóa toàn quốc vào cuối tháng 10-1946. Các buổi thảo luận chưa thể đi sâu vào ba nguyên tắc cơ bản trong đề cương 1943, cũng chưa đi tới nhất trí về vấn đề đại chúng và khoa học. Nhưng đối với tối đại đa số thành viên Đại hội, chủ trương của Đảng về phương hướng công tác văn học nghệ thuật đã thống nhất được ý chí trên quan điểm văn nghệ phục vụ đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, đấu tranh để thực hiện thống nhất nước nhà, Cuộc chiến đấu anh dũng của đồng bào miền Nam, tinh thần yêu nước của nhân dân toàn quốc, chính sách sáng suốt, cương quyết và mềm dẻo của Đảng trong thực tế đấu tranh chính trị, nhất là lời căn dặn của Hồ Chủ tịch với Đại

hội trong buổi khai mạc về tinh thần và nhiệm vụ văn hóa mới đã đã thông được phần lớn những thắc mắc của con người tiểu tư sản. Sau Đại hội, một số văn nghệ sĩ đã lên đường đi vào đại chúng, vào bộ đội, đi vào "mặt trận Nam bộ".

Nhưng chưa đầy một tháng sau Đại hội văn hóa toàn quốc thì những cuộc khiêu khích liên tiếp, có hệ thống, ngày càng trắng trợn của bọn thực dân Pháp đã xóa hết mọi khả năng đấu tranh theo đường lối chính trị hòa bình. Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Hưởng ứng lời hiệu triệu của Đảng, của Hồ Chủ tịch, toàn dân ta đã đứng lên kháng chiến cứu quốc. Văn nghệ sĩ nước nhà cũng tiến bước cùng nhịp với dân tộc. Cuộc thử thách sẽ gian khổ lâu dài. Nhưng Đảng đã động viên tinh thần người công tác văn nghệ, đã giác ngộ họ, đã tổ chức họ vào trong mặt trận cứu quốc. Tư tưởng giới văn học, nghệ thuật đã bạo dạn chuyển hướng lên con đường đấu tranh cho dân tộc, cho chính nghĩa.

Từ ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ thì sự thực hàng ngũ văn hóa cứu quốc đã biến thành một bộ phận của lực lượng kháng chiến, thành một bộ phận văn hóa kháng chiến. Trong tình hình tác chiến, nhất là mấy năm đầu, Đảng và Chính phủ mặc dầu phải giải quyết những khó khăn dồn dập trên mặt trận chính trị, quân sự, vẫn luôn luôn quan tâm đến việc vận động văn hóa để làm cho văn hóa có thể đóng góp vào kháng chiến. Các nhà khoa học, kỹ thuật đều được bố trí theo năng lực vào các cơ quan chuyên môn như y tế, kinh tế, tài chính, quân y, quân nhu, quân giới, giao thông công chính, hoặc vào các cơ quan kháng chiến hành chính, v.v...

Một số khá đông văn nghệ sĩ cũng đã nhận phần trách nhiệm của người công dân và đã tham gia các ngành hoạt động hành chính, giáo dục,

Bà đội hoặc tuyên truyền ở tiền tuyến hay nông thôn. Trên quá trình hoạt động chuyên nghiệp của văn nghệ từ lúc đầu cũng đã có những sáng tác thành công, đặc biệt là về âm nhạc, hội họa và diễn kịch. Nhưng nếu như phần lớn anh chị em văn nghệ đều công nhận rằng văn nghệ phải phục vụ kháng chiến, thì khi nghĩ đến sáng tác, đến giá trị của tác phẩm, nhiều thắc mắc vẫn tồn tại, cần phải giải quyết.

Trước hết có những văn nghệ sĩ vẫn lo ngại rằng : văn nghệ kháng chiến chỉ là câu chuyện tuyên truyền, câu chuyện phục vụ trước mắt, không thể có giá trị lâu dài. Có người nghĩ rằng : văn nghệ sĩ phục vụ mục đích chính trị thì sẽ phải hy sinh cái vĩnh cửu cho cái nhất thời, phải bó hẹp đề tài trong phạm vi thiết thực. Tự do của con người sáng tạo do đó sẽ bị hạn chế. Nói đến đối tượng, thì họ vẫn e ngại là sáng tác nếu nhăm vào đám đông giả, thánh giả, khán giả trong quần chúng công nông, thì văn nghệ sẽ đi đến chỗ tầm thường, dung tục, không thể nào đạt tới mức văn học nghệ thuật «cao cấp». Cho nên đã có xu hướng chủ trương rằng văn nghệ phải được tự do tuyệt đối, phải nghĩ đến giá trị vĩnh cửu, không nên phục vụ một mục đích chính trị. Nghĩa là họ muốn trở về với quan điểm văn nghệ tiểu tư sản, chủ nghĩa duy mỹ siêu thực. Quan niệm nghệ thuật cũ rích của giai cấp tư sản đòi truy lại xuất hiện. Lỗi lý luận đó có nhiên chỉ có thể gây những ảnh hưởng tai hại cho văn nghệ kháng chiến nói riêng, cho văn nghệ cách mạng, văn nghệ tương lai của dân tộc nói chung.

Quan điểm sai lầm ấy là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân với những ý nghĩ viển vông, những tình cảm lạc lõng. Con đường kháng chiến là con đường gian khổ. Họ chưa hòa hợp với vận mệnh của dân tộc, chưa có một ý thức vững chắc, do đó mà dễ dàng đi tới tâm trạng thất vọng, bi quan. Muốn cho văn nghệ tiến bộ, trước hết phải cải tạo tư tưởng của văn nghệ sĩ(A)

Chính sách của Đảng trong thời kỳ kháng chiến là giúp văn nghệ sĩ hiểu rõ lập trường văn hóa của chủ nghĩa mác xít, đi vào thực tế đấu tranh, sống với quần chúng, đề cao tạo bản thân mình và xác định một lập trường tư tưởng đúng đắn.

Đề cao tạo và bồi dưỡng tư tưởng cho giới văn hóa và văn nghệ, trong thời gian kháng chiến, Đảng đã triệu tập Đại hội văn hóa toàn quốc năm 1948. Rồi từ năm 1950 đến ngày hòa bình lập lại, Đảng đã mở những lớp chính huấn và tổ chức những đợt văn nghệ sĩ đi vào thực tế trong mấy năm thực hiện giảm tô giảm tức và cải cách ruộng đất.

Đại hội văn hóa toàn quốc đã họp trong năm ngày (16—20 tháng 7-1948) dưới dấu hiệu của thời kỳ kháng chiến, của văn hóa kháng chiến. Trong Đại hội, đồng chí Trường Chinh đã thay mặt Trung ương đọc bản báo cáo hết sức xúc tích và rõ ràng dưới đầu đề *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt nam*. Sau lúc đã trình bày những điểm chính trong học thuyết mác xít về vấn đề văn hóa, đã tóm tắt quá trình phát triển của văn hóa Việt nam từ xưa đến nay, đồng chí đã nêu rõ tính chất và nhiệm vụ văn hóa dân chủ mới của dân tộc Việt nam. Diễn giả cũng đã chỉ rõ vị trí của *Mặt trận văn hóa thống nhất trong Mặt trận dân tộc thống nhất* và vị trí của Việt nam trong mặt trận dân chủ thế giới. Phần cuối bản báo cáo đã đề ra mấy phương châm thiết thực về sáng tác văn học và nghệ thuật.

*Bản báo cáo là một văn kiện có ý nghĩa và tác dụng chỉ đạo phong trào văn nghệ kháng chiến.* (A) Lần đầu tiên quan điểm mác xít về văn hóa được chính thức giới thiệu với các nhà công tác văn hóa Việt nam một cách có hệ thống. Lần đầu tiên, vấn đề xây dựng văn hóa nước nhà được trình bày với tầm quan trọng đúng mức, trên tinh thần áp dụng học thuyết Mác — Lê-nin vào thực tế Việt nam. Bài nói

Vai trò lãnh đạo của...



chuyện đã bổ sung một số điểm có tính chất lý luận mà bản *Đề cương văn hóa* 1943 mới chỉ phác ra bằng mấy nét lớn. Diễn giả đã nhắc lại ba nguyên tắc *dân tộc khoa học* và *đại chúng* để phát triển giải thích làm cho trình độ giả có thể nhận rõ nội dung cụ thể của mỗi khái niệm nói riêng đồng thời với mối liên quan cơ động giữa ba khái niệm với nhau.

Bản báo cáo, trong khi nói đến nguyên tắc sáng tác văn học mới, cũng đã phê phán những lệch lạc trong nhận thức của một số văn nghệ sĩ về lý luận sáng tác. Khuôn khổ một bài nói chuyện chưa cho phép nêu vấn đề lý luận sáng tác văn nghệ một cách toàn diện, nhưng vấn đề nêu lên cũng chưa giải quyết được thấu triệt. Tuy vậy, diễn giả đã giúp đỡ các nhà văn nghệ nhận rõ sự liên quan giữa chính trị và văn hóa, giữa tuyên truyền và văn nghệ, giữa đại chúng và nghệ thuật giữa phê bình và sáng tác, đồng thời cũng đã bước đầu giới thiệu phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa là một phương pháp sáng tác đúng đắn hơn hết trong tư trào văn nghệ hiện đại. Đại khái bài nói chuyện đã nêu rõ sự cần thiết đối với nhà văn nghệ là phải nắm vững quan điểm văn nghệ Mác — Lênin, phê phán quan điểm văn nghệ tư sản đối trị và cố gắng đi vào thực tế sống, học hỏi và cảm thông với quần chúng để tự cải tạo và bồi dưỡng cho nghệ thuật một nội dung tư tưởng mới.

Sau Đại hội văn hóa tháng 7-1948, nhận thức của văn nghệ sĩ nói chung đã được nâng cao lên một bước. Được sự giúp đỡ của Đảng, anh chị em công tác văn nghệ đã tham gia công tác kháng chiến với một hào hứng mới. Số văn nghệ sĩ đi vào bộ đội, đi vào công tác vùng địch hậu đã nhiều hơn mấy năm trước. Văn nghệ bộ đội thành hẳn một ngành hoạt động chuyên nghiệp. (A) và càng ngày càng trưởng thành, phát triển. Những người tân cư ở hậu phương cũng đã sống sát với quần chúng lao động hơn

trước và tích cực sáng tác để phục vụ nhân dân, phục vụ kháng chiến. Khẩu hiệu *« Kháng chiến hóa văn hóa ; văn hóa hóa kháng chiến »* mà Hồ Chủ tịch đề ra với Đại hội dần dần biến thành nét đặc sắc của đời sống và cũng là phương châm chỉ đạo cho hoạt động sáng tạo của người văn nghệ trong thời gian kháng chiến. Phương hướng tiến lên đã rõ rệt. Và bước đầu vừa vượt qua là một tiến bộ đáng kể.

★

Vấn đề bồi dưỡng cán bộ luôn luôn được Đảng chú ý. Đối với người văn nghệ tiểu tư sản, đi vào thực tế chiến đấu trong bộ đội, sống sát với quần chúng nông dân đã gây được những điều kiện cơ bản để tiến hành cuộc cải tạo con người cũ. *« Đời sống là một nhà trường »*. Đó là một chân lý vĩnh viễn. Những vấn đề là học ở *« nhà trường »* nào, học với cuộc sống thế nào ? Trước Cách mạng tháng Tám, khi nước nhà chưa độc lập, văn nghệ sĩ chúng ta vẫn sát với thực tế đấy... Nhưng thực tế đó là thực tế của đời sống tư sản, của một dân tộc mất nước, dưới chế độ thực dân ! Nó là một đời sống sa đọa, dâm ô, bề bộn, cô độc, tàn mạt, ích kỷ, mình tự lừa dối mình với chủ nghĩa cá nhân cực đoan, với một thứ chủ nghĩa tự do giả dối, để tự tha thứ cho mình mọi dịp bề bộn, truy lạc. Ngày nay, trong tình thế kháng chiến, dăm khối độc đó đã tan dần với cái hào quang, xa hoa của thời đã qua. *Đời sống kháng chiến* là một đời sống khó nhọc, nhưng sạch sẽ, can đảm và phong phú. Đối với tâm hồn nghệ sĩ, đây là trường học của đời sống mới, đây là trường học chân chính để chỉnh đốn lại những tư tưởng và tình cảm lâu nay đã thành nếp trong tâm hồn, những giờ đây đã trở nên lạc lõng trước cảnh tượng của cả một dân tộc đang hy sinh và phấn đấu. Trong Đại hội văn

hóa toàn quốc, đồng chí Trường Chinh đã nói những câu rất thấm thía :

*"e...Điều cốt yếu là biết sống, sống cho ra sống, sống đầy đủ cuộc chiến đấu của dân tộc".*

Đối với văn nghệ, đời sống không phải chỉ là nguồn cung cấp đề tài mà thôi. Đời sống cũng là lớp học sinh động để hướng dẫn văn nghệ sĩ điều tra, nghiên cứu, suy nghĩ trên ý nghĩ, tình cảm của quần chúng đang giải quyết đề tài trong khi sáng tác. Một dịp học tập rất bổ ích cho công tác văn nghệ trong thời kỳ kháng chiến là ý kiến của quần chúng trong bộ đội, trong nông thôn, trong các công trường sau một buổi diễn kịch, sau khi đọc một bài thơ, một truyện ngắn. Qua ý kiến phát biểu của khán giả, thính giả sau các buổi sinh hoạt văn nghệ đó, người sáng tác có thể nhận thấy phẩm chất của con người lao động dứt khoát trên lập trường tư tưởng, trong thái độ chính trị ; giản dị, trong lời ăn tiếng nói ; thật thà mà sâu sắc trong tình cảm buồn, vui, khổ, sướng, yêu đương, căm hờn. Ngay trong cái hứng thú thường thức một mặc của nhân dân, nhà văn nghệ cũng có thể học hỏi những nhận xét chân thật có khi tế nhị để mà lĩnh hội thấu đáo về những khái niệm cơ bản như tính dân tộc, tính nhân dân ; như vấn đề quan hệ giữa nội dung mới và hình thức cũ, v.v...

Về phương diện cải tạo tư tưởng, từ 1951, Đảng lại mở những lớp chính huấn cho cán bộ trong tất cả các ngành. Đối với giới văn nghệ, mấy đợt chính huấn này đã có những tác dụng tốt về cả hai phương hướng thanh trừ tư tưởng nô dịch và xây dựng văn nghệ mới. Một mặt, văn nghệ sĩ đã có dịp tiến hành phê bình và tự phê bình để phê phán tinh thần sùng bái văn hóa tư sản phương Tây, chống tinh thần tự ti. Một mặt khác, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, vấn đề phát huy vốn cổ của dân tộc, phát triển văn nghệ các dân tộc thiểu số anh em, cũng

như vấn đề học tập văn nghệ tiến bộ của Liên xô, của Trung quốc đã được đặc biệt chú trọng.

Ngoài ra, mấy đợt học tập chính sách ruộng đất của Đảng theo nguyên tắc liên hệ lý luận với thực tế, phê bình và tự phê bình đã có tác dụng củng cố sơ bộ lập trường giai cấp cho anh chị em văn nghệ sĩ. (A).

Trong tình thế khẩn trương mấy năm kháng chiến, Đảng vẫn quan tâm đặc biệt đến vấn đề bồi dưỡng cán bộ văn nghệ trẻ tuổi. Thi hành chỉ thị của Trung ương, giữa những năm tình thế còn hết sức gay go, Ủy ban kháng chiến hành chính các khu, các tỉnh, tùy theo khả năng và hoàn cảnh, vẫn mở những lớp huấn luyện để đào tạo cán bộ chuyên nghiệp cho các ngành kịch, nhạc, hội họa, văn, thơ. Có những trường học chính quy, có những lớp dạy cấp tốc. Có những trại sáng tác, những hội nghị phê bình, rút kinh nghiệm. Có những lớp "Văn hóa kháng chiến" đặc biệt chú trọng vào việc đào tạo cán bộ văn nghệ và tuyên truyền (A). Tất cả các trường, các trại, các lớp học đó đều là những vườn ươm đã góp phần đặc lực vào việc bồi dưỡng những mầm non tươi tốt về cả hai phương diện : lập trường cách mạng và kỹ thuật chuyên môn. Nhờ đó, Đảng đã đào tạo được một số cán bộ trẻ có khả năng để đáp ứng với nhu cầu văn nghệ trong mấy năm kháng chiến. Từ ngày hòa bình lập lại, những "mầm non" mấy năm trước đã trở thành những văn nghệ sĩ chuyên nghiệp (A) làm nông cật cho hàng ngũ văn nghệ sĩ mới trên mặt trận đấu tranh ngày nay, cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta và cho hòa bình thống nhất nước nhà.



1954 : năm thắng lợi Điện Biên phủ ; năm Hiệp định Giơ-ne-vơ. Hòa bình lập lại, trong hào hứng chiến thắng trên các mặt trận quân sự, ngoại giao, hơn bao giờ hết, nhân dân ta càng tin tưởng vào chính sách của Đảng, vào



lực lượng của toàn dân, vào tiền đồ của dân tộc. Nhưng, do sự can thiệp của bọn đế quốc hiếu chiến Mỹ, đất nước còn bị chia cắt. *Hồ Chủ tịch, từ ngày chiến tranh vừa chấm dứt, đã căn dặn cán bộ và nhân dân ta: « Hòa bình chưa phải là thái bình » (A).* Nghĩa là cuộc chiến đấu còn phải tiếp tục và muốn thắng lợi thì phải giữ vững truyền thống chịu đựng gian khổ và anh dũng đấu tranh.

Sau ngày tiếp quản, Đảng liền nêu rõ mục tiêu của cuộc đấu tranh và nhiệm vụ chính của nhân dân trong giai đoạn mới: phấn đấu để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà.

Muốn thực hiện thống nhất nước nhà, nhiệm vụ của toàn dân trên miền Bắc là phải xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng trên con đường kiến thiết, còn chông chướng, ngằn ngang bao nhiêu khó khăn, chướng ngại. Phải băng bó những vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước, khôi phục nền kinh tế quốc dân, hoàn thành cải cách ruộng đất, giải phóng lực lượng sản xuất, đảm bảo cơm ăn việc làm cho người lao động, chống rét chống đói, chống hạn chống lụt, chống bệnh truyền nhiễm, chống nạn mù chữ, chống bọn gián điệp, bọn Mỹ — Diệm, xây dựng cơ sở vật chất cho mọi ngành hoạt động, vận động phong trào hợp tác hóa, quản lý xí nghiệp, quét sạch tàn tích phong kiến và tư bản chủ nghĩa trong đời sống xã hội và trong đầu óc con người, nâng cao từng bước mức sống vật chất và văn hóa của miền Bắc, đấu tranh cho hòa bình thống nhất, đó là cả một pho kế hoạch to lớn, tỉ mỉ. Hoàn thành nhiệm vụ cách mạng lớn lao cao cả ấy yêu cầu ở mọi người một tinh thần vững chắc, những cố gắng phi thường và một niềm tin tưởng sắt đá đối với Đảng, đối với tiền đồ cách mạng.

Trên mặt trận đấu tranh, hơn bao giờ hết, Đảng xem trọng tác dụng tích cực của văn hóa

trong sự nghiệp xây dựng nước nhà. Đảng luôn luôn cố gắng đề khuyến khích, tổ chức và cổ lệ tất cả mọi khả năng của văn nghệ đóng góp vào công cuộc xây dựng miền Bắc vững mạnh và sung sướng. Một mặt nữa, sau khi tiếp quản thủ đô và các vùng trước kia bị địch chiếm đóng, một luồng hào hứng mới đã thổi vào không khí sinh hoạt văn học và nghệ thuật. Trong tự hào của thắng lợi vừa thu được, trong niềm tin tưởng và phấn khởi của toàn dân đang hăng hái xây dựng lại đất nước, và trước viễn cảnh ngày toàn thắng của cuộc đấu tranh cho thống nhất nước nhà, mọi người đều thấm thía cảm thấy tinh thần trọng đại của nhiệm vụ mới và hăng hái bắt tay vào công việc kiến thiết. Công tác báo chí, sáng tác văn học, các cuộc triển lãm, biểu diễn, các hoạt động văn nghệ bộ đội cũng như văn nghệ nhân dân, khắp nơi đều biểu lộ một tinh thần đấu tranh kiên quyết và một niềm tin tưởng trong sáng.

★

Ấy thế, nhưng chỉ mấy tháng sau, trong sinh hoạt văn nghệ, một vài « hiện tượng không bình thường đã bắt đầu xuất hiện » (1).

Một nhóm người phần lớn là văn nghệ sĩ, tự xưng là « Nhân văn » cấu kết với một vài tên tư sản phản động, đã lợi dụng sự tôn trọng tự do tư tưởng của chế độ ta để tiến hành những hoạt động phá hoại. Từ đầu năm 1955 đến cuối năm 1957, bọn họ đã viết sách, ra báo, tụ tập những phần tử bất mãn liên lạc với cả lũ phản nhĩ ngày trước, lúc đầu còn lần lút, ập mờ, dần dần ra mặt, có một hồi lồng lộn hẳn lên, mượn cơ phê bình lãnh đạo văn nghệ để bịa đặt những chuyện không đầu, chia rẽ văn nghệ sĩ với Đảng, bôi nhọ hiện thực đời sống miền Bắc, cổ động di

(1) Hồng Chương — Tạp chí Văn nghệ quân đội số 6, tháng 6-1958.

Nam, ra mặt phản cách mạng, công khai chống chế độ, theo gương bọn phản cách mạng bên Hung-ga-ri hồi cuối 1956...

Bạn đọc chúng ta còn nhớ giai đoạn của câu chuyện từ ngày nó mới nhen nhóm lên qua những ngày diễn cuồng nhất của bọn phản động trong năm 1956, sau từng tràng vỗ tay khuyến khích của bọn Mỹ—Diệm từ miền Nam vang ra. Giới văn nghệ cũng như nhân dân từ lúc đầu đã thấy rõ bộ mặt thật của nhóm người đó. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh tư tưởng mấy tháng đầu năm 1958 đã vạch rõ tính chất phá hoại của nhóm Nhân văn và đã giúp đỡ anh chị em văn nghệ sĩ chính đồn lập trường tư tưởng. Đồng chí Tố Hữu, trong một bản báo cáo khúc chiết, trung thực (1) đã nhắc lại lịch sử phát triển của câu chuyện Nhân văn, ý chí kiên trì giáo dục của Đảng đối với những người sai lầm trong thời gian ba năm vừa qua, trong cuộc đấu tranh chống tư tưởng phá hoại của bọn xét lại và bọn tò-rốt-kit. Hành động của bọn Nhân văn không phải là một câu chuyện văn nghệ đơn thuần mà là cả một âm mưu chính trị. Bản báo cáo của đồng chí Tố Hữu trong khi nhắc lại lịch sử một cuộc đấu tranh, cũng đã cung cấp cho chúng ta một đề tài suy nghĩ rất phong phú về sự cần thiết phải cảnh giác và phối tu dưỡng trong vấn đề lập trường tư tưởng, cũng như về tính Đảng trong công tác văn nghệ. Hiện tượng Nhân văn trước hết là một phản ứng tất nhiên của giai cấp tư sản khi cuộc cách mạng nhân dân tiến vào giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Một mặt nữa, nếu chúng ta đặt nó vào hoàn cảnh chính trị thế giới hồi đó thì chúng ta thấy rằng: tư tưởng xét lại, tư tưởng tò-rốt-kit trên thế giới vẫn không ngừng lợi dụng mọi cơ hội để tiến hành công tác phản cách mạng dưới sự cổ lệ, nuôi dưỡng, xúc sự của bọn đế quốc.

Thời gian hoạt động của bọn phản động

nhằm mục đích phá hoại đã kéo dài có đến gần ba năm. Nếu ta nhìn lại mọi cố gắng của Đảng, từ Trung ương đến tất cả các cấp trong thời gian đó, trong việc giúp đỡ toàn thể anh chị em văn nghệ sĩ, kể cả nhóm Nhân văn, hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ, nhận thức thấu triệt tình hình trong nước, tình hình thế giới và xác định lập trường, tư tưởng trong sáng tác văn nghệ, thì ta sẽ thấy tất cả sự ăn cần, tính thân ái, và ý chí kiên trì giáo dục của Đảng trong thời gian mấy năm qua.

Đối với những phần tử ngoan cố nhất trong nhóm Nhân văn, ngay giữa những ngày hết sức bận rộn về công tác chính trị trong thời kỳ sửa sai, Trung ương Đảng vẫn dành thì giờ, gặp họ, lắng nghe những thắc mắc của họ và đồng thời chỉ cho họ nhìn thấy sự sai lầm trong quan điểm, cũng như tính cách nguy hiểm trong hành động của họ, để chỉ cho họ một đường đi. Nhưng bọn họ vẫn cố tình chống đối, từ lớp học tập 18 ngày cuối năm 1956, đến các buổi phê bình lãnh đạo, qua Đại hội văn nghệ lần thứ hai đầu năm 1957, đến cuộc đấu tranh tư tưởng đầu năm 1958, chẳng những bọn họ không hề nghe lời khuyên bảo chí tình, đầy thiện ý của Trung ương mà còn lợi dụng mọi cơ hội để tiến hành công cuộc chống đối trắng trợn về chính trị (A). Sự thực thì nhóm Nhân văn đã cố tình tách mình ra khỏi hàng ngũ đấu tranh của nhân dân..

★

Có hai văn kiện có ý nghĩa chỉ đạo đặc biệt quan trọng đã được phổ biến trong thời gian hai năm vừa qua.

(1) Tham khảo, Tố Hữu — Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại « Nhân văn » — Giải phẩm\* trên một trận Văn nghệ — Nhà xuất bản Văn học — 1958

vai trò lãnh đạo của...



Tháng 2-1957, trong dịp Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai, trong bức thư gửi anh chị em văn nghệ sĩ, Ban chấp hành Trung ương Đảng, sau lúc đã nêu những thành tích đấu tranh của văn nghệ sĩ trong thời kỳ toàn quốc kháng chiến và từ ngày hòa bình lập lại, cùng với những khuyết điểm cần phải khắc phục về mặt tư tưởng nghệ thuật, sau lúc đã thẳng thắn phê bình những thiếu sót về lãnh đạo văn nghệ của Đảng, cũng đã nhắc lại nhiệm vụ cao cả của văn nghệ Việt nam trong giai đoạn lịch sử trước mắt :

*"Nhiệm vụ chung của những người công tác tư tưởng, công tác văn nghệ ở miền Bắc là góp phần thực hiện công cuộc cách mạng văn hóa trong giai đoạn mới, góp phần xây dựng con người mới của xã hội mới về mặt tư tưởng, trí tuệ và tinh thần."*

*"Để làm tròn nhiệm vụ ấy, các nhà văn nghệ chúng ta ở miền Bắc và miền Nam hãy cùng nhau ra sức xây dựng một nền văn nghệ dân tộc phong phú, tích cực góp phần xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh..."*

Bức thư đã nêu rõ đặc điểm của nền văn nghệ mới là phải phục vụ nhân dân, chủ yếu là phục vụ công nông binh. Đề cập đến vấn đề phương pháp sáng tác, bức thư của Ban chấp hành Trung ương đã nhấn mạnh sự cần thiết phải chống chủ nghĩa sơ lược, công thức và chủ nghĩa hình thức để tiến lên theo con con đường hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Và để thực hiện mục đích tốt đẹp ấy trong sáng tác văn học, nghệ thuật, bức thư viết tiếp :

*"Trước hết, các nhà văn nghệ chúng ta cần ra sức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, học tập đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, nâng cao lập trường, trau dồi tư tưởng và nghệ thuật"*

Một lần nữa, Đảng căn dặn anh chị em văn nghệ sĩ cố gắng trau dồi nghệ thuật trên cơ sở tìm hiểu, học hỏi di sản của dân tộc và văn học nghệ thuật tiến bộ của thế giới, phát huy tự do sáng tác, phê bình xây dựng và đoàn kết nhất trí trong Mặt trận dân tộc thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cũng trong dịp này, đồng chí Trường Chinh, thay mặt Trung ương Đảng đã nói chuyện với Đại hội. Đồng chí đã phát triển những điểm chính trong bức thư của Ban chấp hành Trung ương. Sau lúc đã nêu một số nhận xét chính xác và sâu sắc về công tác lãnh đạo văn nghệ trong mười năm vừa qua, và nhắc lại nhiệm vụ trước mắt của văn nghệ trong nhiệm vụ chung của toàn dân, đồng chí đã dành một phần quan trọng của bài nói chuyện để đi sâu vào lĩnh vực chuyên nghiệp của văn học và nghệ thuật. Lần đầu tiên, mấy vấn đề căn bản trong lý luận văn học và nghệ thuật, như quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, biểu hiện thực tế và phê bình xây dựng, sáng tác phục vụ kịp thời và giá trị lâu dài của văn nghệ, tự do sáng tác, phát huy truyền thống cũ và bồi dưỡng văn nghệ mới, và cuối cùng học tập kinh nghiệm của văn nghệ tiến bộ các nước ngoài đã được nêu lên và giải thích thấu triệt theo quan điểm Mác — Lê-nin áp dụng vào thực tế Việt nam.

Cùng với bức thư của Ban chấp hành Trung ương Đảng, bài nói chuyện của đồng chí Trường Chinh đã góp phần quan trọng vào thành công của Đại hội. Là vì những vấn đề được nêu ra lần này cũng chính là những thắc mắc chính đáng của anh chị em văn nghệ trong thời gian trước sau Đại hội.

★

Cuộc đấu tranh chống tư tưởng phá hoại của nhóm Nhân văn — Giai phẩm dưới sự lãnh đạo của Đảng đã kết thúc thắng lợi. Chủ nghĩa

cả nhân với tinh thần tự do chủ nghĩa vô tổ chức, vô kỷ luật của nhân sinh quan tư sản, cũng như quan điểm lạc hậu của chủ nghĩa sô-vanh, của chủ nghĩa xét lại trong lĩnh vực tư tưởng và văn học, nếu chưa bị tiêu diệt hoàn toàn, thì cũng đã bị đánh lui. Vấn đề lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay là phát huy thắng lợi của cuộc đấu tranh, giúp đỡ anh chị em văn nghệ rửa gột mọi tàn tích của tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, kiên quyết cải tạo tư tưởng theo lập trường giai cấp công nhân, trau dồi đạo đức và nghệ thuật cách mạng theo thể giới quan của chủ nghĩa Mác — Lê-nin (A).

Căn cứ vào tình hình và nhu cầu của nước nhà trong giai đoạn đấu tranh hiện nay, nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 6-1-1958 đã nêu rõ nhiệm vụ mới của lãnh đạo văn nghệ:

“Sau đợt giáo dục về tư tưởng và chấn chỉnh về tổ chức, cần có kế hoạch khuyến khích giúp đỡ các văn nghệ sĩ đi xuống các cơ sở sản xuất, đi vào công nông binh và nếu có thể thì tham gia lao động để thâm nhập thực tế và gần gũi quần chúng hơn. Một khác cần có kế hoạch tổ chức cho văn nghệ sĩ học tập một cách thường xuyên những vấn đề thời sự và chính sách trong giai đoạn mới của cách mạng, tiến tới tổ chức học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin, cải tạo tư tưởng có hệ thống.

Thi hành chỉ thị trên đây, hai năm vừa qua ngành văn học cũng như các ngành khác trong Hội Liên Hiệp văn học nghệ thuật đã tổ chức những đợt đi vào thực tế, đi xuống các nông trường, hầm mỏ, nhà máy. Sau mấy tháng học tập lý luận duy vật lịch sử và ba Nghị quyết 14, 15, 16, hiện nay văn nghệ sĩ tiếp tục đi xuống các cơ sở sản xuất, trong khi một số anh chị em tham gia vào công tác cải tạo giai cấp tư sản hiện đang tiến hành (A). Sự tiếp xúc với thực tế đời sống xã hội Việt nam ngày nay chính là điều kiện thiết yếu để làm cho sáng tác văn nghệ hơ

hấp được những luồng không khí mới của cuộc đấu tranh chứa chan sinh khí của thời đại.

Lãnh đạo của đảng luôn luôn chú trọng đến sự nâng cao chất lượng, trên cơ sở phát triển số lượng. Hội nhà văn và Tổng cục chính trị trong năm vừa qua đã tổ chức hai cuộc họp bàn để giúp đỡ các nhà văn trẻ tuổi chúng ta nghiên cứu về những vấn đề cơ bản trong công trình sáng tác. Cũng trong thời gian này, các cuộc thi sáng tác của báo Quân đội nhân dân, tạp chí Văn nghệ quân đội, tạp chí Văn nghệ, báo Thông nhất đã phát hiện một số tác phẩm có một nội dung lành mạnh với một trình độ nghệ thuật nhất định. (A)

Về mặt lý luận phê bình, những vấn đề cơ bản như nghiên cứu quan điểm văn học Mác — Lê-nin, đánh giá văn học cổ điển nước nhà, phát triển văn học các dân tộc anh em, học tập văn học các nước bạn, đặc biệt là lý luận văn học Liên xô, cũng như vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ của dân tộc để bảo vệ sự trong sáng và làm cho tiếng nói nước nhà phong phú thêm..., đều được nêu thành vấn đề, và đang được giải quyết. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chương trình giảng dạy ở khoa Văn trong các trường Đại học đang được cải tiến. Viện Văn học trong Ủy ban Khoa học Nhà nước cũng đã bắt đầu hoạt động. Công tác nghiên cứu văn học trong các học viện phối hợp với Hội nhà văn, sẽ góp phần vào việc bồi dưỡng những tài năng trẻ tuổi đồng thời với việc cổ lệ những nhà văn lớp trước.

★

Sau cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại “Nhân văn — Giai phẩm”, các nhà sáng tác văn học và nghệ thuật đều cảm thấy gần bó thiết tha với Đảng chính là vì mọi người đã thấy rằng: sự nghiệp văn học nghệ thuật không thể tách rời ra ngoài sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; và sự lãnh đạo văn nghệ



của Đảng theo quan điểm khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã chỉ cho văn nghệ một phương hướng chính xác và đồng thời cũng đã xây dựng cho hoạt động văn nghệ những điều kiện thuận tiện để tiến lên mãi mãi không ngừng...

Con đường đấu tranh cho văn học nghệ thuật mới của dân tộc trong thời gian ba mươi năm qua là một con đường khó khăn, có những quãng lắt léo, có những bước ngoặt gay go. Nhưng một câu kết luận dứt khoát là sau mỗi giai đoạn trên đường đấu tranh, văn học nghệ thuật cũng đã tiến lên một bước rõ rệt về lý luận cũng như về sáng tác. Càng ngày, sự lãnh đạo của Đảng càng xác thực, càng chu đáo, càng phù hợp với yêu cầu của thực tế nước nhà. Do đó nền văn học cách mạng của chúng ta ngày càng phồn vinh.

Trong dịp kỷ niệm lần thứ ba mươi ngày thành lập Đảng Cộng sản Đông dương, ngày lịch sử 6-1 lần này, nhiều nhà học giả ngoài Đảng, trong Đảng, sẽ có dịp nhìn lại bước đường đã vượt qua trong mọi ngành hoạt động văn hóa của chúng ta và biểu dương những thành tích đã thu được. Trong lĩnh vực văn

học, các bạn đọc sẽ có thể theo dõi trên số đặc san này, những nhận định sơ bộ về thành tích và tiến bộ của nền văn học cách mạng chúng ta ba mươi năm nay, trong hoạt động sáng tác cũng như trong công tác phê bình, nghiên cứu. Bấy nhiêu kết quả tốt đẹp là những chứng cứ hùng hồn để xác nhận tinh thần chính xác của phương châm lãnh đạo mà Đảng đã áp dụng trong chính sách văn học nghệ thuật.

Ngày nay, đọc lại mấy bản cương lĩnh của Đảng về đường lối đấu tranh để xây dựng văn hóa và văn học mới, trong thời gian 1930-1960, cũng là một dịp suy nghĩ rất phong phú để nhận thức về tính cách khó khăn, phức tạp của cuộc đấu tranh và đồng thời để củng cố trong lòng chúng ta niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng theo đường lối cách mạng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

**Bạn đọc chú ý :** Những đoạn in chữ nghiêng có ghi dấu (A) đều do toà soạn Chính Văn.

Chính Văn sẽ đăng bài tham luận về tài liệu trên đây của giáo sư Đảng Thái Mai :  
**BỨC THƯ NGỎ KÍNH GỬI THẦY HỌC CŨ của Nguyễn Mạnh Côn.**

## Xem tướng lãnh tụ

Mười năm trước, có người xem tướng cho Tổng thống Ngô Đình Diệm đã nói :  
« Mặt chim ưng, miệng cá chép là quý tướng lắm. Mình ngăn, tay dài là tướng ông Diệm hiển. Nhưng chân ngắn mà đi nhanh là bội tướng, nên không được hưởng mãn đời. Trong khi đi vai không động mà người như ném về phía trước là phản tướng, không thể tránh được nạn đao kiếm ».

Không biết những nhận xét trên đây có đúng cả không, nhưng nói riêng về việc ông Diệm đi nhanh thì hết sức đúng : ông người thấp, chân ngắn, mà đi nhanh lạ lùng. Mỗi khi có dịp đi bộ vài bốn trăm thước, ông luôn luôn bỏ xa đám tùy tùng đến ngót nửa đường.

Bây giờ, nhiều người nói trên màn ảnh ti-vi, Tổng thống Thiệu có dáng đi in hệt Tổng thống Diệm khi xưa. Có người nói ông Thiệu rất kính trọng ông Diệm nên Tổng thống Thiệu, trước hết, không chống Mỹ. Và lại ông Thiệu, nếu có dáng in in hệt người về phía trước, thì cũng không phải là cố ý, mà chỉ do bụng ông lớn dần.

Sau khi rời khỏi đời sống quân ngũ để làm quốc trưởng, nếu bụng ông không to ra thì bao nhiêu sự mạng trọng đại và sự tu tui sâu sắc của nhà chính khách bệ hạ vào đầu !

# đương tiền

## người ngồi trong đêm tối

*Bé thân mến,*

Tự nhiên anh nghĩ tới bé, và thấy lòng thích thú một cách đồng bật. Anh thường cho rằng chẳng có gì lại tự nhiên tới cả, cái gì tới cũng phải do một nguyên nhân xa hoặc gần, có thể là chiều hôm qua anh đi phố đã bắt gặp một người con gái giống bé ở một vài nét nào đó. Có thể là sáng hôm nay anh đã vào một quán nước có lối trang trí giống cái quán mà bé đã từng ngồi khép nép thủ thỉ những mơ ước ngộ nghĩnh với anh. Nhưng thôi, tìm làm gì cái cớ anh đã nghĩ tới bé. Chỉ biết anh đã nghĩ tới bé. Anh đã nhìn thấy bé rõ rệt trong trí tưởng của mình. Đôi môi hồng nhô nhỏ, mái tóc cúp, làn da trắng và con mắt đen.

Thế là anh đành phải viết cho bé như một đôi lời không thể không đáp ứng được.

*Bé thân mến,*

Nhớ tới bé, anh mừng rỡ vô cùng. Anh mừng rỡ như một người khát thật khát được bát nước đầy. Bé muốn anh giải thích? Bé yên tâm rằng anh không yêu bé đâu (yêu theo nghĩa tình ái) mặc dù bé đã rõ, đã có thân thể tuy chưa đầy đủ của người con gái, mặc dù bé xinh đẹp nữa, mặc dù bé nhí nhảnh tươi vui và dịu dàng đáng yêu. Nhưng anh không yêu bé vì anh sợ tan mất trong anh cái hình ảnh trong sáng vô cùng của bé. Bởi vì anh là người đã yêu là phải yêu trong tình yêu vừa tỉnh thần vừa nhục dục. Mà với bé thì anh đâu dành yêu trong tình yêu nhục dục cho được!

Nhưng hình như anh vẫn chưa giải thích sự mừng rỡ của anh nhỉ? — Anh mừng vì bé tới với anh như một chiếc pháo giúp anh nổi lên, ngời lên cái bề mặt sinh



lầy của ý thức. Trong những chuỗi ngày dài đã qua và sẽ tới anh đã khổ đến và còn khổ đến nhiều với một nỗi mà anh cho là nỗi bất rứt không yên của đời sống. Anh bắt rứt nghĩ ngò những giá trị đạo đức sẵn có. Anh bắt rứt nghĩ ngò cái ý tưởng dính ninh rằng mọi người đều muốn sống tốt nhưng không tốt được chẳng qua chỉ vì hoàn cảnh. Rồi anh tới chỗ vừa kinh hoàng thù ghét vừa thiết tha thương xót những kẻ khác, những người chung quanh mình, ngay chính mình, ngay từ đầu chân ngón tay mình... Những ý nghĩ ấy nhảy nhót đặc quánh, thoát tiên nó nhỏ như một đầu tăm rồi lớn bằng một đầu đũa rồi thoát lớn nhanh lên rồi nó menh mông không còn bờ bến nào nữa. Anh sợ hãi trừng mắt nhìn thẳng vào nó, tưởng như mình có thể dõ dẫm được, như con bọ ngựa đưa cao lưỡi kiếm bé bỏng đáng thương của nó chống cự bản tay đặc ác của đũa tre.

Chắc bé đang muốn hỏi anh trong một tình thế tuyệt vọng như thế, bé của anh nào có thể giúp gì được anh? Anh cũng không biết. Anh cũng không thể trả lời được. Anh chỉ biết hình ảnh bé vụt tới trước cái nhìn tăm tối của anh như một đốm sáng tươi vui. Anh đoán chắc là tình cảm ấy không như tình cảm giữa những người thân xa cách gặp lại nhau, không như tình cảm của những cặp tình nhân khăng khít, cũng không như tình cảm vui sướng xốc nổi chúng ta thường ngày từng có vì những duyên cớ vụn vặt tầm thường.

Nó như một tia sáng thanh khiết rơi xuống cõi tăm tối menh mông của tâm hồn anh. Nhưng dù chẳng cần ngừng nhìn thật cao, anh cũng biết bé chẳng phải là thiên sứ của một đấng Thượng Đế nào đó. Bé chỉ là một cô gái bé nhỏ, tuy duyên dáng, trong sạch và đáng bằng một con chim họa mi cho anh tiếng hát mỗi buổi sáng nhưng cũng vẫn chỉ là một người con gái tầm thường như mọi người con gái tầm thường khác mà thôi, có lẽ nào chiếu rọi được một tia sáng cứu rỗi vào tâm hồn anh?

Thế mà bé đã đến đúng như một tia sáng khiến anh ngỡ ngàng. Phải chăng niềm vui và nỗi khổ đều là ảo tưởng, không có gì to lớn và chẳng có gì nhỏ nhất? Nó có hay trốn tránh được?

Bé thân mến,

. . . . .

CHÀNG biết vợ đã ngủ say. Hơi thở nhẹ nhàng và đều đều giúp chàng yên tâm một cách vô có. Nhiều đêm chàng trở mình khiến vợ chàng cũng trở mình hay khẽ cựa quậy làm chàng bối rối như tự trách mình đã vùng vè bất cần. Mỗi lần như vậy chàng đều nhắm

mắt lại và cố giữ một hơi thở thật đều đặn như chàng e ngại vợ chàng chợt tỉnh giấc đoán chừng chàng chưa ngủ sẽ hỏi một câu gì đấy mà chàng sẽ lúng túng không tìm được câu trả lời, mặc dù câu hỏi chỉ là chưa ngủ sao anh. Sau một lúc lâu nghe hơi thở đều

đến cửa vợ và vờ cựa quây thăm dò, chàng sung sướng mở mắt nhìn lên đỉnh màn tiếp tục nghỉ ngơi miễn mất.

Chàng yêu vợ, vợ chưa chàng đã trải qua những năm êm đềm hạnh phúc nơi một thành phố nhỏ miền duyên hải, chàng chưa hề có một lý do nào để nghi ngờ hạnh phúc của mình. Vợ chàng có thể nói là xinh đẹp và duyên dáng, không tẻ nhạt lắm nhưng hồn nhiên thành thật. Nàng có căn bản giáo dục gia đình và ít nhiều hiểu biết nhờ học vấn, và điều quan hệ là chàng tin rằng nàng yêu chàng. Mặc dù cũng có khi chàng bất bình về một vài chuyện không đáng kể nhưng nói chung thì chàng hài lòng với cuộc sống hiện tại bên cạnh người vợ nhỏ nhắn — nhỏ nhắn và yếu đuối cần nương tựa vào chàng đến gần như đáng thương.

Thế nhưng chàng vẫn cảm thấy, dù chỉ khoảnh khắc, một tình cảm bất rút nào đó thường day nghiến chàng. Tình cảm nào? Thật sự chàng mừng rỡ được nó một cách rõ rệt lắm. Khắc khoải? Không hẳn. Trống rỗng? Cũng không, khao khát và chờ đợi một điều gì ngoài tầm tay? Có lẽ gần đúng.

Thật nhẹ, chàng day sang nhìn vợ. Nàng vẫn bình thản, trong giấc ngủ nàng có vẻ xấu đi vì miệng hơi há ra, chàng không nhìn thấy ở miệng vợ hai hàm răng nên nó tạo ra một khoảng trống không bình thường tương phản với cặp mắt nhắm lại. Chàng mỉm cười với ý nghĩ hẳn vợ chàng không bao giờ ngờ một nhận xét như vậy về nhan sắc mình.

Chàng chắc rằng đã khuya lắm. Sự im lặng của ban đêm dường như có chiều sâu tuy thăm thẳm nhưng không phải là vô tận. Hồi này có một con cóc kêu ở ngọn cây đầu nhà và ngay bây giờ đây lại có tiếng một con cóc kêu ở đâu khá xa, tiếng kêu chia làm 2 nhịp, nhịp đầu không rõ ràng lắm, có lẽ chỉ là một

cố gắng đưa hơi lên cổ họng và nhịp thứ hai là những tiếng « các kè » thật lớn rồi nhỏ dần, nhỏ dần. Không hiểu tại sao chàng có tưởng tượng vô lý là hai tiếng kêu hồi này và lúc này chỉ là một, phát ra ở đây, vang xa và vọng lại khi và phải cái chỗ cuối cùng của đêm tối, hay và phải một bức thành nào đó vây hãm cái phần đêm tối thuộc về chàng. Chàng sợ hãi nghĩ rằng bức thành ấy đang thu hẹp lại và nó càng thu hẹp bao nhiêu thì bóng tối càng bị nén lại khiến càng dày đặc và quánh như một chất nhựa dẻo và đen bấy nhiêu. Xác chàng được ướp cứng trong cái quan tài kinh dị đó, pháp phòng thờ.

Chàng muốn cử động, muốn làm bất cứ điều gì, hút một điếu thuốc chẳng hạn. Lặng nghe hơi thở của vợ trong mấy giây rồi như một cơn nức, chàng trườn ra khỏi màn. Chàng đã đứng trên mặt đất và yên tâm, thoải mái nhìn những đồ vật lờ mờ chung quanh.

Chàng kiểm điểm lại trí nhớ để chắc chắn rằng trước khi đi ngủ chàng để bao thuốc và hộp diêm trên chiếc bàn nhỏ góc nhà phía bên trái. Chàng nhớ thăm nên cúi đầu đúng lúc, có lẽ độ ba bước gần nữa, để tránh vướng phải sợi dây màn. Chàng cẩn thận tránh cả mấy chiếc dép để bừa bãi và đi chân đất về góc phòng phía trái. Chàng đưa tay sờ tìm và thấy bao thuốc nhưng không thấy bao diêm đâu. Chàng nhớ chàng đã để bao diêm ngay trên bao thuốc, đó là một thói quen, không lẽ nào chàng có thể nhầm lẫn được điều ấy. Hay vợ chàng đã lấy bao diêm xuống bếp đun nhóm gì chẳng? Chàng nhớ là không. Vợ chàng có một hộp quẹt loại rẻ tiền để riêng dưới bếp và nàng đã buông màn vào giường trong khi chàng còn cố hút nốt điếu thuốc lá đã trót châm. Hay chính chàng, vì lý do đặc biệt nào, đã để bao diêm một chỗ nào khác không phải trên bao thuốc lá hay trên mặt bàn này? Nếu quả như thế sao



ý nghĩ đầu tiên và không hề đặt là chàng đã để bao diêm trên bao thuốc chứ không phải bên cạnh bao thuốc hay trên cuốn sách?

Chàng đứng tần ngần trong bóng tối suy nghĩ xem có nên đi tìm bao diêm hay không. Có lẽ không, nhất là chàng không đoán được có thể đi tìm ở chỗ nào trong căn nhà này. Nhưng chàng đang thêm khỏi thuốc một cách lạ lùng đến gần như tức giận sao chàng lại không có thể có được một que diêm ngay bây giờ. Chàng rút một điều thuốc ngậm trên môi và quyết định ra sân đứng rồi sẽ cố nhớ xem bao diêm có thể ở nơi đâu trong phạm vi nhỏ hẹp khoảng mười mấy thước vuông.

Chàng đi những bước thật nhón và mở cửa thật nhẹ khiến nó chỉ rít lên một tiếng nhỏ như người mơ ngủ nghiêng rặng. Chàng không muốn vợ chàng kinh ngạc và cần nhẩn sao chàng lại ra sân vào giờ này. Chàng không muốn nổi tức giận nhỏ nhặt gần như vô nghĩa bùng lên như ngọn pháo bông chạm vào mồi lửa. Lửa, lửa nếu chàng có lửa, chỉ một chút lửa, để châm điều thuốc!

Bóng tối ở ngoài sân loảng hơn trong nhà làm chàng dễ chịu. Trời không trăng nhưng mờ mờ sáng, vài ngôi sao lác đác và lúc nào cũng nhấp nháy, nhận xét mà chàng cho là do cảm giác hơn là do sự dịch xác của thị giác.

Chàng ngồi xuống một chiếc ghế bỏ quên ngoài sân và cảm thấy hơi sương đã làm ẩm mắt gỗ. Tuy thế trời không lạnh mà dịu dàng êm mát. Trong khoảnh khắc chàng bỗng đứng thấy mình xa lạ hẳn cuộc sống, xa hẳn vợ chàng đang ở bên kia bức tường, xa hẳn nỗi bực dọc vì bao diêm để đâu mất, xa hẳn ngay cả thân thể chàng đang ngồi trên một chiếc ghế gỗ ẩm ướt. Nhưng chàng cũng không thể biết chàng đang ở đâu, đang tới gần hay đang ra xa những vì sao chàng thấy lấp lánh trên cao như một cảm giác, chàng chỉ biết chàng đang xa xa thật

xa gian nhà này của chàng, hạnh phúc vợ chàng đắm đắm của chàng, chàng lao vùn vụt như một mũi tên trên nửa đã bắn đi và say sưa sung sướng.

Một tiếng động nhỏ sau lưng bắt chàng quay lại nhìn. Một con mèo đang bước những bước khoan thai chợt đứng dừng lại. Hai mắt nó sáng quắc trong đêm tối và im lặng nhìn chàng thật lâu. Nó nhìn chàng chăm chú, bất động và lâu đến nỗi khiến chàng có cảm tưởng nó là một vật gì cố sẵn ở đó và không thể không còn có ở đó nữa. Chàng vừa muốn ngồi im không nhúc nhích làm nó sợ hãi để thử xem nó có thể đứng nhìn chàng trong bao lâu vừa bực tức muốn xua đuổi để thoát khỏi cái tình cảnh lố bịch, mặc dù là không một ai chứng kiến, của một người trong đêm tối trần trụi ngồi nhìn một con mèo. Cứ thế chàng phân vân không biết phải làm gì cho đến lúc có một tiếng sột soạt tinh cò từ một phía nào đó khiến con mèo bỏ rời chàng trước và biến đi không một tiếng động.

Nước bọt nhiều ra ở kẽ răng và đầu điều thuốc chàng ngậm đã ướt mềm. Nơi hy vọng duy nhất để tìm thấy bao diêm là ở trong bếp nhưng chàng lại chợt nhớ vợ chàng đã đóng cửa xuống bếp trong khi chàng đang châm điều thuốc sau cùng lúc chấp tối và chắc chắn từ lúc đó cả hai không xuống bếp lần nào. Chàng thất vọng vì không có một nơi nào trong nhà để chàng nghĩ là có thể có bao diêm. Sáng mai chàng sẽ phải tìm hiểu, hoặc thấy là kỳ dị, vì sao trong đêm nay chàng không đoán được nó đang ở nơi đó.

Chàng lấy điều thuốc khỏi đôi môi và ném nó ra xa. Điều thuốc rơi hút vào một khoảng đất tối và chàng bắt ngờ thấy con thềm đã tan biến tự lúc nào. Chàng hít một hơi thật dài thứ không khí mát và phẳng phất mùi thơm là lạ của lá hay hoa của một loài cây nào quanh đấy. Chàng thấy thần thức sung sướng như lần ngó

linh đầu tiên với một người con gái, người ấy không phải là vợ chàng đang nằm ngủ im lìm phía bên kia bức tường. Chàng rạo rức ham muốn được thoát ra khỏi chiếc sân này, chạy trên con đường im lặng kia, chàng sẽ tới một nơi nào chàng không biết, ít nhất chàng không biết như biết một cách rành rẽ từ mép giường đến chiếc dây màn chẳng ngang nhà chừng ba bước ngắn, bao thuốc lá để trên bàn trong góc nhà phía trái và không biết một cách chắc chắn chàng không biết bao diêm hiện ở một chỗ nào trong căn nhà của chàng. Ở nơi đó sáng ngày mai vợ chàng sẽ không hỏi chàng muốn ăn món gì trong bữa cơm trưa hoặc nhắc chàng đội mũ khi đi làm. Nhưng điều quan hệ duy nhất là chàng chưa biết rành rẽ về nơi đó như chàng biết rành rẽ về chốn này, cái chốn êm đềm vững chắc có bức tường vô hình vây quanh làm vang vọng trở lại tiếng kêu gào gông của con tắc kè.

Đất dưới chân chàng đã ấm hơn làm chàng thấy lạnh. Bất chợt có tiếng vỗ cánh thật mạnh của một con gà và tiếng gáy cất vang. Từ một phía khác, sau vài giây đón nhận, có tiếng gáy đáp lại và cứ thế, những tiếng gáy từ bốn phía trộn lẫn vào nhau. Tuy nhiên chàng có cảm

trường chàng có thể tách bạch từng tiếng gáy, có những tiếng gáy gương của những con mới tập, có những tiếng như kêu hân, như muốn nổi bật và thách thức. Bầu không khí quanh chàng xôn xao chuyển động và bưng bít một sức sống mặc dù bóng đêm vẫn chưa bị lung lay, khi tiếng gáy lẻ loi cuối cùng tắt hẳn, chàng luyến tiếc rời khỏi chiếc ghế gỗ ấm và sau khi đóng cửa ra vào, chàng bắt đầu rón rén trên mười đầu ngón chân, đoán chừng chiếc dây màn và đến bên giường lặng lẽ ngắm vợ chàng say ngủ.

Chàng mỉm cười với nàng và nằm xuống bên nàng. Chiếc đất giường khẽ cọt két và nàng trở mình quay hẳn lại phía chàng và đầu hơi tựa vào vai chàng. Chàng nằm cao nên có thể nhìn thấy một đường ngói không rõ chia đôi mái tóc, vầng trán, hai hàng lông mày, chiếc sống mũi và chóp mũi che lấp đôi môi và chiếc cằm nhọn của nàng. Chàng luồn tay qua cổ vợ và ôm lấy nàng, dưới thân thể lạnh giá của chàng dọc theo thân thể trần đầy hơi ấm của nàng. Chàng rung rung cảm động như vừa thoát khỏi một cơn nguy có thể làm tan vỡ hạnh phúc mà chàng đang ôm giữ trong tay.

DƯƠNG-KIÊN

Nha-Trang 1971

①

## Hiến pháp ở đâu ?

Tổng thống Thiệu hợp nội các tuyên bố quyết tâm bài trừ nạn ma túy. Một nhân vật không đứng xa ông bao nhiêu, đã nói đại ý rằng :

— Luật pháp, nhất là hiến pháp, coi như thiêng liêng quyền của mỗi người về bản thân của chính hắn. Một người bệnh không thể bị bắt buộc phải uống thuốc, một người tự giết mình không thể bị bỏ tù. Nên một cá nhân có quyền dùng ma túy để hủy hoại sức khỏe của chính hắn. Không kể rằng chính quyền cũng nên đề phòng trường hợp có vị quan tòa xử án ma túy xong thì ngáp gáy quai hàm !

người ngồi trong đêm tối



# HÃNG THÀNH XƯỞNG

Chủ nhân, Giám đốc

PHẠM QUANG KHAI

○ BỐC DỠ HÀNG HÓA

● VẬN TẢI THỦY BỘ TOÀN CỠ V.N.

● ĐÓNG VÀ SỬA TÀU, LÀM SƯỜN NHÀ  
BỒN CHỨA VÀ CẦU SẮT

VĂN PHÒNG : 29, YÊN ĐỒ — SAIGON, ĐT : 25997

CƠ XƯỞNG : 56, TRƯỞNG QUỐC DUNG — SAIGON,  
ĐT : 41279

Ụ TÀU : ĐƯỜNG TÔN THẮT THUYẾT (Bờ Bắc  
Kinh Tế) KHÁNH HỘI — SAIGON

CHI NHÁNH : SỐ 2, ĐƯỜNG GIA LONG (Hải Cảng  
QUI NHƠN

## *nghĩ trong tháng*

### khung cảnh sống

Nhà khoa học Athelstan Spilhaus, Hội trưởng hội phát triển khoa học Hoa Kỳ, chia thành những giai đoạn bành trướng kỹ nghệ như sau :

- 1) Thời kỳ dùng hơi nước và điện năng thay cho sức người.
- 2) Thời kỳ chế tạo các vật dụng cho tiện nghi đời sống con người.
- 3) Thời kỳ các sản phẩm hóa học lan tràn khắp nơi ở mọi lãnh vực.

Và giờ đây ông At. Spilhaus tiên liệu phải là thời kỳ tận dụng các chất phế thải như là nguyên liệu để làm các vật dụng cần thiết. Kỹ nghệ phải biến chế được các chất phế thải thành những vật dụng hữu ích, kỹ nghệ sẽ không phế thải bất kỳ một chất gì ra ngoài, khả dĩ làm cho thế giới khung cảnh sống của con người.

Thật vậy, đời sống của con người ở các nước có kỹ nghệ bành trướng, tương chừng như được sung sướng lắm, thì ngày nay họ đã thấy hiện ra những nguy cơ vô cùng đen tối, nếu không sớm cải tạo lại được những cảnh vật thiên nhiên mà ngày xưa đã giúp cho nhân loại tồn tại và có những nền văn minh đến ngày nay. Nước và khí trời trong sạch là hai thứ tối cần cho sự sinh tồn của người và muôn vật trên mặt địa cầu này, thì ngày nay đã không còn được trong sạch ở nhiều nơi. Những nhà máy khổng lồ đổ ra sông ngòi những chất phế thải làm cho nước không uống được, cá không sống được, và phun lên không trung mỗi ngày hàng trăm ngàn tấn bụi và khí độc có hại cho sức khỏe. Mật độ gia tăng mỗi ngày một nhanh chóng hơn, nhất là về sự nhiễm độc của khí trời, do sự giao thông bành trướng : xe cộ và máy bay phân tán mỗi phút, mỗi giờ hút mất bao nhiêu dưỡng khí để nhả ra những khói độc, làm cho không còn mấy nơi là có không khí trong sạch. Cả nước mưa cũng không còn tinh khiết như xưa.

Trong khi đó thì dân số trên mặt địa cầu cứ tăng đều nhờ có y tế phòng ngừa, có thuốc trụ sinh, và những phương pháp trị bệnh và dinh dưỡng tân tiến. Sinh là nuôi được và sống lâu hơn. Muốn có đủ thực phẩm để nuôi dưỡng một dân số không ngừng gia tăng là trên 2 nghìn triệu, người ta phải tận dụng đất đai, phá rừng để canh tác, phải dùng thuốc sát trùng để bảo vệ mùa màng. Những môi trường sinh vật bị đảo lộn, lại thêm sự nhiễm độc



của nhiều loại thuốc sát trùng. Kết quả là nhiều giống chim, cá, muông thú bị tàn lụi và có thể biến mất hẳn trên mặt địa cầu, vì thiếu ăn, vì không còn chỗ ở hoặc vì nhiễm phải chất độc.

Sự lấn áp của loài người đối với muôn vật thật là kinh khủng.

Nhưng liệu loài người có thể cứ theo đà này mà bành trướng vô hạn định trên mặt địa cầu này được chăng? Số người nhiều hơn, mức sống vật chất cao hơn, nhu cầu mỗi ngày cũng theo nhịp độ gia tăng. Người ta cứ tiếp tục sản xuất, khuếch trương kỹ nghệ, mở mang giao thông. Những chất phế thải của các nhà máy, của xe hơi máy bay do đó cứ mỗi ngày mỗi nhiều. Nước và không khí mỗi ngày nhiễm thêm nhiều chất độc hơn. Sự kiện này đã thấy rõ rệt ở các đô thị đông đúc như Luân Đôn, Đông Kinh, v.v... có nhiều xe cộ lưu thông và nhiều nhà máy ở kề cận. Khung cảnh sống của con người ở những nơi đó đã trở nên thật sự có hại cho sức khoẻ.

Vì thế mà ông Tổng Thư ký L.H.Q. U.Than đã phải cảnh cáo là nếu không có những biện pháp cải thiện ngay thì mười năm nữa sẽ vô phương cứu chữa. Và gần đây, Thủ tướng nước Anh cũng đã phải đặt ra một bộ đặc biệt lo về khung cảnh sống « environment » và sự nhiễm độc các chất phế thải « pollution ».

Ở Việt Nam chúng ta chưa có kỹ nghệ bao nhiêu, nên nước các sông ngòi và không khí trên toàn lãnh thổ Việt Nam tương đối vẫn còn trong sạch.

Nhưng tại Saigon, ngày nay với hàng trăm ngàn xe đủ loại thì nhau nhà khói và khí độc ra trong những giờ đi làm đông đúc thật cũng đã rất có hại cho sức khoẻ. Những rác rến cũng đã làm ô uế các sông lạch, và khung cảnh sống của đa số dân Saigon đã trở nên không có gì là « hấp dẫn » nữa !

Vấn đề nhiễm độc thật sự đã là mối quan tâm cho các nhà cầm quyền. Họ đang phải huy động nhiều khả năng để giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, phải nói rằng trong vòng vài thập kỷ tới đây, theo những sự ghi nhận của các nhà khảo cứu do bách phân về đường khí (Oxy) và thán khí (CO<sub>2</sub>) thì chưa có gì đáng lo ngại. Trong khí trời vẫn có gần 21% Oxy và 0,03% CO<sub>2</sub>, chưa có triệu chứng thay đổi. Nhưng với đà tiến triển hiện tại, nếu không đề phòng trước thì sẽ nguy hiểm vô cùng.

Sau ba thế kỷ say mê phát triển kỹ nghệ và khoa học để cung cấp những tiện nghi và bảo đảm cho đời sống vật chất của con người, ngày nay đứng trước mối lo âu không những có thể bị nhiễm độc, mà cảnh vật mỗi ngày trở nên bất lợi cho hạnh phúc của mỗi người, một số đã đặt thành vấn đề : có nên tiếp tục sống theo đà phát triển, sống nhộn nhịp với máy móc và bị ràng buộc trong khuôn khổ chật hẹp như ngày nay không, hay nên trở lại cuộc sống đơn giản nhưng có ý nghĩa, cho tâm hồn được thư thái, gần gũi với cảnh vật thiên nhiên chăng? Những tru diễn và khuyết điểm do khoa học và kỹ thuật đem lại cho cuộc sống của loài người được mở xé để so sánh lợi hại. Một số người đã chán cái xã hội « tiêu thụ » ngày nay và sẵn sàng từ bỏ những xa hoa phù phiếm để tìm một cuộc sống thanh đạm, dù vất vả và có khi nguy hiểm.

Nhưng, đại đa số dân chúng thì không thể từ bỏ những bảo đảm và tiện nghi của thời đại khoa học và kỹ thuật ngày nay. Nhất là vì nhu cầu cấp bách về thực phẩm và những tiện nghi tối thiểu của đa số nhân loại còn đang sống nghèo nàn và thiếu thốn về mọi mặt, người ta vẫn phải gia tăng sản xuất về nông nghiệp cũng như về kỹ nghệ.

Ngay tại các quốc gia giàu mạnh nhất, đám dân nghèo khổ khổn cùng cũng còn rất lớn lao và cần cấp bách được giúp đỡ.

Những người này mãi lo ăn lo mặc hàng ngày chả ai nghĩ gì đến sự nhiễm độc của khí trời, của nước uống, và dĩ nhiên chẳng cần gì đến cảnh vật chung quanh, khi họ bị đói rét đe dọa. Nhưng, dưới con mắt của người có mức sống cao đã được hưởng đầy đủ những tiện nghi, nếu quan sát cảnh vật tại những chỗ đông đúc dân nghèo chung quanh các đô thị lớn lao và mỗi ngày mỗi đông thêm, thì đây lại là một vấn đề sống động và nan giải hơn, khó khăn hơn là vấn đề ô nhiễm do kỹ nghệ gây nên. Đối chiếu với danh từ "pollution", có người đã dùng danh từ "populution" để mô tả sự đông đúc dân cư quá mức và sống chen chúc nháo nhác như trên, ngay tại các nước giàu mạnh nhất. Khung cảnh sống nơi đây, ngoài vấn đề nhiễm độc do phế thải của kỹ nghệ và máy móc tạo ra, còn nhiều vấn đề thuộc phạm vi kinh tế, giáo dục, mà chính quyền các nước chưa đâu có thể giải quyết được một cách thỏa đáng.

Tới đây chúng tôi xin nhắc đến một cuộc thí nghiệm cho loài chuột của nhà tâm lý học Hoa Kỳ John Calhoun hồi 1958. Ông đã nuôi nhiều chuột trong những chuồng có giới hạn khác nhau để xem xét lối sinh hoạt của bầy chuột. Khi còn tương đối ít chuột trong chuồng, chỗ ăn chỗ nằm khoảng khoát, thì không có truyện gì đặc biệt xảy ra, chuột đẻ, chuột cái, chuột con chung đụng với nhau một cách bình thường. Nhưng quá một mật độ đông đúc nào đó thì thường có sự hỗn loạn trong đám chuột: hiệp đánh, cắn giết nhau và đôi khi chuột con bị cắn đến chết và bị ăn thịt luôn.

Không ai dám so sánh xã hội loài người với bầy chuột được. Tuy nhiên, ở những nơi có mật độ dân số quá cao mà lại nghèo nàn, người ta thường cũng ghi nhận thấy nhiều tội ác của những kẻ tàn bạo đến độ không thể tưởng tượng nổi. Có phải khung cảnh sống tại các nơi đây đã tạo nên những ý nghĩ và hành động như trên chăng?

Dù sự so sánh và câu trả lời đúng hay không đúng có ảnh hưởng đến những hành động tội lỗi trên thì một xã hội tự nhận là tân tiến và giàu mạnh cũng không được phép chấp nhận tồn có một số đông sống nghèo nàn trong một khung cảnh bị đất như vậy. Người ta đồng ý: với những phương tiện của thời đại nguyên tử này, và thể giới hòa bình, thì có thể giải quyết tốt đẹp mọi sự nghèo khó trong một thời gian ngắn, với điều kiện là dân số không tăng lên quá mau chóng như hiện tại. Bởi thế, ngay ở các quốc gia Âu Mỹ người ta cũng hồ hởi kế hoạch hóa gia đình. Mức sinh hoạt ở Nhật Bản tiến rất nhanh, một phần cũng vì dân số Nhật kể như không tăng từ sau thế chiến thứ hai.

Trở lại khung cảnh sống của chính chúng ta tại miền Nam nước Việt, chúng ta chưa phải lo đến sự ô nhiễm do phế thải của kỹ nghệ, nhưng những phế thải của sự sinh sống hàng ngày đổ ra tại các đô thị đông đúc, nhất là quanh vùng Saigon—Gia định, đã làm những



trở ngại lớn lao cho vệ sinh công cộng. Và nếu so sánh mật độ dân số với các thành phố đông đúc trên thế giới thì Saigon, Gia Định và Đà Nẵng được liệt vào hạng có đông người nhất tương đối với diện tích. Tại những nơi này, chúng ta đang có một tình trạng quá đông dân cư nghèo nàn sống chen chúc trong những gian nhà tối tăm chật hẹp, dưới những bầu trời nóng bức của một xứ nhiệt đới. Trong những xóm lao động, chiều chiều trẻ em ra đầy đường mà không có chỗ chơi. Về nhà, các em không có chỗ ngồi để học. Số trường Tiểu học và trung học gia tăng khá nhiều ở khắp mọi nơi, nhưng vẫn không đủ chỗ để nhận hết các trẻ em, và nhất là không đủ thầy có đầy đủ khả năng và kinh nghiệm để dìu dắt đàn trẻ cho có kết quả tốt đẹp. Ngoài ra các em lại mất thấy tai nghe hằng ngày những sự sa đọa và phù phiếm của kẻ khác chung quanh mình. Trong hoàn cảnh đó, thiết tưởng mọi ý nghĩ và hành động đều có thể xây đắp cho những thiếu nhi hiếu động và có đầu óc tranh đấu nhất.

Tình trạng đông đúc trên đây đã gia tăng quá nhanh trong mười năm nay. Vì chiến tranh, những vùng mất an ninh đã đổ xô về ở chung quanh các đô thị. Sau chiến tranh, có thể một số dân sẽ trở lại đồng quê với nghề nông cổ hữu. Nhưng theo đà phát triển của kỹ nghệ tại các vùng quanh đô thị, và việc cơ giới hóa nông nghiệp, thì dân quê sẽ tiếp tục rời bỏ ruộng vườn vì ít việc, và mức sinh hoạt thấp hơn là làm thợ thuyền hoặc buôn bán quanh những khu thị tứ và khu kỹ nghệ. Hậu quả của sự kiện trên đây cộng với đà sinh sản của dân Việt hiện tại chúng ta có thể tiên liệu là những xóm dân nghèo chung quanh các đô thị vẫn càng ngày càng đông thêm.

H.D.B.

## Phim ma quỷ có giải nghĩa

Có thể nói đầu tiên ở Việt Nam, và đầu tiên trên thế giới, có một phim thuộc loại huyền bí về linh hồn, mà trong đó một xác chết giải thích nó trở thành quỷ Nguyễn Mạnh Côn...

Một xác chết đàn ông kinh khiếp nói tiếng si mê của một cô gái : « Em chết không đau đớn, không sợ hãi, chết tức khắc, nên trọn khỏi linh anh không thất tán mà có động... Em tìm anh, chờ anh, năm năm trời ! »

Nhật báo Hòa Bình ngày 25-7 viết : « Truyện phim Lệ Đá phỏng theo một tác phẩm giả tưởng, truyện Đại úy Trường Kỳ, của Nguyễn Mạnh Côn, một tác giả có bút pháp siêu thực trong làng văn. Ông cũng là người viết những cuốn sách Và quyền kinh nhật tụng làm tôi mất các chính khách, tức cuốn : Hòa Bình... Nghĩ gì ? Lâm gì ? »

# VÙNG ĐẤT TỐI

## 1.

CHIẾC xe lái sát vào vỉa hè làm bắn tung bùn trên đường phố vừa đổ mưa. Bác sĩ Hoàng thẳng mạnh, rút chìa khóa « contact » và tay kia vớ vội túi đồ nghề để bên cạnh. Hai giây sau, ông đã nhẩy ra khỏi xe đợi cho làn sóng xe đi qua, băng qua lộ sang bên kia.

Mắt đầy vẻ lo âu, nhìn lên cửa sổ của tầng thứ 10 cao ốc trước mặt, ông tự hỏi. Tuyết, con gái ông giờ ở đâu? Lúc nãy tiếng nàng gọi ông trong điện thoại đầy vẻ khùng khiếp kinh hoàng. Ông đợi đoàn xe bị đèn đỏ đầu đường làm ngưng lại, mới sang thoát được bên kia đường. Khi ông vào trong cao ốc, tiếng con gái ông còn như vọng văng: « Ba đến ngay, ngay lập tức, con van ba, con không biết làm thế nào bây giờ ». Giọng nói đó vẫn còn ám ảnh ông. Ông vào thang máy bấm nút lên tầng thứ mười. « Con không thể giải thích trong điện thoại được. Ba phải đến ngay ». Ông nhìn thẳng về phía trước như người đi, và cũng chẳng để ý cửa phòng thang máy từ từ khép lại. Nghei tới Tuyết, ông thấy trong ba tháng vừa

qua, sau khi con gái ông đính hôn, hạnh phúc của nàng có vẻ không được hoàn toàn. Nhưng bác sĩ Hoàng không có cơ gì chính đáng để khuyên con gái từ bỏ vị hôn phu. Tuấn, anh chàng rề tương lai, không thể liệt vào là hạng con nhà giàu vô công dỗi nhể. Tuy từ trước chẳng phải làm gì, nhưng chàng thanh niên 27 tuổi đó là một tay thiện xạ thủ rừng nổi tiếng. Mặc dầu có dáng dấp huênh hoang, anh chàng tỏ ra nhiều lúc duyên dáng và vừa lễ phai. Điều chắc chắn là anh chàng rất mê Tuyết. Nhưng trong thời gian bác sĩ Hoàng xuất ngoại, anh rề tương lai bỗng mắc một chứng lạ ....

Bác sĩ Hoàng rung mình, khi chợt nhớ mình đang ở đâu. Và cánh cửa phòng thang máy mở. Bác sĩ đi dọc theo hành hiên đánh si bóng loáng. Trên cửa phòng có dính một mảnh giấy, viết gọn hai chữ: cứ vào. Bác sĩ cố gắng tự trấn tĩnh, vặn nắm cửa, và khựng lại.... Trong phòng bừa bộn ngoài sức tưởng tượng, bàn, ghế đèn sách, đĩa gạt tàn thuốc lá, đồ vỡ lung tung, bừa bãi trên sàn. Trên



tường chiếc loa phóng thanh phát ra một điệu nhạc chậm rãi. Một ý nghĩ đầy hãi hùng : chắc Tuấn đã nổi cơn điên. Bác sĩ tất máy phóng thanh.

— Ba đây à ?

— Ừ ba đây. Bác sĩ như thả ra nhẹ nhàng. Khi nghe tiếng hỏi của con gái, và chạy vội về phía phòng ngủ. Ông chứng kiến cảnh tượng hai người ở ngay trên sàn gần nơi cửa sổ lớn. Tuyết ôm ngang Tuấn mình trần. Tuấn lúc đó chỉ còn là một khối thịt, co quắp, nhún nhúm, hai tay khoanh trên mặt. Bác sĩ Hoàng quỳ xuống bên cạnh. Cô con gái quay lại hãi hùng nói :

— Ảnh định tự tử. Ba ạ ... Ảnh định nhảy từ trên lầu xuống.

— Ba biết. Bác sĩ kéo con gái ra, và định nhắc đầu Tuấn dậy. Nhưng vừa đụng đến, Tuấn đã vội thối lui, hơi thở phì phào như con thú bị bắt. Bác sĩ Hoàng đánh nhìn thân hình co rúm, cuộn tròn lại, các bắp thịt dật, như có hàng đàn rắn lúc nhúc ở dưới làn da dãn nằng ở lưng và vai.

— Ảnh phát bệnh từ bao giờ ?

— Con cũng không biết nữa.

— Ra lấy tý rượu cồn vào đây. Để ba coi ảnh cho.

— Ảnh định nhảy từ trên lầu xuống.

— Đi lấy rượu ... Tuyết bật khóc và bác sĩ Hoàng biết là khóc được sẽ nhẹ đi. Ông cố gỡ tay của Tuấn che mắt ra, nhưng anh chàng chống lại. Ông nói như đồ dành :

— Cố thôi mãi đi. Để tôi đỡ anh lên giường.

— Không.

— Tuấn trả lời với giọng đầy đau đớn.

— Nếu anh không chịu, thì tôi làm thế

nào được. Bác sĩ ngạc nhiên vì trong nháy mắt, thân thể của Tuấn bỗng mềm nhũn ra, chân tay buông lỏng, mặt tái mét như hết máu, cầm túa râu, và hai mắt như nói lên sự đau đớn độ đương với xé cơ thể của anh. Bác sĩ hỏi :

— Anh làm sao thế ?

— Thế Tuyết không nói với ông à ?

— Nói gì ?

— Con bị thư, bị ốm. Một tên khốn nạn trả thù...

— Anh đừng nói nữa. Tuyết ngắt lời.

— Khát quá. Anh muốn uống nước, em ạ. Tuyết nặng nề đứng dậy ra ngoài lấy nước.

Bác sĩ Hoàng đỡ Tuấn vào giường.

— Sau nữa ? Anh đau như thế nào ? Tuấn nằm phục xuống gối lấp bắp :

— Con đã bảo là là... bị ốm, bị thư. Chẳng mọi phù thủy... Có con chó ghê nó đương giết con lần lần. Từ 3 tháng nay con chịu cực hình, nghĩa là từ ngày con gặp em Tuyết.

— Thế anh có uống...

— Thuốc codéine chẳng công hiệu gì. Cả morphine nữa. Con có uống chút ít nhưng chẳng thấy gì. Chẳng đỡ mạnh.

— Không nóng lạnh. Không triệu chứng sốt rét rừng... Chỉ có con chó ghê đương nghiền ngấu lăm con chết lần lần. Truyen khá lý kỳ phải không ba ?

— Anh tin là thực à ?

— Con chẳng biết ra sao thể mới bực mình. Hay là vì con uống nhiều rượu quá mà bị chứng tửu cuồng. Ngày hôm nay con uống nhiều đến nỗi... Chẳng bằng im bất nhìn ra phía cửa sổ đầu tóc rối bù mải trên gối.

— Trời ! Đèn rồi hả ? mấy giờ rồi ?

Thứ năm rồi phải không? Nét mặt kinh ngạc của bác sĩ Hoàng đủ trả lời.

— Không. Không phải thứ năm. Con họ khan làm rung động chàng trai trẻ.

— Cho tôi uống. Chàng gọi. Bác sĩ Hoàng hướng theo Tuấn lúc đó đang chăm chú nhìn ra phía cửa, Tuyết vừa đi vào.

— Ly chén đồ vờ hết trơn tự lúc nãy. Nàng nói với giọng sợ sệt.

—Ồ, ăn nhầm gì? Tôi cũng chẳng cần uống nữa. Tôi chẳng còn sống được bao lâu.

— Đừng nói thế, anh!

— Em không biết chứ, anh muốn chết đã lâu. Ngực của chàng trai phập phồng lên xuống không đều.

— Xin lỗi Tuyết, anh nói bấy bạ không suy nghĩ. Trời ơi! Con đau lại nổi dậy rồi. Đột nhiên, các bắp thịt lại nổi lên, hai chân đạp âm âm trên giường, hai tay ôm chặt lên mặt, lúc đó cũng dần như cái mặt nạ bằng sắt, Tuấn rên rai, hai mép sùi bọt. Bác sĩ Hoàng vội chạy lấy túi đồ nghề, nhưng chưa kịp, thì Tuấn đã lần xuống sàn. Chàng đứng dậy, và cái miệng méo sệch đã nói lên sự hoảng sợ tột độ của con vật nằm trong con người chàng Tuyết muốn giữ chặt chàng lại. Chàng đẩy mạnh, miệng găm gừ, đi lảo đảo ra phía cửa sổ. Bác sĩ Hoàng, tay cầm ống chích, ngăn lại. Hai người vật lộn. Tuấn như con thú dữ, hai bàn tay gài nổi lên lên, đương cố tìm cách bóp cổ bác sĩ. Sau khi chích được ống thuốc vào cánh tay Tuấn, chàng kêu to lên, thôi lui lại và mất thăng bằng ngã ngồi xuống đất. Chàng cố vùng đứng dậy, mắt tròn xoe nhìn ra phía cửa sổ cho tới lúc thuốc ngấm. Chàng nằm rã rời, chân tay nhũn ra và thuốc tê làm mất tia nhìn điện đại trong ánh mắt. Chàng còn lần bầm:

— Đồ chó! Đồ chó ghê, nó làm cho tôi

chết lần chết mòn. Hai cha con bác sĩ lại vực chàng dậy và đem vào giường, đắp chăn cho chàng.

— Nó giết tôi, nó giết tôi, con chó ghê! Bác sĩ hỏi Tuyết:

— Anh có tin thực không?

— Ba nhìn anh thì biết.

— Thế con cũng tin là sự thực à? Tuyết lắc đầu thất vọng đáp:

— Con chẳng biết gì hết. Con chỉ thấy anh thay đổi lần lần, cho đến bây giờ ra cơ sự này. Anh không ốm không bệnh thế mới là nguy. Anh khỏe mạnh chẳng sao cả. Tuyết rung mình nói tiếp:

— Anh không bệnh mà đương dẫy chết. Bác sĩ Hoàng buông cổ tay Tuấn, mà ông đương xem mạch chạy không đều.

— Anh đã xem bác sĩ nào chưa?

— Có. Khi anh thấy nguy kịch quá, anh có tới khám bệnh một bác sĩ chuyên môn. Anh sợ bị bệnh thần kinh, nhưng rồi cuộc anh chẳng có bệnh gì.

— Tại sao anh luôn mồm nói bị... Bác sĩ ngưng không muốn nói nốt.

— Con cũng không biết nữa. Có nhiều lúc anh có vẻ tin đó là sự thực. Nhưng rồi anh lại nhẹ bâng...

— Chắc anh cần cứ vào một sự việc gì để tin là thế.

— Chắc vậy... anh cần cứ vào một sự việc xảy ra, trong một cuộc săn thú trên miền thượng tại khu sát biên giới Lào Miên. Anh kể có một người mồi, một phủ thủy của một bộ lạc kia hăm dọa anh và bảo rằng... Tiếng Tuyết đứt đoạn. Trời ơi! làm sao mà người ta có thể tin được vào những truyện hoang đường như thế. Làm sao câu truyện ấy có thể có được trong thời đại nguyên tử này!



— Theo ba thì điểm cần nhất là xem Tuấn có thực tin vào chuyện đó là có thật không? Bác sĩ Hoàng vừa nói vừa quay lại nhìn Tuấn. Tuyết nói:

— Xem tình trạng của anh, con nghĩ không biết bác sĩ Quyền có giúp gì được không? Bác sĩ Hoàng nhìn con gái hồi lâu rồi hỏi.

— Con cũng tin vào chuyện này ư?

— Ba nên hiểu con hơn một chút. Ba chỉ thỉnh thoảng mới gặp con thôi. Còn con hầu hết ngày nào con cũng gặp anh và chứng kiến sự xảy đến với anh. Có một cái gì vô xé, găm nhấm anh, làm anh chết dần dần. Cái gì, con cũng không biết nữa. Nhưng con sẽ làm hết mọi cách, để chữa cho anh khỏi. Bất cứ cách nào. Bác sĩ Hoàng gật đầu:

— Tùy con. Ra gọi điện thoại đi. Ba ở đây trông coi Tuấn. Khi Tuyết bước ra phòng ngoài, bác sĩ Hoàng bèn kéo chăn đắp trên ngực Tuấn xuống, và nghe bệnh. Mặc dầu có thuốc tê, các thớ thịt, các gân cốt trong người Tuấn hình như vẫn giao động vì đau đớn.

Bác sĩ Hoàng nghiêng rặng tức giận. Trong thâm tâm, ông công nhận y khoa đã bất lực đối với căn bệnh bí mật này.

Nhưng ông vẫn không chịu chấp nhận lý luận của Tuyết đưa ra. Vì nó quá trái ngược với khoa học.

## 2.

Chỉ 40 mười phút sau, phát thuốc chính cho Tuấn đã hầu như tan dần, hết hiệu nghiệm. Với con bệnh thông thường, thì được chính một phát thuốc này, có thể nằm bất tỉnh từ 6 đến 8 tiếng đồng hồ. Với Tuấn chỉ 40 phút sau chàng đã nằm trên gối dài ngoài phòng khách, trên mình khoác chiếc áo ngủ. Chàng nằm bần:

— Kỳ quá, Tuyết ơi! mới thêm một bác sĩ nữa làm gì?

— Kỳ cũng được, còn hơn là khoan tay đợi anh... Nàng không dám nói trọn câu,

— Em đừng nói... Tuấn vừa an ủi vừa vuốt tóc Tuyết.

— Can đảm lên em, có lẽ anh cố gắng có thể khỏi được. Tuyết nói:

— Không phải là «có thể», mà là nhất định anh khỏi. Chúng ta có đôi, em không thể tiếp tục sống một mình được.

— Đừng bao giờ nói thế, em... chưa dứt lời, Tuấn đã quần quai trên ghế.

— Trời ơi! nó lại bắt đầu rồi. Không! nhất định tôi không đau, tôi không bệnh. Tuấn cố cười nhưng cái cười bỗng biến thành cái méo sệch vì bị đau quá. Nhưng chàng còn cố nói:

— Đau chút thôi... Vậy bác sĩ Quyền sẽ chữa cho anh à? Nhưng chữa cách nào? Bác sĩ Hoàng thấy Tuyết mím môi. Nàng nói:

— Anh, bác sĩ Quyền là đàn bà...

— Tuyết quá. Nhưng chữa cách gì? Bằng thời miên à!

— Bác sĩ Quyền là nhà chuyên môn về nhân chủng học.

— Khoa này rất hợp thời. Nhưng bà sẽ chữa tôi cách nào? Giải thích cho tôi những mê tín dị đoan của sắc tộc thiểu số à? Tuấn nói rất nhanh, như cố dùng lời nói ngăn chặn đau đớn đương đầu xé chàng.

— Bác sĩ Quyền có sang Lào, Miên và ở trên miền thượng nhiều năm. Chỉ có thể...

— Chính anh cũng nhận thấy miền thượng là ảo diệu, nhưng đừng có đến gần những tên phũ phàng của những bộ lạc trên đó. Tuấn cười gần nói tiếp:

— Trời ơi ! Ước gì mà tao nằm mày được trong tay, thẳng mọi chỗ chết này ! Tay chàng giờ ra như tìm kiếm cổ họng một kẻ thù vô hình.

— Xin lỗi quý vị... Ba người cùng giết mình quay lại. Một thiếu phụ trạc 30 tuổi, da ngăm đen, đứng nơi cửa ra vào nhìn mọi người mỉm cười. Bà nói :

— Tôi thấy có mảnh giấy dính ngoài cửa mới dám... đường đột. Tôi xin lỗi đã làm rộn...  
Bác sĩ Hoàng nói :

— Bà đến vừa đúng lúc. Tuyệt vời ghé tai thì thăm với Tuấn :

— Em van anh, anh hãy bỏ hết thành kiến... Tuấn liếc mắt hỏi :

— Thành kiến gì ? Lúc đó bác sĩ Hoàng và Tuyết đã tiến ra đón khách. Bà Quyền nói :

— Tôi rất sung sướng được gặp lại chị,  
Bác sĩ Hoàng hỏi :

— Bà đến đây có khó khăn lắm không ?

— Dạ, không. Tôi tìm được taxi ngay.

Tuyết thấy Quyền đặt túi đồ nghề xuống thềm rồi trên sàn và nhìn nhanh về phía Tuấn. Tuấn nhìn bà chòng chọc không chớp mắt khi bà, bác sĩ Hoàng, và Tuyết tiến lại bên. Tuyết giới thiệu :

— Giới thiệu anh. Đây là chị Quyền, nữ bác sĩ, Quyền, tốt nghiệp về nhân chủng học và hiện là giáo sư Y-khoa Đại Học Sài-gòn. Chị và em trước kia cùng học với nhau, khá còn ở trung-học. Bác sĩ Quyền mỉm cười :

— Xin chào ông Tuấn. Tuấn lầm nhảm :

— Chàng có gì hấp dẫn lắm. Tuyệt ngưỡng ngêu có giữ bình tĩnh. Trong khi đó Bác sĩ Quyền rất tự nhiên như không chú ý. Bà hỏi chậm rãi :

— Tên moi chó chết mà ông muốn bóp cổ hiện giờ là đứa nào ?

Trong khoảnh khắc, trên mặt Tuấn mất hết mọi vẻ khác lạ. Nhưng rồi cơn đau trở lại. Chàng cắn chặt hai hàm răng mà hỏi : "Bà hỏi là thế nào?"

— Đó chỉ là một câu hỏi như mọi câu hỏi khác. Tuấn cắn nhán.

— Nếu bà muốn giảng thuyết về những mối liên lạc giữa các chủng tộc, thì tôi xin chịu ngay. Vì tôi vừa không đủ sức, vừa không muốn nói gì nữa cả. Tuyết nói :

— Anh Tuấn. Chàng nhìn Tuyết với đầy vẻ đau đớn.

— Em còn muốn gì ? Một khi đã yên chí là anh có nhiều thành kiến... Trời ơi ! đau quá. Ai làm ơn đâm cho tôi một nhát dao vào tim đi... Bà Quyền nhìn bác sĩ Hoàng như dợ hỏi. Bác sĩ nói :

— Tôi đã xem kỹ. Anh không có triệu chứng một bệnh gì về thể xác cũng như về thần kinh. Bà Quyền nói :

— Lễ cố nhiên là không có bệnh gì. Anh bị bùa du du. Bác sĩ Hoàng hoảng sợ nhìn bà Quyền hỏi :

— Bà cũng... Tuấn bỗng chỗi dậy, hai tay cào xuống nệm ghế :

— Đúng, đúng rồi, bùa du du, hay là ngài du du...

— Ông hoài nghi à ?

— Tôi không tin.

— Chắc cũng như ông không tin những thành kiến của ông chứ gì ?

— Tôi xin bà, tôi xin bà đừng nói nữa. Tuấn thở hắt lên như người tắc hơi và nằm phục xuống ghế :



— Tôi đau quá nên phải tìm một cái gì để thủ ghet, để cầm phấn, một cái gì hoặc một người nào để đỡ tội lên đầu nó. Vì vậy tôi mới vẽ lấy thằng khốn kiếp đó... Nhưng thôi! bỏ cả, bỏ cả. Tôi chẳng thiết gì nữa. Các người muốn tin gì thì tin. Trời ơi! cho tôi chết đi; Chích cho tôi phát thuốc nữa. Trời ơi đau quá không chịu nổi. Bác sĩ Hoàng nói:

— Chích phát nữa, sợ tim anh không chịu nổi.

— Tôi bất cần tìm tôi. Tôi chỉ cần nữa ông thôi. Các người không thể từ chối với một người đương hấp hối. Tuyệt cổ bịt miệng để khỏi kêu thành tiếng.

— Trời ơi! chích cho tôi một phát đi. Tôi van... Bác sĩ Hoàng lại phải chích và chỉ trong mấy phút là thuốc công hiệu ngay. Chẳng trãi nằm lành trên đệm, mặt và cổ ấm mồ hôi.

— Cảm ơn... Chẳng làm bầm, mím cười, trong khi Tuyết quý xuống bên lau mồ hôi cho chàng.

— Em tuyệt quá, Tuyết ơi! Mắt chàng hé mở, hướng về phía bà Quyên

— Xin lỗi bà, tôi thô lỗ. Rất cảm ơn là bà đã tới, nhưng chính tôi không tin ở bà đâu cả.

— Vậy ông giải thích làm sao tình trạng đau đớn của ông.

— Thế bà có tin lắm không? Chúng tôi cũng không biết bệnh của tôi ra sao nữa. Nữ bác sĩ đáp một cách quả quyết hơn:

— Có, tôi chắc là ông tự biết bệnh của ông hơn ai hết. Và chính tôi cũng biết. Bà du du là một thứ bùa khùng khiếp nhất thế giới. Phải hàng trăm thế kỷ tin ngưỡng của dân mới tạo nên được sức mạnh ghê hồn đó. Và sức mạnh đó có thực. Ông cũng biết đấy. Tuấn cãi lại:

— Nhưng làm sao mà bà biết được? Bà Quyên đáp:

— Chắc ông chưa biết tôi là người Việt gốc Miên. Năm 22 tuổi khi tôi chọn khoa nhân chủng học, tôi có sang Lào, Cao Miên, và ở trên miền Thượng một thời gian dài để nghiên cứu tại chỗ những tập tục của sắc tộc thiểu số. Tại một bộ lạc kia, một cụ phù thủy chuyên trị chữa bệnh cho dân trong buôn bằng bùa ngải. Phù phép đã có rất nhiều cảm tình với tôi, và đã cho tôi biết hết bí quyết về khoa này. Bác sĩ Hoàng nói:

— Từ trước tôi cứ tưởng phù thủy bùa ngải cũng là dân ông.

— Không, sự thực thì phần lớn là dân bà. Dân bà có óc quan sát sắc và tế nhị hơn, và thường hay quan trọng hóa địa vị của mình. Tuấn nói:

— Cũng là cô lang băm cả. Bà Quyên cười:

— Đúng, nhưng bọn phù thủy biết lợi dụng lòng mê tín của thổ dân. Chính họ là những loại ỉn bảm, loại con buôn những chuyện, động trời khùng khiếp. Nhưng phải công nhận sức mạnh của họ. Làm sao mà ông giải thích nỗi cảm giác hàng ngàn con nhện đang lúc nhúc bò lổm ngổm trong thân thể ông. Lần đầu tiên bác sĩ Hoàng thấy sự sợ hãi phản chiếu trong ánh mắt của Tuấn. Chàng hỏi:

— Thế bà biết à?

— Vâng, trong thời kỳ tôi ở trên miền thượng, nơi sát biên giới Lào. Một cụ phù thủy của bộ lạc bên cạnh đã ốm tôi để tôi chết lần chết mòn. Nếu không nhờ có bà phù thủy trong bộ lạc tôi trú ngụ có cảm tình đặt biệt nơi tôi, cứu tôi thì ngày nay tôi còn đâu được ngồi nói chuyện với quý vị.

— Xin bà kể cho tôi nghe sự việc đã xảy đến với bà. Tuấn nói với hơi thở mỗi lúc một

hồn hèn khó khăn, và bác sĩ Hoàng biết là mũi thuốc chích cho Tuấn đã bắt đầu hết công hiệu.

Vị nữ bác sĩ hỏi :

— Nói gì bây giờ ? Nói lại cảm giác của hàng ngàn móng tay nhọn cào xé lục phủ ngũ tạng ; hoặc sự đau đớn về thể xác làm cho người ta phải gập người lại, phải co quắp, phải cuộn tròn tưởng như để đẻ bẹp con rắn đương uốn khúc trong bụng ? Tuấn chăm chú nghe mồm há hốc. Bà Quyền tiếp :

— Hay là cảm giác máu trong người đã biến thể chất thành cường toan, xương cốt trong người như mất hết tủy, và một động tác nhỏ cũng muốn làm cho mình ngã quỵ xuống. Mối Tuấn rung rung...

— Hay là cảm giác của hàng bảy chuột đang gặm nhấm khối óc, và hai tròng mắt bỗng tan ra nước và chảy ròng ròng xuống hai bên má. Hay là... Tuấn toàn thân run lẩy bẩy. Chàng kêu to lên :

— Thôi xin bà đừng nói nữa. Bà Quyền nói :

— Tôi kể ra đây cốt để tỏ là tôi biết tôi nhớ những cơn đau đớn ê chề đó rất rõ ràng như mới xảy ra ngày hôm qua chứ không phải đã cách bảy tám năm rồi. Nhờ có những bí quyết mà tôi nắm được, và được bà phù thủy bạn chữa cho, không ai có thể ếm được tôi nữa và tôi có thể chữa được những người bị ếm. Tôi có thể chữa cho ông. Nhưng ông phải cho tôi phương tiện. Ông phải gác bỏ tất cả hoi nghi đi. Sự thực ông cũng tin là bị bùa du du.

— Anh nghe theo đi anh... Tuấn hết nhìn Tuyết lại nhìn bà Quyền. Bà Quyền tiếp :

— Chúng ta không còn mấy thời giờ nữa. Tuấn nhắm mắt lại lần nhăm :

— Được, tôi bằng lòng. Cứ chữa đi. Đã đến lúc này, không còn gì làm cho tôi đau đớn, khổ sở hơn nữa. Tuyết nói :

— Vậy chị chữa ngay cho.

— Vâng tôi xin làm ngay. Bà Quyền nói đoạn chạy ra chỗ cửa phòng cầm túi đồ nghề mang vào. Bác sĩ Hoàng theo dõi từng cử chỉ và nhận thấy sắc mặt bà Quyền thay đổi như đứng trước một chướng ngại gì không thể vượt nổi. Bà gọi Tuyết :

— Chị có thể cho tôi một phút không. Tuyết vội vàng chạy lại, và hai người đứng xa nói chuyện riêng với nhau. Bác sĩ Hoàng nhìn theo và sau đó chú trọng tới Tuấn. Chàng thanh niên bắt đầu co quắp vật vờ trên nệm chắt sắp lên con. Bác sĩ Hoàng bỗng nghe thấy Tuyết gọi giết, hai mắt tròn xoe khiếp sợ :

— Chị nói gì lạ vậy ? Bà Quyền đáp :

— Tôi rất tiếc không nói sớm cho chị biết được. Bây giờ thời giờ cấp bách nguy kịch đến nơi. Không làm thế không chữa được. Tuyết trầm ngâm hỏi :

— Chị phải làm thế, không cách gì khác à ?

— Vâng chỉ có cách đó. Tuyết quay lại nhìn Tuấn như sợ sệt, như dọ hỏi rồi nâng cương quyết :

— Vâng em bằng lòng, chị cứ làm đi.

Trong thâm tâm, Tuyết thấy cách chữa của bà Quyền quá kỳ, quá đột ngột ngoài sự dự liệu của mọi người, một cách chữa trái với tất cả các nguyên tắc luân lý, tác phong cũng như khoa học. Nhưng nàng vì muốn cứu sống Tuấn, nên phải nhắm mắt chấp nhận, mặc dầu trong lòng khổ sở đau buồn...

### 3.

Bà Quyền được sự chấp thuận của Tuyết rồi bèn chạy vào phòng ngủ. Ba người ở ngoài im lặng đợi. Tuyết chăm chú nhìn cánh cửa



phòng ngủ đóng kín. Bác sĩ Hoàng thấy cánh cửa mở ra, nhìn lên và không khỏi sửng sốt kinh ngạc tới độ. Bà Quyên xuất hiện, nửa mình trần đê trắng, phần dưới mặc một cái váy sơ sài bằng nhiều khăn quàng sắc sỡ buộc lại với nhau. Hai đùi và hai chân cũng trần. Bác sĩ Hoàng như tê dại cả người, vì ông không ngờ bà Quyên có thân hình hấp dẫn thế, da ngăm đen tròn trịa với những đường cong tuyệt mỹ, khiến cho đàn ông không ai là không khoái cảm nhìn bà. Bác sĩ hết nhìn Tuấn lại nhìn Tuyết. Cảm tưởng của Tuyết thì ông thấy ngay, những nét mặt nhăn nhó của Tuấn đương lên cơn đau thì khó mà đoán nổi. Tiếng bà Quyên cất lên trong sự im lặng, sững sờ của ba người càng làm cho Tuyết khó chịu hơn.

— Tôi xin quý vị hiểu cho đây là lần đầu mà tôi phải làm như thế này. Bác sĩ Hoàng, mặc không rời thân hình thú hú như nam châm của bà Quyên, đáp lại :

— Chúng tôi hiểu lắm.

— Đây cũng là một sự hy sinh lớn lao về phía tôi để cốt cứu sống một mạng người mà không có phương pháp nào khác chữa được cả. Trên má và trên tóc của bà Quyên có vết sơn lớn. Tóc được quấn sang hai bên, và trên đầu đội một chiếc mũ bằng lông đã điều. Nhũ bộ căng phồng dưới những chuỗi hạt, bằng nanh thú vật, da rắn, xương, và thủy tinh v.v. đeo lông thông trên cổ. Ngoài ra trên cánh tay trái còn đeo một cái móc nhỏ bằng da bò. Bà Quyên tiến lại phía họ một cách mạnh bạo nhưng vẫn e dè, và sự thận trọng được phần nào bù đắp bởi vẻ đẹp quyến rũ của thân hình được phô trương. Khi bà lại gần nơi Tuấn nằm, bác sĩ Hoàng nhận thấy trên bụng bà có nhiều vết xăm trở nổi lên thành từng vòng quanh rốn. Thấy sự ngạc nhiên của bác sĩ, bà Quyên giải thích :

— Đây là ý muốn của bà phù thủy bạn. Và chỉ với điều kiện tôi bằng lòng xâm mình, bà mới cho tôi biết hết bí mật của khoa thư ếm, và bùa ngải. Đáng lý tôi còn phải cả rắng nữa. Nhưng may bà đã tha cho tôi vụ đó. Nữ bác sĩ như muốn che dấu sự sượng sùng lố nhè trước mặt mọi người bằng câu chuyện trên. Bác sĩ Hoàng thấy có nhiều cảm tình hơn đối với người phụ nữ gốc Miên này. Trong khi đó bà ta mở túi đồ nghề, và kể tiếp :

— Xâm mình trong trường hợp này là cắt da ra, và chét vào đó một thứ bột. Chính tôi phải tự chế hóa thứ bột đó theo lời chỉ giáo của bà phù thủy, tôi phải bắt bằng tay một con bọ dừa rồi bẻ lấy cẳng của nó, tôi phải lột da con ếch và lấy hàm răng con khỉ. Tất cả thứ đó sẽ được nghiền nhỏ ra, ngào với nhau thành thứ bột để chét vào chỗ xâm trên mình. Bà Quyên trong khi nói, tay lấy những đồ nghề trong túi ra đặt trên bàn gồm có một ống thủy tinh đựng một thứ nước đặc sệt, một nắm xương nhỏ nhân nhụi, và một bó dứa vót nhọn như những mũi mác tỷ hon. Sau đó bà Quyên đã làm mọi người ngạc nhiên khi bà lấy ra một đĩa nhựa bà đem đặt trên máy pick-up. Bà nói :

— Thưa bác sĩ, khi nào tôi ra hiệu, bác sĩ cho máy chạy. Bác sĩ Hoàng gật đầu, và khi bà Quyên ngồi xồm xuống để đặt những món đồ nghề xuống sàn, thì cả nửa dưới thân hình lộ liễu vì trong cái váy sơ sài làm bằng các mảnh khăn quàng màu sắc buộc lại với nhau, bà Quyên không mặc một thứ gì che thân nữa. Sắc mặt của Tuấn lúc đó biến thành sắc tro. Chàng có cảm bầm :

— Chắc tôi khó thoát, nhưng dù có chét tôi cũng chét một cách đẹp đẽ đây khoai cảm, Bà Quyên nói :

— Bây giờ tôi yêu cầu quý vị, ngồi quay

quần quanh tôi. Bà nói bằng một giọng trầm trầm, nghiêm nghị và bác sĩ Hoàng có cảm tưởng là ngồi trước một nữ thần. Con đau lại nổi lên, khi Tuấn cố đứng dậy. Chỉ trong chớp lát là cơn phát ra lên đến cực điểm. Thân thể Tuấn gầy gập lăm đôi, đầu gối và cùi trỏ đập xuống sàn thành tiếng, các bắp thịt cuộn lên khiến cho lưng cong tròn như cầu vồng. Miệng chỉ còn là một lỗ méo mó, một giòng nước miếng chảy ra, và mắt đờ dại ra không còn tinh thần gì nữa. Tuyệt hoảng sợ gọi to :

— Bà Quyên. Bà Quyên trả lời điềm tỉnh :

— Không thể làm gì được một khi cơn đương lên mạnh. Phải đợi cơn qua rồi mới chữa được.

Vì Tuấn đẩy dựa, nên đã áo ngủ khoác ngoài tung ra hai bên, làm lộ thân hình trần truồng ở trong, bà Quyên vội quay mặt đi, và bác sĩ Hoàng thấy thoáng trên nét mặt bà sự sợ hãi ngại ngùng. Bác sĩ và Tuyết vội đỡ Tuấn và cố đặt cho chàng nằm thẳng ra. Bà Quyên nói như ra lệnh :

— Cứ để nguyên, quý vị không thể làm gì hơn được. Tuyệt nềm cái nhìn đầy sợ sệt và nỗi lo âu về phía bà Quyên. Tuy nhiên, nàng im lặng không nói gì, và khi cơn nặng đã qua, thân mình Tuấn chỉ còn bị rung động chút ít, lúc đó nàng mới kéo lại tà áo cho Tuấn để đỡ quá lóa lờ. Bà Quyên nói với giọng cố trấn tĩnh :

— Giờ đã đến lúc hành động. Ngồi quay lại đi. Khi thấy Tuyết tới ngồi cạnh Tuấn để đỡ lưng cho chàng, bà Quyên can :

— Không làm thế được, cứ để mặc ông ngồi một mình. Tuyệt cái :

— Nhưng ngã thì sao ? Bà Quyên nói :

— Nếu chị muốn tôi chữa cho anh thực sự thì phải nghe tôi. Tuyệt còn ngần ngại, và

hết nhìn Tuấn lại nhìn bà Quyên. Sau cùng nàng ngồi lùi ra xa Tuấn. Bà Quyên ra lệnh :

— Ông Tuấn ngồi xếp bằng tròn lại. Tuấn lăm lăm trả lời. Bà bác sĩ nói tiếp :

— Chốc nữa trong lúc tôi hành động tôi xin ông trả tiền công cho tôi bằng hiện vật. Đây chỉ là một thẻ thuốc, ông có thể trao cho tôi một vật nhỏ mọn ít giá trị. Tuấn đáp :

— Được, nhưng bà phải làm nhanh đi. Tôi thấy, tôi không chịu đựng được lâu nữa. Bà Quyên thở một hơi dài :

— Bây giờ xin mọi người im lặng. Bà ngồi xổm trước mặt Tuấn, đầu cúi xuống và cần phòng bỗng im lìm, và người ta chỉ còn nghe thấy hơi thở nặng nề của Tuấn mà thôi. Bác sĩ Hoàng mặc dầu không muốn tin, cũng phải tin, hiện giờ ông đang ngồi xếp bằng tròn để chứng kiến một pha giải bùa huyền bí ngoài sức tưởng tượng. Bên cạnh ông là Tuấn, một người sắp chết mà không có một triệu chứng bệnh hoạn nào. Và con gái ông vừa kinh hoàng vừa ghê tởm một sự việc sắp xảy ra mà chính nàng đã vui lòng thỏa thuận chấp nhận để chữa cho người yêu thoát chết. Và một điều mâu thuẫn là trước mặt ông, không phải là bà bác sĩ Quyên giáo sư khoa nhân chủng học tại Đại Học Đường mà chỉ là một bà phù thủy của một sắc tộc thiểu số gần như hoàn toàn khoả thân, với tất cả đồ nghề và ảo thuật huyền bí của những người tiền sử ? Một tiếng động khô khan làm bác sĩ giật mình. Ông quay đầu lại thấy bà Quyên tay trái cầm nắm đũa nhọn như những ngọn mào nhỏ. Tay phải đang nhặt những mảnh xương trước mặt. Bà lắc những mảnh xương trong lòng bàn tay như ta lắc những quân súc sắc, và ném lần ra trước mặt, mắt nhắm nhắm nhìn theo. Bà sẽ quan sát kỹ lưỡng những hình của những mảnh xương tạo thành, rồi lại nhặt lên. Trước mặt bà là Tuấn



lúc đó lại run lẩy bẩy, và thở gấp rút như đứt hơi. Bác sĩ Hoàng lo không biết phải làm thế nào, khi một cơn đau khác dữ dội nổi lên trong lúc này. Bà phù thủy có phải bắt đầu lại tất cả những động tác vừa rồi không. Tiếng rần rờ và nghiêm khắc của bà Quyên làm bác sĩ rùng mình :

— Người kia, ai đưa mi đến đây? Vừa rồi vừa nhìn Tuấn chăm chăm với vẻ đầy giận dữ.

— Tại sao đến hỏi ta? Có phải người thất bại với dân bà không? Tuấn trả lời ngay nhiên.

— Bà nói gì?

— Hay là một người trong gia đình mi bị đau? Và mi đến hỏi ta? Tiếng bà Quyên mỗi lúc một đồng đặc. Bác sĩ Hoàng biết là bà Quyên lúc này đã trở thành bà phù thủy chuyên chữa bệnh đương hỏi con bệnh, và bà cố ý giữ thái độ người bề trên hỏi kẻ dưới bằng giọng khinh miệt.

— Có phải mi bệnh không? Bà thốt câu đó ra, và đồng thời thẳng người dậy, tròn ngực ra. Bác sĩ nhìn Tuyết, thấy nàng im lặng như pho tượng đá, mặt không còn hột máu, môi tím ngắt.

— Nói đi.

— Vâng tôi bệnh. Tuấn nói một cách khó nhọc và lặp lại :

— Vâng tôi bệnh.

— Vậy kể bệnh cho ta nghe. Tại sao nó xâm nhập cơ thể mi. Hay Tuấn bị đau quá mà không còn phản ứng, hoặc bị sức mạnh của bà phù thủy thôi miên. Chàng kể :

— Một đêm người đó lên vào chỗ tôi cắm trại. Nó định ăn trộm lương thực. Tôi bắt được và đuổi hẳn ra. Nó nổi giận, hăm tôi là sẽ giết tôi lần nữa. Tuấn bị thôi miên chăng?

Vì chàng nói đều đều như cái máy. Và bà Quyên nói thêm như ông thầy thôi miên :

— Và người đó có một cái túi đeo bên giày lưng ở trong cổ...

— Vâng đúng, ở trong có con búp bê, Tuấn ngoan ngoãn nói tiếp :

— Và con búp bê đã nói với tôi.

— Con búp bê đó là cái bùa, và cái bùa đã nói với mi. Nó nói gì?

— Nó nói là tôi sẽ chết. Tôi sẽ chết vào lúc trăng đầu tháng. Bà Quyên lại ném những mảnh xương xuống thảm và đồng thời tay trái phóng những chiếc đĩa nhọn. Bà lầm nhảm như đọc thần chú :

— Không phải hùm, voi, gấu báo đã hại mi, không phải thần thiêng nơi rừng thâm đã hại mi. Chỉ là con ma của tên phù thủy đã bám lấy mi để báo thù cho chủ nó. Mi hiểu chưa? Lúc đó Tuấn chỉ trả lời thều thào :

— Vâng...

— Hãy nói : Vâng tôi hiểu.

— Vâng... Vâng tôi hiểu.

— Bây giờ hãy trả công tôi đi. Tuấn im lặng mấy giây, đôi mắt như bị cái nhìn của bà Quyên thôi miên, rồi chàng cúi xuống hai tay móc túi áo ngực tìm kiếm vật để trả cho bà Quyên, nhưng chàng không tìm thấy gì. Chàng thở hắt ra hai vai gò lại vì đau đớn. Chàng tìm kiếm một lần nữa và sau chót rút chiếc nhẫn đính hôn đeo ở tay trái ra. Chàng trao chiếc nhẫn cho bà Quyên. Bác sĩ Hoàng nhìn con gái mình : Tuyết ngồi im như bức tượng đá. Nàng không phản ứng khi thấy Tuấn lấy chiếc nhẫn của nàng tặng trao cho bà Quyên. Bà bác sĩ nói :

— Hãy cho đĩa hát chạy đi. Bác sĩ Hoàng đứng dậy và chạy lại mở chiếc Pick-up. Đồng một nhịp trống vang lên trong phòng,

theo sau là một điệu hát như cầu nguyện có những nhịp tay chậm và không đều hòa theo. Bà Quyền đã bỏ cái mặc bằng da bỏ xuống sàn. Bà cầm cái ống thuốc nhỏ lên mở ra và uống một hơi. Bác sĩ Hoàng không biết chất thuốc đen ngòm đó là thuốc gì. Rồi bà Bác sĩ bắt đầu nhảy theo điệu trống. Bác sĩ Hoàng cảm thấy như nhịp tim mình đập theo nhịp trống. Ông nhìn theo đôi vai, đôi cánh tay trần của bà Quyền rung trong điệu nhạc, và tiếng lách cách của những chuỗi hạt đeo trên cổ bà. Ông quên cả thời gian lẫn không gian, và tưởng như mình đang ngồi giữa khu rừng thiêng trên miền thượng, tâm hồn lẫn thể xác bị động tác của bà phù thủy thu hút.

— Các người hãy vỗ tay theo đi. Bác sĩ Hoàng vỗ tay theo nhịp trống. Ông nhìn nhanh về phía Tuyết. Nàng cũng đập nhịp bằng tay. Chỉ có Tuấn là bất động, hai mắt nhìn thẳng về phía trước. Hai hàm răng nghiến chặt. Trong một giây, ông thoáng lo về bệnh trạng của Tuấn, nhưng chỉ trong một giây thôi rồi ông lại bị điệu nhảy của bà phù thủy thôi miên. Nhịp trống bỗng nhanh dần lên, tiếng động cũng lớn thêm, và bà Quyền bỗng đi lần lần vào giữa vòng mọi người ngồi. Mắt bà không rời Tuấn nửa phút, và bác sĩ Hoàng biết các động tác của bà lúc đó cốt để kích thích sự thèm muốn nơi Tuấn, tay bà thân thể bà như đón mời chàng trai trẻ. Rồi vị nữ bác sĩ phù thủy bỗng cúi xuống, như bộ đu đưa trước mặt Tuấn dưới những chuỗi hạt đeo trên cổ và mặt bà chạm sát vào mặt Tuấn. Tuyết cảm thấy khó chịu khi hai tay bà Quyền ôm lấy má người yêu của nàng. Quyền tiến gần tới nữa hai tai nàng cặp vú để lộ ra ngoài những chuỗi hạt, đầu nhọn và hồng của vú chạm vào mặt Tuấn. Mắt chàng thanh niên như bị nam châm thu hút, và châu thân chàng run lên. Bà Quyền lùi lại một bước, hai tay đưa xuống cạnh sườn nằm lấy cặp chiếc váy sắc sỡ, và phút sau

chiếc váy đã rơi xuống đất. Bà Quyền hoàn toàn khỏa thân và tiến đến sát Tuấn. Tuyết kêu lên :

— Không, không thể được. Nhưng bác sĩ Hoàng đã can :

— Tuyết đừng làm thế... Tuyết đành ngồi im không dám phản ứng. Bà Quyền lúc đó ngồi trước mặt Tuấn, vai và nửa mình trên đu đưa trước mặt chàng và hai tay vuốt hai đùi. Bác sĩ Hoàng cũng nới dây, bật mồm kêu lên một tiếng "không". Ông thấy tay bà phù thủy từ từ đưa lên ngực nằm như bộ căng phồng... Rồi tiếng trống nhịp nhàng như ám ảnh làm ông mê hồ, và tim ông đập dồn dập. Bà Quyền bỗng dang hai tay ôm chặt lấy Tuấn. Bác sĩ Hoàng thấy Tuyết nắc nắc lên, nét mặt đầy hoảng sợ, nhưng chính ông lúc đó cũng có cảm tưởng như bị bùa mê. Căn phòng như nghiêng lệch, tường nhà như xiêu đổ, lý trí mờ đi, bác sĩ Hoàng thấy hai tay bà phù thủy mơn trớn Tuấn. Mặt Tuấn biến sắc. Chàng phản bội sự ham muốn về nhục thể, phản bội sự đau đớn vô xé thể xác. Bà Quyền xích lại mỗi lúc một gần thêm cho tới lúc thân mình hai người sát lại nhau... Tiếng Tuấn vang động :

— Cho tôi đi, cho tôi đi. Tuyết kêu to :

— Đứng đứng, anh hãy dang ra. Tiếng kêu của Tuyết như thức tỉnh bác sĩ Hoàng lúc đó đang bị cảnh tượng trước mặt làm mê hoặc. Bác sĩ thấy Tuyết nhảy xổ lại phía bà phù thủy khi bà và Tuấn ôm siết lấy nhau. Bác sĩ thấy phải can thiệp cấp thời, và ông vội nắm Tuyết lôi lại. Tuyết đẩy dựa cố thoát ra nhưng không nổi. Nàng kêu lên :

— Hãy dang ra, đừng ôm... Anh đừng ôm, anh Tuấn. Bác sĩ Hoàng quát :

— Tuyết, Tuyết đừng làm thế, hòng hết !

— Để mặc con, ba ! Trong khi đó Tuấn

vùng đất tối



đam mê hưởng thụ khoái cảm xác thịt trên mình bà Quyên. Tiếng kêu rên của bà làm mọi người im bặt. Lúc sau bà phù thủy đẩy chàng thanh niên ra và ngã phục xuống thềm, hai chân khép lại và hai tay che mặt. Bác sĩ Hoàng hoảng sợ nhìn về phía Tuấn. Lúc đó bao vết đau đớn đều biến hết trên nét mặt bình thần của chàng. Chỉ còn thấy vẻ mệt mỏi thoải mái của những phút sau khi thỏa mãn nhục thể. Tuyệt lập bắp hoi :

— Chuyện gì vậy, bà Quyên làm sao thế ? Bác sĩ Hoàng đáp, tiếng run lên vì sợ hãi :

— Bà đã làm cho ngài truyền sang bà rồi.

— Trời ơi ! Chị Quyên... Bác sĩ Hoàng nhớ lại câu nói của bà Quyên : « Cảm giác đau đớn làm cho mình phải cuộn tròn lại để dễ đẹp con rắn đường uốn khúc ở trong bụng »... Sự nhận xét đó giờ đây còn ám ảnh bác sĩ. Rồi ông chứng kiến bà Quyên quần quai, các bắp thịt nảy lên nảy xuống, dưới làn da nhẵn bóng của người thiếu phụ. Chiếc pick-up ở góc phòng lúc đó đã im không phát tiếng nữa. Trong căn phòng lặng như tờ, mọi người chỉ còn nghe thấy tiếng rên rỉ khe khẽ thoát từ cổ họng bà Quyên ra mà thôi. Bà đương đau đớn những cái đau đớn cực hình của Tuấn mấy phút trước đây. Chân bà dẩy dụa, đập xuống sàn đùng đùng. Lưng bà uốn cong lên, cả thân hình cuộn tròn như cái cầu vồng. Hơi thở hỗn hển như sắp đứt làm rung lay bầu vú dãn chắc. Tuyệt kêu lên :

— Tuấn. Tuấn lúc đó bỏ lại chỗ bà Quyên. Hai mắt rực sáng một tia sáng kỳ quặc không tả nổi, một tia sáng gần như vô nhân đạo. Bác sĩ Hoàng vội ôm ngang lưng kéo chàng lại :

— Kia Tuấn đứng đờ đờ... Tuấn như muốn dể bẹp bác sĩ để thoát khỏi vòng tay.

— Trời ơi ! chấn tỉnh lại chứ. Đứng đứng..

Tiếng gọi giật như làm Tuấn sợ tỉnh. Chàng chớp chớp mắt. Và bác sĩ Hoàng lúc đó quay sang săn sóc bà Quyên. Nữ bác sĩ bây giờ nằm yên không cử cựa hai mắt mở to nhìn trên trần. Bác sĩ Hoàng cúi xuống mấy đầu ngón tay quắp trên ngực và chỉ thấy quả tim đập thoi thóp. Ông nhìn kỹ thấy mặt bà bất động như mặt xác chết. Lúc sau hai mí mắt từ từ khép lại, và một tiếng rên dài làm rung động thân thể người thiếu phụ. Bác sĩ Hoàng hoảng sợ không hiểu gì, và không thể chấp nhận là bà Quyên có thể... Ông gọi to :

— Bà Quyên.

Nữ bác sĩ mở to mắt nhìn ông. Rồi đôi môi mấp máy thoáng nụ cười :

— Xong rồi, không sao cả.

#### 4.

Chiếc xe hơi từ từ đi trên đường Công Lý. Nữ bác sĩ Quyên ngồi cạnh bác sĩ Hoàng về một nhọc. Trước đó, Tuyệt đã vực bà dậy giúp bà tắm rửa bằng nước nóng, mặc đồ vào và bác sĩ Hoàng đưa ra xe tiễn bà về. Tuyệt rất ngạc nhiên là đã có những hành động lộ lảng trong khi bà bác sĩ đã xả thân cứu vị hôn phu của nàng. Khi từ già, đôi vợ chồng tương lai trong căn phòng của Tuấn, Tuấn xúc động muốn nói lời cảm tạ, nhưng chàng ngẹn ngào không thốt được nên lời và chỉ cúi xuống hôn tay bà. Trên xe bác sĩ Hoàng nói với bà Quyên :

— Sự thực nếu tôi không chứng kiến tận mắt sự việc xảy ra, thì không bao giờ tôi có thể tin vào những chuyện hoang đường ấy. Và ngay chính bây giờ tôi cũng hoài nghi luôn cả tôi nữa.

— Chuyện này khó mà chấp nhận được.

— A trước khi hành sự, bà có nói cho Tuyết biết không ?

— Có, nhưng chỉ nói sơ qua để cho cô khỏi bị ngạc nhiên sững sốt quá đáng mà thôi. Tôi không thể nói hết chi tiết của cách chữa được. Vì sợ Tuyết hiểu lầm, ghen và không thuận, thì Tuấn sẽ chết.

— Có phải trước khi hành sự, bà phải uống một chất để kích thích lòng can đảm và thẻ xác làm cho bà quay cuồng quên tất cả thành kiến cổ hủ đi không ?

— Vâng đúng thế. Tôi phải không tự chủ nổi nữa thì mới làm được chuyện tây đĩ như tôi vừa làm.

— Lúc đó không biết Tuấn nghĩ gì ?

— Lúc đó, anh ta chỉ là một con vật đầy ham muốn về thẻ xác mà thôi.

Nói đến đây, vị nữ bác sĩ hướng về người đồng nghiệp già mà mỉm cười. Một nụ cười tuyệt đẹp, vì đầy ngập tình nhân đạo. Nhưng cũng là một nụ cười kỳ lạ của người thế kỷ này — bác sĩ Hoàng nghĩ tiếp theo — vừa biểu hiệu cho ánh sáng khô khan của luận lý tây phương vừa nói lên những huyền bí âm u của vùng đất tối của âm hồn.

Bác sĩ Hoàng lắc lắc đầu trên tay bánh xe hơi, và kết luận rằng chỉ ở Việt Nam người ta mới tìm thấy được những nụ cười tương tự.

VŨ VĂN KHANH

7-1971.

# TÌNH YÊU

## THẺ XÁC

và

## LINH HỒN

### CHÍNH VĂN

### Số 3



mùa thu  
thương nhớ

linh dâng hương hồn từ mẫu ở quê nhà

thơ

CAO TIÊU

Chớm gió may lành lành  
Gió mang mùa thu về,  
Cây ngàn thương lá rụng  
Sương mờ chẳng lẻ thê.  
Tiếng chiều rơi chậm chậm  
Tiếng nước lũn qua khe.  
Lạnh lòng trôi ước hẹn  
Nẻo lòng không cửa che,  
Càng buồn thân lữ khách  
Càng nhớ ngày ra đi  
Nghẹn ngào đường chia cách  
Hôm nao biệt kinh kỳ,  
Hoàng hôn chìm vàng vọt  
Hiu hắt lối biên thùy.

Thu có về đất Bắc?  
Ơi mùa thu quê hương!  
Mây Ba-Vi trắng trắng  
Nước Tây-Hồ xanh gương  
Những lá vàng tâm sự  
Những nắng vàng yêu đương  
Mộng lành xây nhỏ nhỏ  
Tuổi xanh đời dâng hương  
Gót trai vui sứ mệnh  
Chiều không than nỗi đường

Mây trôi về viễn xứ  
Hay trôi về cố Đô?  
Lá sen xanh hương cốm  
Hoa bay lừng cửa Ô,  
Từng bừng reo sức sống  
Một mùa thu xa xưa.

Ôi những người em gái !  
Chưa đau khô bao giờ  
Tay duyên trao ngấn ngai  
Những cánh thư đợi chờ,  
Lá vàng đan sắc áo  
Gửi người ngoài sông hồ

Chớm gió may lành mạnh  
Mùa thu lại về rồi !  
Bao nhiêu là thương nhớ  
Người đi tận cuối trời  
Mộng buồn như năm tháng  
Ôi mùa thu chia phối !

Quê hương chừng xa lắm  
Mấy mùa thu phối pha,  
Ngõ sâu chìm lá rụng  
Điêu hiu vắng bước qua.  
Lũy tre gầy ấp ủ  
Mái tranh nghèo sương sa,  
Bóng mẹ hiền thương nhớ  
Những người con đi xa.

.....  
Hôm nay thu lại sang  
Gió vẫn chờ lá vàng  
Nhưng không về cố xứ.  
Nghe Trường Sơn tâm sự  
Nghe Bến Hải than van  
Mùa thu nào chinh chiến !  
Mùa thu nào ly tán  
Mùa thu hai đất nước  
Ôi mùa thu phủ phàng !



bạn bè khắp nước Pháp. Một sinh viên Việt vừa có bằng cử nhân toán ở Londres nghe tin với sang ngay đề dự, nhưng vì không có thiệp mời nên không được vào phòng. Giữa lúc bơ vơ ngoài hành lang cậu gặp một người Mỹ ga chuyện, qua vài câu khách sáo, người Mỹ nói thẳng là đại diện cho một cơ xưởng ở Hoa Thạnh Đốn đã biết rõ những gì về cậu và theo cậu đến đây đề mời cậu làm việc với số lương bắt đầu là hai tuần 1.500 đô, sau này sẽ lần lượt gia tăng tùy theo khả năng và năng xuất. Cậu cứ nhà ta sướng như gặp người đẹp với kỷ vào bàn giao kèo tức thì !

Người Pháp tế nhị hơn, khi chọn được con mời thì phái người đem văn thư mời đến cơ sở viếng thăm một tuần lễ, dài thọ phòng ngủ, cơm nước, xe cộ và mỗi ngày 25 đô là bỏ túi tiêu vặt. Con mời được hướng dẫn xem các máy móc, cách tổ chức v.v... kèm theo lời tán tỉnh :

— « Nếu bạn ngồi ở chỗ này điều khiển công việc thì quý hóa biết bao ! »

Phần đông con mời mềm tai, hỏi điều kiện và ký tên nhận việc, vì số lương và bổng ngoại quá hấp dẫn so với quy chế ở nước nhà !

Quả thật, vì như một ông Kỹ sư, Cử nhân, Tấn sĩ ở nước ngoài về Saigon vào Bộ nào, cơ quan nào cũng lãnh lương cố định khoảng phân nửa lương một anh thợ hồ (1) ! Rồi thì thủ tục hành chánh thời Thực dân còn lưu truyền quá nặng nề, chậm chạp, rắc rối hợp với một số đồng nghiệp còn giữ tác phong quan lại, cũ kỹ tạo nên một bầu không khí khó thở khiến quý ông, quý cô còn trẻ tuổi vội vã tìm cách tái xuất giang hồ.

Cơ đồ như thế trách nào kẻ có nhiệt tâm thiết tha đến tiền đồ tổ quốc cũng nán lại ở nước người để chờ đợi xem sao, đừng nói chi đến hạng mất gốc đem tâm thân thước rưỡi trí thông minh » bành trướng mạnh.

LÊ HƯƠNG

(1) Năm 1971, một anh thợ hồ tầm thường mỗi ngày lãnh 1.000đ.

❶

## Tin ấy ở đâu ?

Ngày 20 tháng 7, đài phát thanh Sài-gòn, Tổng thống Nguyễn văn Thiệu đến dự buổi họp của « dân chúng thủ đô » có đề cập đến một sự kiện lạ, Tổng thống Thiệu nói rằng, cách đây vài tuần, Cộng sản đòi cắt cho họ một phần đất, như Quảng Trị, Thừa Thiên, thì họ có thể chấp nhận hòa bình.

Tin đồn dấy, cắt đất, đồng bào ta nghe nói đã lâu. Nhưng thực tế chưa báo nào đăng, và cũng chưa có nhân vật lãnh đạo nào nói ra điều đó. Như vậy, không biết tin ấy ở đâu. Và bởi lẽ vị quốc trưởng đã công bố, mà báo chí hẳn nhiên không dám toan (vì sợ tin thất thiệt), thiết nghĩ cơ quan thông tin nhà nước cũng nên nhắc lại cho toàn thể đồng bào cùng nghe với.

muốn theo kịp tây phương kỹ thuật  
vài điều nên biết về

# Điện Toán Học

bài của  
NGUYỄN TỬ ĐOÀ

## A.- ĐẠI CƯƠNG LÝ THUYẾT

Truyện bên Mỹ: Vén tay áo nhìn đồng hồ, chàng thanh niên giết mình. Chàng có hẹn với người yêu 15 phút nữa đón nàng đi dự buổi dạ vũ, trong khi quãng cách giữa chàng và nàng là 50 cây số. Chàng tông cửa chạy ra xe. Sau tiếng rồ máy, xe phóng như lao. Nhưng quái ác thay ở mỗi ngã tư đường, cảnh sát viên ngó dăm dăm vào các xe qua lại. Chàng chửi thề trong bụng. Khi thoát ra khỏi ngoại ô, chàng thở phào: tự do! Kim đồng hồ nhảy lên 80, 90, 100 rồi tới 140km/giờ. Chiếc xe lao đi như tên bắn. Về tới nhà còn 3 phút nữa; vừa kịp thay quần áo. Khi chàng ra xe, một cảnh sát viên mặt lạnh như tiền, đưa chàng tờ báo phạt 20 đô la. Lý do: Trong quãng rình cách đây 30km xe chàng chạy quá tốc lực.

Bạn ngạc nhiên về sự khám phá này?— Có gì đâu, máy điện toán đã giúp con người làm việc rất mau lẹ có thể nói là thần tốc: ở mỗi quãng đường vắng Cảnh sát Công Lộ có đặt hệ thống radar để kiểm soát tốc độ của xe hơi qua lại. Radar báo về: chiếc xe số X... chạy quá tốc độ ấn định. Viên chức công lộ ngồi trong văn phòng chỉ việc ấn 1 nút nhỏ của chiếc máy văn tín (inquiry station) là biết ngay chiếc xe X... thuộc về ai, chủ nhân nó trả ngu nơi nào, và 15 giây đồng hồ sau cảnh sát thuộc khu phố chàng thanh niên ở được thông báo. Một phút sau giấy phạt được đưa tới. Giấy phạt được đưa tới trước khi chiếc xe phạm luật về tới nhà.



Với bàn toán, thông thường người ta dùng để làm toán cộng và trừ; với người giỏi có thể dùng để nhân và chia.

2. Xương Napier do ông Napier (Tô cách Lan) chế ra năm 1614 gồm nhiều thẻ, mỗi thẻ chia làm nhiều ô vuông (9 ô). Thẻ thức tính toán bằng xương này quá phiền toái nên hiện nay không còn được sử dụng nữa.

3. Máy cộng đầu tiên trên thế giới được chế tạo năm 1642 bởi ông Blaise Pascal (Pháp)

4. Máy tính đầu tiên làm được 4 phép tính được phát minh năm 1694 do ông Leibnitz (Đức) máy này được biến cải dần dần và năm 1829 chiếc máy với khả năng làm chính xác và mau chóng 4 phép tính được ông Thomas chế tạo. Năm 1872 chiếc này được ông Baldwin cải thiện và được sản xuất dưới hình thức kỹ nghệ

5. Năm 1885 máy cộng đầu tiên kèm theo máy in được ông Felt chế tạo. Năm 1892 ông Barronius (Mỹ) kiện toàn máy này lên tới 9 hàng số.

6. Năm 1914 ông Monroe và Baldwin phát minh, máy tính Monroe với khả năng làm 4 phép toán một cách tự động với một tốc độ thật nhanh.

Tất cả các loại máy trên đây đều phải có người kiểm soát và điều khiển ở mỗi giai đoạn khai thác. Nó chưa có tính chất tự động.

#### c) Những bước đầu của khoa điện toán

1. Năm 1802 một biến cố xảy ra: ông Jacquard (Pháp) đã hoàn thành một máy xuyên phiếu với mục đích dệt các mẫu vải phức tạp. Hình dáng của nó giúp ta theo dõi được một chuỗi hiệu lệnh đục trên phiếu. Đây là ý niệm

đầu tiên về phiếu đục lỗ.

2. Bác-sĩ Hollerith, một chuyên viên được viện thống kê dân số Hoa Kỳ giao cho nhiệm vụ khai thác các dữ kiện trên bằng thống kê dân số. Để hoàn tất việc thống kê và kiểm tra 50 triệu dân thuộc năm 1880, cơ quan thống kê phải mất 7 năm rưỡi mới xong, nghĩa là vào giữa năm 1887 mới kiểm kê dân số năm 1880.

Nhân thấy sự chậm trễ tai hại này, ông Hollerith đã nghĩ phải điện cơ hóa việc khai thác các bảng dữ kiện thống kê dân số: ông đã hoàn tất một hệ thống xử dụng nguyên tắc phiếu đục lỗ. Các phiên diện cơ được ông cải thiện và tiêu chuẩn hóa thành một cơ duy nhất. Với sáng kiến quý báu này, ông Hollerith đã hoàn tất bằng thống kê dân số năm 1890 với 63 triệu dân trong khoảng 2 năm rưỡi thay vì 9 năm.

Năm 1901, ông Hollerith đưa ra một bảng điều khiển trên đó có các nút bấm được đánh số. Năm 1914, sau khi cải tiến hệ thống máy xuyên phiếu, ông Hollerith trở nên sáng lập viên của công ty IBM (International Business Machine), một công ty hiện đang chiếm 75% thị trường máy điện toán.

3.- Năm 1908 ông Powers chế tạo một máy có thể đục được 20 cột trên phiếu theo nguyên tắc đục lần lượt. Nguyên tắc này gồm có việc tích trữ tin tức sẽ đục lên phiếu xong chỉ cần tất cả các tin tức này đều được đục lên phiếu. Kỹ thuật này giúp ta kiểm soát các dữ kiện xem đục đúng hay sai. Loại máy này là đặc quyền của hãng Remington Paud, một hãng được nổi tiếng dưới danh hiệu UNIVAC.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-TU-ĐOÀ



# *hồ sơ đầy đủ về vụ Tối Cao Pháp Viện...*

(tiếp theo trang 18)

## BỜi CÁC LE ẤY

— Tuyên phán điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-06-1971 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa là bất hợp hiến, với mọi hậu quả luật định ;

— Truyền đăng toàn văn bản án vào Công Báo Việt Nam Cộng Hòa ;

— Truyền hoãn lại tiền dư phạt.

— Đệ Quốc Gia Việt Nam chịu án phí, trích xuất cho Luật Sư Nguyễn Nguyên Hùng hưởng theo luật.

Nav kính,

Ký tên : NGUYỄN NGUYỄN HÙNG

Luật Sư Tòa Thượng-Thẩm

## II. - CUỘC TRANH LUẬN

### A. - KẾT LUẬN TRANG của VIỆN CHUỖNG LÝ ben cạnh TỐI CAO PHÁP VIỆN

Chiều chỉ do đơn khởi tố ngày 24.6.1971, Ông Nguyễn Trần thịnh cầu Tối Cao Pháp Viện tuyên phán khoản 7 điều 10 luật số 9/71 ngày 23.6.1971 vi hiến với hậu quả luật định ;

Chiều chỉ nguyên đơn trình bày rằng điều 10 khoản 7 luật nói trên qui định rằng ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống « tối thiểu phải được sự giới thiệu hoặc của 40 Nghị Sĩ, Dân Biểu hoặc của 100 nghị viên các Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh, Thị Xã » điều khoản này đã vi phạm điều 2 khoản 2, điều 13 khoản 2 Hiến Pháp 1.4.1967 về quyền bầu cử và ứng cử của công dân và những điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 và 70 Hiến Pháp về thẩm quyền của Quốc Hội và các cơ quan quyết nghị địa phương.

#### 1/ VI PHẠM ĐIỀU 2 KHOẢN 2 HIẾN PHÁP 1.4.1967

Chiều chỉ điều 2 khoản 2 Hiến Pháp qui định rằng « Quốc gia chủ trương bình đẳng giữa các công dân không phân biệt nam nữ, tôn giáo, sắc tộc, đảng phái... »

Chiều chỉ nguyên đơn cho rằng điều 10 khoản 7 đã tước quyền ứng cử của những công dân tài đức nhưng thiếu phương tiện và không liên hệ mật thiết với các Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị Viên.

Chiều chỉ mấy chữ « Công dân tài đức » mà nguyên đơn dùng đã có một định nghĩa không rõ rệt, vì nếu thật tình ứng cử viên là người tài đức thì phải có thừa đạo đức để cảm



hóa và đủ tài năng để khuất phục 40 Nghị Sĩ, Dân Biểu, hoặc 100 Nghị Viên để giới thiệu mình ra ứng cử ;

Chiều chi điều 10 khoản 7 không vi phạm sự bình đẳng giữa các công dân vì người nào ra ứng cử Tổng Thống hoặc Phó Tổng Thống cũng phải có đủ điều kiện như nhau ;

Chiều chi điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp định rằng mỗi công dân có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định ;

Chiều chi điều 13 nói như trên vì không phải công dân nào cũng làm được mọi công vụ, vì cần phải có huấn luyện, có biệt tài, có uy tín, như vậy Hiến pháp để cho nhà Lập Pháp liệu chừng về mỗi công vụ mà ra điều kiện buộc ứng cử viên phải hội đủ ;

Chiều chi hai chữ « Bình Đẳng » ở điều 13 này có nghĩa là bình đẳng giữa các ứng cử viên họ phải hội đủ như nhau những điều kiện luật định ;

Chiều chi một khi ứng cử viên Tổng Thống nào cũng phải được giới thiệu bởi 40 Nghị Sĩ và Dân Biểu hoặc bởi 100 Nghị Viên Đốc, Tỉnh, Thị, thì sự bình đẳng đòi hỏi bởi điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp đã được thỏa mãn ;

Chiều chi ngay tại Pháp Quốc là một nước có nền Dân Chủ lâu đời, để tránh sự « lạm phát » ứng cử viên Tổng Thống, luật số 62-1292 ngày 6.11.1962, điều 3 cũng định rằng :

« 1.- Quinze jours au moins avant le premier tour de scrutin ouvert pour l'élection du Président de la République, le Gouvernement assure la publication de la liste des candidats. Cette liste est préalablement établie par le conseil constitutionnel à vu des présentations qui lui sont adressées, dix huit jours au moins avant le premier tour de scrutin, à titre individuel ou collectif, par au moins cent citoyens membres du parlement, membres du conseil économique et social, conseillers généraux ou maires élus. Une candidature ne peut être retenue que si, parmi les cent signataires de la présentation, figurent des élus d'au moins dix départements ou territoires d'outre-mer différents ... »

Chiều chi như vậy tại Pháp Quốc sự giới thiệu còn ngặt nghèo hơn ở Việt-Nam vì phải được giới thiệu bởi 100 công dân là Dân Biểu Quốc hội, hay là hội viên Hội Đồng Kinh Tế và Xã Hội, hoặc là Nghị viên Hội Đồng Hành Tỉnh, hay Thị Trưởng dân cử, các người giới thiệu phải là đại diện dân cử của 10 tỉnh hay đất hải ngoại khác nhau.

Chiều chi không vi những điều kiện gắt gao trên mà có sự bất bình đẳng giữa các công dân ;

Chiều chi lý luận của nguyên đơn không đứng vững.

## 2/ VI PHẠM ĐIỀU 13 ĐOẠN 2 HIẾN PHÁP :

Chiều chi điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp định rằng :

« Mọi công dân đều có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định » ;

Chiều chi nguyên đơn lập luận rằng quyền bầu cử là quyền căn bản của công dân một

nước dân chủ, quyền này chỉ có thể giới hạn bởi lý do trật tự công cộng, chứ không bởi một lý do nào khác. Điều kiện "giới thiệu" không có tính cách trật tự công cộng mà chỉ là một hạn chế quyền bầu cử của công dân vì buộc công dân phải lựa chọn một liên danh trong số những liên danh đã được đơn phương lựa chọn trước bởi các Nghị Sĩ, Dân Biểu hay Nghị Viên Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị ;

Chiều chỉ điều kiện "giới thiệu" có tính cách trật tự công cộng hay không là tùy theo quan điểm của từng người ;

Chiều chỉ theo Nghị Sĩ Trần Văn Quát, Chủ tịch Ủy Ban Canh nông Thương Viện, điều 10 khoản 7 "buộc liên danh ra tranh cử phải được sự ủng hộ của 40 Nghị Sĩ và Dân biểu về chánh sách quốc gia do mình đề xướng. Sau này nếu có đặc cử thì chính vị nguyên thủ quốc gia sẽ cùng với số Nghị Sĩ, Dân biểu ủng hộ đó thành một khối nắm chánh quyền, ngược lại nếu thất cử, thì ít ra cũng lập được một khối đối lập tại Quốc Hội, giúp cho chúng ta có cơ hội mau lẹ tiến tới chế độ lưỡng đảng như Hiến Pháp ấn định". Điều luật này còn ngăn chặn được những kẻ Cộng Sản nằm vùng ra tranh cử và cũng hạn chế những kẻ không xứng đáng là nguyên thủ Quốc Gia ra tranh cử có thể làm bôi bẩn các liên danh xứng đáng khác (xin coi Việt Nam Thông Tấn Xã số 7407 (trọng ngày) chứa nhật 27.6.1971 trang H.3) ;

Chiều chỉ những lý do mà Nghị Sĩ Trần Văn Quát nêu ra rất quan hệ, liên quan đến sự mất còn cũng như đến sự thịnh vượng của Quốc Gia phải được coi là những lý do trật tự công cộng.

Chiều chỉ như vậy lý luận của nguyên đơn cho rằng điều kiện "giới thiệu" không có tính cách trật tự công cộng đã bị những lý do quan trọng cấp thiết nêu ra bởi Nghị Sĩ Trần Văn Quát đã phá và vì vậy không thể chấp nhận được ;

### 3.- VI PHẠM CÁC ĐIỀU 39 ĐẾN 49 HIẾN PHÁP 1-4-1967.

Chiều chỉ nguyên đơn lập luận rằng theo nguyên tắc dân chủ những vị Dân cử là chủ ủy của nhân dân là chỉ hành xử những quyền hành do nhân dân ủy nhiệm mà thôi ; quyền hành của các vị Nghị Sĩ, Dân biểu đã được qui định rất rõ ràng trong các điều luật ghi trên trong đó không có nói đến quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống để sự giới thiệu ấy trở thành một điều kiện tiên quyết cho sự ứng cử với hậu quả hạn chế quyền ứng cử và bầu cử của người chủ ủy là nhân dân ;

Chiều chỉ các điều luật Hiến pháp mà nguyên đơn nêu ra ở trên nói đến thẩm quyền, quyền hành của Quốc Hội, thủ tục làm luật, các khóa họp, phiên họp kín và phiên họp công khai cũng vẫn phòng của mỗi viên hơn là nói đến chức chương của Nghị Sĩ hay Dân biểu ;

Chiều chỉ chỉ có điều 43 đoạn 1 và điều 46 đoạn 2 là nói rõ đến quyền hạn của các Dân Biểu và Nghị Sĩ ;

Chiều chỉ nguyên đơn đã hiểu chức vụ của các Vị Dân Biểu và Nghị Sĩ dưới một khía cạnh hẹp hơn, vì ngoài những chức chương ghi trong các điều luật được nêu trên, ngay trong Hiến Pháp các vị Nghị Sĩ và Dân biểu còn là Hội Thẩm của Đặc Biệt Pháp Viện chẳng hạn (điều 86 Hiến Pháp) ;



Chiều chỉ với những điều kiện «giới thiệu» bị hủy bỏ, cuộc bầu cử năm 1967 cho thấy rằng có sự lạm phát<sup>2</sup> liên danh ứng cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống, sự lạm phát làm thương tổn danh dự Quốc-Gia vì nếu không có sự tằm lẩn thì tất cả 17 liên danh ra ứng cử, và sau khi Quốc-Hội bác một số đơn ứng cử còn lại 11 liên danh thật sự ra tranh cử;

Chiều chỉ đề ngăn ngừa sự lạm phát liên danh Nhà Lập Pháp năm 1971 đã thêm điều kiện «giới thiệu» và sự thêm điều kiện như xét ở trên không bất hợp hiến và có thể còn hợp thời nữa, vì phong trào ra ứng cử năm nay còn bùng hơn năm 1967 nữa, sự lạm phát ứng cử viên Dân Biểu theo tin tức đăng trong báo chí cho thấy rõ ràng.

Bởi các lẽ ấy, thỉnh cầu Tối-Cao Pháp-Viện : Bác đơn khởi tố.

Saigon, ngày 3 tháng 7 năm 1971

CHUÔNG-LÝ

bên cạnh TỐI-CAO PHÁP-VIỆN,

Ấn ký : VŨ-TIẾN-TUÂN

## B.— KHÁNG BIỆN LUẬN của Ông PHỤ TÁ ĐẶC BIỆT VỀ LUẬT PHÁP tại PHỦ TÒNG THÔNG

Thưa Ông Chủ Tịch và quý vị,

Chúng tôi hân hạnh được quý Viện thông báo có các công dân Trần Công Quốc, Cao Thế Dung, Nguyễn Trân và Lương Văn Thọ, do các đơn khởi tố riêng biệt thỉnh cầu quý vị tuyên phán bất hợp hiến điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 về việc quy định thể thức bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa vì, theo các nguyên trình, điều khoản này:

- 1) Vi phạm tinh thần Hiến pháp liên quan đến các điều kiện ứng cử Tổng Thống và Hiến pháp không quy định nguyên tắc giới thiệu;
- 2) Vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp do điều 52 đoạn 1 Hiến Pháp quy định vi việc giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống sẽ đưa tới bầu cử gián tiếp ;
- 3) Vi phạm điều 2 đoạn 2 Hiến pháp liên quan tới nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân;
- 4) Vi phạm điều 13 đoạn 2 Hiến pháp vi hạn chế quyền bầu cử và ứng cử của mọi công dân ;
- 5) Vi phạm các điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 và 49 Hiến pháp liên quan tới thẩm quyền của Quốc Hội;
- 6) Vi phạm điều 70 Hiến pháp liên quan tới nhiệm vụ của các Hội đồng Đô, Tỉnh, Thị

7) Không hợp lý vì có thể đưa tới tình trạng độc quyền ứng cử ;

8) Khi còn là dự luật, điều khoản này đã bị Thượng Nghị Viện bác bỏ với số thăm 46/14 và Hạ Nghị Viện bác bỏ với số thăm 102/122 ;

9) Vì đạo luật 009/71 đã được soạn thảo và ban hành khi phe Hành Pháp chưa chịu nghỉ dài hạn không lương và trao quyền Hành Chánh cho một Ủy Ban Hành Chánh lâm thời đảm nhiệm, nên đạo luật này đã vi hiến ;

10) Điều 10 khoản 7 Luật 009/71 đã xâm phạm đến quyền lợi cá nhân của một nguyên trình muốn ứng cử Tổng Thống.

Với tư cách đại diện Hành Pháp, chúng tôi trân trọng trình bày cùng Ông Chủ Tịch và quý Vị quan điểm sau đây của Hành Pháp về vấn đề này :

Chúng tôi nhận thấy tất cả 10 lý do vừa nêu trên đều không xác đáng và thiếu căn bản pháp lý :

1) Điều 10 khoản 7 không vi phạm tinh thần Hiến Pháp, không trái ngược với ý chí của nhà Lập Hiến 1967 mặc dầu nguyên tắc giới thiệu đã không được ghi trong Hiến pháp, vì những lý lẽ sau đây :

i. Hiến Pháp không ghi nguyên tắc giới thiệu không nhất thiết có nghĩa rằng đạo luật bầu cử Tổng Thống không được đặt điều kiện giới thiệu vì :

a) Theo nguyên tắc pháp lý tổng quát, những gì luật không cấm đoán thì có thể làm được.

Ở đây vì hiến nhiên không có điều khoản nào của Hiến Pháp 1-4-1967 cấm đoán sự giới thiệu nên nhà Lập Pháp có thể qui định nguyên tắc giới thiệu mà không sợ vi hiến nếu nó không trái với tinh thần Hiến Pháp.

b) Hơn nữa, những điều kiện ghi trong điều 53 Hiến Pháp rõ rệt không có tính cách hạn chế, mà chỉ có tính cách chỉ dẫn, vì khoản 5 điều này đã minh thị ủy quyền cho đạo luật ấn định những điều kiện khác ấy sẽ hợp hiến nếu nó không đi ngược lại những điều khoản Hiến Pháp và tinh thần Hiến Pháp. Vậy vấn đề còn lại là nguyên tắc giới thiệu có đi ngược lại những điều khoản hay tinh thần Hiến Pháp không ?

c) Nguyên tắc giới thiệu không trái với tinh thần Hiến Pháp ngày 1-4-1967 vì đọc kỹ biên bản Quốc Hội Lập Hiến và Quốc Hội Lưu nhiệm người ta thấy rõ ràng :

Quốc Hội Lập Hiến không hề thảo luận trực tiếp đến nguyên tắc " có sự giới thiệu của các đại diện dân cử " và cũng không gạt bỏ nó.

Thật vậy, mặc dầu được nêu lên tại diễn đàn Quốc Hội tới cả 2 lần, nguyên tắc giới thiệu đã không lần nào là đối tượng chính của cuộc thảo luận vì cả hai cuộc thảo luận đều xoay quanh một trọng tâm chủ yếu là việc cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái. Nói cách khác (cả 2 lần) các Dân Biểu đã chủ ý đến vấn đề cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái hơn là vấn đề giới thiệu. Lần thứ nhất, khi thảo luận và biểu quyết điều 22 liên quan đến việc cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái, vấn đề giới thiệu đã được đặt ra. Trong cuộc thảo luận này các Dân Biểu đã chia thành hai phe: một chấp thuận và một bác bỏ việc cấm đoán nêu trên. Phe chấp thuận có



Dân Biểu Bùi Văn Giải. Khi thuyết trình, vị Dân Biểu này đề nghị rằng nếu cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái thì sau này phải bỏ điều kiện buộc có sự giới thiệu khi ra tranh cử Tổng Thống (Công báo V.N.C.H. ấn bản quốc hội số 10-QH ngày 2-5-1967 trang 1101). Như vậy đề nghị bỏ điều kiện buộc có sự giới thiệu chỉ là hậu quả của việc cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái. Hơn nữa đề nghị bỏ điều kiện giới thiệu ở đây là đề nghị bỏ sự giới thiệu của chính đảng chứ không phải đề nghị bỏ sự giới thiệu của các đại diện dân cử vì nhà lập hiến thuyết trình viên quan niệm có bỏ như vậy mới khỏi gây bất công đối với quân nhân đã bị cấm sinh hoạt đảng phái.

Lần thứ hai, khi thảo luận và biểu quyết điều 52 gồm 5 khoản qui định 5 điều kiện ứng cử Tổng Thống trong đó điều kiện thứ năm đòi hỏi: « Được sự giới thiệu của 10 Dân Biểu hay Nghị Sĩ hoặc của một chính đảng », Quốc Hội cũng không gạt bỏ nguyên tắc có sự giới thiệu của các đại diện dân cử. Điều phải đề ý là khi thảo luận, đến điều kiện giới thiệu. Quốc hội lướt qua rất nhanh, và hầu như không ai đặt thành đối tượng thảo luận trừ thuyết trình viên và Dân Biểu Bùi Văn Giải. Trái lại 4 điều kiện trước đã được thảo luận rất nhiều và rất kỹ khi thuyết trình viên đề nghị thảo luận khoản 5, Dân Biểu Bùi Văn Giải lên diễn đàn và tuyên bố: « Hôm trước, trong khoản đề cập đến vấn đề quân nhân tại ngũ không sinh hoạt chính trị đảng phái, chúng ta đã biểu quyết điều đó; vì thế hôm nay chúng tôi kính yêu cầu Quốc Hội bỏ khoản 5 này, để cho được dễ dãi trong việc ứng cử »

Rồi ông Chủ Tịch lấy biểu quyết: « Bây giờ vị nào đồng ý bỏ đề khỏi phải thảo luận dài dòng, xin đưa tay lên ».

69 Dân Biểu chấp thuận. Tất nhiên khoản 5 bị bác bỏ.

Như vậy căn cứ vào kết quả cuộc biểu quyết lần trước liên quan đến việc cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái, lần này Quốc Hội hoàn toàn không muốn thảo luận nguyên tắc giới thiệu.

Tóm lại, trong cả 2 lần thảo luận, Quốc hội đã hoàn toàn không bàn cãi nguyên tắc « có sự giới thiệu của các đại diện dân cử » và, do đó, cũng không hề đề cập đến việc bác bỏ nó. Quốc hội chỉ đề cập đến việc bãi bỏ sự « giới thiệu của chính đảng » cốt để duy trì điều khoản cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái. Chính việc gạt bỏ sự giới thiệu của chính đảng đã lôi kéo luôn sự gạt bỏ giới thiệu của các đại diện dân cử. Nhưng ngay cả nguyên tắc giới thiệu của chính đảng cũng không được Quốc hội đem ra thảo luận trước khi bác bỏ nó vì sự bác bỏ chỉ là hậu quả của ý chỉ duy trì cho bằng được điều khoản cấm đoán quân nhân nêu trên; chứ không phải Quốc hội đã tiên thiên có ý muốn loại bỏ nguyên tắc giới thiệu, kể cả sự giới thiệu của chính đảng.

2. Quốc Hội Lập Hiến đã minh thị chấp nhận nguyên tắc « có sự giới thiệu của các đại diện dân cử ».

Hiến pháp đã dự liệu việc lưu nhiệm Quốc hội Lập Hiến để thực hiện một số công tác lập pháp hạn định trong đó có việc soạn thảo dự luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ 1967-71. Trong phiên họp ngày 2-5-1967, thuyết trình viên Bành Ngọc Quý trình bày điều 10 của dự luật ấy gồm 6 khoản trong đó không có khoản « giới thiệu ». Chính

Dân biểu Đặng Văn Sung đã đưa tu chính án liên quan đến nguyên tắc giới thiệu. Ông viện lý rằng: với điều kiện dễ dàng như trong điều 10 thì phải đi đến việc bỏ phiếu hai vòng mới khiến cho Tổng Thống tương lai có đủ đa số phiếu để đứng đầu ngành Hành Pháp. Nhưng bỏ phiếu 2 vòng là một nguy hiểm cho tình trạng an ninh quốc gia hiện giờ.

— Quốc hội nên đưa ra một điều khoản để có thể khuyến khích các liên danh kết hợp với nhau mà đưa ra một số liên danh ít và đủ tính cách bảo đảm đứng đầu thì hơn.

— Vì tình trạng Việt Nam không có chính đảng như ở Mỹ để làm việc tuyển lựa đầu tiên cho các liên danh.

Với những lý lẽ đó, Dân Biểu Đặng Văn Sung đưa ra tu chính án là mỗi liên danh ứng cử viên phải được sự giới thiệu tối thiểu của 1/4 tổng số Dân Biểu hoặc 1/4 tổng số các Nghị viên Hội Đồng dân cử của Tỉnh, Thị-Xã (Công Báo Việt Nam Cộng Hòa ngày 22-12-68, trang 719). Ý kiến trên đã được thảo luận sôi nổi, được nhiều Dân Biểu tán thành. Cuối cùng Quốc Hội đã biểu quyết chấp thuận điều 10 khoản 7 nguyên văn như sau với đa số 53 trên 76 Dân Biểu hiện diện: «Được sự giới thiệu ít nhất của 30 vị đại diện dân cử (Dân Biểu, Nghị Viên Hội Đồng Đô-Thành, Tỉnh hay Thị-Xã), mỗi đại diện dân cử chỉ có quyền giới thiệu một liên danh» (Công Báo V.N.C.H ngày 22-2-68, trang 736).

Mặc dầu khi duyệt xét chung cuộc dự luật, một tu chính án đề nghị bỏ khoản 7 điều 10 được đệ trình và đem ra thảo luận rất gay go, khoản này vẫn tồn tại vì Quốc-Hội không đủ túc số để bác bỏ (Công Báo V.N.C.H. ngày 29-2-68, trang 981).

Như vậy là khi nhà lập hiến, các Dân Biểu đã không gạt bỏ nguyên tắc giới thiệu nêu trên, và khi trở thành nhà Lập-hiến lưu-nhiệm để hành xử tạm thời nhiệm vụ lập pháp, cũng vẫn các Dân Biểu đã chấp thuận nguyên tắc này với đa số khá lớn (53 trên 76 Dân Biểu). Do đó vấn đề nữa được đặt ra là quan điểm của Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm có thể được coi cũng là quan điểm của Quốc-Hội Lập-Hiến không?

3.— Quan điểm của Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm cũng chính là quan điểm của Quốc-Hội Lập-Hiến vì:

— Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm cũng chính là Quốc-Hội Lập-Hiến.

— Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm ấy lại do chính những vị Dân Biểu Lập-Hiến từ lưu-nhiệm mình để chi-tiết-hóa một vấn đề tổng quát lại cũng do chính mình đã qui định vừa mới xong trong Hiến-Pháp.

— Tự lưu lại để thực thi cấp tốc một số điều khoản bản Hiến-Pháp to chính mình đề ra và mới được ban hành chưa khô mực, lẽ nào những Dân Biểu Lập-Hiến từ lưu-nhiệm lại phản lại chính mình ngay lập tức, lại bóp chết ngay con sơ sinh tinh thần của mình.

— Trong thời kỳ ấy, trước khát vọng dân chủ của quần chúng và kỷ cương của họ đặt nơi Quốc-hội lưu-nhiệm, với những kinh nghiệm chua chát của thời xáo trộn và trước viễn ảnh một nền độc-tài quân phiệt nếu Hiến-Pháp không được thực thi đứng đắn, các nhà lập hiến lưu-nhiệm lại càng ý thức rõ rệt hơn về trọng trách của mình đối với nhân dân về



sự hình thành nền dân chủ. Do đó họ càng phải triệt để cố gắng phổ diễn trung thực tinh thần bản Hiến-pháp trong dự luật bầu cử Tổng Thống.

— Quốc-hội Lập-Hiến lưu nhiệm không dám qui định những điều khoản của dự luật trái với Hiến-pháp bằng cách chỉ làm nhiệm vụ chi tiết hóa những điều khoản tổng quát của Hiến-pháp, tức là quan điểm của Quốc-hội, lưu-nhiệm đã phải phù hợp với hiến-pháp. Do đó, quan điểm của Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm cũng chính là quan điểm của Quốc-Hội Lập-Hiến vậy.

xXx

Thiết tưởng ba lý do vừa trình bày trên đây cũng đủ chứng tỏ rằng nguyên tắc giới thiệu không trái với tinh thần Hiến-Pháp vì nó đã được các nhà lập hiến công nhận.

Sở dĩ nguyên tắc giới thiệu đã không được lưu giữ trong Đạo luật bầu cử Tổng-Thống nhiệm kỳ 1967-71 mặc dầu nó đã được các Dân-Biểu chấp nhận, vì Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia đã yêu cầu Quốc-Hội lưu nhiệm phúc nghị :

Quốc-hội đã biểu quyết về điểm này với kết quả như sau trong số 92 Dân-Biểu hiện diện (25 Dân-Biểu vắng mặt) :

- 45 phiếu xin giữ lại điều 10 khoản 7
- 39 phiếu xin hủy bỏ
- 5 phiếu trắng
- 3 phiếu bất hợp lệ.

(Công báo V.N.C.H. ấn bản Quốc hội số 14-QH ngày 7-3-68. trang 1181).

Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã giải thích kết quả trên đây là quan điểm của mình thẳng thắn và do đó, điều 10 khoản 7 đã bị loại bỏ khỏi luật bầu cử Tổng Thống.

Ngày nay có người cho rằng Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã có hai thái độ mâu thuẫn vì trước kia với tư cách là Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia Ông đã bác bỏ điều 10 khoản 7, nay với tư cách Tổng Thống, Ông lại chấp nhận điều khoản này.

Xét cho cùng, lời chỉ trích trên không xác đáng vì :

— Năm 1967, không phải riêng một mình Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia có quyền quyết định. Với cơ chế Ủy Ban, mọi quyết định của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đều phải lấy theo thể thức biểu quyết. Như vậy quyết định yêu cầu Quốc hội hủy bỏ điều 10 khoản 7 là quyết định chung của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia.

— Việc lạm phát ứng cử viên Tổng Thống năm 1967 có thể làm suy giảm phần nào uy tín của vị Tổng Thống đắc cử vì ông không thể nào chiếm được đa số phiếu khá cao. Do đó rút kinh nghiệm cũ, nhằm tăng cường uy tín của vị nguyên thủ tương lai, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ngày nay đã đồng quan điểm với Quốc hội về nguyên tắc giới thiệu,

11) Điều 10 khoản 7 không vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp do điều 52 đoạn 1 Hiến Pháp quy định vì việc đặt nguyên tắc giới thiệu không có hậu quả làm cho cuộc bầu

cử Tổng Thống trở-thành bầu cử ... lưỡng cấp và, do đó, không trái với Hiến Pháp vì theo định nghĩa của thể thức bầu cử lưỡng cấp, cử tri toàn quốc không có quyền bầu ứng cử viên trong khi đó với nguyên tắc giới thiệu của điều 10 khoản 7 chính các cử tri toàn quốc bầu lên Tổng-Thống. Thật vậy, bầu cử lưỡng cấp là một thể thức phổ thông đầu phiếu gián tiếp có hai cấp. Ở cấp thứ nhất các cử tri sơ cấp không bầu lên người đại diện cho chính mình, mà chỉ bầu lên những cử tri thuộc cấp thứ hai. Chính những cử tri sau này mới trực tiếp bầu lên những người đại diện cho toàn dân (Marcel Prélot : Institutions politiques et Droit. Constitutionnel, p.633 Dalloz 1963). Trong khi đó, theo khoản 7 điều 10, việc giới thiệu chỉ là một điều kiện và là điều kiện thứ yếu. Người dân vẫn trực tiếp bầu lên Tổng Thống vì nguyên tắc căn bản của Hiến Pháp và các dự luật 1967 cũng như 1971 vẫn là phổ thông đầu phiếu trực tiếp và người ta không tìm thấy nơi các dự luật ấy điều khoản nào ấn định hai loại cử tri đệ nhất và đệ nhị cấp, cùng thể thức đầu phiếu lưỡng cấp. Nếu cho rằng những người giới thiệu là cử tri đệ nhị cấp, thì theo thể thức lưỡng cấp, chính những người giới thiệu này mà thôi phải trực tiếp bầu lên Tổng Thống, còn cử tri toàn quốc chỉ có nhiệm vụ duy nhất là bầu lên những người có nhiệm vụ giới thiệu mà thôi.

Hơn nữa, trên bình diện luật Hiến Pháp đối chiếu, ta thấy nguyên tắc giới thiệu vẫn tương hợp với nguyên tắc phổ thông đầu phiếu trực tiếp. Tại Đại Hàn, Tổng Thống do nhân dân bầu qua một cuộc đầu phiếu phổ thông bình đẳng trực tiếp và kín, nhưng ứng cử viên Tổng Thống phải do một chính đảng đề nghị (Nguyễn văn Bông : Luật Hiến Pháp và Chính trị học trang 341, Saigon in lần thứ hai, 1969). Tại Pháp, Tổng Thống cũng được bầu lên qua cuộc phổ thông đầu phiếu trực tiếp, và ứng cử viên cũng phải được sự giới thiệu của 500 đại diện dân cử (Marcel Prélot : Sách đã dẫn, tr. 619-621). Mặc dầu có điều kiện giới thiệu, không ai cho rằng thể thức bầu cử tại hai nước vừa kể là lưỡng cấp, là gián tiếp, là bất bình đẳng. Điều 10 khoản 7 tại Việt Nam cũng có trường hợp tương tự như vậy. Vấn đề căn bản đặt ra ở đây là có bầu cử lưỡng cấp hay không chứ không phải là vấn đề việc bầu cử lưỡng cấp có hợp hiến hay không? Vấn đề thứ hai này chỉ là hậu quả của vấn đề thứ nhất. Vì vậy người ta không thể nại cứ rằng nguyên tắc giới thiệu hay đề nghị tại Pháp và Đại hàn có tính cách hiến tính còn nguyên tắc giới thiệu tại Việt Nam nếu được chấp nhận trong luật bầu cử, chỉ có tính cách luật định để chỉ trích vấn đề hiến tính.

III/— Điều 10 khoản 7 không vi phạm điều 2 đoạn 2 Hiến Pháp 1-4-1967 liên quan đến sự bình đẳng giữa các công dân vì điều 10 khoản 7 chẳng cấm đoán ai ứng cử hết, bất cứ công dân nào có đủ điều kiện luật định đều có quyền ứng cử. Điều 10 khoản 7 chỉ đặt ra một trong số nhiều điều kiện luật định mà thôi. Hiến Pháp Đại Hàn vừa được trích dẫn đã chứng tỏ điểm này. Nếu nói rằng sự giới thiệu hạn chế quyền ứng cử, thì chính sự bỏ buộc ứng cử viên Tổng Thống đóng một số tiền ký quỹ khá lớn cũng là một sự hạn chế, và sự hạn chế này còn có thể tệ hại hơn là sự hạn chế thứ nhất vì một người có khả năng tài chánh chưa hẳn đã là người có khả năng chính trị để làm Tổng Thống và ngược lại. Thật ra điều kiện ký quỹ có dụng ý làm cho ứng cử viên phải thận trọng khi quyết định tranh cử, điều kiện giới thiệu nhằm khuyến khích các ứng cử viên có uy tín và hậu thuẫn chính trị, tránh sự lạm phát ứng cử viên và góp phần vào việc tạo cho người đắc cử một số phiếu khá quan. Chính một Dân Biểu lưu nhiệm Nguyễn Văn Hồi



cũng nhân xét như vậy khi phát biểu: "Tôi thấy sự giới thiệu của Quốc hội hay là Hội Đồng Tỉnh không có ngăn cản quyền người công dân bầu cử và ứng cử bao giờ. Người công dân ra ứng cử ít nữa cũng phải có hậu thuẫn nào, cũng có dân chúng ủng hộ mới được, không lẽ chúng ta chấp thuận một người ra ứng cử để xài công quỹ. Tôi thấy việc giới thiệu của Quốc hội hay Hội Đồng Tỉnh rất hữu lý, điều đó không phản hiến bao giờ".

IV) Điều 10 khoản 7 không vi phạm điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp.

Điều 10 khoản 7 cũng không vi phạm điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp vì thực ra nó không hạn chế quyền bầu cử của người công dân. Thật vậy, vấn đề căn bản đối với cử tri không phải là có đồng ứng cử viên để lựa chọn vì lựa chọn trong số những ứng cử viên không có hậu thuẫn nhân dân và uy tín chính trị không phải là sử dụng quyền tự do dân chủ, quyền đi bầu. Quyền bầu cử chỉ có ý nghĩa và nền dân chủ chỉ nhận diện được nếu những người được bầu ra có ý thức trách nhiệm, có khả năng và uy tín chính trị đối với cử tri và cuộc bỏ phiếu diễn ra trong những điều kiện tự do. Tại Hoa Kỳ, thể thức đầu phiếu hợp tuyển hạn chế đã được áp dụng trong một số cuộc bầu cử At Large, nhưng ai dám bảo dân tộc Hoa Kỳ không biết dân chủ và quyền bầu cử của công dân Hoa Kỳ bị hạn chế? (Alfred de Grazia: The Elements of political Science, Chapter 5). Cũng vậy, thể thức đơn danh hợp tuyển hạn chế áp dụng trong những trường hợp thích ứng không có nghĩa là tước đoạt một phần quyền bầu cử của cử tri, và dân chủ hay không dân chủ không phải là kỹ thuật để cho cử tri được chọn một Dân Biểu hay tất cả Dân Biểu, được chọn một người hay một danh sách. Kỹ thuật đầu phiếu dân chủ hay không dân chủ tùy thuộc vào việc áp dụng kỹ thuật ấy trong cuộc bầu cử có đem lại kết quả dân chủ hay không.

V) Điều 10 khoản 7 không vi phạm các điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48 và 49 Hiến Pháp vì:

— Điều 10 khoản 7 không xâm phạm thẩm quyền của Quốc Hội.

— Điều 10 khoản 7 không tạo thêm cho Quốc Hội một thẩm quyền mới vào hết. Nó chỉ giao cho cá nhân các Dân Biểu và Nghị Sĩ một năng quyền giới thiệu để bảo đảm uy tín của vị Nguyên thủ Quốc Gia và quyền lợi quốc gia. Thiết tưởng người ta không thể lầm lẫn một cơ quan (Quốc hội) với mỗi một cá nhân (Dân Biểu hay Nghị Sĩ) được.

Người ta không thể đồng hóa một định chế, một công quyền, một tập thể với những cá nhân được.

— Việc giới thiệu ứng cử viên không tạo cho mỗi cá nhân dân biểu hay Nghị Sĩ một nhiệm vụ thường hữu vi các nhà Lập pháp có toàn quyền giới thiệu hay không...

VI.— Các Nghị viên cũng ở trong trường hợp như các Dân Biểu và Nghị Sĩ vừa nêu ở đoạn (V). Do đó người ta có thể dùng lý luận vừa nêu trên để biện minh cho năng quyền giới thiệu của các Nghị viên. Như vậy năng quyền này không vi phạm điều 70 Hiến Pháp 1-4-1967.

VII.— Việc mỗi Viện Quốc hội bác bỏ một điều khoản của dự luật trước khi dự luật được chung quyết không có một giá trị pháp lý nào. Theo thủ tục lập pháp quy định tại các điều

43, 44, 45 Hiến Pháp, chỉ có kết quả cuộc chung quyết của Quốc hội mới được kể là quan điểm chính thức và được chuyển sang Tổng Thống để ban hành dự luật.

VIII) Đòi hỏi Tổng Thống và Chánh Phủ phải nghỉ dài hạn không lương trước khi ban hành một đạo luật bầu cử Tổng Thống là một đòi hỏi sai lầm hoàn toàn sai lầm và ngày ngo, không có căn bản pháp lý, và vi phạm Hiến Pháp một cách trầm trọng nhất vì đòi hỏi ấy hậu quả đi ngược lại thủ tục điều hành guồng máy công quyền do Hiến pháp quy định.

IX) Điều 10 khoản 7 không xâm phạm đến quyền lợi của một công dân nào và cũng không trái với nguyên tắc dân chủ vì, như đã trình bày, nó không phản bội quyền lợi công dân, chủ úy. Trái lại, nó có thể tác dụng bảo vệ quyền lợi người dân... một cách hữu hiệu hơn vì quốc-gia được quản-trị bởi những người mà uy-tín khỏi diêm được chứng minh bằng sự giới-thiệu của các đại diện dân cử, đất nước có thể có nhiều triển vọng tốt đẹp hơn và người dân cũng thấy có bảo đảm hơn. Hơn nữa, "dân-chủ không những chỉ đơn thuần có nghĩa là một loạt những định-chế chính-trị như phổ-thông đầu phiếu, chánh thể đại nghị, và thủ-tục quyết-định theo đa số, mà còn là một loạt những nguyên-tắc mà định chế ấy nhằm thực-hiện. Những nguyên-tắc này (theo những danh từ của Bentham) là "Trách nhiệm của những người cai trị, hay quyền của mỗi công-dân có những lý lẽ được công-khai đem ra và thảo-luận về mọi hành-vi của chính-quyền đối với họ... quyền tự-do báo-chí hay quyền an toàn theo đó mọi người đều có thể phát biểu những điều khiêu-nại.... quyền tự-do hội họp công-khai, quyền an ninh theo đó những kẻ bất-mãn có thể thông-đạt những cảm nghĩ của mình, phối trí những kế hoạch, và thực hiện mọi thể thức đối lập trừ việc nổi loạn thực sự" (S.I. Benn and R.S. Peters : The principle of political thought : social foundations of the democratic state trang 420, Collier Book, New York, N.Y. 1964).

Với những lý lẽ vừa trình bày trên đây, chúng tôi thiết tưởng điều 10 khoản 7 luật 009/71 ngày 23-6-1971 hoàn toàn hợp hiến.

Trân trọng kính chào Ông Chủ-Tịch và Quý Vị Thẩm-Phán.

Ấn ký :  
DUY-ĐỨC-THUY

## C.— BIÊN MINH TRẠNG của Ông NGUYỄN TRẦN (12-7)

Thưa Ông CHỦ-TỊCH,

Thưa Quý Vị THẨM-PHÁN TỐI-CAO,

Tôi trân trọng trình bày dưới đây quan-diêm của tôi đối với kết-luận-trang của Ô. Chương-Lý bên cạnh Tối-Cao Pháp-Viện và kháng-biên-trạng của Ô. Phụ-Tá đặc-biệt về Pháp-luật của Phủ Tổng-Thống đối với đơn khởi-tố của tôi.

Bây diêm-kết-luận-trạng của Ô. Chương-Lý và chín diêm kháng-biên-trạng của Ô. Phụ-Tá đặc biệt đại ý gần giống nhau, có khác chăng là về các chi tiết. Để tránh dài dòng, tôi chỉ xin trình bày ở đây quan-diêm của tôi về những diêm chính đã được nêu lên trong hai văn kiện ấy.



I. — Kết luận trạng của Ô. Chương Lý và kháng biện trạng của Ô. Phu tá đặc biệt về Pháp luật đều cho điều 10 khoản 7 luật số 9/71 ngày 23-6-71 là không vi phạm điều 2 khoản 2 và điều 13 khoản 2 Hiến-Pháp, viện lẽ rằng quyền ứng cử và bầu cử của công dân đều được bình đẳng theo như điều kiện luật định.

Không lẽ lại đây những lý lẽ tôi đã trình bày trong đơn khởi tố, tôi chỉ xin thưa rằng quan điểm của tôi nêu lên trong đơn khởi tố ấy cũng là quan điểm mà Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia đã trình bày trong thông điệp số 3/LĐQG/TD ngày 26-5-67 gửi cho Ô. Chủ-Tịch Quốc-Hội.

Thật vậy, thông điệp ấy đã viết như sau :

**A) VI-PHẠM ĐIỀU 2 ĐOẠN 2 HIẾN-PHÁP 1-4-1967**

Khi bỏ buộc ứng cử viên phải có sự giới thiệu của ít nhất 30 vị đại diện dân cử, điều 10 khoản 7 bản văn dự luật bầu cử Tổng Thống. Phó Tổng Thống đã mặc nhiên trước quyền ứng cử của người công dân có tài năng, đức độ, nhưng thiếu phương tiện và không liên hệ mật thiết với các vị đại diện dân cử...

**B) VI-PHẠM ĐIỀU 13 ĐOẠN 2 HIẾN-PHÁP 1-4-1967**

Quyền bầu cử là một công quyền chính trị. Giới hạn của quyền này là trật tự công cộng, ngoài ra không có giới hạn nào khác.

Điều 10 khoản 7 bản văn dự luật đã đặt ra một giới hạn không có tính cách trật tự công cộng, đã hạn chế quyền bầu cử của người công dân, vì nó buộc người công dân phải chọn lựa một liên danh trong số các liên danh đã được chọn lựa đơn phương từ trước bởi các vị đại diện dân cử rồi.

Chính lại quan điểm của tôi, tức là Ô. Phu tá đặc biệt về Pháp Luật của Tổng Thống đã chống lại quan điểm của Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia mà chủ tịch là Trung-Tướng Nguyễn-Đức-Thiệu đương kiêm Tổng Thống. Như vậy, quan điểm của vị phu tá của Tổng Thống hóa ra lại hay hơn, đúng hơn quan điểm của Tổng Thống, trái với lời nói trong Kinh-Thánh : «tớ không hơn thầy».

Để biện minh cho sự trạng éo le ấy, Ô. Phu tá đặc biệt đã nại rằng :

« Năm 1967, không phải riêng một mình Chủ-Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia có quyền quyết định. Với cơ chế ủy ban, mọi quyết định của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đều phải lấy theo thể thức biểu quyết. Như vậy, quyết định yêu cầu Quốc-Hội hủy bỏ điều 10 khoản 7 là quyết định chung của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ».

Lý lẽ viện dẫn trên này càng chứng tỏ rằng quyết định yêu cầu hủy bỏ điều 10 khoản 7 năm 1967 là một quyết định dân chủ chỉ lấy sau khi có thảo luận, cân nhắc kỹ càng, mà một quyết định dân chủ là một quyết định sáng suốt hơn, vô tư hơn quyết định của một cá nhân có thể lầm lẫn hoặc thiên kiến.

Giả sử ý kiến đòi hủy bỏ điều 10 khoản 7 năm 1967 không phải là ý kiến của riêng Trung Tướng Nguyễn-văn-Thiệu, Chủ-Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia mà nay là Tổng

Thông, nghĩa là Trung Tướng Nguyễn-văn-Thiệu đã gửi thông điệp yêu cầu Quốc-Hội hủy bỏ điều 10 khoản 7 là tuân theo quyết định của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, chứ riêng cá nhân Trung Tướng Nguyễn-văn-Thiệu, không muốn, thì xin Ô. Phụ tá đặc biệt hãy xuất trình trước Quý Viện biên bản thảo luận của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia liên quan đến quyết định ấy để chứng minh.

Thưa Ông CHỦ TỊCH,

Thưa Quý VỊ THẨM PHÁN TỐI CAO,

Thật ra, điều 10 khoản 7 được đặt ra năm 1967 là hậu quả của sự mâu thuẫn quyền lợi hay ít ra là quan điểm giữa hai vị lãnh đạo quốc gia lúc bấy giờ là Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ, Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, như sự nấp đơn ứng cử Tổng Thống của cả hai vị ấy đã cho thấy.

Trong cuộc thảo luận của Quốc hội liên quan đến vấn đề có nên xem Thông điệp của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia có phải là phúc nghị hay không, có đề cập đến ý kiến của Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố với báo Chính Luận rằng « thông điệp ấy không phải là phúc nghị », (Biên bản QH số 28-QH-BB ngày 30-5-1967, trang 1162).

Điều này cho thấy rằng năm 1967, TT. Nguyễn Cao Kỳ muốn duy trì điều 10 khoản 7, nghĩa là muốn có điều kiện giới thiệu trái với lần này ông muốn hủy bỏ để hủy bỏ điều kiện giới thiệu.

Lý do có sự mâu thuẫn trong ý kiến của hai vị ấy lần trước cũng như lần này rất dễ hiểu vì đã có sự thay đổi trong thực quyền của hai vị đó.

Nói cách khác, luật bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống năm 1967 và luật bầu cử ấy năm nay đã phản ánh sự tranh chấp quyền hành giữa hai vị ấy, mà nạn nhân là Hiến Pháp của Đệ Nhị Cộng Hòa và chính nghĩa Tự Do Dân Chủ của miền Nam.

Kết luận trang của Ô. Chương Lý có nói rằng : « mấy chữ tài đức mà nguyên đơn dùng đã có một định nghĩa không rõ rệt, vì nếu thật tình ứng cử viên là người tài đức thì phải có thừa đạo đức để cảm hóa và đủ tài năng để khuất phục 40 Nghị sĩ, dân biểu hoặc 100 nghị viên để giới thiệu mình ra ứng cử. »

Lời nói đó có thể đúng trên lý thuyết và trong thời bình, lúc mà lòng người không bị xâu xé, phân tán như ngày nay.

Xin thử tưởng tượng việc đi khuất phục 40 Nghị Sĩ, Dân biểu hoặc 100 nghị viên sẽ đòi hỏi bao nhiêu thời giờ.

Đi thăm một Nghị sĩ, dân biểu hoặc nghị viên không phải chỉ tới nhà tại gặp được liền, mà phải hẹn trước. Nếu tính mỗi ngày đi gặp được hai người và trong hai người thì thuyết phục được một, thì ít ra cũng phải 40 ngày mới kiếm được 40 chữ ký của Nghị Sĩ, Dân Biểu và 100 ngày để thuyết phục được 100 nghị viên, là thời gian quá dài đối với kỳ hạn quá eo hẹp của luật định. Đây là chưa kể rằng phải đi về tận các tỉnh để gặp nghị viên, còn việc gặp được dân biểu tại nhà hiện nay, còn khó hơn việc đi tìm rân mùng năm, vì vị nào cũng sợ tên vị là vận động bầu cử rân mùng khắp trong nước.



Khi giải thích vì sao ông đã xin Quốc hội bãi bỏ điều 10 khoản 7, Dân Biểu Lập Hiến Lê Thành Châu đã cho biết là "có thể gây nên nhiều khó khăn cho các vị dân cử, vì chúng ta không cùng một đảng với những vị ra tranh cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống thì việc giới thiệu của chúng ta gây ra nhiều phiền phức, và đảng khác, có thể có những liên danh mua chuộc hay là xin được rất nhiều chữ ký của các vị dân cử làm cho các liên danh khác khó xin được chữ ký". (Công báo số 14-QH ngày 7-3-1968, trang 1138).

Sự lo lắng của Dân biểu Lê Thành Châu đã thành sự thật: phủ phàng, trắng trợn, vì báo chí không có một danh từ nào khác ngoài danh từ "gia nô", để gọi đại đa số các dân biểu, kể cả những dân biểu đối lập "đối lập".

Dư luận đã nói quá nhiều về luật "TIỀN ĐỊNH": đi họp Quốc Hội cũng do luật "tiền định", biểu quyết luật cũng do luật "tiền định". Luật "tiền định" này không còn là một bí mật ngay đối với người ngoại quốc, vì nếu qui vị muốn, thì tôi sẽ nói ra tên một vị Ngoại giao của một Tòa Đại Sứ ở Saigon. Ông này gần đây có tới thăm một vị lãnh đạo tôn giáo trước sự hiện diện của tôi.

Ông hỏi: "Ngài nghĩ thế nào về điều 10 khoản 7 luật bầu cử Tổng Thống?"

Vị lãnh đạo tôn giáo trả lời: "Tôi nghĩ rằng Tổng Thống sẽ phúc nghị".

Vị ngoại giao liền cười mà đáp rằng: "Người ta nói Tổng Thống tốn rất nhiều tiền, từ 500.000 đến 700.000 cho một lá phiếu để được điều khoản ấy, lẽ nào lại phúc nghị để mất tiền hay sao?"

Thưa Ông CHỦ TỊCH,

Thưa Quý Vị THÀM PHÁN TỐI CAO.

Luật "tiền định" mà chúng ta thấy nói đến hàng ngày trên mặt báo là đại họa đương phá hoại quốc gia này. Đó là nguồn gốc của mọi những lầm, vì là những lầm ở thượng tầng quốc gia. Luật "tiền định" ấy đã và đang làm cho hy sinh của dân chúng và xương máu của chiến sĩ hóa ra vô ích,

Tôi dám chắc rằng quý Vị và Ông. Chương Lý đều biết qua báo chí rằng những người thế lực như Tướng Dương văn Minh và Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ còn than thở không kiếm đủ chữ ký để giới thiệu mình, huống chi một người cô thế như ông này chỉ và nghị lực như tôi làm thế nào để kiếm cho đủ chữ ký, trong lúc báo chí cho biết đã có một chiến dịch bao thầu chữ ký trên toàn quốc để không ai có thể kiếm ra được.

Bởi thế đạo đức và tài năng mà không có phương tiện thì không tự nó bảo đảm cho sự kiếm đủ chữ ký trong buổi vàng thau lẫn lộn này.

Người xưa há chẳng đã nói:

"Thời lai đồ diếu thành công dị" ?

xXx

II.—Dưới đây tôi xin thưa về quan điểm của Ông. Chương Lý và Ông. Phụ Tá đặc biệt về Pháp Luật của Phủ Tổng Thống theo đó hai vị này cải rằng điều 10 khoản 7 không vi phạm Hiến Pháp.

Lý do chính được nêu ra trong kháng biên trang của Ông Phu Tá đặc biệt là nguyên tắc giới thiệu không trái với tinh thần Hiến Pháp vì « đọc kỹ biên bản Quốc Hội Lập Hiến và Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm, người ta thấy rõ rằng : Quốc Hội Lập Hiến không hề trực tiếp thảo luận đến nguyên tắc « có sự giới thiệu của các đại diện dân cử » và « cũng không gạt bỏ nó ra ».

Ông nói, mặc dầu được nêu lên tại diễn đàn Quốc Hội tất cả hai lần, nguyên tắc giới thiệu đã không lần nào là đối tượng chính của cuộc thảo luận và cả hai cuộc thảo luận đều xoay quanh một trọng tâm chủ yếu là việc cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái. Nại lời dân biểu Bùi Văn Giải có nói rằng nếu cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái, thì sau này phải bỏ điều kiện buộc có sự giới thiệu khi ra tranh cử Tổng Thống. Ông kết luận như vậy là đề nghị bỏ điều kiện buộc có sự giới thiệu chỉ là hậu quả của việc cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái.

Ông còn nói tiếp rằng đề nghị bỏ điều kiện giới thiệu ở đây là đề nghị bỏ sự giới thiệu của chính đảng, chứ không phải đề nghị bỏ sự giới thiệu của các đại diện dân cử.

Nói như trên, quả thật Ông Phu Tá đặc biệt đã tự ý suy diễn theo ý ông, vì ý kiến của Dân Biểu Bùi Văn Giải chỉ là ý kiến của cá nhân ông ấy, chứ không phải là ý kiến của Quốc Hội.

Nhưng điều Ông Phu Tá không đọc hoặc cố ý quên đi là chính lời của Ông Dân Biểu Bùi Văn Giải đã nói hai lần tại Quốc Hội như sau :

1— « Trước đây tôi đã 4, 5 lần lên diễn đàn đề xin Quốc Hội hủy bỏ điều 10 khoản 7 »  
(Công báo số 14 QH ngày 7-3-1968, trang 1139).

2— « Từ 10 hôm trước, chúng tôi cũng đã ký giấy đề xin Quốc Hội xét lại khoản 7 điều 10 này, hôm nay chúng tôi xin Quốc Hội sáng suốt và can đảm xét lại khoản 7 điều 10 ».

(Công báo số 14 Q.H ngày 7-3-1968, trang 1152).

Đó là bằng chứng cho thấy vấn đề giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống không phải là không được thảo luận đến, như Ông Phu tá đặc biệt đã nói, và thiết tưởng không ai biện minh cho Ông Bùi-văn-Giải cho bằng chính lời của ông ấy đã nói tại Quốc-Hội như trên.

Ông Phu tá còn đi quá xa sự thật khi ông nói rằng « đề nghị bỏ sự giới thiệu ở đây là đề nghị bỏ sự giới thiệu của chính đảng chứ không phải đề nghị bỏ sự giới thiệu của các đại diện dân cử ».

Đề biết phải trái, tôi chỉ xin chép lại đây nguyên văn những điều đã được nói tại Quốc Hội trước khi biểu quyết điều 52 khoản 5 của Hiến-Pháp về điều kiện ứng cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống.

Ô. Lý-Thành-Lê (Thuyết trình viên) : Khoản 5 : Được sự giới thiệu của 10 Dân biểu hay Nghị-sĩ hoặc một chính đảng ».

Ô. Bùi-Văn-Giải. — Hôm trước, trong khoản đề cập đến vấn đề quân nhân tại ngũ không sinh hoạt đảng phái, chúng ta đã biểu quyết điều đó, vì thế hôm nay chúng tôi kính yêu cầu Quốc Hội bỏ khoản 5 này đề cho được « dễ dãi » trong công việc ứng cử.



**Ô Chủ tịch.**— Bấy giờ vị nào đồng ý bỏ đề khởi thảo luận dài dòng, xin đưa tay lên.  
69 vị chấp thuận.

Tất nhiên khoản 5 được bãi bỏ.

Như vậy Quốc Hội đã bỏ trọn cả khoản 5, trong đó có sự giới thiệu của 10 Dân-Biểu, Nghị-Sĩ lẫn chính đảng, chứ không phải chỉ bỏ sự giới thiệu của chính đảng mà không thời như lời Ô. Phụ Tá đặc biệt đã nói.

Những chữ « để dài trong công việc ứng cử » mà Dân biểu Bùi-văn-Giải đã dùng để yêu cầu Quốc-Hội bỏ khoản 5 nói trên và đã được Quốc-Hội chấp thuận khi đồng ý biểu quyết, đó là tinh thần của Hiến-Pháp 1-4-1967. Đi ngược lại nguyên tắc để dài ấy là vi phạm Hiến-Pháp vậy.

Bỏ khoản 5 ấy, tức là Quốc-Hội Lập-Hiến đã gạt bỏ ra khỏi Hiến-Pháp nguyên tắc « có sự giới thiệu của các đại diện dân-cư lẫn của chính đảng ». Sự gạt bỏ này rõ ràng là một sự biểu-dương ý-chí của nhà lập-hiến không muốn có sự giới-thiệu ấy. Và đây là một điều cấm đoán không cần phải viết nên lời mới là hiển nhiên.

Nếu điều 53 khoản 5 Hiến-pháp 1-4-1967 có cho phép đạo-luật bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống dự-liệu những điều-kiện khác ngoài các điều-kiện ghi trong điều ấy, các điều khác này không được đi ngược lại tinh-thần của Hiến-pháp như đã trình bày như trên. Chính vì lẽ đó mà điều giới thiệu dự liệu trong điều 10 khoản 7 luật bầu cử 9/71 ngày 23-6-71 đã vi hiến.

Xin lấy một ví dụ :

Trong di chúc của một người cha để lại cho con cháu, ông có viết một điều khoản nào đó rồi gạch bỏ đi, nhưng còn đủ rõ để đọc được. Khi thi hành di chúc, một số con cháu đòi đem thi hành điều gạch bỏ ấy và bị các con cháu khác chống đối.

Sự tranh chấp được đưa tới tòa án để xin phán xét. Thiết tưởng phán quyết của tòa án là không thể cho thi hành điều khoản có ghi trong di chúc nhưng đã bị gạch bỏ đi.

Trường hợp khoản 7 điều 10 ở đây cũng tương tự như trường hợp di chúc tôi vừa kể trên. Nếu áp dụng điều khoản đã gạch bỏ trong di chúc là vi phạm di chúc và đi ngược lại ý chí của người lập di chúc, thì dự liệu điều kiện giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống trong luật bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống cũng là đi ngược lại ý chí của nhà lập hiến và là vi hiến.

Trong việc giải thích luật hoặc Hiến Pháp khi có điểm không rõ ràng hoặc bị tranh tụng, thiển nghĩ theo thông lệ, Tòa án phải tìm hiểu ý chí của nhà lập pháp hay lập hiến qua các biên bản thảo luận.

Nguyên tắc này đã được giảng dạy tại các trường luật, như đã ghi trong đoạn trích dẫn sau đây :

« Lorsque la loi est obscure, son texte peut être sujet à discussion. Dans ce cas, le juge devra chercher quelle a été la volonté du législateur. Il se référera utilement à l'exposé des motifs et aux travaux préparatoires »

(Conseil d'Etat, 7-7-1911, Omer decujis, Recommendation du Conseil d'Etat, trang 811-2-1927 Comité Central des Armateurs de France -id- trang 233; 21-1-1935, Rochat, -id- trang 39).

Kháng biên trang của Ô. Phu tá đặc biệt còn viện lý rằng Quốc-Hội Lập Hiến lưu nhiệm cũng chính là Quốc-Hội Lập Hiến, thì quyết định của Quốc-Hội Lập Hiến lưu nhiệm khi biểu quyết điều 10 khoản 7 luật bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống năm 1967 với điều kiện giới thiệu, "lẽ nào lại phản lại chính mình ngay lập tức, lại [bóp chết ngay con sơ sinh tinh thần của mình] ?

Chữ đề nào dùng trên đây không phải là một lý luận. Nói như thế phải chăng là nói việc làm của Quốc-Hội lập hiến lưu nhiệm hay bất cứ một Quốc-Hội nào cũng không thể là bất nhứt được ? Khi con người, như Montaigne đã nói, là bất nhứt, (l'homme est ondoyant et divers), thì Quốc-Hội làm bằng những con người bất nhứt hiệp lại, cũng không thể thoát ra khỏi bản tính bất nhứt của con người.

Dưới đây là một ít ví dụ để chứng minh lời nói trên của tôi.

Sự bất nhứt hay mâu thuẫn có ngay trong Hiến-Pháp 1-4-67 điều 3.

Khi quy-định rằng "ba cơ quan Lập-Pháp, Hành-Pháp và Tư-Pháp phải được phân nhiệm và phân quyền rõ rệt", điều 3 ấy lại quy-định rằng sự hoạt động của ba cơ quan công quyền phải được phối hợp và điều hòa để thực hiện trật tự xã hội và thịnh vượng chung trên căn bản tự do, dân chủ và công bằng xã hội.

Khi sự phân nhiệm và phân quyền phải được rõ rệt giữa ba cơ quan, thì hoạt động của ba cơ-quan làm sao được phối hợp và điều hòa ? Cơ quan nào sẽ phối hợp và điều hòa với cơ quan nào ? Lập Pháp với Hành Pháp hay ngược lại ? Tư Pháp với Hành Pháp hay ngược lại ? Nếu mỗi cơ quan đều cho rằng mình là đúng, thì làm thế nào để phối hợp và điều hòa để nói là phải được phối hợp và điều hòa ?

Tôi không phủ nhận sự cần thiết phối hợp và điều hòa, nhưng phương thế phối hợp điều hòa không được đặt ra trong Hiến pháp cũng như rất khó, nếu không nói là không thể thực hiện được với nguyên tắc phân nhiệm và phân quyền rõ rệt.

Nói rằng Quốc-Hội Lập-Hiến lưu nhiệm cũng chính là Quốc-Hội lập hiến, thì không có gì sai lầm bằng, vì nếu hai Quốc-Hội ấy đều gồm những dân biểu ấy, thì nhiệm vụ của hai cơ quan ấy hoàn toàn khác nhau : nhiệm vụ của Quốc-Hội Lập-Hiến là làm Hiến-Pháp và cáo chung với sự ban hành Hiến-Pháp, còn nhiệm vụ Quốc-Hội Lập-Hiến lưu nhiệm là làm luật và luật này phải đúng với Hiến-Pháp. Tánh cách lưu nhiệm của Quốc-Hội lập hiến không đương nhiên ban cho các đạo luật của Quốc-Hội ấy làm ra tánh cách hợp hiến.

Không nói đâu xa, chỉ nói tới đạo luật tổ chức Tối-Cao Pháp-Viện do Quốc-Hội Lập Hiến lưu nhiệm ấy làm ra đã gây nên bao nhiêu lúng túng cho ngay Quý Viện.

Thiết-trưởng cũng nên quay lại khúc khúc hoạt động của Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm khi thảo luận về thông điệp phúc nghị của Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia năm 1967 liên quan đến điều...



Cuộc thảo-luận lần trước của Quốc-Hội lập-hiến lưu-nhiệm chỉ lay quay xung quanh vấn đề có nên xem thông-diệp ấy là phúc nghị hay không. Đề ra khỏi lối bí, Quốc-Hội đã biểu quyết gởi văn thư cho Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia hỏi có muốn yêu-cầu phúc-nghị hay không.

Văn-thư phúc đáp đề ngày 31-5-1971 của Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia chỉ kết-luận như sau :

« Mục đích của thông-diệp thiết-tưởng đã rõ ràng ».

« Phúc-nghị là việc của Quốc-Hội ».

Văn-thư ấy quả thật đã không rõ ràng và Quốc-Hội đã thảo-luận lại lay quay xung quanh vấn đề nên xem thông điệp có phải là phúc-nghị hay không.

Cuối cùng Quốc-Hội đã quyết-nghị không thảo-luận về tánh cách phúc-nghị hay không phúc-nghị của thông điệp nữa, mà chỉ biểu-quyết xem ai muốn lưu-giữ điều 10 khoản 7 và ai không

Kết quả cuộc đầu phiếu kín như sau :

giữ nguyên : 45 phiếu (số phiếu thuận lần trước)

bác bỏ : 39 phiếu.

5 phiếu trắng

3 phiếu bất hợp-lệ.

Quốc-Hội gởi văn thư cho Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia đề tường thuật kết quả cuộc đầu-phiếu như trên « để bên đó tùy theo kết quả mà dùng quyền của mình ».

(Biên bản Quốc-Hội số 28-QH/BB ngày 30-5-1967)

(từ trang 1161 đến 1179).

Sự kiện trình bày như trên cho thấy cả Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm lẫn Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia đều tránh né vấn đề và riêng Quốc-Hội Lập-Hiến lưu nhiệm đã từ khước nhiệm vụ của mình bằng cách đem điều 10 khoản 7 đã được biểu quyết rồi để biểu-quyết trở lại, trái với nội quy của Quốc-Hội và thủ-tục lập-pháp.

Sở dĩ có sự trạng trên là vì Quốc-Hội Lập-Hiến và Quốc-Hội Lập-Hiến lưu-nhiệm lại bị chi phối quá nặng nề và thiết tưởng ai nấy còn nhớ câu chuyện báo-chí đã tường-thuật về hành động của Trương Loan, Tổng Giám đốc Cảnh-Sát lúc bấy giờ, ngồi uống la-ve trên chuồng cu Quốc Hội để theo dõi cuộc thảo-luận và trong giờ phút quyết-liệt, đã hiện ngang bước xuống chuồng cu, ném một chai la-ve vào tường Quốc-Hội bẻ tan mà la lớn lên rằng : « thảo luận như thế đủ rồi ».

Từ đó về sau Quốc Hội Lập Hiến và Quốc Hội lập hiến lưu nhiệm ngoan ngoãn tránh né mọi vấn đề gay gắt.

Ồ hồ dân chủ !

Ồ hồ chủ quyền của toàn dân !

III. — Kháng biện trạng của Ô. Phụ Tá đặc biệt về Pháp luật và kết luật trạng của Ô. Chương Lý có viện dẫn luật hiến pháp đối chiếu để giải thích rằng sự bầu cử Tổng Thống Đại Hàn và Pháp Quốc đều phải qua sự giới thiệu của một chính đảng (Đại Hàn) hoặc 100 công

dân là dân biểu Quốc Hội Hội viên Hội Đồng Kinh Tế và Xã Hội hoặc nghị viên Hội Đồng hành tỉnh hay Tỉnh Trưởng dân cử để kết luận rằng việc giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa cũng không phải là phân dân chủ hay bất hợp pháp.

Trước hết tôi xin thưa rằng so sánh không phải là lý luận. Hơn nữa, việc bầu cử Tổng Thống Đại Hàn phải qua sự giới thiệu của một chính đảng là việc quy định rành rành trong Hiến Pháp nước đó.

Thật vậy, điều 64 đoạn 3 của Hiến Pháp Cộng Hòa Đại Hàn quy định như sau :

“Bất cứ ai muốn ra ứng cử Tổng Thống cũng phải được chính đảng của mình giới thiệu”.

Về trường hợp nước Pháp, luật số 62.1292 ngày 6-11-1962 viện dẫn trong kết luận trạng của Ô. Chương Lý, là một đạo luật hợp với Hiến Pháp của Pháp.

Thật vậy, điều 61, tiết VII, của Hiến Pháp Pháp Quốc, qui định như sau :

“Les lois organiques, ayant leur promulgation, et les règlements des assemblées parlementaires, avant leur mise en application, doivent être soumis au Conseil Constitutionnel qui se prononce sur leur conformité à la Constitution...”

Như vậy, khi ban hành, luật số 62.1292 ngày 6-11-62 của Pháp đã được Viện Bảo Hiến (Conseil Constitutionnel) công nhận là hợp hiến.

Đáng khác, số người có quyền đề cử ứng cử viên Tổng Thống Pháp lên tới 38.000 người và số ứng cử viên có thể được giới thiệu lên tới 380 người. So với số 9 liên danh ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống có thể giới thiệu trên lý thuyết tại VN, như nói trong kết luận trạng của Ô. Chương Lý, chúng ta thấy nguyên tắc giới thiệu của luật bầu cử Tổng Thống Pháp rộng rãi hơn 42 lần (380/9).

Song điều không nên quên là điều kiện giới thiệu ứng-cử-viên Tổng-thống tại hai nước Đại Hàn và Pháp là điều kiện hợp-niên đối với Hiến-pháp hai nước đó, trong lúc điều kiện giới thiệu ứng-cử-viên Tổng-thống và Phó Tổng-thống tại Việt Nam như dự liệu trong điều 10 khoản 7 luật 9/71 ngày 23-6-71 đã bị Quốc-hội Lập-hiến gạt bỏ ra khỏi Hiến-pháp tức là trái với ý chí nhà Lập hiến Việt Nam và vi-hiến vậy.

Luật Hiến pháp đổi chiều chỉ có giá trị hướng dẫn các nhà lập hiến trong công việc sưu tầm và thảo luận, chứ không phải là một siêu luật chi phối hiến pháp và luật pháp của bất cứ nước nào.

Người ta thường viện dẫn luật pháp ngoại quốc vào trường hợp Việt Nam mà quên rằng căn bản của xã hội Việt-Nam khác với xã hội các nước khác. Lấy luật pháp ngoại quốc cường chế áp dụng vào Việt Nam đã vô tình làm mất chủ quyền của quốc gia, không khác gì việc lấy một cái vung ngoại quốc để chụp lên trên cái nồi Việt Nam, làm cho cơm không chín được. Chính vì thế mà trên 25 năm nay, nhân dân Việt Nam đã phải luôn luôn ăn cơm sống với mọi thứ tật bệnh nó sinh ra.

Thưa Ông CHỦ TỊCH,

Thưa Quý Vị THẨM PHÁN TỐI CAO,

Tôi chỉ xin trình bày như trên những điểm chính, mà không đề cập những chi tiết không quan trọng.



Nói tóm lại, lý do tôi khởi tố điều 10 khoản 7 luật số 9/71 ngày 23-6-71, ngoài quyết lợi cá nhân của tôi bị xâm phạm, còn nhằm bốn mục đích sau đây :

10— Bảo vệ Hiến Pháp và cố gắng xây dựng chế độ mà binh sĩ, công chức cũng như nhân dân đã dày công hy sinh tranh đấu mà tạo ra.

2— Phá luật «tiền định» đương phá hoại xã hội Việt Nam, làm cho tình thế đã rối ren, suy yếu, càng thêm rách nát, lụn bại.

Nếu cứ để cho luật «tiền định» này hoành hành, thì không còn lý do chiến đấu nữa, vì chắc chắn miền Nam này sẽ sụp đổ.

3— Chân đứng nam độc tài vì điều 10 khoản 7 hiệp với luật «tiền định» sẽ đưa tới một chế độ độc tài nguy hiểm với sự độc quyền ứng cử của những người quyền thế chỉ phớt lờ những nguồn tài lực và nhân lực của quốc gia.

4— Chính nghĩa của miền Nam Việt Nam này là Tự Do Dân Chủ, bởi thế tôi muốn tranh đấu làm cho chính nghĩa ấy thắng và trong nước Việt Nam, bất cứ ai thấy có khả năng ứng cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống, đều có quyền ra ứng cử, đấu cho đó là một anh phụ xích lô hay một binh nhì.

Thưa Ông CHỦ TỊCH,

Thưa Quý Vị THẦM PHÁN TỐI CAO,

Quý Vị trọng trưng cho một uy quyền tối cao của Quốc Gia cũng như cho tánh cách biệt lập của Tư Pháp.

Có biết bao nhiêu người đã cho là tôi đập đầu vào đá khi khởi tố điều 10 khoản 7 này, vì cho là không làm sao mà tôi có được BẦY phiếu trong Quý Vị để thắng kiện.

Nói như vậy là họ đã không trông cậy vào tánh cách độc lập của Quý Viện, nói mà đã có nhiều phán quyết chứng minh sự công minh và độc lập của Quý Viện.

Giờ đây, dư luận đương nóng lòng chờ đợi phán quyết của Quý Vị cũng như lịch sử đương mong chờ đợi Quý Vị một nghĩa cử cao đẹp, oai hùng làm sáng tỏ chính nghĩa Tự Do Dân Chủ của miền Nam.

Tôi cũng mong rằng Ô Chương Lý bên cạnh Tối Cao Pháp Viện và Ô Phụ Tá đặc biệt về Pháp Luật của Phó Tổng Thống cũng sẽ đồng lòng với Tối Cao Pháp Viện để làm sáng tỏ Hiến Pháp và Luật pháp Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn và kính chào Ông CHỦ TỊCH và Quý Vị THẦM PHÁN TỐI CAO  
Ký tên : NGUYỄN TRẦN

## D.— BẢN THUYẾT TRÌNH của VIỆN BẢO HIẾN

### A.— TRẦN THUẬT CÁC DIỄN TIẾN CỦA THỦ TỤC :

Do đơn khởi tố đề ngày 24-6-1971, nguyên đơn NGUYỄN TRẦN thỉnh cầu Tối Cao Pháp Viện tuyên phán khoản 7 điều 10 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 vi hiến với hậu quả luật định.

Nguyên đơn có đính kèm biên lai số 53 ngày 24-6-1971 do Chánh Sự Vụ Sở Lục Sự Bảo Hiến cấp về số tiền dự phạt 5.000đ.

Các thủ tục thông tri đơn khởi tố, kết luận trạng và biện minh trạng đã thực hiện đúng theo điều 68 Luật 007/68 ngày 3-9-1960 ấn định tổ chức và điều hành Tối Cao Pháp Viện nhưng với một thời hạn tối thiểu vì tính cách khẩn cấp của hiện vụ.

Viện Chương, Lý bên cạnh Tối Cao Pháp Viện kết luận xin bác đơn của nguyên đơn NGUYỄN TRẦN.

Ông Phụ Tá đặc biệt về Luật Pháp tại Phủ Tổng Thống có nạp kháng biện luận.

Ông Chủ Tịch Quốc Hội Lưỡng Viện không có ý kiến về hiện vụ.

## B.— TRANH LUẬN :

### A) ĐƠN KHƠI TỐ CỦA NGUYÊN ĐƠN NGUYỄN TRẦN :

1) Điều 10 khoản 7 vi phạm điều 2 khoản 2 Hiến Pháp vì điều khoản này khi buộc ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải có sự giới thiệu của 40 Nghị Sĩ hay Dân Biểu hoặc của 100 Nghị viên Hội Đồng Đô, Thị, Tỉnh, đã tước quyền ứng cử của những công dân tài đức nhưng thiếu phương tiện và không liên hệ mật thiết với các Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị viên, như vậy điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 đã vi phạm nguyên tắc bình đẳng giữa công dân qui định trong điều 2 khoản 2 Hiến Pháp.

2) Điều luật kể trên còn vi phạm điều 13 khoản 2 Hiến Pháp vì sự bắt buộc ứng cử viên phải được giới thiệu là một giới hạn nhằm hạn chế quyền bầu cử của công dân, công dân bắt buộc phải chọn lựa một liên danh trong số những liên danh đã được lựa chọn bởi các Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị Viên.

3) Vi phạm các điều 39 và kế tiếp cho đến 49 Hiến Pháp vì không có một điều khoản nào của Hiến Pháp cho phép Nghị Sĩ, Dân Biểu mà thẩm quyền đã được qui định rõ ràng trong các điều từ 39 đến 49 Hiến Pháp, có quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

4) Vi phạm điều 70 Hiến Pháp vì thẩm quyền của các Hội Đồng Đô, Thị, Tỉnh đã được qui định trong điều 70 Hiến Pháp và không có một điều khoản nào của Hiến Pháp cho phép các Nghị viên Đô, Tỉnh, Thị giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

5) Điều 10 khoản 7 luật số 009/71 không hợp lý vì các Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị Viên chỉ có thể giới thiệu một liên danh duy nhất, mở đường cho một chế độ độc tài.

6) Điều khoản luật kể trên vi phạm tính thần rộng rãi của Hiến Pháp về điều kiện ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống vì Quốc Hội Lập Hiến trong phiên họp ngày 18-2-1967 đã biểu quyết bãi bỏ việc buộc ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải được giới thiệu để cho được dễ dãi trong công việc ứng cử.

7) Điều khoản luật bị chỉ trích xâm phạm đến quyền lợi cá nhân của nguyên đơn vì lẽ nguyên đơn là một công dân có đủ tư cách để ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng



Thông nhưng không đủ phương tiện để được giới thiệu bởi các Nghị sĩ, Dân biểu và các Nghị viên, mặt khác nguyên đơn còn là một cử tri và sẽ mất quyền lựa chọn nếu chỉ có một số liên danh nào đó được lựa chọn trước.

**b) KẾT LUẬN TRẠNG CỦA VIỆN CHƯƠNG LÝ BÊN CẠNH TỐI CAO PHÁP VIỆN :**

1) Điều 10 khoản 7 luật số 009/71 không vi phạm sự bình đẳng giữa các công dân vì người nào ra ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống cũng phải có đủ điều kiện như nhau. Điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp qui định rằng mọi công dân có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định hai chữ «bình đẳng» có nghĩa là sự bình đẳng giữa ứng cử viên, một khi ứng cử viên Tổng Thống nào cũng phải được giới thiệu thì sự bình đẳng do Hiến Pháp đòi hỏi đã được thỏa mãn. Ngay ở Pháp quốc là một nước có một nền dân chủ lâu đời, để tránh sự lạm phát ứng cử viên Tổng Thống luật số 62-1292 ngày 6-11-1962, điều 3 cũng buộc phải có sự giới thiệu của 100 công dân, dân biểu Quốc Hội hay Hội Viên Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội hoặc Nghị Viên Hội Đồng, Tỉnh, Thị, các người giới thiệu phải là đại diện dân cử của 10 tỉnh hay đất đai hải ngoại khác nhau. Như vậy không có sự vi phạm điều 2 khoản 2 Hiến Pháp.

2) Điều kiện giới thiệu có tính cách trật tự công cộng hay không là tùy theo quan điểm của từng người chẳng hạn theo Nghị Sĩ Trần Văn Quát, Chủ Tịch Ủy Ban Canh Công Thượng Viện, điều khoản luật này giúp chúng ta mau tiến tới chế độ lưỡng đảng hiến định và ngăn chặn những công sản nằm vùng ra tranh cử, những lý do của Nghị Sĩ Trần Văn Quát phải được coi là lý do trật tự công cộng, chính nguyên đơn đã lập luận rằng quyền bầu cử là một quyền căn bản của công dân một nước dân chủ chỉ có thể giới hạn bởi lý do trật tự công cộng. Như thế không có sự vi phạm điều 13 khoản 2 Hiến Pháp.

3) Nguyên đơn đã quan niệm chức vụ của các Dân biểu và Nghị Sĩ dưới một khía cạnh hẹp hòi vì ngoài những chức chương ghi trong các điều từ 29 đến 49 Hiến Pháp và trong các điều 43 đoạn 1 và điều 46 đoạn 2 Hiến Pháp, Nghị Sĩ và Dân Biểu còn là Hội Thăm Đặc Biệt pháp Viện (điều 86 Hiến Pháp), Chủ Tịch hay Hội Viên Hội Đồng Tổ Chức bầu cử Thăm Phấn Tối Cao Pháp Viện (điều 8 luật số 007/68 ngày 3-9-1968), Hội Viên Hội Đồng Tuyển Cử Trung Ương Bầu Cử Hạ Nghị Viện (điều 21 luật số 007/71 ngày 5-6-1971), Hội Viên Hội Đồng Tuyển Cử Địa Phương (điều 9 luật số 009/71 ngày 23-6-1971). Các Nghị sĩ và Dân Biểu giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống với tư cách là nhân sĩ nhiều hơn là tư cách Nghị Sĩ, Dân Biểu.

4) Theo điều 53 Hiến pháp ứng-cử-viên Tổng thống, Phó Tổng thống ngoài 4 điều kiện do Hiến Pháp qui định phải hội đủ những điều kiện khác dự liệu trong đạo luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống. Như vậy đạo luật bầu cử Tổng Thống có quyền dành cho các Nghị Viên Đ. Tỉnh, Thị quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống. Như thế không có sự vi phạm điều 70 Hiến Pháp, và lại Hiến Pháp không cấm các Nghị viên giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

5) Với số 200 Nghị Sĩ và Dân biểu cùng hơn 500 Nghị viên Đ. Tỉnh, Thị, có thể có tới 9 liên danh ra ứng cử và không thể có sự độc quyền ứng cử được.

6) Quốc Hội Lập Hiến đã bác bỏ điều kiện giới thiệu, nhưng Hiến Pháp phải được giải thích theo tình trạng hiện tại của Quốc Gia chứ không theo tình trạng của Quốc Gia khi Hiến Pháp được thành lập. Năm 1967 vì không có điều kiện giới thiệu đã có sự lạm phát liên danh ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống làm tổn thương đến danh dự Quốc Gia, năm 1971 để ngăn ngừa sự lạm phát ấy nhà lập pháp đã thêm điều kiện giới thiệu, việc làm này không bất hợp hiến mà còn hợp thời nữa vì năm nay theo tin tức báo chí sự lạm phát ứng cử viên Dân biểu đã rõ rệt.

### C) KHÁNG BIỆN LUẬN CỦA ÔNG PHỤ TÁ ĐẶC BIỆT VỀ LUẬT PHÁP TẠI PHÙ TÓNG THỐNG :

1) Điều 10 khoản 7 luật 009/71 không vi phạm tinh thần Hiến Pháp, không trái ngược với ý chí của nhà lập pháp năm 1967 vì lẽ :

— Hiến Pháp không ghi nguyên tắc giới thiệu không có nghĩa là luật bầu cử Tổng Thống không được đặt điều kiện giới thiệu bởi có theo nguyên tắc pháp lý tổng quát những gì luật không cấm đoán thì có thể làm được, hơn nữa những điều kiện ghi trong điều 53 Hiến Pháp rõ rệt chỉ có tính cách chỉ dẫn vì khoản 5 điều luật này đã minh thị ủy quyền cho đạo luật ấn định những điều kiện khác ngoài bốn điều kiện hiến định. Mặt khác nguyên tắc giới thiệu không trái với tinh thần Hiến Pháp như biên bản Quốc Hội Lập Hiến và Quốc Hội Lập Hiến Lưu Nhiệm đã cho thấy rõ. Quốc Hội Lập Hiến đã minh thị chấp nhận nguyên tắc « có sự giới thiệu của các đại diện dân cử », quan điểm của Quốc Hội Lập Hiến Lưu Nhiệm cũng là quan điểm của Quốc Hội Lập Hiến. Sở dĩ điều 10 khoản 7 đã không có ở trong luật bầu cử Tổng Thống năm 1967 là vì Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã yêu cầu Quốc Hội Lập Hiến Lưu Nhiệm phúc nghị và quan điểm của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đã thắng thế. Đương kim Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa không hề có hai thái độ mâu thuẫn, vì quyết định yêu cầu Quốc Hội hủy bỏ điều 10 khoản 7 là quyết định chung của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, chứ không phải của riêng Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia. Việc lạm phát ứng cử viên Tổng Thống năm 1967 có thể làm suy giảm phần nào uy tín của Tổng Thống đắc cử vì không thể chiếm được đa số phiếu cao, do đó rút kinh nghiệm cũ nhằm tăng cường uy tín của vị nguyên thủ tương lai, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ngày nay đã đồng quan điểm với Quốc Hội về nguyên tắc giới thiệu.

— Điều 10 khoản 7 không vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp do điều 52 đoạn 1 Hiến Pháp qui định vì việc đặt nguyên tắc giới thiệu không có hậu quả làm cho cuộc bầu cử Tổng Thống trở thành cuộc bầu lưỡng cấp vì theo định nghĩa của thể thức bầu cử lưỡng cấp cử tri toàn quốc không có quyền bầu cử ứng cử viên trong khi đó với nguyên tắc giới thiệu chính các cử tri toàn quốc bầu Tổng Thống, việc giới thiệu chỉ là một điều kiện, nếu cho rằng những người giới thiệu là cử tri đệ nhị cấp, thì theo thể thức lưỡng cấp chỉ những người giới thiệu này là trực tiếp bầu Tổng Thống còn những cử tri toàn quốc chỉ có nhiệm vụ bầu lên những người giới thiệu. Hơn nữa trên bình diện luật Hiến Pháp đối chiếu nguyên tắc giới thiệu vẫn tương hợp với nguyên tắc phổ thông đầu phiếu trực tiếp tại Đại Hàn Tổng Thống do dân bầu lên qua một cuộc đầu phiếu phổ thông bình đẳng, trực tiếp và kín, nhưng ứng cử viên Tổng Thống phải do một chính đảng đề nghị : tại Pháp Tổng Thống cũng được bầu lên qua một cuộc đầu phiếu phổ thông và trực tiếp, và ứng cử viên phải được sự giới thiệu của 100 đại diện dân cử.



— Điều 10 khoản 7 không vi phạm điều 2 đoạn 2 Hiến Pháp liên quan đến sự bình đẳng giữa các công dân vì điều 10 khoản 7 không cấm đoán ai ứng cử bất. Bất cứ công dân nào có đủ điều kiện luật định đều có quyền ứng cử, điều 10 khoản 7 chỉ đặt ra một trong số những điều kiện luật định mà thôi. Nếu nói rằng sự giới thiệu hạn chế quyền ứng cử thì sự bỏ buộc ứng cử viên Tổng Thống đóng một số tiền ký quỹ khá lớn cũng là một sự hạn chế.

— Điều 10 khoản 7 không vi phạm điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp vì không hạn chế quyền bầu cử của công dân vì vấn đề căn bản không phải là có đồng ứng cử viên để lựa chọn mà là lựa chọn những người có ý thức trách nhiệm, có khả năng và uy tín.

— Điều 10 khoản 7 không vi phạm các điều từ 39 đến 49 Hiến Pháp vì không xâm phạm thẩm quyền của Quốc Hội và không tạo thêm cho Quốc Hội một thẩm quyền mới, điều này chỉ giao cho cá nhân các Dân Biểu, Nghị Sĩ một năng quyền giới thiệu.

— Các Nghị Viên cũng ở trong trường hợp các Dân Biểu và Nghị Sĩ.

— Việc mỗi Viên Quốc Hội bác bỏ một điều khoản của dự luật trước khi dự luật được chung quyết không có một giá trị pháp lý nào. Chỉ có kết quả cuộc chung quyết của Quốc Hội mới được kể là quan điểm chính thức và được chuyển sang Tổng Thống để ban hành.

Đời hội Tổng Thống và Chánh Phủ phải nghĩ dài hạn không lường trước khi ban hành một đạo luật bầu cử Tổng-thống vi phạm hiến pháp một cách trầm trọng có hậu quả đi ngược lại thủ tục điều hành guồng máy công quyền do Hiến Pháp qui định.

— Điều 10 khoản 7 không phản bội quyền lợi của công dân là chủ ủy, điều này có tác dụng bảo vệ quyền lợi của người dân vì Quốc gia được quản trị bởi những người mà uy tín được chứng minh bằng sự giới thiệu của các đại diện dân cử.

## C.— NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN :

### 1) VỀ HÌNH THỨC :

Nguyên đơn viên dân tư cách của một công dân có đủ điều kiện để ứng cử Tổng thống và Phó Tổng thống.

Nguyên đơn còn viên dân tư cách cử tri bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống. Xin đề Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện quyết định xem nguyên đơn có một lợi ích trực tiếp, đã phát sinh và hiện hữu để hành xử tố quyền hay không.

### 2) VỀ NỘI DUNG

Đề Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện có thể quyết định về tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-71 tương nên tìm hiểu những lý lẽ đã được viện dẫn để chống đối hay bênh vực nguyên tắc giới thiệu ứng cử viên Tổng thống và Phó Tổng thống.

Phe chống đối nguyên tắc giới thiệu ứng cử viên Tổng thống lập luận như sau :

a) Điều 10 khoản 7 của luật số 009/71 vi hiến vì đã đặt ra một điều kiện khắt khe mà cử giới thiệu là «vượt quá» sự qui định của Hiến Pháp, là «thêm» vào Hiến Pháp chứ không

b) Dành quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống cho các Nghị Sĩ và Dân biểu là vi phạm nguyên tắc phân quyền giữa Hành Pháp và Lập Pháp, một nguyên tắc căn bản mà Hiến Pháp đã minh thị trong điều 3.

c) Theo điều 52 khoản I Hiến Pháp, «Tổng Thống được cử tri toàn quốc bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín», sự kín đáo là tính cách thiết yếu của cuộc bầu

phiếu. Thể thức buộc ứng cử viên Tổng Thống phải được một số đại diện dân cử giới thiệu sẽ làm giảm tính cách kín đáo vì lẽ những Nghị Sĩ Dân biểu hay Nghị Viên nào đã giới thiệu liên danh nào thì chắc chắn sẽ bỏ phiếu cho liên danh ấy. Như vậy người ta biết trước là phiếu của các vị này và cuộc bầu cử Tổng Thống không còn là một cuộc đấu phiếu kín đối với những đại diện dân cử đã giới thiệu ứng cử viên. Chính vì thể đạo luật bầu cử ngày 6-12-1962 của Pháp Quốc đã cấm công bố danh tánh và chức vụ của những công dân đứng giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống. Chỉ một mình Hội Đồng Bảo Hiến có nhiệm vụ nhận đơn giới thiệu và đơn ứng cử được biết danh tánh của những người giới thiệu.

d) Theo điều 13 khoản 2 Hiến Pháp mọi công dân đều có quyền ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định, điều kiện mới do điều 10 khoản 7 luật số 9/71 đặt ra tuy trên nguyên tắc được áp dụng đồng đều cho mọi ứng cử viên Tổng Thống nhưng trong thực tế vẫn gián tiếp ưu đãi ứng cử viên sẵn có tư thế. Điều này trái với khuynh hướng hiện đại về tổ chức bầu cử tại các quốc gia dân chủ tự do. Khuynh hướng này cố gắng giảm thiểu những bất bình đẳng thực tế giữa các ứng cử viên.

Biện pháp buộc Quốc gia phải cung cấp phương tiện vận động tuyên cử đồng đều cho mỗi ứng cử viên là một thí dụ điển hình của khuynh hướng này. Nếu đạo luật bầu cử đặt ra một điều kiện khả dĩ gây một tình trạng bất bình đẳng thực tế giữa các ứng cử viên thì luật ấy đi ngược lại khuynh hướng dân chủ nói trên.

Theo quan điểm của phe bên vực, sau đây là những lý lẽ chứng minh sự hợp hiến và hợp thời của điều 10 khoản 7 luật số 9/71.

a) Điều kiện phải có 40 Nghị Sĩ hay Dân biểu Quốc Hội hoặc 100 Nghị viên dân cử giới thiệu mới được ứng cử Tổng Thống do luật bầu cử đặt ra không vi hiến vì chính điều 33 Hiến Pháp sau khi liệt kê những điều kiện về quốc tịch, trú quán, niên坎, quyền công dân và tình trạng quân dịch đã dành cho nhà Lập Pháp quyền tự định thêm những điều kiện khác. trong đạo luật bầu cử, thể thức giới thiệu chính là một trong những điều kiện khác ấy mà luật bầu cử đặt ra do sự ủy nhiệm của nhà Lập Hiến.

b) Điều 10 khoản 7 có ý lực giới hạn số ứng cử viên Tổng thống vì không dễ gì mà được một số lớn đại diện dân cử giới thiệu trừ phi là những chính khách hay nhân sĩ thực sự có uy tín. Đây là một sự hạn chế cần thiết vì quyền lợi Quốc gia để tránh nạn lạm phát ứng cử viên nếu những điều kiện ứng cử quá rộng rãi, số ứng cử viên sẽ quá đông làm cho số phiếu bầu bị phân tán, liên danh thắng cử khó đạt được đa số tuyệt đối nên uy tín của Tổng thống đặc cử bị giảm sút. Cuộc bầu cử Tổng thống năm 1967 cho thấy kinh nghiệm ấy, vì thế cho nên điều kiện đòi hỏi sự giới thiệu ứng cử viên của một số đại diện dân cử là hợp thời và hợp lý đáp ứng nhu cầu chính trị của Quốc gia. Trong giai đoạn tới khi chiến tranh tàn lụi hay chấm dứt trong thực tế cuộc đấu tranh chính trị với cộng sản sẽ thập phần gay go nên chính thể Cộng Hòa cần có một vị nguyên thủ quốc gia nhiều uy tín do một đa số cử tri hậu bầu lên.

c) Luật Hiến Pháp đối chiếu cho thấy thể thức giới thiệu ứng cử viên Tổng thống không phải là một sáng chế của Việt Nam.

Đạo Luật ngày 6-12-62 sửa đổi chỉ Dự ngày 7-11-58 qui định tổ chức bầu cử Tổng thống Pháp quốc dự liệu như sau: "Danh sách những ứng cử viên Tổng thống do Hội đồng Bảo hiến lập chiếu theo những đơn giới thiệu hoặc của cá nhân hoặc của tập thể của ít nhất 100 công dân là Dân Biểu Quốc Hội hoặc Hội Viên Hội Đồng Kinh Tế Xã Hội hoặc Hội Viên Hội Đồng hằng Tỉnh hay Thị trường dân cử. Những đơn giới thiệu này phải gửi đến Hội Đồng Bảo Hiến ít nhất 18 ngày trước ngày bầu cử vòng đầu. Đơn ứng cử của mỗi ứng cử viên chỉ được chấp nhận khi có đủ 100 người ký tên giới thiệu, những người giới thiệu này phải là những đại diện dân cử của ít nhất 10 quận hạt khác nhau, tên họ và tư cách của những công dân giới thiệu ứng cử viên không được công bố (điều 3 khoản 1).



Ngoài việc giới hạn số ứng cử viên Tổng thống bằng thể thức giới thiệu nói trên, luật bầu cử Tổng thống của Pháp quốc còn chặt chẽ hơn nữa là đòi hỏi một đa số tuyệt đối theo thủ tục đầu phiếu hai vòng.

d) Nhiều Quốc gia dân chủ khác như Hoa-kỳ, Đại-hàn Dân quốc, Phi luật Tân cũng áp dụng một thủ tục để cử tương tự qua hệ thống chính đảng. Tại Mỹ quốc theo truyền thống chính trị của xứ này ứng cử viên Tổng thống và Phó Tổng thống phải là những nhân vật do hai chính đảng lớn là « Cộng-Hòa » và « Dân-Chủ » đề cử trong một cuộc khoáng đại hội nghị của Đảng. Đôi khi cũng có một đảng nhỏ thứ ba đưa ứng cử viên ra tranh cử. Vì lẽ chỉ hai chính đảng nên thường liên danh đề cử được đa số tuyệt đối.

e) Luật bầu cử không vi phạm nguyên tắc phân quyền khi dành cho Nghị sĩ và Dân Biểu Quốc-Hội quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng-Thống vì lẽ sự giới thiệu này được thực hiện với tư cách cá nhân chứ không phải nhân danh cơ quan Lập-Pháp. Hơn nữa, người giới thiệu không bắt buộc là nhân viên Quốc-Hội mà có thể là Nghị-Viên nghĩa là những đại diện dân cử đứng ngoài cơ quan lập pháp. Thể chế của nền đệ nhị Cộng-Hòa có tính cách song hợp nửa theo Tổng-Thống chế, nửa theo Đại Nghị chế nên không còn là một chế độ phân quyền cứng rắn mà gần giống như một chế độ hợp quyền, điểm này được thấy rõ qua điều 3 Hiến-pháp : « Sự hoạt động của ba cơ quan công quyền phải được phối hợp và điều hoà ».

f) Mặc dầu theo thể thức bầu cử mới, người ta có thể biết trước lá phiếu của những người giới thiệu ứng cử viên Tổng-Thống nhưng tính cách kín đáo của cuộc bầu cử vẫn được tôn trọng. Nếu danh tánh những đại diện dân cử không được công bố mà do Tối-Cao Pháp-Viện giữ mật khi lập danh sách ứng cử viên Tổng-Thống.

g) Người ta chỉ trích luật bầu cử có thể gây nên sự bất bình đẳng giữa các ứng cử viên và như vậy trái với điều 15 khoản 2 Hiến-Pháp. Lý lẽ này không đứng vững; khách quan mà nói sự bình đẳng pháp lý vẫn nguyên vẹn vì điều kiện giới thiệu được áp dụng đồng đều cho mọi ứng cử viên. Sự bất bình đẳng trên thực tế chỉ là kết luận của một quan niệm chủ quan. Nó có thể xảy ra với cá nhân này mà không thể xảy ra với cá nhân khác. Tính cách chính yếu của luật là phải khách quan, luật không thể chú ý đến những trạng trạng chế đạo luật bầu cử này không ai có thể dự nghị được điều đó.

h) Thể thức giới thiệu ứng cử viên Tổng-Thống là một biện pháp thích nghi. Mục đích của điều 10 khoản 7 là sử dụng kỹ-thuật bầu cử để giảm thiểu số ứng cử viên ngò hầu tăng uy thế cho Quốc-gia. Kinh nghiệm cuộc bầu cử Tổng-Thống được bầu lên và danh tranh cử quá nhiều và số phiếu của nhiều liên danh quá thấp. Nếu tình trạng này tái diễn sẽ làm tổn thương uy tín của cả chế độ cho Cộng-sản khai thác hạ giá chính thể Cộng-Hòa. Quốc dân lựa chọn một người đại diện cho cả quốc gia, một đảng là sự lựa chọn nhiều người rộng rãi thì ngược lại trong cuộc bầu cử vào Quốc Hội các điều kiện ứng cử viên có thể đề nâng cao uy tín của người đắc cử.

i) Điều 10 khoản 7 không vi phạm tinh thần Hiến Pháp và ý chí của nhà lập hiến năm 1967. Xuyên qua biên bản của Quốc Hội Lập Hiến khi thảo luận về Hiến Pháp và biên bản của Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm phải nhìn nhận rằng nguyên tắc giới thiệu đã được công nhận.

Saigon, ngày 7 tháng 7 năm 1971

BAN BẢO HIẾN

Ô. Ô. TRỊNH XUÂN NGÂN, Chủ tịch  
NGUYỄN VĂN SĨ, Ủy Viên,  
NGUYỄN MỘNG BÍCH, Ủy Viên,

### III. - CÁC BẢN ÁN

#### A. - TỐI CAO PHÁP VIỆN XỬ VỤ NGUYỄN TRẦN

Sau khi cuộc tranh luận kết thúc ;

Sau khi nghị án chiếu nội qui Tối-Cao Pháp-Viện ;

Xử công khai đương tịch với sự hiện diện của nguyên đơn ;

##### VỀ HÌNH THỨC :

Chiều chi do đơn khởi tố đề ngày 24-6-1971, nguyên đơn NGUYỄN-TRẦN thỉnh cầu Tối-Cao Pháp-Viện tuyên phán khoản 7 điều 10 Luật 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp hiến với những hậu quả luật định ;

Chiều chi đề hành xử tố quyền, nguyên đơn viện dẫn tư cách của một công dân có điều kiện đề ứng cử Tổng-Thống và tư cách cử tri bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống ;

Chiều chi với hai tư cách kể trên, nguyên đơn có đủ lợi ích đề khởi tố, đơn khởi tố của nguyên đơn xem hợp lệ, chiếu điều 63 và 67 Luật số 007/68 ngày 3-9-1968, nên chấp nhận về hình thức.

##### VỀ NỘI DUNG :

Chiều chi nguyên đơn trình rằng điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp hiến, vì lẽ điều khoản này đã vi phạm các điều 2 khoản 2, điều 13 khoản 2, các điều 39 và kế tiếp cho đến 49 và điều 70 Hiến Pháp ;

Chiều chi nhiệm vụ của Tối Cao Pháp Viện trong vụ hiện hữu không phải là đề ra một quan niệm về điểm có nên hay không nên đặt ra nguyên tắc giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống trong khuôn khổ Hiến Pháp ngày 1-4-1967, mà là xét coi điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 có vi phạm một điều khoản nào của Hiến Pháp hay không ?

Chiều chi các điều 39 đến 49 Hiến Pháp chỉ ấn định quyền của Quốc Hội và thủ tục lập pháp, chứ không đề cập đến quyền của cá nhân các dân biểu và nghị sĩ ; ngoài ra các điều khoản này không có cấm đoán các dân biểu và nghị sĩ lãnh những nhiệm vụ khác do luật định chẳng hạn như giữ chức vụ Chủ Tịch hoặc hội viên các hội đồng bầu cử của một số cơ quan hiến định, hoặc giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống ;

Chiều chi điều 70 Hiến Pháp chỉ ấn định nguyên tắc địa phương phân quyền cho các tập thể địa phương có tư cách pháp nhân như Xã, Tỉnh, Thị Xã và Thủ Đức, chứ không đề cập đến thẩm quyền các nghị viên Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị và đầu sào cũng không cấm các nghị viên này lãnh một nhiệm vụ luật định ;

Chiều chi do đó, phải xem điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 không vi phạm các điều trên đây của Hiến Pháp ;

Chiều chi nguyên đơn còn chủ trương rằng điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 vi phạm điều 2 khoản 2 và điều 13 khoản 2 Hiến Pháp ;

Chiều chi luận cứ của nguyên đơn không xác đáng ;

Chiều chi điều 2 khoản 2 Hiến Pháp chỉ nêu lên một nguyên tắc tổng quát là sự bình đẳng giữa các công dân ; nguyên tắc này được điều 13 khoản 2 Hiến Pháp áp dụng cho quyền bầu cử và ứng cử của mọi công dân ; tuy nhiên, theo điều 13 khoản 1 Hiến Pháp, quyền bầu cử và ứng cử của công dân phải tuân theo những điều kiện và thể thức luật định ;



Chiều chi đối với ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống trong điều 53 Hiến Pháp, nhà Lập hiến sau khi đặt ra 4 điều kiện liên quan đến quốc tịch cũng trú quán, niên canh, quyền công dân và tình trạng quân dịch của ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống, đã dự trù thêm một khoản 5 quy định rằng : Ứng cử viên Phải hội đủ những điều kiện khác dự liệu trong luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống ;

Chiều chi nhà Lập Hiến đã giao phó cho Quốc Hội quyền đặt những điều kiện khác ngoài 4 điều hiến định, như vậy Quốc hội có toàn quyền quy định thêm một số điều kiện mà không vi phạm điều 13 khoản 2 Hiến pháp ;

Chiều chi riêng về sự giới thiệu của 40 dân biểu, nghị sĩ hay 100 nghị viên Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị, Quốc Hội có toàn quyền quyết định về điểm nên có hay không nên có điều kiện này, giải pháp nào cũng không thể bị xem là bất hợp hiến ;

Chiều chi mặt khác, điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 không vi phạm tinh thần của Hiến pháp và ý chí của nhà Lập Hiến năm 1967 ;

Chiều chi thực vậy, khi Quốc Hội Lập Hiến thảo luận và biểu quyết điều 53 Hiến Pháp, vấn đề giới thiệu đã được đặt ra ;

Chiều chi xuyên qua biên bản của Quốc Hội Lập Hiến khi thảo luận về Hiến pháp nhà Lập Hiến không hề biểu lộ rõ rệt ý chí duy trì hay bác bỏ nguyên tắc giới thiệu ;

Chiều chi những cuộc thảo luận và biểu quyết của Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm trong khi soạn thảo dự luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống năm 1967, cho thấy có một đa số dân biểu chấp nhận nguyên tắc giới thiệu và sau đó cũng có một đa số dân biểu tái chấp nhận nguyên tắc ấy lúc biểu quyết về phúc nghị của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, nhưng đa số này không hội đủ túc số hiến định để bác bỏ quan điểm của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ;

Chiều chi như vậy, điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971, không vi phạm văn thức cũng như tinh thần Hiến Pháp.

#### BỞI CÁC LÊ ẤY

#### VỀ HÌNH THỨC :

Chấp nhận đơn khởi tố của nguyên đơn NGUYỄN TRẦN,

#### VỀ NỘI DUNG :

Bác đơn khởi tố của nguyên đơn xin tuyên bố điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp hiến.

Truyền tịch thu tiền dự phạt.

Án tuyên đọc ngày mười ba tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi một tại phiên xử công khai Đại Hội Đồng Tối Cao Pháp Viện gồm chín Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện :

ÔO. TRẦN-VĂN-LINH

— NGUYỄN-VĂN-BIỆN — TRINH-XUÂN-NGAN

— NGUYỄN-AN-THÔNG — NGUYỄN-MỘNG-BÍCH

— TRẦN-VĂN-LIỆM — TRẦN-MINH-TIỆT

— NGUYỄN-AN-SI — MAI-VĂN-AN

Trước mặt các Ông :

— VŨ-TIỆN-TUÂN

— VŨ DUY THUẬT

Chưởng-Lý.  
Lục-Sự.

## B.— TỐI CAO PHÁP VIỆN XỬ VỤ TRẦN CÔNG QUỐC

Sau khi cuộc tranh luận kết thúc ;

Sau khi nghị-án chiếu nội-quy Tối-Cao Pháp-Viện ;

Xử công khai đương-tịch, với sự hiện diện của nguyên đơn.

### VỀ HÌNH THỨC :

— Chiếu chỉ do đơn khởi tố đề ngày 24-6-1971, nguyên đơn TRẦN-CÔNG-QUỐC thỉnh-cầu TỐI-CAO PHÁP-VIỆN tuyên phán khoản 7 điều 10 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 là vi hiến ;

— Chiếu chỉ đề hành-xử tố quyền, nguyên đơn viện dẫn tư cách một cử-tri bầu-cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống ;

— Chiếu chỉ với tư cách đề trên, nguyên đơn có đủ lợi ích để khởi tố, đơn khởi tố của nguyên đơn xem hợp lệ chiếu điều 63 và 67 Luật số 007/68 ngày 3-9-1968, nên chấp thuận về hình thức.

### VỀ NỘI DUNG :

Chiếu chỉ nguyên đơn trình rằng điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp-hiến vì lẽ điều khoản này đã vi-phạm điều 52 khoản 1 Hiến-Pháp và tinh-thần Hiến-Pháp cũng ý-chí nhà Lập-Hiến năm 1967 ;

Chiếu chỉ nhiệm vụ của Tối-Cao Pháp-Viện trong vụ hiện hữu không phải là đề ra một quan niệm về điểm có nên hay không nên đặt ra nguyên tắc giới thiệu ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống trong khuôn khổ Hiến Pháp ngày 1-4-1967, mà là xét coi điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 có vi phạm một điều khoản nào của Hiến Pháp hay không ;

Chiếu chỉ điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 không vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp do điều 52 khoản 1 Hiến Pháp qui định vì việc giới thiệu ứng cử viên Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống không làm cho cuộc bầu cử trở thành một cuộc bầu cử lưỡng cấp, do đó không làm mất tánh cách trực tiếp của cuộc bầu cử ;

Chiếu chỉ mặt khác điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 không vi phạm tinh thần của Hiến Pháp và ý chí của nhà Lập Hiến năm 1967 ;

Chiếu chỉ như vậy, khi Quốc Hội Lập Hiến thảo luận và biểu quyết điều 53 Hiến Pháp, vẫn đề giới thiệu đã được đặt ra ;

Chiếu chỉ xuyên qua biên bản của Quốc Hội Lập Hiến khi thảo luận về Hiến Pháp nhà Lập Pháp không hề biểu lộ rõ rệt ý chí duy trì hay bác bỏ nguyên tắc giới thiệu ;

Chiếu chỉ những cuộc thảo luận và biểu quyết của Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm, trong khi soạn thảo dự luật bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống năm 1967, cho thấy có một đa số Dân Biểu chấp nhận nguyên tắc giới thiệu và sau đó cũng có một đa số Dân Biểu tái chấp nhận nguyên tắc ấy lúc biểu quyết về phúc nghị của Ủy-Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia, nhưng đa số này không đủ tác số hiến định để bác bỏ quan điểm của Ủy-Ban Lãnh Đạo Quốc-Gia ;

Chiếu chỉ như vậy, điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-71, không vi phạm văn thức cũng như tinh thần Hiến Pháp.

### BỞI CÁC LẺ ẤY :

### VỀ HÌNH THỨC :

Chấp nhận đơn khởi tố của nguyên đơn TRẦN-CÔNG-QUỐC.



### VỀ NỘI DUNG :

Bắc đơn khởi tố của nguyên đơn xin tuyên bố điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp hiến.

Truyền tịch thu tiền dự phạt.

Ấn tuyên đọc ngày Mười Ba tháng Bảy năm Một Ngàn Chín Trăm Bảy Mươi Một tại phiên xử công khai Đại Hội Đồng TỐI-CAO PHÁP-VIÊN gồm chín Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viên .

(như trên)

## C.— TỐI CAO PHÁP VIỆN XỬ VỤ CAO THỂ DUNG

Sau khi cuộc tranh luận kết thúc ;

Sau khi nghị án chiếu Nội quy Tối Cao Pháp Viện ; Xử công khai đương tịch với sự hiện của nguyên đơn.

### VỀ HÌNH THỨC :

Chiều chỉ đơn khởi tố đề ngày 23.6.1971. nguyên đơn Cao Thể Dung thỉnh cầu Tối Cao Pháp Viện tuyên phán điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp hiến với mọi hậu quả luật định ;

Chiều chỉ hành sử tố quyền, nguyên đơn viện dẫn tư cách của một công dân có điều kiện để ứng cử Tổng Thống và tư cách cử tri bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống ;

Chiều chỉ với hai tư cách kể trên, nguyên đơn có đủ lợi ích để khởi tố, đơn khởi tố của nguyên đơn xem hợp lệ, chiếu điều 63 và 67 luật số 007/68 ngày 3-9. 1968, nên chấp nhận về hình thức.

### VỀ NỘI DUNG

Chiều chỉ nguyên đơn trình rằng điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp hiến vì lẽ điều khoản này vi phạm điều 2 đoạn 2 và điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp ;

Chiều chỉ luận cứ của nguyên đơn không xác đáng ;

Chiều chỉ điều 2 khoản 2 Hiến Pháp chỉ nêu lên một nguyên tắc tổng quát là sự bình đẳng giữa các công dân ; nguyên tắc này được điều 13 khoản 2 Hiến Pháp áp dụng cho quyền bầu cử và ứng cử của mọi công dân, tuy nhiên, theo điều 13 khoản 2 Hiến Pháp quyền bầu cử và ứng cử của công dân phải tuân theo những điều kiện và thể thức luật định ;

Chiều chỉ đối với ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống trong điều 53 Hiến Pháp, nhà Lập Hiến sau khi đặt ra 4 điều kiện liên quan đến quốc tịch cùng trú quán, niên canh, quyền công dân và tình trạng quân dịch của ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống, đã dự trù thêm một khoản 5 qui định rằng : « Ứng cử viên phải hội đủ những điều kiện khác dự liệu trong luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống ;

Chiều chỉ nhà Lập Hiến đã giao phó cho Quốc Hội quyền đặt những điều kiện khác ngoài 5 điều kiện hiến định, như vậy Quốc Hội có toàn quyền quy định thêm một số điều kiện mà không vi phạm điều 13 khoản 2 Hiến Pháp ;

Chiều chỉ riêng về sự giới thiệu của 40 Dân Biểu, Nghị Sĩ hay 100 Nghị Viên Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị, Quốc Hội có toàn quyền quyết định về điểm nên có hay không có điều kiện này, giải pháp nào cũng không thể bị xem là bất hợp hiến ;

Chiều chỉ mặt khác, điều 10 khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 không vi phạm tinh thần của Hiến Pháp và ý chí của nhà Lập Hiến năm 1967 ;

Chiều chi thật vậy, khi Quốc Hội Lập Hiến thảo luận và biểu quyết điều 59 Hiến Pháp, vấn đề giới thiệu đã được đặt ra ;

Chiều chi xuyên qua biên bản của Quốc Hội Lập Hiến khi thảo luận về Hiến Pháp nhà Lập Hiến không hề biểu lộ rõ rệt ý chỉ duy trì hay bác bỏ nguyên tắc giới thiệu ;

Chiều chi những cuộc thảo luận và biểu quyết của Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm trong khi soạn thảo dự luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống năm 1967 cho thấy có một đa số Dân Biểu chấp nhận nguyên tắc giới thiệu và sau đó cũng có một đa số Dân Biểu tái chấp nhận nguyên tắc ấy lúc biểu quyết về phúc nghị của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, nhưng đa số này không hội đủ túc số hiến định để bác bỏ quan điểm của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia ;

Chiều chi như vậy, điều 10 khoản 7 luật số 009/7: ngày 23. 6. 1971, không vi phạm văn thức cũng như tinh thần Hiến-Pháp.

#### BỞI CÁC LE ẤY

##### VỀ HÌNH THỨC :

Chấp nhận đơn khởi tố của nguyên đơn Cao-Thế-Duong.

##### VỀ NỘI DUNG :

Bác đơn khởi tố của nguyên đơn xin tuyên bố điều 10 khoản 7 luật số 006/7: ngày 23.6. 1971 bất hợp hiến.

Truyền tịch thu tiền dự phạt.

Ấn tuyên đọc ngày mười ba tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt tại phiên xử công khai Đại-Hội-Đồng Tối-Cao Pháp-Viện gồm chín Thẩm-Phán Tối-Cao Pháp-Viện :

(Như trên)

### D.- TỐI CAO PHÁP VIỆN XỬ VỤ LƯƠNG VĂN THỌ

Sau khi cuộc tranh-luận kết thúc;

Sau khi nghị-án chiếu Nội-qui Tối-Cao Pháp-Viện ;

Xử công khai đương-tịch, với sự hiện diện của nguyên đơn.

##### VỀ HÌNH THỨC :

Chiều chi do đơn khởi tố đề ngày 30-6-1971, nguyên-đơn Lương-Văn-Thọ thỉnh cầu Tối-Cao Pháp-Viện tuyên phán điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 bất hợp-hiến, vì lẽ điều khoản này đã vi phạm các điều 2 khoản 2 và điều 13 khoản 2 Hiến-Pháp;

Chiều chi nguyên-đơn không viện dẫn tư-cách nào, và cũng không chứng-minh được một-lợi-ích nào để hành-xử tố quyền;

Chiều chi đơn khởi-tố của nguyên-đơn xem không hợp-lệ chiếu điều 63 luật số 007/68 ngày 3-9-1968, nên tuyên phán đơn khởi-tố của nguyên-đơn bất khả chuẩn-chấp về hình-thức.

#### BỞI CÁC LE ẤY

##### VỀ HÌNH THỨC :

Tuyên phán đơn khởi-tố của nguyên-đơn Lương-Văn-Thọ bất khả chuẩn-chấp chiếu theo điều 63 luật số 007/68 ngày 3-9-1968.

Truyền tịch thu tiền dự phạt.

Ấn tuyên đọc ngày mười ba tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt tại phiên xử công khai Đại Hội Đồng Tối-Cao Pháp-Viện gồm chín Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện :

(Như trên)



## E.— Ý KIẾN KHÁC BIỆT của

### Thăm Phán TCPV TRẦN MINH TIẾT

#### 1.— ĐIỀU 10 KHOẢN 7 LUẬT SỐ 009/71 VI PHẠM ĐIỀU 2 KHOẢN 2 HIẾN PHÁP.

Bắt buộc ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải "được sự giới thiệu hoặc của 40 Nghị Sĩ, Dân biểu hoặc của 100 Nghị Viên các Hội Đô Thành, Tỉnh, Thị Xã", điều 10 khoản 7 luật số 009/71 đặt ra nguyên tắc chỉ có ứng cử viên đề cử và "chỉ có Nghị Sĩ, Dân biểu và Nghị viên Đô, Tỉnh, Thị được quyền đề cử".

Độc quyền đề cử này do đâu mà có ?

Hiển nhiên là không phải do tư cách dân cử, vì lẽ :

a) Ngoài nhiệm vụ được minh định từ điều 39 đến 49 và 70 của Hiến Pháp, Quốc Hội Lương Viên và các Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị không hề được ủy quyền đề cử ứng cử viên Tổng Thống.

b) Nếu Quốc Hội trong toàn bộ khả năng thể hiện ý dân, trái lại đứng riêng rẽ, một Nghị Sĩ, một Dân biểu hay một số Nghị Sĩ, một số Dân biểu không thể xem là đại diện của toàn dân hay của một phần dân chúng.

c) Hội Đồng Xã, Xã Trường, Thị Trường, Tỉnh Trường, Đô Trường đã hoặc sẽ được dân bầu ra, những thành phần được bầu trong các Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, Kinh Tế Xã Hội và các Sắc Tộc tại sao không được quyền đề cử ứng cử viên Tổng Thống mặc dầu những vị này cũng do dân cử, cũng đồng ý thức trách nhiệm đối với Quốc Gia, Dân tộc như các Nghị Sĩ, Dân biểu và Nghị Viên Đô, Tỉnh, Thị.

Chủ trương rằng Nghị Sĩ, Dân Biểu hoặc Nghị Viên Đô, Tỉnh, Thị khi đề cử ứng cử viên Tổng Thống chỉ hành động với tư cách cá nhân hay nói cách khác, với tư cách công dân, là đặt ra, hai hàng công dân một hàng có quyền đề cử và một hàng không quyền đề cử, trái với nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân dự liệu nơi điều 2 khoản 2 Hiến Pháp.

Ngoài ra, giữa các công dân được độc quyền đề cử ứng cử viên Tổng Thống, còn có sự bất bình đẳng vì 100 Nghị Viên Đô, Tỉnh, Thị mới bằng 40 Nghị Sĩ. Dân biểu hay nói cách khác, giá trị của một Nghị Sĩ, Dân biểu bằng hai lần rưỡi giá trị của một Nghị Viên Đô, Tỉnh, Thị.

#### 11.— ĐIỀU 10 KHOẢN 7 LUẬT SỐ 009/71 VI PHẠM ĐIỀU 13 KHOẢN 2 HIẾN PHÁP.

Theo điều 13 khoản 2 Hiến pháp, "mọi công dân đều có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định."

Có chủ trương rằng sự giới thiệu của Nghị Sĩ, Dân biểu hoặc Nghị viên Đô, Tỉnh, Thị là một điều kiện như những điều kiện khác về tiền ký quỹ, về thành tích bất hảo, về sự bồi hoàn chi phí bầu cử... mà nhà Lập Pháp được quyền quy định thêm trong luật bầu cử, vì Hiến Pháp không cấm đoán mà còn cho phép qua điều 53, 59 của Hiến Pháp.

Chủ trương kể trên không xác đáng, vì lẽ :

1) Ngoài những điều kiện do Hiến Pháp minh định, Luật bầu cử Tổng-Thống có thể đặt thêm những điều kiện khác, nhưng phải là những điều kiện khách quan không đi ngược lại Hiến Pháp. Như đã giải thích ở đoạn trên, độc quyền đề cử ứng cử viên Tổng-Thống dành cho Nghị Sĩ, Dân biểu và Nghị viên Đô, Tỉnh, Thị vi phạm nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân.

2) Tính cách chính yếu của luật là phải khách quan. Nghị Sĩ Dân Biểu hay Nghị viên Đô, Tỉnh, Thị căn cứ vào những tiêu chuẩn nào để giới thiệu hay từ chối giới thiệu một ứng

cử viên Tổng-Thống tài đức, lòng ái quốc, tinh thần trách nhiệm là những yếu tố vô hình, bất khả lượng, chỉ tùy thuộc vào sự hiểu biết riêng, nhận xét riêng, cảm tình riêng của mỗi người. Sự thẩm lượng giá trị của ứng cử viên theo quan niệm riêng của 40 hay 100 công dân không được kể là ý chung của toàn thể cử tri; không thể vì Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị viên Đō, Tỉnh, Thị có những lý lẽ riêng để từ chối đề cử một ứng cử viên mà toàn dân lại mất quyền nói lên tiếng nói của mình đối với ứng cử viên này.

Đề cử hay từ chối đề cử theo sự nhận xét chủ quan là vi phạm tinh cách khách quan của luật pháp, tạo sự bất bình đẳng giữa các ứng cử viên Tổng-Thống trái với điều 13 khoản 2 Hiến Pháp, đưa đến hậu quả là sự phân chia độc đoán hai hạng ứng cử viên, một hạng ứng cử viên, một hạng được ra trước sự phân xét vô tư của toàn dân qua một cuộc phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín, một hạng bị loại ngay trong vòng đầu, ngoài các thể thức hiến định và bảo đảm của luật pháp.

3) Sự bất bình đẳng giữa các ứng cử viên càng rõ rệt, trong trường hợp một liên danh được 39 Nghị Sĩ, Dân biểu và 99 Nghị viên Đō, Tỉnh Thị đề cử lại không quyền ứng cử như một liên danh chỉ được sự giới thiệu của 40 Nghị Sĩ, Dân biểu hoặc 100 Nghị viên Đō, Tỉnh, Thị. Căn cứ vào đầu đề cho rằng liên danh thứ nhì xứng đáng hơn liên danh thứ nhất.

### III. — ĐIỀU 10 KHOẢN 7 LUẬT SỐ 009/71 VI PHẠM TINH THẦN CỦA HIẾN PHÁP.

1) Khi đặt ra nguyên tắc « chỉ có ứng cử viên đề cử », điều luật đã tách rời tinh thần khoan đại của Hiến-Pháp là quyền ứng cử tự do với những hạn chế thông thường.

2) Khi dành riêng cho Quốc-Hội và Hội Đồng Đō, Tỉnh, Thị độc quyền đề cử ứng cử viên Tổng-Thống, điều luật kể trên đã bước ra ngoài thể quân bình của Hiến-Pháp giữa ba quyền căn bản trong tổ chức Quốc-Gia, có thể đưa đến tình trạng độc quyền ứng cử hay dọn đường cho một thể chế mà trong đó chỉ có Nghị-Sĩ, Dân-biểu hoặc Nghị-Viên Đō, Tỉnh, Thị mới có thể ứng cử Tổng-Thống, mới được bổ nhiệm vào thành phần Chánh-Phủ và Hành-Pháp sẽ ở trong một thể yếu kém hơn Lập-Pháp.

3) Nguyên tắc đề cử ứng cử viên Tổng-Thống đã đặt thành vấn đề rõ rệt cho Quốc-Hội Lập-Hiến biểu quyết nhân khi thảo luận về điều 22 khoản 2 và điều 52 khoản 2 của Dự Thảo Hiến-Pháp. Dầu có bản cải dài dòng hay vắn tắt, một cách riêng biệt hay kết hợp với một điều khoản khác, Quốc-Hội Lập-Hiến cũng đã biểu quyết minh bạch bác bỏ nguyên tắc đề cử ứng cử viên Tổng-Thống với đa số tuyệt đối 69 trong tổng số 117 Dân-Biểu và trong số 101 vị hiện diện.

Quốc-Hội lưu-nhiệm, khi thảo luận dự luật bầu cử Tổng-Thống năm 1967 đã bỏ lần bàn cãi sâu rộng về vấn đề này và đã chấp thuận một lần với một đa số tương đối: 53/76 hiện diện, 48/65 hiện diện và 45/92 hiện diện, tuy nhiên không lần nào hội đủ đa số tuyệt đối, nên lần thứ, không thể bác bỏ phúc nghị của Trung Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu nhân danh Chủ-Tịch Ủy Ban Lành-Đạo Quốc-Gia yêu cầu hủy bỏ điều kiện đề cử ứng cử viên Tổng-Thống.

### III. — NHỮNG ĐIỂM ĐÁNG LƯU Ý NHƯ SAU :

a) Quốc-Hội Lập-Hiến đã bác bỏ rành rành nguyên tắc đề cử với một đa số tuyệt đối quan trọng (69/117).

b) Khối ủng hộ nguyên tắc đề cử trong Quốc-Hội Lưu-Nhiệm sụt lần từ 53 đến 48 rồi đến 45 vị nhưng không khi nào hội đủ đa số tuyệt đối.

c) Lần cuối cùng và cũng có thể nói là dứt khoát, nguyên tắc đề cử không hội đủ đa số tuyệt đối và cũng không được đa số quá bán Dân-biểu hiện diện trong Quốc-Hội lưu-nhiệm ủng hộ.

Như vậy, khi đặt lại một vấn đề mà Quốc-Hội Lập-Hiến đã bác bỏ, điều 10 khoản 7 Luật 009/71 hiện nhiên đi ngược lại ý chí của nhà Lập-Hiến.



Tóm lại, điều kiện giới thiệu của điều 10 khoản 7 luật số 009/71 vi phạm điều 2 khoản 2 Hiến-Pháp về « sự bình đẳng giữa các công dân », điều 13 khoản 2 Hiến-Pháp về « quyền ứng cử tự do với những hạn chế thông thường » và « sự bình đẳng giữa ứng cử viên Tổng-Thống ». Điều luật kể trên còn vi phạm tinh thần của Hiến Pháp khi dành riêng cho Quốc Hội và các Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị « độc quyền đề cử ứng cử viên Tổng Thống ». Đặt Hành Pháp trong một thế yếu kém hơn Lập Pháp, trái với chủ trương của Hiến Pháp. Ngoài ra điều luật kể trên đi ngược lại ý chí của nhà Lập Hiến khi đặt lại một điều kiện ứng cử có tính cách chủ quan mà Quốc Hội Lập Hiến đã bác bỏ.

#### IV. — Ý KIẾN CHỐNG ĐỐI ĐIỀU 10 KHOẢN 7

A. — Ý KIẾN của L.S LÊ VĂN ĐỊNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ VỀ BA ĐƠN KHỞI TỐ của Ô.O. NGUYỄN TRẦN, CAO THỂ DUNG, và TRẦN CÔNG QUỐC.

##### A. — TÓM TẮT SỰ KIỆN :

- Do đơn khởi tố trước Tối Cao Pháp Viện, với tư cách công dân.
  - Ô. Nguyễn Trần (đơn nhật ký ngày 24-6-1967, dưới số 297-BH).
  - Ô. Cao Thể Dung (đơn nhật ký ngày 25-6-1967, dưới số 299-BH)
  - Ô. Trần Công Quốc (đơn nhật ký ngày 24-6-1997 dưới số 298-BH) với tư cách cử tri,
- Ô. Nguyễn Trần xin Tối Cao Pháp Viện tuyên phán khoản 7 điều 10 đạo luật số 00/71 ngày 23-6-1971 là vi hiến với hậu quả luật định ;
- Ô. Cao Thể Dung xin T.C.P.V tuyên phán điều 10, khoản 7 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 của Tổng Thống V.N.C.H. là bất hợp hiến, với mọi hậu quả luật định ;
- Ô. Trần Công Quốc thỉnh cầu T.C.P.V. tuyên phán theo thủ tục khẩn cấp, khoản 7 điều 10 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 ấn định thể thức bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ 1971-1975, là vi hiến.

##### B. — TRONG ĐƠN ĐỀ NGÀY 24-6-1971, Ô. NGUYỄN TRẦN ĐÃ NÊU LÊN CÁC LÝ DO SAU ĐÂY :

1. — Vi phạm điều 2, khoản 2 Hiến Pháp 1-4-1967.

« Khi buộc ứng cử viên phải có sự giới thiệu của tối thiểu 40 Nghị Sĩ Dân Biểu hoặc của 100 Nghị viên của Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh, Thị Xã.

Thì điều 10 khoản 7 luật 9/71 ngày 23-6-1971 đã tước quyền ứng cử của những công dân tài đức nhưng thiếu phương tiện và không liên hệ mật thiết với các vị Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị viên. Như vậy khoản 7 điều 10 luật số 009/71 đã vi phạm nguyên tắc bình đẳng giữa công dân qui định trong điều 2, khoản 2 Hiến Pháp 1-4-1967.

2. — Vi phạm điều 13 khoản 2 Hiến Pháp 1-4-1967.

« Bầu cử là quyền căn bản của công dân một nước dân chủ. Quyền này chỉ có thể giới hạn bởi lý do trật tự công cộng, chứ không bởi một lý do nào khác. Điều kiện buộc ứng cử viên phải được 40 Nghị Sĩ, Dân Biểu, hoặc 100 Nghị Viên Hội Đồng Đô Thị, Tỉnh giới thiệu là một giới hạn không có tính cách trật tự công cộng mà chỉ là một giới hạn nhằm hạn chế quyền bầu cử của công dân, vi phạm công dân phải chọn lựa trước, bởi các Vị Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị Viên Hội Đồng Đô, Thị, Tỉnh.

3. — Vi phạm các điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 Hiến Pháp 1-4-67 :

«Theo nguyên tắc dân chủ, những vị dân cử (Nghị Sĩ, Dân Biểu) là những người thụ ủy của nhân dân và chỉ hành xử những quyền hành do nhân dân ủy nhiệm mà thôi. Trong trường hợp quý vị Nghị Sĩ, Dân Biểu thăm quyền đã được quy định rất rõ ràng trong những điều từ 39 đến 49 Hiến Pháp 1-4-67, trong đó không có điều khoản nào cho phép Nghị Sĩ, Dân Biểu có quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống để sự giới thiệu ấy trở thành một điều kiện tiên quyết cho sự ứng cử với hậu quả hạn chế quyền ứng cử và bầu cử của người chủ ủy là nhân dân!»

4.— Vi phạm điều 70 Hiến Pháp 1-4-67.—

«Theo điều 70 Hiến Pháp 1-4-1967, các Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh và Thị Xã chỉ có nhiệm vụ điều hành nền hành chánh địa phương và không được một điều khoản nào của Hiến Pháp 1-4-67 quy định có thăm quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống, Phó Tổng Thống, để sự giới thiệu ấy trở thành một điều kiện hạn chế quyền ứng cử và bầu cử của nhân dân trên bình diện quốc gia».

5.— Khoản 7 điều 10 đạo luật 009/71 ngày 23-6-1971 không hợp lý :

«Khoản 7 điều 10 này có thể đưa tới tình trạng độc quyền ứng cử vì quý vị Nghị Sĩ Dân Biểu và Nghị Viên Hội Đồng Đô Thị Tỉnh rất có thể chỉ giới thiệu một liên danh ứng cử viên duy nhất, mở đường cho một chế độ độc tài nguy hiểm. Trong trường hợp này, không một công dân nào khác, muốn ứng cử có thể hội đủ điều kiện cần thiết!

6.— Khoản 7 điều 10 luật số 009/71 còn vi phạm tinh thần rộng rãi của Hiến Pháp 1-4-67 về điều kiện ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

«Nguyên dự thảo Hiến Pháp có dự liệu trong điều 52 về điều kiện ứng cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống một khoản 5, để buộc ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải được sự giới thiệu của 10 Dân Biểu, Nghị Sĩ hoặc của một chánh đảng. Nhưng trong phiên họp ngày 18-2-1967, với 69 phiếu, QUỐC HỘI LẬP HIẾN đã biểu quyết bác bỏ khoản ấy với lý do được minh thị trong Biên Bản số 070-QHLH/BB ngày 18-2-67 : «đề cho được dễ dãi trong công việc ứng cử». Như vậy các nhà lập pháp không có quyền ràng buộc một điều kiện mà chính các nhà Lập Pháp đã bác bỏ.

7.— Khoản 7 điều 10 luật số 009/71 xâm phạm đến quyền lợi cá nhân của tôi. «Ngoài nghĩa vụ công dân của tôi phải bảo vệ Hiến Pháp như quy định trong điều 26 Hiến Pháp 1-4-67, tôi có bị khoản 7 điều 10 luật số 009/71 xâm phạm đến quyền lợi cá nhân của tôi vì lẽ :

a) — tôi là một công dân có đủ tư cách ứng cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống, và có thể ứng cử, nhưng không đủ phương tiện để được sự giới thiệu của 40 Nghị Sĩ, Dân Biểu, hoặc 100 Nghị Viên các Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh và Thị Xã.

b) —tôi còn là một cử tri có quyền bầu cho liên danh ứng cử viên nào tôi nhận thấy là xứng đáng, nhưng tôi sẽ không thể sử dụng quyền ấy của tôi nếu chỉ có một liên danh ứng cử viên nào đó được đơn phương lựa chọn trước.

LY DO trong hai đơn khởi tố của **Ô.Ô. CAO THẾ DUNG** và **TRẦN CÔNG QUỐC** :

Đọc kỹ hai đơn nói trên, thấy Ô. Cao Thế Dung cũng như Ô. Trần Công Quốc, trong những nét chánh, không khác gì mấy ở lời trình bày của Ô. NGUYỄN TRẦN, về trường hợp vi hiến của khoản 7, điều 10 luật số 009/71 ngày 3-6-71 qui định về thủ tục bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống V.N.C.H. nhiệm kỳ 1971-1975 (đăng trong C.B.V.N. số 34, trang 4058/1).

Ngoài sự tước quyền ứng cử của những công dân tài đức, nhưng thiếu phương tiện và không liên hệ mật thiết với các Nghị Sĩ, Dân Biểu và Nghị Viên, Hiến Pháp 1-4-1967 đã có ấn định cho các vị này quyền giới thiệu ứng cử viên trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống ? để làm mất quyền bình đẳng công dân về quyền bầu cử này ? hai Ông CAO THẾ DUNG và TRẦN CÔNG QUỐC có nhắc lại Biên bản số 070/QHLH/BB ngày 18-2-1967 của



các Dân Biểu QUỐC HỘI LẬP HIẾN đã bác bỏ quan điểm về việc giới thiệu của đại diện dân cử trong việc bầu cử Tổng Thống (tr. 2, đơn ngày 23-6-71 của Ô. Cao Thế Dung), cùng Thông Điệp số 3/LĐQG/TD ngày 26-5-1967 của Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia gửi đến Chủ Tịch Quốc Hội Lập Hiến 1967 (X.x. tr. 4 đơn ngày 24-6-71 của Ô. Trần Công Quốc).

Vị Chủ Tịch UBĐQG, lúc bấy giờ là Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Ô. Trần Công Quốc ghi nguyên văn *Thông điệp* (đoạn 2) :

„... điều 10 khoản 7 bản văn dự luật đi ngược lại nguyên tắc dân chủ. Chiếu nguyên tắc chủ quyền thuộc về toàn dân đã qui định trong điều 1 Hiến Pháp 1-4-1967, vị đại diện dân cử chỉ thay thế cho người công dân, thì hành một nhiệm vụ nhất định, trong một thời gian nhất định. Với tư cách người thụ ủy, vị đại diện không thể *phản bội* lại quyền lợi của người công dân là chủ ủy.

„Điều kiện qui định tại điều 10, khoản 7 bản văn dự luật bầu cử Tổng Thống, Phó Tổng Thống *đi ngược lại quyền lợi* của người công dân vì hạn chế quyền bầu cử và quyền ứng cử...”

*Đoạn 3 (Thông điệp)* (nguyên văn) :

“Điều 10 khoản 7 bản văn dự luật *không hợp lý*.

... Điều 10 k.7 có thể đưa đến tình trạng *độc quyền* ứng cử, vì rất có thể xảy ra trường hợp hầu hết các vị đại diện dân cử chỉ giới thiệu cho một liên danh ứng cử viên. Như vậy, người công dân khác, muốn ra ứng cử khó hội đủ điều, kiện cần thiết...”

C.- **NHÂN XÉT** về hình thức và nội dung ba đơn khởi tố của Ô.Ô. Trần công Quốc, Nguyễn Trân và Cao Thế Dung, trước Tối Cao Pháp Viện về điểm vi-hiến của khoản 7 điều 10 luật số 009/71 ngày 23-6-1971 qui định *thể thức* bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống VN-CH, nhiệm kỳ 1971-1975.

1.- *Về hình thức*.- Đứng về phương diện công dân, đơn khởi tố của hai ông Nguyễn Trân và Cao thế Dung, cũng như đơn của Ô. Trần công Quốc (với tư cách cử tri của ông này), theo tinh thần điều 26 Hiến Pháp 1-4-1967 (Mọi công dân có nghĩa vụ bảo vệ Hiến Pháp...) và chi tiết luật định ở điều 63 luật số 007/68 ngày 3-9-1968, về quyền xin Tối Cao Pháp Viện phán quyết về tính cách hợp hiến... các đạo luật... nếu sự áp dụng các bản văn này làm thiệt hại đến quyền lợi của mình, trưng ba đơn khởi tố ghi trên, đáng được chuẩn chấp.

2.- *Về nội dung* : Khoản 7 điều 10 luật số 9/71 ngày 23-6-1971 mà ba nguyên đơn cho là vi hiến, thì cần nhắc xem : Khoản 7 điều 10 này, ở trong tình trạng pháp lý nào ?

A.- Trước hết, cần đọc hết luật số 009/71 ngày 23-6-71 (đăng CBVM số 34, trang 4068).

Luật này với nhan đề là : qui định *thể thức* bầu cử (Les modalités de l'élection) là trong khuôn khổ (đoạn 5 điều 53 Hiến Pháp 1-4-1967) về đạo luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

Điều 53 Hiến Pháp có dung nạp (comporter) hai loại điều kiện :

a) điều kiện căn bản, *hiến định* (les conditions fixées par Constitution du 1-4-1967, để được quyền ứng cử Tổng Thống hoặc Phó Tổng Thống những công dân hội đủ các điều kiện sau đây :

- 1.- về quốc tịch Việt-Nam,
- 2.- về tuổi (35) tính đến ngày bầu cử.
- 3.- được hưởng các quyền công-dân.
- 4.- ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch

b) và ở khoản 5 (chốt của điều 53 H.P) là các điều lệ thông thường về việc bầu cử đúng luật, hợp pháp, tỷ như điều kiện về cử tri — (từ điều 4 đến 9 luật số 9/71 ngày 23-6-1971.

— về ứng cử viên (từ 10 đến điều 17 luật này)

— Về vận động tranh cử (điều 18 đến 23)

— Thẻ thức bỏ phiếu và kiểm phiếu (điều 24 đến 34)

— Vi phạm, hình phạt tổ tụng (điều 35 đến 39)

— Xét định cách hợp thức và tuyên bố kết quả (điều 40-48) vẫn vẫn... cho nên

ngay ở điều 1, luật số 009/71 này, Lập-Pháp đã nói ngay (để khỏi thắc mắc) là :

« Nay ấn định như sau thẻ thức bầu cử :

Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống nhiệm-kỳ 1971 - 1975

« Cuộc bầu-cử này là 3-10-1971 (điều 2 Luật số 009/71)

« Văn bản...

B. — Như vậy, với sự thực tâm (và với sự phân tích) để hiểu tinh thần của Hiến pháp 1-4-1971 về căn bản hiến-dịnh của toàn-quốc bầu Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống.

(Điều 52 H.P. : Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống... được cử tri toàn-quốc bầu lên, theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín (par suffrage universel, direct et secret) cũng như điều 13, khoản 2 H.P. : (Mọi công dân có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thẻ thức luật định Cho nên Hiến pháp 1-4-1967, đã ấn định ngay 4 khoản ở trong điều 53, về Tổng thống và Phó Tổng thống, những công dân nào hội đủ điều kiện hiến định (les conditions constitutionnelles) ; Còn khoản (chốt), khoản 5 điều 53 H.P. : mới có thêm (để luật bầu cử, theo thường lệ (les conditions normales), sẽ do một đạo luật bầu cử ấn định sau, nghĩa là :

Ngoài 4 điều kiện hiến định (quốc tịch VN... tuổi, hưởng quyền công dân, ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch) công dân ứng cử viên về Tổng thống hoặc Phó Tổng thống, còn phải hội đủ các điều kiện khác dự liệu trong đạo luật bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống (nghĩa là khi có cuộc bầu cử này), như tôi đã ghi ở trên về chi tiết : Cử tri, ứng cử viên, vận động tranh cử, thẻ thức bỏ phiếu v.v...

C. — Không hiểu (vô tình hay hữu ý), nhà làm luật số 009/71 ngày 23-6-1971 khi qui định thẻ thức bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống VNCH (1971—1975) lại ghi thêm, ở cuối điều 10 (khoản 7) rằng :

« Ứng cử viên : tối thiểu phải được sự giới thiệu hoặc của 40 Nghị sĩ, Dân biểu, hoặc của 100 Nghị viên của Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh, Thị xã, mà khoản cuối này (khoản 7) Hiến pháp 1-4-1967 đều có bắt buộc ? Ở điều 53 Hiến pháp, khoản 1, 2, 3, 4.

D. — Có lẽ nhà làm Luật 009/71 ngày 23-6-71, với thị giác chánh trị nhất thời (dans l'optique politique de l'heure), có lẽ không để ý đến kim chỉ nam, hướng chỉ đạo, tinh thần của Hiến pháp 1-4-67, của các điều đã ấn định rõ về tinh thần bầu cử (điều 53, khoản 1, đến 4, điều 52 khoản 1, mà tự ý « thu hẹp lại » quyền bình đẳng của công dân, về lựa chọn Tổng thống và Phó Tổng thống, ngày 3-10-71 chẳng ?

Đề kết luận về bản thảo sơ nghiên cứu về phương diện pháp lý,

( Trong khuôn khổ hồ sơ số 00924/TCPV/CT ngày 29-6-1971 ), này, tôi thấy Ông Trần-Công-Quốc, hữu lý, khi nhắc lại ở đơn khởi tố lời phê bình của vị Chủ-Tịch Ủy-Ban Lãnh-Đạo Quốc-Gia ( nay vẫn là vị Lãnh-Đạo chỉ huy con thuyền Việt-Nam, trên biển cả, lời sáng suốt, khi vị nguyên thủ Quốc-Gia, trong thông điệp số 3/LĐQG/TĐ ngày 26-5-1967 gọi Ông Chủ-Tịch Quốc-Gia Lập-Hiến 1967 :



— ... « điều 10 khoản 7 đi ngược lại nguyên tắc dân chủ... đi ngược lại quyền lợi của người công dân, vì hạn chế quyền bầu cử và quyền ứng cử... »

— ... « điều 10 khoản 7 có thể đưa đến tình trạng độc quyền ứng cử vì rất có thể xảy ra trường hợp hầu hết các vị đại diện dân dân cử chỉ giới thiệu cho một liên danh ứng cử viên.

« Như vậy, người công dân khác, muốn ứng cử, khó hội đủ điều kiện cần thiết... »/

Saigon, ngày 3 tháng 7 năm 1971

LS. LÊ-VĂN-ĐÌNH

(Ấn ký)

## B.— Ý KIẾN CỦA LUẬT SƯ THÁI THỊ NHƯ NGỌC LƯỢC DẪN DỰ KIẾN :

Ngày 23-06-1971, Tổng Thống V.N.C.H. ban hành Luật số 009/71 (đính vào CB VNCH ngày 23-6-1971) ấn định thể thức bầu cử và ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống V.N.C.H. nhiệm kỳ 1971-1975.

Trong luật này có điều 10 khoản 7 buộc rằng các ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống phải được sự giới thiệu ít nhất của 40 Dân biểu, Nghị sĩ hay 100 Nghị viên Hội Đồng Tỉnh và Thị Xã.

Quá trình sự hình thành Luật số 009/71 như sau :

1/— Hạ Viện VNCH khởi sự thảo luận về dự luật vào ngày 22-12-1970, biểu quyết chấp thuận toàn văn dự thảo luật vào ngày 28-12-1970.

2/— Thượng Viện VNCH trong phiên họp ngày 18 và 19-3-1971 đã thảo luận chấp thuận dự thảo luật của Hạ Viện, nhưng đã bác bỏ điều 10 khoản 7 bằng với 32 thăm bác trên 14 thăm thuận.

3/— Hạ Viện VNCH phúc nghị quan điểm của Thượng Viện, trong phiên họp ngày 3-9-1971, giữ lại điều 10 khoản 7.

### ĐIỀU 10 KHOẢN 7 HỢP HIẾN HAY VI HIẾN

1/— Trước hết cần nhắc lại quan điểm nhà lập hiến năm 1967 về vấn đề liên hệ. Dự Tổng Thống, Phó Tổng Thống « phải được sự giới thiệu của 10 Dân biểu hay Nghị sĩ, hoặc của một chính đảng »; điều khoản này nhằm hạn chế số ứng cử viên, ngõ hầu tránh sự Tổng Thống đặc cử.

Nhưng khi điều 52 khoản 5 được đem ra thảo luận và biểu quyết, Quốc Hội Lập Hiến đã bác bỏ khoản 5 này « để cho được dễ dãi trong công việc ứng cử », với 69/101 phiếu (biên bản QHVN) phiên họp ngày 18-02-1967. CB. VNCH. 05-01-1968 trang 51) Điều 52 dự thảo Hiến pháp trở thành điều 53 Hiến Pháp VNCH 1-4-1967.

2/— Điều 10 khoản luật số 009/71 bỏ buộc thể thức giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

Quan điểm của nhà làm luật tại Quốc Hội cũng như của các luật gia về vấn đề Điều 10 khoản 7 hợp hiến hay vi hiến đã tỏ ra rất chia xẻ.

Vì thế giờ eo hẹp chúng tôi rất tiếc không thể bày tỏ chi tiết ý kiến của chúng tôi về vấn đề liên hệ. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ xin tóm tắt trình bày những nhận xét của chúng tôi về vấn đề, trên phương diện pháp lý.

a/— Điều 2 khoản 1 Hiến Pháp nói rõ « các quyền căn bản của công dân được Quốc Gia công nhận và bảo đảm.

— Nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân được Hiến Pháp công nhận ghi rõ nơi Điều 2 khoản 2.

— Tinh thần dân chủ ghi nơi Điều 13 đã nói đến quyền của công dân mà đoạn 2 nói rõ : « Mọi công dân đều có quyền bầu cử, ứng cử và tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng »

— Các điều 2 và 13 Hiến pháp còn được bỏ tức bởi điều 29 theo đó « mọi sự hạn chế các quyền công dân căn bản phải được qui định bởi một đạo luật có ấn định rõ phạm vi áp dụng trong thời gian và không gian. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, tánh cách thiết yếu của các quyền công dân căn bản vẫn không được vi phạm ».

— Điều 52 Hiến pháp qui định một cuộc đầu phiếu trực tiếp và kín ».

b) Do đó : — nếu bỏ buộc ứng cử viên Tổng thống, Phó Tổng thống phải có được sự giới thiệu của một số Dân biểu, Nghị sĩ, Nghị viên tức đã vi phạm đến nguyên tắc bình đẳng giữa các công dân được Hiến pháp công nhận nơi điều 2 khoản 2. đồng thời vi phạm quyền của công dân được Hiến pháp công nhận như đã ghi rõ nơi điều 13 đoạn 2, điều 2 khoản 1, vì đã trước đoạt quyền ứng cử của những công dân không kiếm được tức số Dân biểu, Nghị sĩ, Nghị viên giới thiệu và như vậy mặt khác ảnh hưởng trực tiếp vi phạm đến quyền bầu cử của toàn dân.

Nếu chấp nhận thể thức giới thiệu ứng cử viên tức là đã vượt quá sự hạn chế quyền công dân mà điều 29 Hiến pháp ban cho nhà lập pháp. Vì điều này đã định rõ trong mọi trường hợp tánh cách thiết yếu của các quyền công dân căn bản (trong đó có quyền ứng cử, quyền bầu cử) vẫn không được vi phạm.

Nếu chấp nhận cho các Dân biểu, Nghị sĩ, Nghị viên quyền đặc biệt được giới thiệu ứng cử viên Tổng thống, Phó Tổng thống trước khi quốc dân đi bầu, tức chấp nhận một lối đầu phiếu lưỡng cấp mà điều 52 Hiến pháp đã minh thị bác bỏ.

Thiết nghĩ không thể giải thích đúng đắn rằng thể thức giới thiệu ứng cử viên Tổng thống và Phó Tổng thống là một trong « những điều kiện khác » được nói nơi điều 53 Hiến pháp vì nhà lập pháp có quyền làm luật nhưng không thể định trái với điều 52 Hiến pháp.

Ngoài ra cũng không thể quan niệm rằng một đạo luật do Quốc Hội Lập Pháp biểu quyết lại có thể đi ngược lại quan điểm của nhà lập hiến, vì như đã trình bày ở trên, vấn đề buộc phải có sự giới thiệu các ứng cử viên Tổng thống, Phó Tổng thống đã bị các nhà lập hiến bác bỏ.

Trong cấp hệ pháp lý, Hiến pháp là bản văn luật pháp tối thượng, các đạo luật kế tiếp phải tuân theo đúng ý chỉ của nhà lập hiến.

Về phương diện pháp lý, chúng tôi thiết nghĩ rằng điều 10 khoản 7 đã vi phạm các điều khoản nói trên của Hiến pháp 1967.

THÁI THỊ NHƯ NGỌC

Salgon, ngày 7-7-1971



## V. — Ý KIẾN BÊN HẠ VIỆC ĐIỀU 10 KHOẢN 7

### A. — Ý KIẾN CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN VĂN BÔNG

#### 1/— ĐIỀU 10 KHOẢN 7 KHÔNG VI PHẠM ĐIỀU 2 ĐOẠN 2 ĐIỀU 13 ĐOẠN 2 VÀ ĐIỀU 53 CỦA HIẾN PHÁP.

a/ Nguyên tắc bình đẳng của công dân — trên phương diện ứng cử và bầu cử — thật ra phải được giải thích và thông hiểu trong viễn ảnh quyền lợi của công dân và quyền lợi của quốc gia dân tộc.

Điều 10 khoản 7 không cấm đoán ai ứng cử, vì bất cứ công dân nào có đủ điều kiện luật định đều có quyền ứng cử. Nếu quả quyết rằng giới thiệu là hạn chế quyền ứng cử thì điều kiện buộc ứng cử viên Tổng Thống đóng một số tiền ký quỹ khá lớn là một sự hạn chế và sự hạn chế này còn tai hại hơn nữa.

b/ Vấn đề căn bản đối với cử tri không phải là quyền lựa chọn tuyệt đối giữa một số đông ứng cử viên. Chọn lựa giữa những ứng cử viên — như là vị lãnh đạo quốc gia — không bầu. Quyền bầu cử chỉ có ý nghĩa và nền dân chủ chỉ nhận diện được nếu những người đặc cử có ý thức trách nhiệm, có uy tín chính trị đối với cử tri và cuộc bỏ phiếu diễn ra trong những điều kiện tự do.

c/ Điều 53 không ghi điều kiện giới thiệu. Thêm vào tức là vi hiến? Thật ra, Hiến Pháp thể thức ứng cử và bầu cử Tổng Thống. Người ta không tìm thấy đâu trong Hiến Pháp điều bất hạo không quyền ứng cử, hay nói đến tỷ lệ số phiếu phải có, nếu không bởi thường cho ngân sách quốc gia v.v...

d/ Nguyên tắc giới thiệu không có hậu quả làm cho cuộc bầu cử trở thành lưỡng cấp. Nếu đúng như vậy, thì ở cấp thứ nhất, ai bầu, cử tri đoàn nào, tổ chức ra sao và số phiếu như thế nào? Điều 10 Khoản 7 chỉ là một điều kiện và người dân vẫn trực tiếp bầu Tổng Thống là cử tri đệ nhị cấp, thì trên nguyên tắc, chính những người giới thiệu này mà thôi phải trực tiếp bầu lên Tổng Thống, còn cử tri toàn quốc chỉ có nhiệm vụ duy nhất là bầu lên những người giới thiệu.

Ngoài những luận cứ nêu trên, vấn đề căn bản, còn lại là nguyên tắc giới thiệu có đi ngược lại tinh thần của Hiến Pháp và ý chí của nhà lập hiến hay không?

#### II/ ĐIỀU 10 KHOẢN 7 KHÔNG VI PHẠM TINH THẦN CỦA HIẾN PHÁP VÀ Ý CHÍ CỦA NHÀ LẬP HIẾN NĂM 1967. QUAN NIỆM CỦA NHÀ LẬP HIẾN.

Trong phiên họp ngày 18-2-1967 để thảo luận và biểu quyết Điều 52 vấn đề giới thiệu đã được đặt ra. Dự thảo Điều 52 nguyên văn như sau :

“Có quyền ứng cử Tổng Thống hoặc Phó Tổng Thống những công dân hội đủ các điều kiện như sau :

1. Có Việt-tịch từ khi mới sinh và liên-tục cư ngụ trên lãnh thổ Việt-Nam ít nhất 10 năm tính đến ngày bầu cử. Thời gian công cán và lưu vong chính trị tại ngoại quốc được kể như cư ngụ tại nước nhà.

2. Đủ 35 tuổi tính đến ngày bầu cử.

3. Ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch.

4. Được hưởng các quyền công dân.

5. Được sự giới thiệu của 10 Dân biểu hay Nghị sĩ hoặc của một chính đảng

Quốc Hội Lập Hiến đã thảo luận rất nhiều và lần lượt thông qua 4 điều khoản. Nhưng khi thuyết trình viên đề nghị thảo luận khoản 5 : "Được sự giới thiệu của 10 Dân-Biểu hay Nghị-Sĩ hoặc của một chính đảng, thì dân biểu Bùi-Văn-Giải lên diễn đàn và tuyên bố :

"Hôm trước, trong khoản đề cập đến vấn đề quân nhân tại ngũ không sinh hoạt chính trị đảng phái, chúng ta đã biểu quyết điều đó ; vì thế hôm nay chúng tôi kính yêu cầu Quốc-Hội bỏ khoản 5 này để cho được đề dãi trong công việc bầu cử"

Rồi Ông Chủ Tịch :

"Bây giờ vì nào đồng ý đề khởi phải thảo luận dài dòng, xin đưa tay lên" : 69 vị chấp thuận. Tất nhiên khoản 5 được bãi bỏ ( Công Báo Việt Nam Cộng Hòa, Ấn Bản Quốc Hội ngày 5-1-1968, trang 51 ).

Điều mà Dân-Biểu Bùi-Văn-Giải nêu lên là Điều 22 khi Quốc-Hội thảo luận về việc quân nhân sinh hoạt đảng phái, tham chánh hay đặc cử vào chức vụ dân cử. Tuy nhiên điều cần nhấn mạnh là Quốc-Hội trong khi bàn về những lợi hại của việc quân-nhân tham-gia chính trị dưới nhiều hình thức, chỉ nêu lên vấn đề giới thiệu một cách thoáng qua chứ không biểu-quyết chống hay thuận nguyên tắc giới thiệu.

Tóm lại, khi thảo luận nội dung của bản Hiến-Pháp, Quốc-Hội Lập-Hiến đã 5 lần đề cập đến vấn đề. Nhưng không một lần nào Quốc-Hội thảo luận cận kề. Lần thứ nhất mãi say sưa với việc quân nhân và sinh hoạt chính trị, hoàn toàn không muốn thảo-luận. Tóm lại không lần nào nguyên tắc giới thiệu được bàn cãi cận kề và sự bác bỏ giới thiệu chỉ là hậu quả của ý chỉ duy trì cho bằng được điều khoản cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái.

Nhưng vấn đề lại được đặt ra với tất cả tầm quan trọng của nó khi Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm, thảo luận và biểu quyết dự luật bầu cử Tổng Thống cho nhiệm kỳ thứ nhất của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

### QUAN ĐIỂM CỦA QUỐC HỘI LƯU NHIỆM VỀ ĐIỀU KIỆN ỨNG CỬ TỔNG THỐNG.

Trong phiên họp ngày 2-5-1967 thuyết trình viên Bành Ngọc Quý trình bày điều kiện ứng cử Tổng Thống chiếu theo điều 10 như sau :

1. Có quốc tịch từ khi mới sinh.

2. Cư ngụ liên tục trên lãnh thổ Việt Nam ít nhất 10 năm tính đến ngày bầu cử.

Thời gian công cán và lưu vong chính trị tại ngoại quốc được kể như thời gian cư ngụ tại nước nhà.

3. Đủ 35 tuổi tính đến ngày bầu cử.

4. Được hưởng các quyền công dân.

5. Ở trong tình trạng hợp lệ quân dịch, và tư cách qui định ở điều 11.

6. Không bị liệt vào những trường hợp vô tư cách qui định ở điều 10.

Sau khi trình bày xong, thuyết trình viên xin Ông Chủ Tịch cho biểu quyết điều 10.

Liên sau đó, Dân Biểu Đặng Văn Sung lên diễn đàn và phát biểu :

"Chúng tôi thấy có hai điều :

1. Với điều kiện ứng cử dễ dàng như trong điều 10 thì phải đi đến việc bỏ phiếu hai vòng, như vậy Tổng Thống tương lai mới có đủ đa số phiếu để đứng đầu ngành Hành

tối cao pháp viện



Pháp. Nhưng mà hai vòng bỏ phiếu là một sự nguy hiểm cho tình trạng an ninh của gia hiện giờ.

2. Chúng tôi nghĩ rằng Quốc Hội nên đưa ra một điều khoản để có thể khuyếch các liên danh kết hợp với nhau mà đưa ra một số liên danh ít và đủ tính cách bảo đảm đứng dân thì hơn.

Chúng tôi xin đưa ra một tu chính án :

Vì tình trạng chúng ta ở đây không có chính đảng như ở Mỹ để làm một việc tuyên lựa đầu tiên cho các liên danh, chúng tôi xin đưa ra tu chính án là mỗi liên danh, ứng cử viên phải được sự giới thiệu của tối thiểu là 1/4 tổng số Dân Biểu, hoặc 1/4 tổng số các Nhân Viên Hội Đồng Dân Cử của Tỉnh, Thị Xã.  
(Công Báo Việt Nam Cộng Hòa ngày 22-12-1968, trang 719).

Tu chính án này trở thành Khoản 7 Điều 10. Đây là một sự trùng hợp lý thú. Vì chính khoản 7 Điều 10 đang gây sôi nổi trong dư luận và cũng cùng một tác giả : Bác sĩ Đặng Văn Sung.

Ý kiến của Bác sĩ Đặng Văn Sung đã được nhiều Dân Biểu tán thành. Ví dụ Dân Biểu Lý Quý Chung :

« Chúng tôi rất đồng ý về điều kiện ứng cử mà ban đồng viện Đặng Văn Sung vừa nêu... Do đó, chúng tôi thấy sự giới hạn của ban Đặng Văn Sung đưa ra là giới hạn hợp lý hơn, vì giới hạn đó căn cứ vào điều kiện tạo cho ứng cử viên ngay ở khởi điểm có căn bản nhân dân, và ngay ở khởi điểm ít nhất ứng cử viên cũng được bảo đảm với quần chúng rằng họ được thêm số đại diện dân cử tín nhiệm họ ».

Khía cạnh vi hiến hay không cũng đã được nêu ra. Hãy nghe Dân Biểu Nguyễn Văn Hồi :

« Có nhiều người hỏi việc giới thiệu của Quốc Hội hay là việc Hội Đồng Tỉnh có phần hiến hay không ? Tôi xin nêu lên điều 13 đoạn 2 Hiến Pháp : « Mọi công dân đều có quyền bầu cử và ứng cử, tham gia công vụ trên căn bản bình đẳng theo điều kiện và thể thức luật định ». Và tôi cũng xin nêu lên điều 54 là : Một đạo luật sẽ qui định thể thức ấn định và bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

« Tôi thấy sự giới thiệu của Quốc Hội hay là Hội Đồng Tỉnh không có ngăn cản quyền người công dân bầu cử và ứng cử bao giờ.

Người công dân ra ứng cử Tổng Thống ít nữa có một hậu thuẫn nào, cũng có dân chúng ủng hộ mới được, không lẽ chúng ta chấp nhận một người ra ứng cử để xài công quỹ ? Tôi bao giờ ».

Vấn đề đã được thảo luận sôi nổi và cuối cùng khi Ông Chủ Tịch xin biểu quyết về nguyên tắc coi ở điều 10 còn thêm vào khoản 7 nói về sự giới thiệu của Dân Biểu hay Hội đồng ngày 22-2-1968 trang 726)

Nguyên tắc giới thiệu đã được Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm chấp thuận. Vấn đề còn lại là bàn về tỷ lệ các Dân biểu hay Hội Đồng Dân Cử giới thiệu và hình thức giới thiệu. Các số 15, 20, 30 v.v... Và cuối cùng Quốc Hội chấp thuận, với 48 phiếu, thêm khoản 7 và điều 10 nguyên văn như sau :

« Được giới thiệu ít nhất của 30 vị đại diện dân cử » (Dân Biểu, Nghị viên Hội Đồng, Đô Thành, Tỉnh hay Thị Xã) mỗi đại diện dân cử chỉ có quyền giới thiệu một liên danh ».

## VẤN ĐỀ LẠI ĐƯỢC ĐẶT RA MỘT LẦN NỮA :

Sau khi đã thảo luận và biểu quyết xong từng điều khoản. Quốc Hội lại họp để tổng duyệt và chung quyết dự luật bầu cử Tổng Thống. Và trong phiên họp ngày 12 và 13 tháng 5/1967, vấn đề giới thiệu lại được đem lên bàn mở một lần nữa.

Mặc dù đã chấp thuận trên nguyên tắc, một số dân biểu đã ký tên vào một kiến nghị yêu cầu hủy bỏ Điều 10 Khoản 7, và cuộc thảo luận lại bắt đầu. Những ý kiến chống đối như : liên danh ứng cử phải vắng cuộc từ người giới thiệu ; những người giới thiệu sẽ rất e sợ và dè dặt, dù có thành tâm chăng nữa cũng vẫn bị mang tiếng là ăn tiền của liên danh này, liên danh khác. Quốc Hội chúng ta làm bản Hiến Pháp, làm luật bầu cử, rồi đã thấu nhận đơn ứng cử, tuyên bố kết quả... làm nhiều việc như vậy bây giờ lại nhận trách nhiệm giới thiệu e rằng có nhiều nghi ngờ trong dư luận...

Tóm lại, chống đối tấn công mạnh và được sự yểm trợ bên ngoài bởi sự hiện diện của một số khán giả vô tay hoan nghênh. Tuy nhiên cuối cùng kiến nghị yêu cầu hủy bỏ khoản 7 Điều 10 đã bị bác bỏ.

Xuyên qua biên bản của Quốc Hội Lập Hiến khi thảo luận về Hiến pháp và biên bản của Quốc Hội Lập Hiến lưu nhiệm khi bàn về luật bầu cử Tổng Thống, người ta phải thành thật nhìn nhận rằng nguyên tắc giới thiệu đã được công nhận. Nếu Quốc Hội Lập Hiến chỉ nêu lên một cách thoáng qua, trái lại Quốc Hội lưu nhiệm đã thảo luận rất nhiều và cuối cùng khi chung quyết dự luật bầu cử Tổng Thống cho năm 1967 đã chấp thuận thêm vào khoản 7 cho điều 10 liên quan đến việc giới thiệu. Và Quốc Hội lưu nhiệm không ai khác hơn là Quốc Hội Lập Hiến ! Quốc Hội lưu nhiệm là chính những vị Dân biểu Lập hiến tự lưu nhiệm để chi tiết hóa một số vấn đề tổng quát đã do chính mình qui định trong Hiến Pháp. Tự lưu nhiệm để thực thi một số điều khoản của bản Hiến Pháp do chính mình đề ra, không lẽ nào những vị Dân Biểu ấy lại phản lại chính mình.

Nhưng tại sao khi đạo luật bầu cử ban hành chúng ta lại không thấy khoản 7 của điều 10 ? Lý do là vì Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu. Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia thời ấy đã yêu cầu Quốc Hội bãi bỏ khoản 7 và khi phúc nghị Quốc Hội đã không đủ túc số để thông.

Điều cần nhấn mạnh là kết quả cuộc biểu quyết phúc nghị như sau : trong số 92 Dân Biểu hiện diện :

- 45 phiếu giữ lại: điều 10 khoản 7
- 39 phiếu hủy bỏ.
- 5 phiếu trắng.
- 2 phiếu bất hợp lệ.

Với kết quả như vậy, có thể nói rằng một lần nữa đa số Quốc Hội chấp thuận nguyên tắc giới thiệu. Nhưng Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia thời ấy, tự ý giải thích điều 45 Hiến Pháp cho rằng Quốc Hội không đủ đa số quá bán để bác bỏ, để loại bỏ khoản 7 điều 10 khi ban hành luật số 1/67 ngày 15-6-1967 ấn định thể thức bầu cử Tổng Thống.

xxX

Tổng kết, với tất cả những luận cứ đã nêu trên, chúng tôi quan niệm rằng điều 10 khoản 7 không trái với nội dung cũng tinh thần của bản Hiến Pháp.

## B. — Ý KIẾN CỦA G. S. NGUYỄN-QUANG-QUYNH

Luật số 009/71 ngày 23-6-1971 tổ chức bầu cử Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa nhiệm kỳ 1971-1975 có điểm đặc sắc là đặt điều kiện đối ứng cử viên phải được sự giới thiệu hoặc của 40 nghị-sĩ, dân biểu hoặc của 100 nghị viên các Hội-Đồng Đô-Thành, Tỉnh, Thị Xã (điều 10 khoản 7)



Do những đơn khởi tố đề ngày 23-6-1971 và 24-6-1971, ba công dân Nguyễn-Trần Cao-Thế-Dung Trần-Công-Quốc thỉnh cầu Tối-Cao Pháp-Viện tuyên phán bất hợp hiến điều 10 khoản 7 của luật bầu cử nói trên.

### NHỮNG LÝ LỄ DO CÁC NGUYÊN ĐƠN VIỆN DẪN :

Các nguyên đơn viện dẫn những lý lẽ sau đây để biện minh cho lời thỉnh cầu tuyên phán bất hợp hiến :

1/— Điều 2 khoản 2 và điều 13 khoản 2 Hiến Pháp chủ trương «sự bình đẳng giữa các công dân» và tuyên nhận «mọi công dân có quyền bầu cử ứng cử trên căn bản bình đẳng». Thề thức đòi ứng cử viên Tổng Thống phải được sự giới thiệu của một số đại diện dân cử đã làm mất sự bình đẳng này nên vi hiến.

2/— Quyền hạn của nghị sĩ và dân biểu đã được qui định rõ trong những điều từ 39 đến 49 Hiến Pháp. Nhưng không có một điều khoản nào cho phép nghị sĩ, dân biểu giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống.

3/— Theo điều 70 Hiến Pháp, các Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị chỉ có nhiệm vụ «điều hành nền hành chính địa phương». Không một điều khoản nào của Hiến Pháp dành cho các Hội đồng ấy thẩm quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

4/— Theo điều 52 khoản 1 Hiến Pháp ; Tổng Thống và Phó Tổng Thống được cử tri toàn quốc bầu lên theo lối «phổ thông đầu phiếu trực tiếp và kín». Đặt ra thề thức giới thiệu, luật bầu cử mới đã bắt các ứng cử viên qua một vòng lựa chọn tiền khởi mà cử tri đoàn là các nghị sĩ, dân biểu hoặc các nghị viên Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị. Như vậy cuộc đầu phiếu sẽ mất tính cách trực tiếp và kín.

5/— Điều 10 khoản 7 của luật bầu cử Tổng Thống ngày 23-6-1971 trái với ý chí của nhà lập hiến 1967 vì xuyên qua cuộc thảo luận của Quốc Hội lập hiến về điều 53 Hiến Pháp bị bác bỏ ngay lúc đầu.

6/— Trong Thông điệp ngày 26-5-1967 gửi Quốc Hội lập hiến, Chủ tịch Ủy Ban Lãnh đạo Quốc gia cũng chống thề thức giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống.

### SỰ HỢP HIẾN CỦA ĐIỀU 10 KHOẢN 7 LUẬT SỐ 009/71

Những lý lẽ do các nguyên đơn viện dẫn xét ra không xác đáng. Thực vậy, thề thức giới thiệu ứng cử viên do điều 10 khoản 7 luật bầu cử Tổng Thống qui định, hợp hiến vì những lẽ sau đây :

1)- Điều kiện phải có 40 nghị sĩ hay dân biểu Quốc hội hoặc 100 nghị viên dân cử giới thiệu mới được ứng cử Tổng Thống, do luật số 009/71 đặt ra, không vi hiến vì chính công dân, và tình trạng quân dịch đã dành cho nhà lập pháp quyền qui định thêm những điều kiện khác trong đạo luật tổ chức bầu cử. Thề thức giới thiệu ứng cử viên chính là một trong những điều kiện khác mà luật bầu cử đặt ra do sự ủy nhiệm của nhà lập hiến. Như vậy hiến pháp 18 quyền cho quốc hội lập pháp bổ túc các điều kiện ứng cử Tổng Thống bằng đạo luật bầu cử. Sự ủy nhiệm của nhà lập hiến trong điều 53 khoản 5 Hiến Pháp thực rõ ràng và không giới hạn.

2)- Người ta viện dẫn những tài liệu dự bị (biên bản cuộc thảo luận về điều 53 Hiến Pháp tại Quốc Hội lập hiến ngày 18-3-1967) để nói rằng nguyên tắc giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống không hợp với ý chí của nhà lập hiến. Nhưng cách lập luận này quá nông cạn nên sai lầm.

Thực ra sự giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống của nghị sĩ, dân biểu hoặc nghị viên các Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị không trái với ý muốn của nhà lập hiến.

Nếu nghiên cứu kỹ lưỡng các cuộc thảo luận và biểu quyết tại Quốc Hội Lập Hiến về nội dung điều 23 khoản 2 và điều 53 Hiến Pháp (xem biên bản số 059/QLH/BB ngày 27-1-1967 C.B.V.N số 10 Q.H ngày 2-5-1967) ai cũng phải thành thực công nhận rằng nguyên tắc đề dân biểu và nghị sĩ giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống chưa được Quốc Hội Lập Hiến thảo luận.

Thực vậy, lúc khởi thủy Ủy Ban thảo hiến có dự liệu trong các điều kiện ứng cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống một khoản 5 nội dung như sau :

« được sự giới thiệu của 10 dân biểu hay nghị sĩ hoặc của một chính đảng ».

Nhưng khi Quốc Hội Lập Hiến mới thảo luận đến điều 22 khoản 2 của bản Dự thảo Hiến Pháp (nay là điều 23 H.P) nói về việc « cấm quân nhân tại ngũ không được sinh hoạt đảng phái » thì dân biểu Bùi văn Giải nêu sự mâu thuẫn giữa điều khoản cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái và điều khoản đòi ứng cử viên Tổng Thống phải được sự giới thiệu của một chính đảng (1) (C.B.V.N số 10 Q.H ngày 2-5-1967 t. 22-23). Vì thế Ông Giải đề nghị giữ điều 22 dự thảo Hiến Pháp : nhưng phải bỏ khoản 5 của điều 52 vì mâu thuẫn. Sau đó cuộc thảo luận tại Quốc Hội Lập Hiến hướng cả vào vấn đề cấm quân nhân sinh hoạt đảng phái (C. B. V. N số 10 Q. H ngày 2-5-1967 từ trang 1100 đến trang 1114).

Khi Quốc Hội Lập Hiến bắt đầu xét đến điều 52 khoản 5 bản dự thảo Hiến Pháp nói về điều kiện ứng cử viên Tổng Thống phải được « sự giới thiệu của 10 nghị sĩ, dân biểu hoặc của một chính đảng » thì chưa thảo luận, « an biểu Giải đã bước lên diễn đàn, yêu cầu Quốc Hội bỏ khoản 5 này » để cho được dễ dãi trong công việc ứng cử » vì Quốc Hội đã cấm quân nhân tại ngũ không được sinh hoạt đảng phái. (Biên bản số 070/QLH/BB ngày 18-2-1967 - VBVN số 1 Q. H ngày 5-1-1968 t. 51).

Sau đó Ông Chủ Tịch lấy biểu quyết ngay « để khỏi phải thảo luận dài dòng » và khoản 5 bị bãi bỏ mà tuyệt nhiên Quốc Hội Lập Hiến không thảo luận một chút nào về nguyên tắc giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống của nghị sĩ và dân biểu.

Như vậy căn cứ vào tài liệu dự bị của Hiến Pháp ta có thể cả quyết rằng Quốc Hội Lập Hiến chỉ bác bỏ thức giới thiệu của chính đảng mà không chống sự giới thiệu của dân biểu và nghị sĩ.

Nguyên tắc đề nghị sĩ và dân biểu giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống là ý chí của nhà lập hiến 1967 mà nó chính là ý chí ấy. Những sự kiện sau đây đã không trái với ý chí của nhà lập hiến 1967 mà nó chính là ý chí ấy. Những sự kiện sau đây đã chứng minh điều này :

Nguyên do, theo điều 109 Hiến Pháp ngày 1-4-1967, trong thời gian chuyển tiếp Quốc Hội Lập Hiến dân cử ngày 11-9-1968 được lưu nhiệm với quyền lập pháp để soạn thảo và chung quyết đạo luật bầu cử Tổng Thống nhiệm kỳ 1967 - 71.

Vậy mà chính Quốc Hội lưu nhiệm này với thành phần nguyên vẹn của Quốc Hội Lập Hiến cũ đã soạn thảo và chung quyết một dự luật tổ chức bầu cử Tổng Thống trong đó có điều 10 khoản 7 nội dung như sau : « Được sự giới thiệu ít nhất của 30 vị đại diện dân cử ( dân biểu, nghị viên Hội Đồng Đô Thành, Tỉnh hay Thị xã ), mỗi đại diện dân cử chỉ có quyền giới thiệu một liên danh » (Biên bản số 011/QH/BB ngày 2-5-1967. C.B.V.N số 10 Q.H ngày 22-2-1968 trang 786).

Sở dĩ về sau khoản 7 này bị xóa bỏ trong điều 10 của đạo luật bầu cử Tổng Thống (luật số 1/67 ngày 15-6-1967) vì Hành Pháp (lúc đó là Ủy. Ban Lãnh Đạo Quốc Gia) khi ban hành đã thấy rằng sự giới thiệu của một chính đảng là một điều kiện quá khó khăn đối với một quân nhân muốn ra ứng cử Tổng Thống vì lúc tại ngũ quân nhân không được sinh hoạt đảng phái thì kiểm dẫu ra chính đảng giới thiệu.

(1) Ý muốn nói rằng sự giới thiệu của một chính đảng là một điều kiện quá khó khăn đối với một quân nhân muốn ra ứng cử Tổng Thống vì lúc tại ngũ quân nhân không được sinh hoạt đảng phái thì kiểm dẫu ra chính đảng giới thiệu.



hành luật này đã tự tay bỏ khoản 7 ấy, cho rằng Quốc Hội chung quyết không đủ sức để bác lời yêu cầu phúc nghị của Hành Pháp trong Thông Điện ngày 26-5-1967.

Ở đây ta chẳng cần đi nghị hành vi này của Hành Pháp. Riêng một mình sự kiện khoản 7 điều 10 được Quốc Hội lưu nhiệm biểu quyết chấp thuận đủ chứng tỏ rằng nguyên tắc đề số đại diện dân cử giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống phù hợp với ý chí của nhà lập hiến vì Quốc Hội lưu nhiệm chính là Quốc Hội Lập Hiến cũ.

3.- Về ý kiến của vị Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia trong Thông Điện ngày 26-5-1967, thiết tưởng ta chẳng cần bàn đến trong hiện vụ vì đủ thuần túy nghiệp với điều 10 khoản 7, nó cũng chỉ nói lên quan điểm của cơ quan Hành Pháp mà không phản ánh được tinh thần Hiến Pháp hay ý chí của nhà lập hiến.

4.- Người ta cũng chỉ trích luật bầu cử số 009/71 là đã gây ra sự bất bình đẳng giữa các ứng cử viên và như vậy là trái với điều 13 khoản 2 Hiến Pháp. Nhưng thực ra lý lẽ này không xác đáng: về phương diện khách quan sự bình đẳng pháp lý vẫn nguyên vẹn vì điều có chỉ là kết luận của một nhận xét chủ quan. Tính cách chính yếu của luật là phải khách không riêng gì lãnh vực chính trị, làm sao mà luật pháp tránh được hết những bất bình đẳng thực tế. Điều cần thiết đối với nhà lập pháp là luật phải tôn trọng sự bình đẳng pháp lý, mà trong trường hợp của đạo luật bầu cử Tổng Thống số 009/71, chẳng ai có thể dị nghị được điều này.

5.- Người ta còn lập luận là Hiến Pháp không có điều khoản nào cho phép các nghị sĩ và dân biểu Quốc Hội, cũng như các Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị được giới thiệu ứng cử đặt ra không hợp hiến.

Thực ra cách lập luận này sai lầm. Trước hết, theo thể thức giới thiệu do luật bầu cử mới quy định, các nghị sĩ và dân biểu Quốc Hội cũng như các nghị viên Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị sẽ đứng tên giới thiệu với tư cách cá nhân, chứ không đại diện cơ quan mà làm. Như vậy đặt ra vấn đề thẩm quyền của hai viện lập pháp và của các Hội Đồng Đô, Tỉnh, Thị trong việc giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống là trật. Ngoài ra, với tư cách cá nhân các dân biểu, nghị sĩ hay nghị viên đều có quyền giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống nếu có điều luật minh thị quyền ấy (điều 10 khoản 7 luật số 009/71). Nếu Hiến Pháp không cho phép thì luật cho phép đủ rồi, và điều luật này không vi hiến về Hiến pháp không có điều khoản nào cấm đoán.

6.- Thể thức giới thiệu ứng cử viên do luật bầu cử Tổng Thống 1971 qui định không làm mất tính cách trực tiếp và kín của cuộc bầu cử. Thực vậy, giới thiệu chỉ là đề cử, chưa cấp nên không làm mất tính cách trực tiếp của cuộc phổ thông đầu phiếu nói ở điều 52 khoản 1 Hiến Pháp. Một mặt khác, tuy với thủ tục giới thiệu của dân biểu, nghị sĩ hay nghị viên dân cử, người ta có thể đoán trước được lá phiếu của những vị này (vì giới thiệu ứng cử viên nào tất nhiên sẽ bỏ phiếu cho người ấy) nhưng thể thức này vẫn không làm mất tính cách kín đáo của cuộc bầu cử vì luật bầu cử không bắt buộc công bố danh tánh những người giới thiệu. Danh tánh những vị này sẽ được Tối Cao Pháp Viện giữ mật khi lập danh sách những ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống.

7.- Thể thức giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống không phải là sáng kiến của nhà lập pháp Việt Nam. Ta đã thấy tiền lệ tại một quốc gia dân chủ tây phương là nước Pháp. Đạo luật ngày 6-11-1962, sửa đổi chỉ dụ ngày 7-11-1958 về tổ chức bầu cử Tổng Thống Pháp Quốc đã qui định như sau: "danh sách những ứng cử viên Tổng Thống do Hội Đồng bảo hiến lập, chiếu theo những đơn giới thiệu hoặc cá nhân hoặc tập thể của ít nhất 100 công dân là

dân biểu quốc hội hoặc hội viên Hội Đồng Kinh Tế và Xã Hội hoặc hội viên Hội Đồng hàng tỉnh hay Thị Trường dân cử. Tên họ và tư cách của những công dân giới thiệu ứng cử viên không được công bố. (Maurice Duverger. Constitutions et Documents politiques. Edition 1966 p. 101).

Nếu ta dự nghị, rằng thể thức giới thiệu ứng cử viên Tổng Thống thiếu dân chủ, trái với nguyên tắc bình đẳng giữa công dân, vi phạm nguyên tắc phân quyền thì tại sao nước Pháp một quốc gia dân chủ tự do theo một chính thể tương tự như của Việt Nam Cộng Hòa ngày nay, đã chấp thuận nguyên tắc giới thiệu từ lâu mà không bị dị nghị.

Thực ra nguyên tắc này chỉ là một kỹ thuật bầu cử để tránh nạn "lam phát, ứng cử viên, ngô hầu gia tăng số phiếu cho liên danh về nhất, nâng cao uy tín của vị Tổng Thống đắc cử và tăng uy thế của quốc gia. Chẳng những không vi hiến, thể thức giới thiệu còn đáp ứng đúng nhu cầu chính trị hiện tại của Quốc Gia.

## C.— Ý KIẾN CỦA ÔNG LÝ BÌNH-HUỆ

### 1.— VỀ ĐƠN KHỞI TỐ CỦA ÔNG TRẦN CÔNG QUỐC

Nguyên đơn yêu cầu Tối Cao Pháp Viện tuyên phán bất hợp hiến điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ngày 23-6-1975 ấn định thể thức bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống nhiệm kỳ 1971- 1975

#### Đơn khởi tố căn cứ trên 2 lý do sẽ được lần lượt xét như sau :

#### A.— VI PHẠM ĐIỀU 52 KHOẢN 1 HIẾN PHÁP.

Nguyên đơn trình rằng theo điều thường dân Tổng Thống và Phó Tổng Thống được cử tri toàn quốc bầu lên theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp; nay điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 bắt buộc các Liên danh ứng cử TT và Phó TT phải có sự giới thiệu của hoặc 40 Nghị Sĩ Dân biểu, hoặc 100 Nghị viên đô, tỉnh thị, như vậy hiển nhiên bắt buộc các ứng cử viên TT và Phó TT phải qua 1 vòng lựa chọn trước, còn cử tri thường không thể trực tiếp bầu TT và hoặc các Nghị Viên Hội Đồng đô tỉnh thị, đã được lựa chọn trước; điều khoản bị chỉ trích còn hạn chế quyền ứng cử của công dân mà điều 13 khoản 2 Hiến pháp đã minh định là được xữ dụng "trên căn bản, bình đẳng" để biện minh cho lập luận trên, nguyên đơn có trích nội 1 đoạn trong thông điệp số 3/LBQG ngày 26-5-97 của Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia gọi Chủ Tịch Quốc Hội Lập Hiến 1967.

Bởi nguyên đơn còn có dịp đề cập đến vấn đề này nơi đoạn 2 sau đây, nên giá trị pháp lý của toàn văn kiện sẽ được xét nơi đoạn ấy.

Một câu văn nếu bị cắt làm hai, mỗi phần có thể có một nghĩa khác nhau. Điều 52 thường dân phải đọc chung với điều 53 Hiến Pháp, vì điều trước nói về cách bầu cử còn điều sau nói về người có thể được bầu cử, và nghĩa chung là : cử tri toàn quốc, theo lối phổ thông đầu phiếu trực tiếp (điều 52) sẽ bầu TT và Phó TT giữa những công dân hội đủ những điều kiện kể nơi điều 53 và các điều kiện khác sẽ được dự liệu trong đạo luật bầu cử TT và Phó TT (điều 53, đoạn 5).

Nói cách khác, ứng cử viên phải có đủ điều kiện của điều 53 kể cả đoạn 5, rồi mới có thể được bầu theo điều 52, nghĩa là thực hành điều 52 hay 13 khoản 2 được là khi nào điều 53 đã thi hành xong; ba điều phải đi chung, không thể tách rời.

Xin nhấn mạnh : chỉ có thể thi hành điều 52 hay 13 khoản 2 được là khi nào điều 53 đã thi hành xong; ba điều phải đi chung, không thể tách rời.

Như vậy không có vi phạm điều 52 khoản 1 hoặc điều 13 khoản 2 Hiến Pháp như nguyên đơn chủ trương.



## B. VI PHẠM TINH THẦN HIẾN PHÁP VÀ Ý CHÍ NHÀ LẬP HIẾN 1967.

Nguyên đơn trình rằng ý chí của nhà lập hiến 1967 vô cùng rõ rệt, không thể nói rằng Hiến Pháp đã dành lại cho một đạo luật dự liệu những điều kiện cho các ứng cử viên T.T và Phó T.T ngoài các điều kiện liệt kê tại điều 53; và để chứng minh, nguyên đơn nêu lên ý kiến ghi trong một biên bản của Quốc Hội Lập Hiến, và ý kiến riêng của Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia.

Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia lúc bấy giờ là đương kim T.T NGUYỄN VĂN THIỆU.

Ý kiến cá nhân của nhân vật này không có giá trị pháp lý trước Tối Cao Pháp Viện; còn nếu cho đó là ý kiến của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia, thời chiếu nguyên tắc phân quyền, lời tuyên bố của một cơ quan hành pháp không ảnh hưởng đến quyền giải thích luật pháp của cơ quan tư pháp được (1).

Đó không phải là trường hợp của nội vụ; ở đây không có điểm nghi ngờ nào cả. Dù sao một biên như trên chỉ có một giá trị chỉ dẫn, chứ không ràng buộc thẩm phán xử án dặng (2).

Với quan niệm này, nên đọc biên bản nêu trên. Thất lúc Quốc Hội Lập Hiến thảo luận cũng có nêu vấn đề giới thiệu ứng cử viên T.T hay Phó TT như sau: "được" sự giới thiệu của 40 Dân Biểu hay Nghị sĩ của một chính đảng.

Ô. BUI VĂN GIẢI yêu cầu Quốc Hội bỏ khoản 5 này để cho được dễ dãi trong công việc ứng cử (B.b trang 46).

Xin nhấn mạnh là diễn giả xin bỏ khoản giới thiệu nhằm mục đích duy nhất "để cho được dễ dãi trong công việc ứng cử" mà thôi, chứ không có vi lễ vi phạm điều nào của Hiến Pháp cả.

Và lời yêu cầu trên được chấp thuận.

Về sau (B.b trang 5a), Quốc Hội mới biểu quyết chấp thuận rằng: "một đạo luật sẽ qui định thể thức và điều kiện ứng cử và bầu cử TT và Phó TT".

**KẾT LUẬN:** Điều 10 khoản 7 Luật số 009/71 ấn định thể thức bầu cử TT và Phó TT nhiệm kỳ 1971 — 1975 xét ra không vi hiến.

## VỀ ĐƠN KHƠI TỐ CỦA ÔNG NGUYỄN TRẦN

(Xin xem Phúc trình về đơn khởi tố của đương sự TRẦN CÔNG QUỐC trước).

Nguyên đơn NGUYỄN TRẦN nêu lên 7 điểm sau này:

### A/ VI PHẠM Đ. 2 KH 2 HIẾN PHÁP.

Không có vi phạm: các công dân được hoàn toàn bình đẳng miễn tuân theo đ. 53 đoạn 5 Hiến Pháp.

### B/ VI PHẠM Đ. 13 KH 2 HIẾN PHÁP

Xin xem trả lời nơi phúc trình về đơn khởi tố TRẦN CÔNG QUỐC.

### C/ VI PHẠM CÁC ĐIỀU 39 TỚI 49 HIẾN PHÁP.

Các điều ghi trên không có cấm Nghị Sĩ, Dân biểu giới thiệu.

Nguyên tắc: không cấm là làm được.

### D/ VI PHẠM Đ. 70 HIẾN PHÁP

Cũng như trên: không cấm là làm được.

### Đ/ KHÔNG HỢP LÝ

Không thể nói vậy, vì hợp pháp.

### B/ VI PHẠM TINH THẦN RỘNG RÃI CỦA HIẾN PHÁP.

Đó chỉ là ý kiến riêng của 1 cá nhân. (Xin xem Phúc trình về TRẦN CÔNG QUỐC).

### G/ XÂM PHẠM QUYỀN LỢI CÁ NHÂN CỦA ĐƯƠNG SỰ.

Nếu đúng luật thì ai ai cũng phải tuân chịu đủ phải bị thiệt thòi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA NGUYỄN MẠNH CÔN

Đây là một hồ sơ quan trọng, cho nên người đọc có thể có ý kiến về nhiều vấn đề.

*Trước hết, về phán quyết của Tối Cao Pháp Viện, một cách giản dị, người ta phải công nhận TCPV không làm gì hơn được là xác nhận tính chất hợp hiến của điều 10 khoản 7. Như ông Lý Bình Huệ, nhà luật học lão thành, đã viết, khi hiến pháp không minh thị cấm đoán, thì bất cứ điều kiện nào được quốc hội đưa ra cũng hợp hiến cả. — và lại, với đa số rất lớn của Hạ nghị viện hôm phúc nghị điều khoản này, Hạ nghị viện có thể sửa đổi được cả hiến pháp.*

*Thứ hai, về đơn kiện, người đọc nhận thấy có những người, như ông Nguyễn Trần, quả thật đã đề nhiều công phu, tâm trí vào nội vụ, và quả thật có một lập trường minh bạch trước khi thưa KIỆN.*

*Thứ ba, giữa 3 vấn kiện chính thức bên vực điều 10 khoản 7, người đọc nhận thấy, nhất là trong tờ biên minh của Hành pháp, nhiều đoạn kéo dài, đưa ra nhiều chi tiết (mà sau đó ông Trần nói là không xác thực) có tác dụng làm cho vụ kiện trở nên rối rắm, cùng nhiều đoạn trích luật nước Pháp một cách không thật sự cần thiết.*

*Thứ tư, người đọc nhận thấy trong số các nhà luật học được TCPV hỏi ý kiến, có nhiều vị đã trình bày quan điểm một cách giản dị, sáng tỏ. Đặc biệt nhất là cụ Lý Bình Huệ: viết rất ngắn nhưng lại rất dễ hiểu. Tôi nghĩ rằng Hạ nghị viện và Hành pháp, thay vì theo đuổi những cuộc tranh luận dài dòng mà không thuyết phục được ai (trong dân chúng), chỉ cần xin phép công bố quan điểm của cụ Lý Bình Huệ là đủ.*

xxx

*Về « ý kiến khác biệt » của ông Thẩm phán TCPV Trần Minh Tiết, người đọc nhận thấy, ngoài những ý kiến đã được nêu ra nhiều lần, ông Tiết có đặt câu hỏi đại ý : « tại sao có thể biết 1 nghị sĩ hay dân biểu có giá trị hơn 99 nghị viên, khi một nhân vật có thể được giới thiệu bởi 39 nghị sĩ, dân biểu, với 99 nghị viên, mà vẫn không trúng cách để được ứng cử ? » Ông Tiết cũng còn có một vài nhận định có tính chất toán học như thế. Người dân thường mới đọc, thấy ông hoàn toàn có lý, nhưng đọc kỹ thì thấy, với kinh nghiệm trong ngành tư pháp của ông, ông Tiết thừa biết không có đạo luật nào thoát được sự « hồi vận » theo kiểu : « tại sao người làm công đánh cắp ít tiền của chủ thì được xử án nhẹ, mà đánh cắp được nhiều thì bị xử nặng, mặc dù không có gì bảo chứng với luật pháp rằng kẻ ăn cắp ít tiền, nếu gặp hoàn cảnh, sẽ không lấy nhiều hơn ? »*

*Hoặc về tuổi tác, « lấy có gì để bắt buộc phải có đủ 35 tuổi mới được ứng cử. Một thanh niên tài giỏi, mới 34 tuổi 11 tháng, há chẳng đáng ứng cử vào chức vụ quốc trưởng hơn một cụ già 70 ốm yếu, hao mòn, hay sao ? » (Người ta nhận thấy, từ ít lâu nay, tuổi thiếu niên có nhiều em thông minh rất sớm, và tỏ ra chín chắn rất sớm).*

*Hoặc về quốc tịch, « lấy có gì để xác nhận rằng (ví dụ thế) một Yersin hay Parteur, ở Việt Nam hàng chục năm, thương yêu và quý trọng dân tộc Việt rất mực, lại không xứng*

*tối cao pháp viện*



đáng ứng cử vào chức vụ quốc trưởng Việt, hơn một tên triệu phú chuyên nghề mở bar và buôn hàng lậu, và đi về ngoại quốc nhiều đến nỗi cộng các chuyến đi, hẳn đã ở ngoại quốc 8 tháng trong một năm ?»

Về ý kiến giới hạn ứng cử viên đề được người dân cử nhiều phiếu và có uy tín hơn, tôi xin nhắc Tổng Thống Thiệu chỉ được 1 phần 5 tổng số cử tri, mà vẫn làm được việc như thường.

Mấy liên danh Trần văn Hương, Phạm Huy Cơ v.v... là những liên danh được rất ít phiếu, nhưng sự tham gia của họ lại rất có lợi chung của chế độ, và cụ Hương chẳng sút mẻ chút uy tín nào.

Tôi cho rằng (một cách lý thuyết) cuộc bầu cử tổng thống nên được quan niệm như sau :

- 1— Ứng cử tự do, từ tuổi trưởng thành, trừ phi có án tù nhục hình.
- 2— Không có tiền vận động ; nhưng ai muốn vay có thể được vay không lãi bằng bảo đảm bất động sản, dù đắc cử hay không cũng phải trả.
- 3— Ai được dưới 5 phần trăm số phiếu bầu phải bồi thường tiền in phiếu cho chính phủ. Ai được dưới 1 phần nghìn sẽ bị coi như phạm tội phi báng dân tộc và phải phạt 3 năm tù ở, hoặc phải đền tổng số tiền chi tiêu của Nhà Nước cho cuộc tuyển cử.

Về điều kiện giới thiệu, tôi nghĩ rằng :

Thứ nhất, chính Tổng thống Thiệu đã kêu gọi đối phương về dự cuộc bầu cử, tuy không nói rõ là bầu cử gì. Nhưng vì dụ có lãnh tụ GPMN về ứng cử tổng thống, tất nhiên quốc hội sẽ được vận động để làm một đạo luật không đòi hỏi sự giới thiệu — trừ phi nhân vật đó có sẵn người giới thiệu đã chờ sẵn rồi.

Thứ hai, bất cứ ai có kinh nghiệm về Cộng sản cũng nói rằng trong khi chiến tranh còn tiếp diễn, thì một chính quyền dân chủ chống Cộng phải thi hành một kỷ luật thật chặt chẽ ngay khi chiến tranh dần dần chấm dứt, thì kỷ luật phải lập tức được nới rộng. Bao nhiêu cấm đoán thời chiến phải chấm dứt, nhất là cấm theo Cộng sản. Vì bất cứ sự cấm đoán nào trong thời bình cũng làm cho dân chúng phẫn nộ ; và càng có nhiều người vào tù vì họ, đảng Cộng sản càng được phổ trương « tinh thần kiên quyết chống độc tài, quân phiệt » — lẽ dĩ nhiên nói một vài đám rối loạn do bọn côn đồ gây ra thật không có gì đáng kể.

Thứ ba và sau cùng, quan trọng nhất là sự giới hạn quyền ứng cử. Đó hiển nhiên là một việc không nên làm, không được làm dù cho ở một nơi nào đó có sự giới hạn tương tự. Căn cứ vào sự bãi bỏ lần trước, rõ rệt sự giới hạn lần này có tác dụng chèn ép Phó Tổng Thống Kỳ, mà sự vận động dân chúng trong một thời gian ngắn thường rất có hiệu quả.

Kết luận : được cái may đây chỉ là luật 4 năm làm lại một lần. Quốc hội trong nhiệm kỳ tới sẽ làm đạo luật bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống khác.

N.M.C.

Hiện giờ, mọi gia đình  
Việt Nam đều dùng

**bột giặt**



Nhãn-hiệu **NÚI TUYẾT**

một sản-phẩm kỹ-nghệ Việt-Nam

**Có đủ các chất giặt tẩy tân-kỹ:**

**ALKYBENZÈNE SULFONATE** : Sinh bọt để lôi cuốn các chất dơ bẩn ra  
với nước giặt!

**TRIPOLYPHOSPHATE** : Làm tan ion kim loại của đất bùn !

**MÉTASILICATE** : Làm tan dầu mỡ mạnh nhất !

**SILICATE và CARBOXYLMÉTHYL CELLULOSE** : Bảo vệ da tay, máy  
giặt, và giữ cho bụi bẩn lơ lửng trong nước giặt !

**PERBORATE** : Sinh dưỡng khí để tẩy nhiều vết dơ !

**AGENT OPTIQUE** : Hỗ cho áo quần trắng thêm trắng, màu thêm tươi !

**Bột Giặt**  
**«NET»**

**Không thua kém hàng ngoại quốc**

Phẩm-chất **BẢO-ĐẢM** — Do Chuyên viên và Kỹ-Sư Hóa-Học  
Việt-Nam Sản xuất tại một nhà máy tối tân :

**Việt-Nam Tân-Hóa-Phẩm Cty**

**VĂN PHÒNG** : 38, Nguyễn - Trãi — SAIGON — Đ.T. : 38.247

**NHÀ MÁY** : Khu Kỹ nghệ Long - Bình — BIÊN - HÒA



LÊ HƯƠNG (1)

## nghĩ trong tháng

### Nạn ăn cấp trí thông minh

Sau thế chiến thứ hai, thanh niên, sinh viên các quốc gia ở Á-Đông ÷-ạt sang Âu-Mỹ du học. Nước nào cũng dành được một nền độc lập nên tự do cho các mầm non xuất ngoại thu thái tinh hoa của người hầu trở về phục vụ xứ sở. Lê cố nhiên nhóm bạn trẻ này phải cố gắng học hành vì một đảng do Chính phủ tài trợ một đảng do cha mẹ chu cấp, rất ít có kẻ ăn chơi sa đọa như một vài bậc tiền bối dưới thời Pháp thuộc.

Nhưng đại đa số phần tử ưu tú của dân tộc có bồi hương giúp ích đồng bào như mọi người mong muốn hay không? Đó là tình trạng chung cho tất cả các nước gọi là nhược tiểu, là kém mở mang là chậm tiến như Thái-Lan, Phi-Luật-Tân, Đại-Hàn, Cao-Miên, Việt-Nam v.v..

Sự kiện sinh viên ra đi không hạn ngày về ấy đã làm cho Chính-phủ Hoàng-gia Thái-Lan hết hoảng và bức tức khi kiểm điểm thấy hơn 200 Bác-sĩ tốt nghiệp ở Mỹ không chịu về nước lại vào phục vụ trong các bệnh viện ở Hoa-Kỳ. Phát ngôn viên Ngoại giao tuyên bố rằng người Mỹ làm như thế là « ăn cấp trí thông minh » (voleur d'intelligence) của nhân loại; người ta mang nặng nề đau, nuôi đến lớn, cấp tiền du học thành tài rồi thì hết lấy mà dùng.

Ngay ở Autriche (Áo) cũng không tránh khỏi tai họa ấy. Người Áo xuất thân ở ba trường Đại học tại Vienne thích làm việc với người Đức hơn quê hương. Lý do : cách nhau 100 cây số mà đồng lương nhiều gấp ba.

Đứng hàng đầu là nước Việt Nam, nơi sản xuất một số nhân tài đã làm ngạc nhiên nhiều quốc gia tân tiến. Đại khái như một vị Bác sĩ quê ở Quảng-Bình được kể là người đứng hạng nhì ở Pháp về môn giải phẫu óc, sau ông thầy dạy mình học. Hiện thời vị Bác sĩ số một về hưu, người kế vị là ông Việt Nam vừa làm việc vừa dạy học. Hiện thời vị Bác sĩ Hòa Lan... Một sinh viên ở Grenoble đậu ba bằng cử nhân Toán, Triết, Văn chương mà chưa

(1) Tổng sự tại phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn Hóa

chịu thôi lại trình thêm một luận án về Toán nữa khiến ban Giám khảo bối rối không biết phải giải quyết thế nào. Chấm đầu thì không biết phải phê làm sao, vì không ai dám sửa, và lại trong quy chế Giáo dục không có trò nào được 2 chứng chỉ về một môn. Ty học chánh ở Tỉnh bèn trình hồ sơ về Bộ ở Paris. Bộ cũng không dám giải quyết phải đệ lên Tổng thống De Gaulle. Vị lãnh tụ chỉ thị ban một huy chương vàng cho sinh viên xuất sắc ấy. Lễ khen thưởng được tổ chức long trọng ở Grenoble mà lúc ấy hình như Tòa Lãnh sự Việt Nam ở Pháp mù tịt về chuyện này. Một nhạc sĩ ở Huế sang Paris từ 1954 chuyên môn nghe những tiếng động khác lạ trong thính phòng thâu âm các buổi hòa tấu nhạc, các phim trường, có thể biết nguyên do phát ra những tiếng ấy vì như từ một bộ phận của cái máy thu hình bị long đĩnh ắc! Ông này nổi tiếng khắp quốc tế thường được mời điều chỉnh các thính phòng ở Âu-Châu và Mỹ-Châu. Nhắc đến âm nhạc, ai cũng biết ông Trần Văn Khê anh của quái kiệt Trần Văn Trạch. Phục vụ ở viện Quốc gia âm nhạc Pháp quốc, chuyên dạy học trò xử dụng tất cả nhạc khí ở Á đông. Những bài thuyết trình của ông đã thu hút hầu hết giới mộ âm nhạc ở Âu châu. Một vị khác có biệt tài sửa tiếng đàn đánh sai trong cuộn băng nhựa đã thâu cả bản nhạc đại hòa tấu, tránh được sự tổn kém nếu bắt buộc phải thâu lại. Trong ngành khoa học mới nhất là nguyên tử lực, người Việt chiếm rất nhiều địa vị quan trọng ở Hoa Kỳ và Pháp. Có người « được » chánh phủ Pháp giữ luôn suốt đời không cho về nước vì sợ mất, khó tìm người thay thế.

Chỉ thấy một ít nhân vật như thế, ta thử đoán xem còn bao nhiêu người tài giỏi nữa, nếu liệt kê đầy đủ tiểu sử kèm hình ảnh phải in thành một cuốn sách hàng 500 trang. Đó là những tuổi trẻ tuổi, mới ra đời, còn mấy bậc tiền bối như cụ Hoàng Xuân Hãn, Phạm Duy Khiêm thì chính người Pháp còn bái phục tôn làm thầy.

Trong giới sinh viên, có thể nói đại đa số đều ở vào hạng giỏi nhất so với các nước Á đông và vượt hẳn cả dân Pháp. Nhân dịp công cán ở Paris, một viên chức Việt Nam hỏi một vị Giáo sư Đại học về tình trạng học hành của sinh viên Việt thì Giáo sư đáp rằng :

— Tôi chỉ vẫn tất một câu thôi : ở lớp nào có sinh viên Việt thì các cậu ấy luôn luôn đứng nhất, bọn trẻ chúng tôi chịu thua.

Nhưng tại sao các bậc nhân tài không về nước phục vụ dân tộc ? Ngoài một ít người vòng bôn cưới vợ Pháp, nhập Pháp tịch, có kẻ không muốn về vì sợ giặc già, sợ đi lính ! Có người đã về làm việc một thời gian rồi lại khăn gói ra đi như một ông Kỹ sư Canh Nông quê ở Gò Dầu Hạ. Ông này và một người bạn là hai sinh viên Việt Nam đầu tiên về từ thời Pháp thuộc học ngành Canh Nông vì trước kia ai cũng thích học Luật, Y Khoa, Kỹ sư Cầu Cống. Khi ra trường, Chánh phủ Đế Nhật Cộng Hòa mời về tổ chức khu Dinh điền ở Đồng Tháp và Cao Nguyên. Chỉ vì nạn bè phái, tham nhũng, ganh tị, chen ép ở công sở mà ông kia chán nản đất vợ con qua Pháp giúp Ủy Hội Quốc Tế ở Phi Châu !

Tuy nhiên, nguyên do đáng kể nhất là hiểm họa « ăn cắp trí thông minh » của Mỹ và Pháp. Các xí nghiệp ở Hoa Kỳ cho người sang Âu châu dò hỏi lý lịch những sinh viên nổi trội theo dõi và chờ khi ra trường thì mời hợp tác ngay với một số lương tự nhiên là kẻch xù ! Có lần sinh viên Việt ở Nantes tổ chức buổi hội thảo về chính trị quy tụ nhiều